làng văn

95
Tháng 7.92

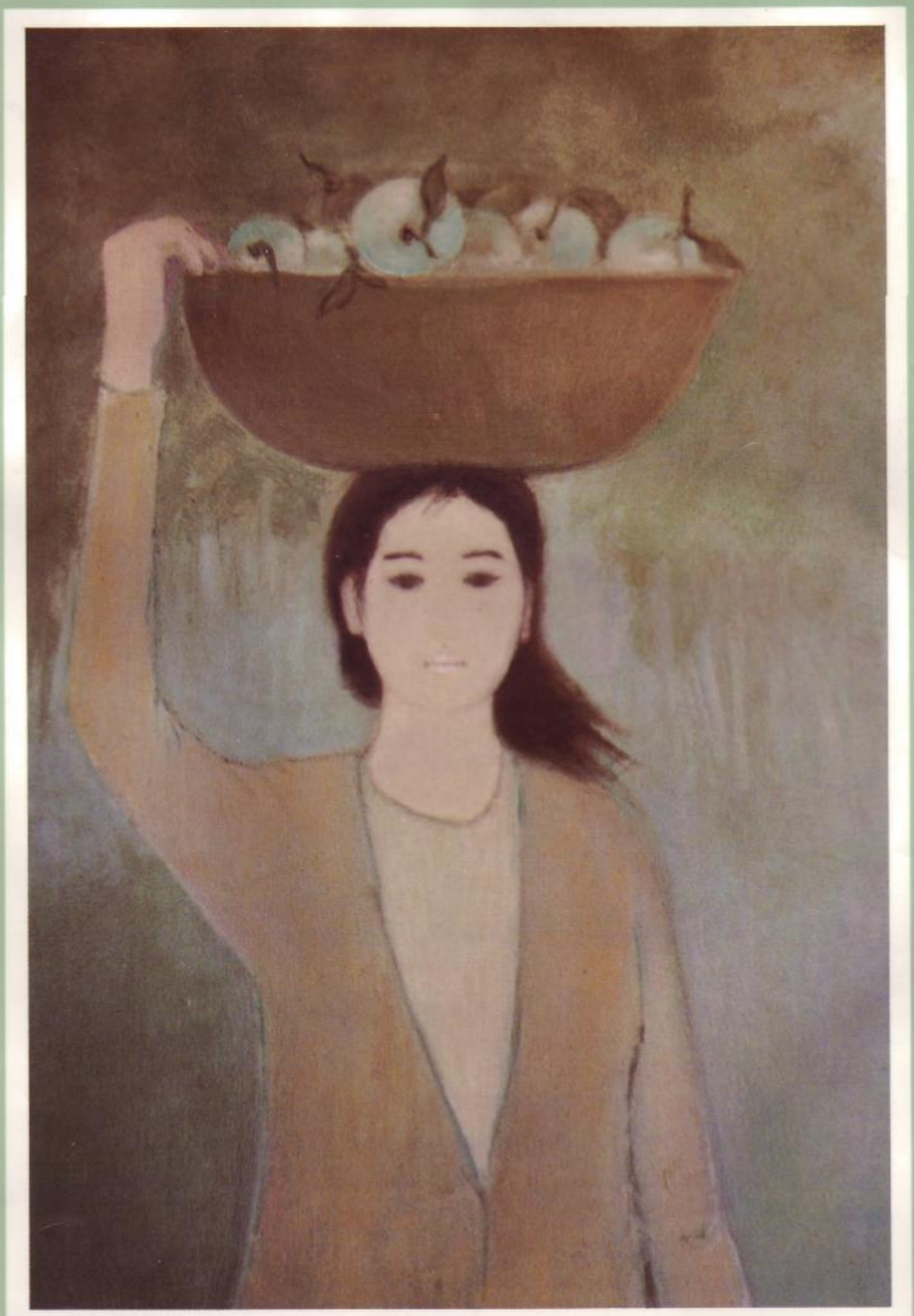

Đã phát-hành khắp nơi:

Tập thơ thứ hai của Bá Dĩnh và Thuỷ Trang

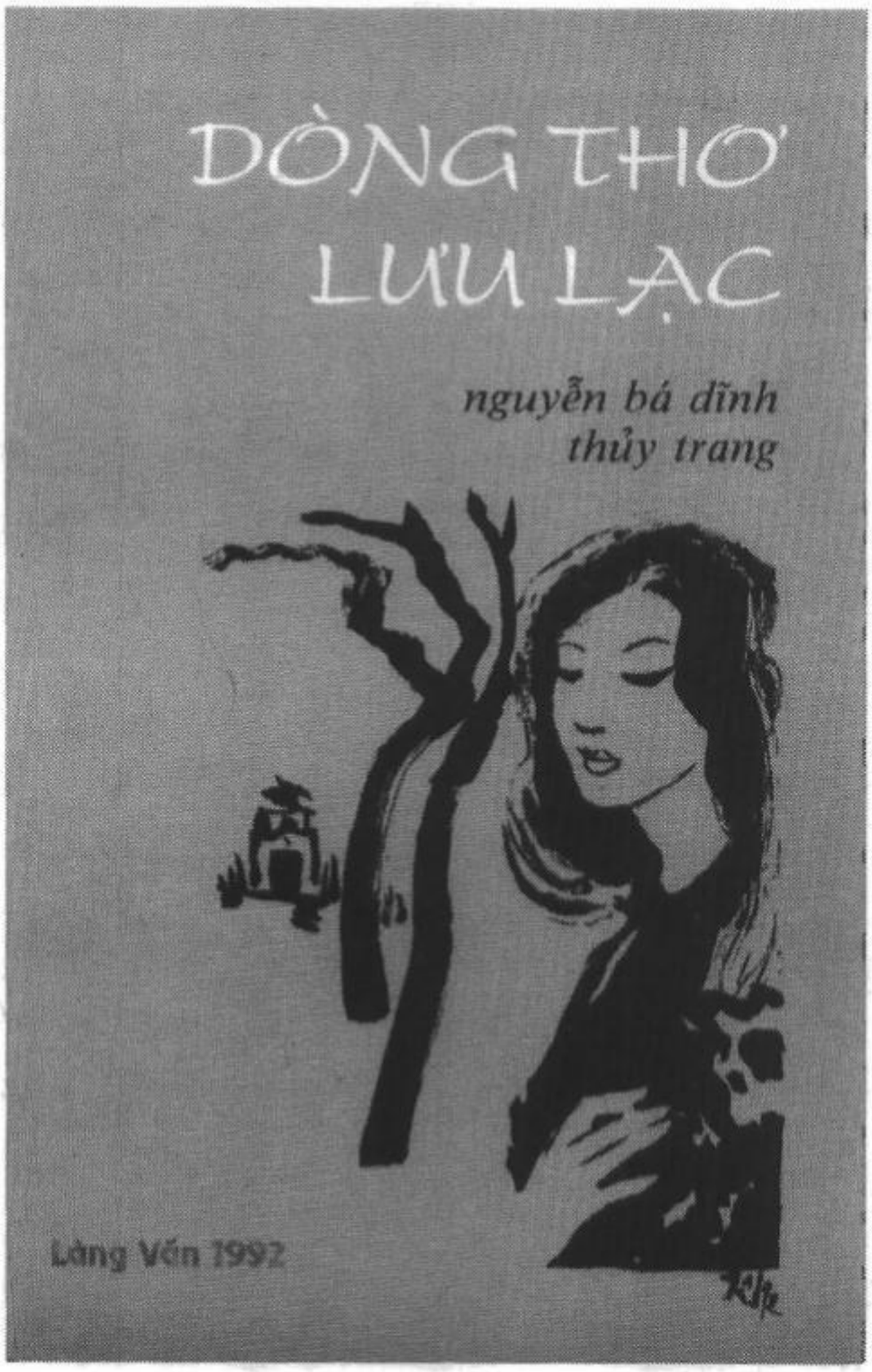

Giá 8 mỹ-kim (10 gia-kim)
Liên-lạc:

LÀNG VĂN
P.O. Box 310, Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9, Canada

làng văn

P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont., M6M 5B9, Canada
Tel. (416) 249-4195 / Fax: (416) 240-0342

Published 12 times a year
Second Class Mail Reg. No 8040
ISSN: 0832-1922 — LDN: 310578.

Volume 8 — No 95 — July 1992
(Canadian Edition: June 10, 1992)

TRONG SỐ NÀY:

Tin vắn 2
Tin Việt-nam 3
Trong làng 4
Chiến-dịch "Hoa hồng xám" 5
Văn Bút VN/Ontario tiếp-đón chiến-sĩ Võ Đại Tôn 6
Công-bố của chiến-sĩ Võ Đại Tôn 7
Cựu tướng Nguyễn Cao Kỳ kêu-gọi Hoa-kỳ 8
Ngoài ngõ 9
Tin tị-nạn 10
Khát-vọng người dân Việt và tập bạch-thư của ông Võ Đại Tôn *Nguyễn Hữu Nghĩa* 12
Phân-tích tập Bạch-thư của Lực-lượng quân dân yểm-trợ phục-quốc, *Nguyễn Ngọc Ngạn* 15
Tạo dựng băng hình con rối, *Lương Thế Nam* 24
Kết-quả Giải Văn-học Nghệ-thuật Làng Văn 1991-1992 30
Mẹ con, *Nguyễn Văn* 32
Bóng mát, *Trần Ca-Dao* 38
Tình đồng-chí, *Nguyễn Minh Khánh* 49
Bên lề một chuyến đi, *Nguyễn Thị Vinh* 55
Thơ Nguyễn Huy Phước 59
500 năm khám-phá Mỹ-châu, *Nguyễn Ngọc Ngạn* 61
Thơ Hoàng Việt Thi 63
Thơ Nguyễn Hải Hà 66
Thơ Phan Thịnh 69
Thơ Kha Huyền 70
Phà chiều, *Nguyễn Nguyên Dũng* 71
Thơ Hoàng Chính 73
Thơ Minh Tuấn 74
Thơ Cao Hoàng Nhân, Hồ Ông 75
Tàu đêm, Đoàn Tam 76
Thơ Nguyễn Bá Dĩnh 78
Thơ Bồng 80
Bài tình cho Paris, *nhạc Vũ Thái Hòa* 81
Xếp Al Capone, *Lê Xuân Nhị* 82
Thơ Thủy Trang 84
Thơ Khiết Minh 85
Thơ Quỳnh Viên 87
Ngọc sáng trong hoa sen, *Nguyên Phong* 90
Thơ Kim Phượng 93
Thơ Lê Thao Chuyên 94
Chân-quang, *Tự Tình* 96
Thơ Trần Mộng Tú, Nguyễn Văn Ngọc 98
Thơ Trần Vấn Lệ 99
Bản cáo-trạng Tây-tạng, *Hoàng Lan* 101
Thơ Tuệ Nga 103
Độc-giả thắc-mắc 107
Diễn-đàn 109
Điểm sách 113
Thư đi tin lại 115

Tranh bìa: sơn dầu của Thái Tuấn

Chủ-nhiệm: Nguyên Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyên Nghĩa

Ban biên-tập:
Bạch Thái Hà—Bút Chì—Cao Tiêu—Cung Vũ
Diệu Tần—Dương Thượng Ngã—Đan Quế
Đào Trường Phúc—Đào Huy Đán—Đỗ Khánh Hoan
Hà Huyền Chi—Hoàng Chính—Hoàng Du Thụy
Lãng Nhân—Lâm Hảo Dũng—Lê Văn Lân
Ngô Nguyên Dũng—Nguyên Phong
Nguyễn Đức Bạt Ngàn—Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Ngọc Ngạn—Phạm Quang Ngọc—Phạm Thăng
Tự Tình—Thái Văn Kiểm—Trường Sơn Lê Xuân Nhị
Tuệ Nga—Trần Thiện Hiệp—Trần Văn Tích—Võ Đình

Cộng-tác:
Bắc Phong—Bảo Chấn—Cao Bình Minh—Cao Xuân Lý
Cao Xuân Tử—Đặng Thị Quế Phượng—Đoàn Tam
Đỗ Quý Toàn—Đông Nghi—Hàn Song Tường
Huỳnh Liễu Ngạn—Hoài Châu—Kha Huyền
Mai Kim Ngọc—Ngọc Hân—Ngọc Khôi—Như Chi
Ngô Du Trung—Nguyễn Bá Dĩnh—Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng—Nguyễn Quốc Trụ—Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà—Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân—Nguyễn Việt—Nguyễn Tư
Nguyễn Trung Tâm—Nguyễn Thị Vinh
Nguyễn Hữu Nhật—Phạm Hoàng Hộ
Quỳ Hương—Phùng Nhân—Thái Tú Hạp
Thủy Trang—Tô Kiều Phương—Trần Mộng Tú
Trần Quang Hải—Trần Vấn Lệ
Trịnh Gia Mỹ—Vân Nương—Võ Phiến

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân
Góp tranh:
Babui—Nguyên Khai—Nguyễn Đồng—Nguyễn Tăng
Nguyễn Thị Hợp—Nguyễn Tường Quý—Phạm Thế Trung
Thái Tuấn—Vẹt—Vi Vi—Võ Đình—Vũ Thái Hòa

Nhiếp-ảnh:
Lê Quang Xuân—Cung Vũ

- *Văn-phòng đại-diện tại Âu-châu: Bạch Thái Hà*
  Anh: Hoài Châu *Pháp: Bạch Thái Hảo*
  Đức: Ngô Việt Dũng *Hòa-lan: Hồ Thị Chiến*
  Na-uy: Dương Kim
- *Văn-phòng đại-diện tại Á-châu: Đỗ Thông Minh*
- *Văn-phòng đại-diện tại Úc-châu: Phạm Quang Ngọc*
- *Đại-diện tại Hoa-kỳ:*
  Nguyễn Ngọc Thanh (Texas) Linh Phương (Florida)
  Nguyễn Hùng (Bắc Cali) Võ Thắng Tiết (Nam Cali)

GIÁ BÁO BÁN LẺ
Gia-nã-đại & Hoa-kỳ: $4 — Pháp: 30 quan
Anh: 2 bảng — Đức: 8 đức mã
Hòa-lan: 8 gulden — Đan-mạch: 25 krone
Úc: 8 úc-kim — Nhật: 600 yen

Giá báo dài hạn và giá biểu quảng-cáo: trang 118

tin vắn

THỦ-TƯỚNG THÁI-LAN SUCHINDA TỪ-CHỨC

Gần nửa triệu thanh-niên, sinh-viên và thường dân Thái-lan đã biểu-tình bạo-động tại thủ-đô Vọng-các trong tháng 5 vừa qua, đòi-hỏi thủ-tướng Suchinda Krapayoon từ-chức. Báo-chí và các đảng phái chính-trị cũng lên tiếng kêu-gọi ông Suchinda trao trả chính-quyền chính-phủ dân-cử hợp hiến.

Tướng Suchinda Kraprayoon là người đã lật-đổ chính-phủ dân-sự Chatichai Choonhavan và cướp chính-quyền hồi tháng 2.1991 trước đây. Bị ông Chamlong Srimuang, đô-trưởng Vọng-các, tố-cáo lạm-dụng quân-đội cho tham-vọng cá-nhân, Suchinda đã bắt giam ông Chamlong, tạo thành làn sóng công-phẫn trong dân-chúng.

Thay vì nhượng bộ, Suchinda đã ra lệnh cho quân-đội đàn-áp đẫm máu cuộc tranh-đấu của dân-chúng. Theo con số mới nhất, gần 200 thường dân Thái đã thiệt mạng và hơn 1000 người bị thương trong các vụ xô-xát với cảnh-sát dã-chiến và quân-đội.

Quốc vương Thái đã cho triệu tướng Suchinda và ông Chamlong vào hoàng-cung, dạy chấm-dứt các vụ hỗn-loạn, yêu-cầu Suchinda từ-chức và ân-xá cho ông tướng làm loạn này. Sau đó, tướng Suchinda tuyên-bố từ-chức, trả chính-quyền lại cho Quốc-hội, chuẩn-bị lưu-vong.

BÃO MƯA ĐÁ TẠI HOA-LỤC

Một trận bão mưa đá kéo dài suốt 6 ngày vào đầu tháng 5, đã giết chết 36 người tại Tứ-xuyên và Hồ-nam (Hoa-lục), 1700 người bị thương và 1,5 triệu người không nơi trú-ngụ, thiệt-hại vật-chất lên tới 500 triệu nhân-dân-tệ.

Trận bão mưa đá đã đổ xuống 108 thành-phố và quận-lỵ, với những hòn nước đá to như những quả chanh, cộng với mực nước mưa lên cao tới 7,5 phân.

LIÊN-HIỆP-QUỐC TRỪNG-PHẠT NAM-TƯ

Sau khi Slovenia và Croatia giành được độc-lập từ Nam-tư, tiểu-quốc Bosnia-Hercegovina đã đứng lên đòi lại chủ-quyền.

Quân-đội Nam-tư, gồm lực-lượng của hai tiểu-quốc còn lại trong liên-bang là Serbia và Montenegro đã dùng phi pháo và hỏa-tiễn oanh-kích dữ-dội thủ-đô Sarajevo của Bosnia-Hercegovina hôm 28.5, bất-chấp sự can-thiệp của các lực-lượng bảo-vệ hòa-bình Liên-hiệp-quốc.

Hôm 30.5, Hội-đồng Bảo-an đã bỏ phiếu 13-0 đồng-ý trừng-phạt kinh-tế Nam-tư để chấm-dứt cuộc tắm máu đã giết chết hơn 2200 thường-dân Bosnia, gieo thảm-họa cho 1,3 triệu người khác. Trung Cộng (quốc-gia đồng-minh của Nam-tư) và Zimbabwe né tránh bỏ phiếu bằng cách vắng mặt.

Thi-hành lệnh trừng-phạt này, TT Hoa-kỳ đã ra lệnh phong-tỏa trương-mục và tài-sản trị giá 214 triệu mỹ-kim của Nam-tư tại Hoa-kỳ. Gia-nã-đại cũng niêm-phong tài-sản của Nam-tư tại Gia-nã-đại. Các nước trên thế-giới sẽ ngưng mua dầu thô của Nam-tư và hủy-bỏ các đường bay ra vào quốc-gia này.

Liên-bang Nam-tư được thành-lập từ 4.12.1918, sau khi Thế-chiến thứ I chấm-dứt, gồm 6 tiểu-quốc là Bosnia-Hercegovina, Croatia, Macedonia, Montenegro, Serbia và Slovenia cùng 2 tỉnh tự-trị là Kosovo và Vojvodina; thủ-đô đặt tại Belgrade; ba ngôn-ngữ chính-thức là Serbo-Croatian, Slovene và Macedonian.

Các tiểu-quốc đã tách ra, tuyên-bố độc-lập là:

- Slovenia (2 triệu dân, 20.250 cây số vuông, thủ-đô Ljubjana).
- Croatia (4,8 triệu dân, 56.500 cây số vuông, thủ-đô Zagreb).

Hai tiểu-bang đang tranh-đấu giành độc-lập là:

- Bosnia-Hercegovina (4,4 triệu dân, 51.100 cây số vuông, thủ-đô Sarajevo).
- Macedonia (2 triệu dân, 10.000 cây số vuông, thủ-đô Skopje).

TRANH-CHẤP HẢI-PHẬN ĐÁNH CÁ GIỮA PHÁP VÀ GIA-NÃ-ĐẠI

Hai nước Gia-nã-đại và Pháp đã lôi nhau ra trước tòa án quốc-tế tại Nữu-ước để nhờ phân-xử về hải-phận đánh cá.

Pháp có chủ-quyền trên hai hòn đảo nhỏ St. Pierre và Miquelon, chỉ cách bờ biển tỉnh-bang New Foudland có 12 hải-lý, trong khi theo luật hải-phận, lãnh hải Gia-nã-đại rộng tới 200 hải-lý tính từ bãi biển ra khơi. Theo luật này, trọn hai hòn đảo của Pháp đều nằm sâu trong hải-phận Gia-nã-đại. Hàng năm 8000 người Pháp trên hai đảo nhỏ đã ra khơi đánh bắt tới 26.000 tấn cá, khiến các ngư dân New Foundland bất bình.

Hiện tòa đang vẽ lại ranh giới đánh cá cho hai nước.

tin việt-nam

VIỆN BẢO-TÀNG QUANG-TRUNG "XUỐNG CẤP"

Vài năm sau ngày chiếm được miền Nam, CS Hà-nội cho thành-lập viện bảo-tàng Quang-Trung để ve-vuốt dân-chúng miền Nam, đề-cao những người anh-hùng áo vải (giai-cấp nông-dân).

Viện này gồm một khu đất rộng 6 mẫu tây, bao quanh nền nhà cũ của ba anh em Tây-sơn ở thôn Kiên-mỹ, nay là thị-trấn Phú-phong, huyện Tây-sơn (Bình-định). Hàng năm, Nhà nước vẫn tổ-chức rầm-rộ hội Đống-đa mồng 5 Tết. Nhưng từ 1991 trở đi, vì đang ve-vuốt lấy lòng Trung-Cộng để xin viện-trợ, Hà-nội không dám tổ-chức hội Đống-đa gợi lại chuyện vua Quang Trung đại phá quân Thanh nữa. Và cũng từ đó, viện bảo-tàng Quang Trung dần dần lâm vào cảnh hoang-tàn.

Báo *Lao-động chủ-nhật* ngày 19.4 cho biết, vài tuần trước đó, 10 tấm tôn lợp trên nóc điện thờ vua Quang Trung bị trộm giở đi mất, rồi cả gian phòng cũng bị dọn sạch. Viện bảo-tàng có 200 hiện vật trưng bày cũng mất-mát dần. Tấn màn nhung ở tiền sảnh bị cắt trộm mất 2/3 diện-tích, trị giá 4, 5 triệu đồng. Phần còn lại, cán-bộ bảo-quản cắt chia cho "anh em" làm... quai nón. Hai tai đồng của chiếc độc lư giữa điện cũng bị "thỉnh" mất. Hai viên ngọc phục-chế của nhà vua ban cho tướng Phan Huy Đạo cũng biến mất.

Không riêng gì vật-dụng của viện bảo-tàng bị trộm cắp, ngay cả bất động sản của nơi thờ phượng này cũng bị chiếm dụng. Đường vào sân viện bị biến thành sân phơi, đập lúa, khiến di-tích tôn-nghiêm của vị hoàng-đế anh-hùng này trông giống như một cái hợp-tác-xã nông-nghiệp, chỉ thiếu cảnh gà vịt quang quác đuổi nhau.

Bài báo tiết-lộ, dân-chúng toàn huyện Tây-sơn đã góp nhau được 4 tấn đồng nộp cho Nhà nước để đúc tượng vua Quang Trung. Cho tới nay, viện bảo-tàng đã được 15 tuổi, chưa thấy tượng đâu, mà đồng cũng không còn. Hỏi ra mới biết sở Văn hóa đã tự tiện mang tất cả số đồng bán rẻ cho ve chai. Nội-vụ vỡ-lở, sở này bảo rằng đã dùng tiền ấy mua sỏi lát lối đi trong khuôn-viên. Có lẽ vì Bình-định mưa nhiều, thêm người qua lại không chịu bước nhẹ chân nên sỏi đá lún mất xuống đất sâu, không còn sót lại được mấy viên, khiến dân-chúng cứ đem lòng thắc-mắc.

Tình-hình các viện bảo-tàng khác trong nước hiện nay cũng *xuống cấp* (sa-sút) chẳng kém gì viện Quang Trung. Cổ-vật xuất-khẩu ngày càng nhiều, và tiền bạc chui vào túi con buôn và cán-bộ Nhà nước. Cứ đà này, chỉ trong vòng vài ba năm nữa, giang-sơn gấm-vóc Việt-nam sẽ chỉ còn trơ lại những cánh đồng khô, bao nhiêu di-vật của tiền-nhân chỉ còn được nhắc lại qua lời truyền khẩu dân-gian mà thôi.

GỬI THỈNH NGUYỆN THƯ: 12 NĂM TÙ

Hôm 14.5, CSVN đã kêu án luật-sư Đoàn Thanh Liêm 12 năm tù về tội gửi một bức thỉnh-nguyện-thư cho đức Tổng Giám-mục giáo-phận Sài-gòn, thỉnh-cầu giới lãnh-đạo Công-giáo có thái-độ thích-ứng với nhà cầm Quyền Hà-nội.

Ngoài ra, trong phiên tòa cùng ngày, VC xử nhà thơ Nguyễn Trí 8 năm tù về tội làm thơ nói xấu chế-độ. Ông Nguyễn Trí đã bị bắt từ cuối năm 1975. Trước khi thụ án 8 năm tù, ông đã bị giam 17 năm, tới nay mới mang ra xét xử.

BẦU CỬ "QUỐC HỘI"

CSVN đang chuẩn-bị cho bầu-cử Quốc-hội vào tháng 9 sắp tới, theo lịch-trình như sau:

- *8.5: ấn-định số-lượng ứng-cử-viên cho mỗi đơn-vị.* Khác với những cuộc đầu phiếu tại các nước tự-do, ngoài số đại-biểu được bầu, CSVN còn ấn-định cả số ứng-cử-viên. Thường thì số ứng-cử-viên chỉ cao hơn số đại-biểu được bầu một chút. Thí-dụ, đơn-vị A bầu 8 đại-biểu, số ứng-cử viên thường được ấn định là 9 hay 10 người; dân-chúng chọn trong số 9 hay 10 người này, bầu ra 8 người vào Quốc-hội.

- *19.5: các đoàn-thể đề cử người ra ứng cử:* Muốn ứng-cử, phải có đoàn-thể giới-thiệu, không phải ai muốn ra cũng được; và "đoàn-thể" tại CSVN là đảng, đoàn và các cơ-quan ngoại-vi.

- *22.5: soát xét, điều-chỉnh danh-sách.*

Mặt Trận Tổ-Quốc sẽ duyệt-xét, điều-chỉnh danh-sách ứng-cử, và có toàn quyền loại bỏ bất cứ một ứng-cử viên nào mà không cần nêu lý-do.

- *5.6: công-bố danh-sách ứng-cử-viên.*

- *Tháng 9.92: bầu-cử.*

NẠN CHÓ CẮN TẠI XÃ HÀ-BÌNH

Báo *Hà-nội mới Chủ-nhật* ngày 3.5 cho biết, 600 trong số 4810 người dân của xã Hà-bình (huyện Hà-trung, Thanh-hóa) đã bị chó cắn (tỉ-lệ 1/8).

Cuối tháng 2 vừa qua, 2 người phát dại mà chết khiến cả làng hốt-hoảng, nhưng chỉ có 10% chịu đi chích ngừa. Hiện nay số chó trong làng Hà-bình lên tới khoảng 1000 con chó để ăn và bán thịt.

NÓI DỐI NHƯ VẸM

Tạp-chí *Cộng-sản* số tháng 5.1992 trong bài *Vấn-đề tài-chính đối với văn hóa, xã hội trong tình-hình hiện nay* khoe rằng "Nhà nước đã quan-tân đáng kể" "trong lĩnh-vực văn-hóa, xã-hội."

Để chứng-minh, bài báo đưa ra thống-kê cho thấy ngân-sách dự chi về văn-hóa, xã-hội năm 1992 tăng gấp rưỡi so với năm 1991:

- Ngân-sách giáo-dục, đào-tạo tăng từ 1094 tỉ đồng tiền Hồ (1991) lên 1650 (1992).
- Y-tế: tăng từ 460 tỉ lên 650 tỉ.
- Nghiên-cứu khoa-học, tăng từ 98 tỉ lên 160 tỉ.
- Văn-hóa thông-tin tăng từ 171 tỉ lên 220 tỉ.
- Bảo-đảm xã hội tăng từ 1200 lên 1700 tỉ.

Bài báo cho biết, hiện nay VN có 15 triệu học-sinh, 215.000 giường bệnh, 3 triệu đảng-viên hưởng lương hưu và trợ-cấp xã-hội, 100 cơ-sở truyền thanh, truyền hình, 200 gánh hát,.. và nhắc đi nhắc lại rằng sự gia-tăng ngân-sách này là một sự "quan-tâm đúng mức" của Nhà nước.

Tuy nhiên, như thường-lệ, tác-giả bài báo chỉ đưa ra tỉ-lệ tăng giữa ngân-sách giữa hai năm 1991 và 1992 (khoảng 150%) mà cố-tình không nhắc tới tỉ-lệ lạm-phát (198%) trong thời-gian này.

Cứ theo các con số chính-thức của CSVN đưa ra mà tính, mãi lực của 150 tỉ đồng năm 1992 chỉ bằng phân nửa mãi-lực của năm 1991; 150 tỉ đồng của năm 1992 chỉ bằng 75 tỉ năm 1991. Giá-trị ngân sách 1991 là 100 tỉ, giá-trị ngân-sách năm 1992 chỉ có 75 tỉ, như vậy là lên hay xuống. Không phải các nhà kinh-tế của Vẹm không biết làm toán. Họ chỉ không biết nói thật.

trong làng

TIẾNG CHIM BÊN DÒNG THÁC CHAMPY TẠI MONTRÉAL

Trung-Tâm Văn Bút VN / Québec, với sự hỗ-trợ của Cộng-đồng Người Việt Quốc-Gia vùng Montréal và hội Cựu Quân-Nhân QL / VNCH tại Montréal tổ-chức buổi sinh-hoạt ra mắt tập thơ *Tiếng chim bên dòng thác Champy* của Hoàng Phong Linh (Võ Đại Tôn) vào lúc 2 giờ chiều Chủ-nhật 14.6 tại Trung tâm Sinh-hoạt De La Peltrie, số 5829 Côte des Neiges.

Buổi sinh-hoạt gồm giới-thiệu tác-phẩm, ngâm thơ, đọc thơ, bình thơ, ca-nhạc và mạn-đàm về các vấn-đề liên-quan tới Việt-nam.

Trước buổi sinh-hoạt tại Montréal, ông Hoàng Phong Linh sinh-hoạt tại Trung-tâm Người Việt, đường Rochester, Ottawa lúc 2 giờ chiều Thứ Bảy 13.6, do Trung-tâm Văn Bút VN / Ontario, Hội-đồng Cộng Người Việt và Hội Cựu Quân-Nhân QL / VNCH vùng Ottawa-Hull tổ-chức.

"HỒN TÔI CŨNG MUỐN QUA CẦU GIÓ BAY" VÀ "HỒN NƯỚC TRONG KINH DỊCH"

Thi-sĩ Đắc Trung, một nhà thơ Việt-nam nổi tiếng trong thi-giới Hoa-kỳ tại Philadelphia, đã sang Toronto ra mắt tập thơ Việt thứ tư của ông, *Hồn tôi cũng muốn qua cầu gió bay* hôm Chủ-nhật 17.5 vừa qua.

Buổi sinh-hoạt diễn ra tại nhà hàng South Vietnam, số 444 Spadina Ave., Toronto, qui-tụ một số khán-giả chọn-lọc. Trong số khách xa, có các bạn thơ Hoàng Chính (từ Kitchener), Vi-Vi, Thủy Trang, Bá Dĩnh và Đông Nghi (từ Montréal). Quan-khách đặc-biệt, có GS Lê Phước Sang, Chủ-tịch Hội-Đồng Việt-Nam Tự-Do từ Hoa-kỳ sang.

Cũng trong buổi sinh-hoạt này, học-giả Việt Chi, tức GS Nguyễn Hữu Quang, phó chủ-tịch Văn Bút VN / Ontario đã từ Ottawa về thuyết-trình đề-tài *Hồn nước trong kinh Dịch*, được cử-tọa chú-ý đặc-biệt.

Thi-sĩ Đắc Trung đang ký sách

Lưới Trí-Vận VC Phát-Động Chiến-Dịch "Hoa Hồng Xám", Xóa-Bỏ "Tàn-Tích" VNCH tại Hải-Ngoại

Trong thời-gian ba tháng đầu năm 1992 (VC gọi *quí 1*), mạng lưới trí-vận của CSVN tại hải-ngoại đã đẩy mạnh cao-điểm chiến-dịch "xóa bỏ tàn-tích VNCH" và "nâng cấp trí-tuệ quần-chúng về cuộc cách-mạng dân-tộc."

Các chặng "xóa bỏ" và "nâng cấp" như sau:

Bước 1:

- Tạo dư-luận quần-chúng đồng-hóa chính-nghĩa tự-do với chính-phủ miền Nam.
- Đồng-hóa chính-phủ miền Nam với tham-nhũng, thối-nát.
- Chuyển ý-thức chán-ghét tham-nhũng, thối-nát sang chán-ghét chế-độ miền Nam.
- Từ chán-ghét chế-độ chuyển sang chán-ghét toàn bộ những gì dính-dáng tới chế-độ: quốc-kỳ, quốc-ca, các ngày lễ (quốc-khánh 1 tháng 11, ngày quân-lực 19.6, v.v.)
- Gây tư-tưởng bội-bạc, vô ơn trong giới trẻ miền Nam đối với xương máu của các thế-hệ cha anh. Dè-bỉu nỗ-lực giữ nước của các thế-hệ trước là "mặc cảm quá-khứ."

Trong bước 1, để che giấu âm-mưu, trí-vận VC giả-vờ tẩy-chay cả dấu-tích của cả hai chế-độ Nam, Bắc. Thí-dụ như hô-hào *tẩy-chay cờ đỏ, không treo cờ vàng*. Kỳ thực ở hải-ngoại không ai treo cờ đỏ bao giờ, cho nên nếu sự hô-hào này có người nghe theo, VC sẽ triệt được lá cờ vàng, và vì cờ đỏ xưa nay không ai treo nên có mất cũng không sao.

Các nhóm Bùi Duy Tâm & Trần Văn Ân, Hợp Lưu & Nửa Đêm, Hồng-lĩnh,.. ở California trước nay vẫn vận-động xóa bỏ tàn-tích miền Nam tự-do (trong khi đón Bùi Tín, ca-ngợi Dương Thu Hương, Nhật Tiến, phổ-biến sáng-tác văn-hóa-vận của CS) đã đáp-ứng rất chính-xác âm-mưu của Hà-nội.

Bước 2, bung rộng báo giao-lưu văn-hóa (một chiều) đến các địa-phương, nếu bán không được thì phát không, báo nào "cháy" hay lộ diện thì đóng cửa ra tờ khác, tiến tới hệ-thống *chân rết* (một tòa-soạn gốc, nhiều ấn-bản địa-phương) hoặc *trăm hoa* (địa-phương tự quản, trung-ương cung-cấp và kiểm-soát).

Bước 3, sẽ sử-dụng toàn lực các tờ báo trong mạng lưới tập-trung vào các mục-tiêu chính-trị, dân-vận và ngoại-vận, khuyến-khích du-lịch, liên-hiệp hợp-tác, v.v.

Về mặt nâng cấp trí-tuệ quần-chúng về cuộc cách-mạng dân-tộc, chiến-dịch trí-vận tìm cách "cấy" vào quần-chúng các tư-duy theo trình-tự sau:

- Cuộc chiến VN đã đi vào lịch-sử (hết mong sửa-đổi).
- Gây tự-hào dân-tộc: dân-tộc VN nhỏ bé đã đánh thắng được cả một lực-lượng Đồng-minh khổng-lồ gồm cả Mỹ, Đại-hàn, Úc, Tân Tây-lan, Thái-lan, Phi (kỳ thực, không phải *dân-tộc VN nhỏ-bé* mà là cả khối Cộng, gồm Nga, Tàu, Đông Âu, Đông Đức, Bắc Hàn).
- Xác-nhận miền Bắc là "thực-thể chính-trị VN" trên trường quốc-tế, còn miền Nam "sinh sau đẻ muộn", không đáng kể.
- Khối Cộng là "anh em" của miền Bắc, Đồng-minh Hoa-kỳ là "chủ" của miền Nam.
- Đệ I Cộng-hòa là thành-phần cực-đoan, tất-nhiên sẽ bị dân-chúng đào-thải.
- Đệ II Cộng-hòa là tay sai của Mỹ.
- Hồ Chủ-tịch có đức độ cá-nhân và là thiên-tài quân-sự.
- Gán ghép chiến-công của CS vào các chiến-công của lịch-sử dân-tộc: đưa chiến-thắng Điện-biên lên ngang tầm chiến-thắng Bạch-đằng, chiến-thắng Đống-đa, và gọi chung đó là "chiến-thắng của dân tộc Việt."
- Từ tự-hào quá-khứ chuyển-hóa sang tự-hào chấp-nhận và tin-tưởng tương-lai.

Trên đây là những mắt xích đấu-tranh tư-tưởng của trí-vận VC, nấp sau chiêu-bài "lý-tưởng dân-tộc." Đó là viên thuốc độc bọc lớp đường ngọt-ngào "tình-tự dân-tộc." VC xảo-quyệt khêu-gợi tâm-lý tham sống sợ chết (muốn an thân và tiếc máu xương), ca-ngợi thái-độ đón gió trở cờ là "chững-chạc và trưởng thành", "cấp-tiến, hòa-hoãn", biện minh bằng "quyền-lợi tối thượng của một dân-tộc."

Chiến-dịch xóa bỏ tàn-tích VNCH do CSVN phát-động và nuôi-dưỡng, có đạt tới thành-công hay không, phần lớn tùy-thuộc vào thái-độ của cộng-đồng. Ở một nước tự-do, người ta có nhiều thứ để lựa-chọn, kể cả việc lựa-chọn giữa cái cách làm người hay làm thú-người. Đường về nước đã mở (VC mở), nhiều người đã dẫm lên xác đồng-bào, đồng-đội, hể-hả trở về để tìm những thú vui bệnh-hoạn, vật-chất hay tinh-thần. Đến một lúc nào đó, VC không cần phải tẩy xoá, những con thú-người kia cũng sẽ tự tay xóa sạch những dấu xưa tích cũ để tự đánh lừa lương-tâm và tri-giác của mình.

Văn Bút VN / Ontario Tiếp-Đón Chiến-Sĩ Võ Đại Tôn và Lực-Lượng Dân-Quân Yểm-Trợ Phục-Quốc

Sau 7 tuần công-tác tại Hoa-kỳ, phái-đoàn Lực-Lượng Dân Quân Yểm-Trợ Phục-Quốc đã đến Toronto, Gia-nã-đại hôm 5.6 vừa qua, mở đầu 10 ngày tiếp-xúc quần-chúng Việt-nam tại đây.

Phái-đoàn gồm 5 người: chiến-sĩ Võ Đại Tôn, hai phụ-tá, một tùy-viên và bà Tôn.

Chuyến đi mở đầu bằng buổi họp quan-trọng vào chiều ngày 5.6, cùng với ban phối-hợp tổ-chức chuyến công-tác tại Gia-nã-đại (ban chấp-hành Trung Tâm Văn Bút VN / Ontario).

Trong buổi họp này, các Trung-Tâm Văn Bút Ontario xác-nhận là không quan-tâm về các hình-ảnh, tài-liệu bôi xấu ông Tôn do mạng lưới trí-vận CSVN tại hải-ngoại tung ra.

Văn Bút Ontario cho rằng, dù thật, dù giả, các tài-liệu hình-ảnh đó chỉ là hệ-lụy mà bất cứ một người tù chính-trị nào dưới chế-độ CS cũng phải chịu. CS càng đánh giá người tù cao chừng nào, một khi bị bắt buộc phải thả ra, chúng càng tìm cách ràng-buộc, phá-phách nhiều chừng nấy.

Riêng về tập Bạch-thư, Văn Bút Ontario đã đọc và hết sức quan-tâm, vì đây là một văn-kiện cho chính LLDQYTPQ đưa ra. Các anh em trình-bày rằng, dưới con mắt và sự xét-đoán bình-thường, *"giải-pháp người thắng kẻ thua"* trong tập Bạch-thư quá xa rời thực-tế, chỉ áp-dụng đúng một khi đảng và chế-độ CSVN đã giải-tán. Mặt khác, quan-niệm *"hợp-tác dân-tộc"* giữa các thành-phần *"cầm quyền"* (CS), *"độc lập"* (thành-phần thứ ba) và *"đối-lập"* không cách xa bao nhiêu chiêu-bài hòa-giải hòa-hợp dân-tộc do Hà-nội đưa ra.

Theo kinh-nghiệm và thực-tế, *"hợp-tác dân-tộc"* không thể nào bao gồm thành-phần cộng-sản cầm quyền trong đó, vì mặc dù luôn luôn rêu-rao chủ-nghĩa "dân-tộc", cộng-sản bao giờ cũng là những người phi-dân-tộc và phản-dân-tộc. Đã hợp-tác với thành-phần cầm quyền, tất nhiên không thể nói tới kháng-chiến, phục-quốc gì nữa.

Ông Võ Đại Tôn và phái-đoàn ghi-nhận ý-kiến của anh em Văn Bút, và xác-nhận luôn luôn đứng trên lập-trường giải-trừ cộng-sản, quang-phục quê-hương, chống "hòa-hợp hoà-giải" theo kiểu mô-thức của Hà-nội đưa ra.

LLDQYTPQ tuyên-bố rút lại tập Bạch-thư để tu-chính, và công-khai-hóa điều này bằng bản công-bố (xem bên cạnh).

Trong buổi sinh-hoạt tiếp-xúc công-chúng tại trung-tâm Cecil vào lúc 1 giờ 30 trưa 6.6, trước 500

Chiến-sĩ Võ Đại Tôn và nhà văn Trà Lũ tại Toronto

đồng-bào và các đoàn-thể Việt-nam, chiến-sĩ Võ Đại Tôn đã đọc toàn văn bản tuyên-bố. Đồng-bào đã vỗ tay 12 lần sau những lời xác-định minh-bạch của ông về lập-trường chống cộng, không đầu hàng, không "hoà-giải" theo kiểu CS.

Phần trình-bày súc-tích và cảm-động của ông đã để lại dư vang tốt-đẹp. Mọi sự nghi-kỵ đã được giải-tỏa, chiến-sĩ Võ Đại Tôn được công-chúng mở rộng vòng tay tiếp-đón như xưa.

Trong thời-gian công-tác tại Toronto, phái-đoàn Lực-Lượng Dân Quân Yểm-Trợ Phục Quốc đã liên-tiếp sinh-hoạt với báo-chí và hội-đoàn Việt-nam trong Hội-Đồng Đại-Diện Người Việt Quốc-Gia vùng Toronto (7.6), tới thăm các văn-phòng làm việc của hội Người Việt Toronto Cộng-đồng Việt-nam Mississauga, hội Cao-Niên, hội Cựu Quân-Nhân.

Quan-trọng nhất là buổi họp báo quốc-tế tại trụ-sở Quốc-hội Ontario ở Queen's Park, kêu lên tiếng kêu trầm-thống của tù-nhân chính-trị và thường dân Việt-nam trước tình-trạng đàn-áp nhân quyền trong nước. Ông Võ Đại Tôn trình-bày trước công-luận thế-giới ý-chí quyết tâm giải trừ cộng-sản của 70 triệu người Việt-nam trong và ngoài nước, trước khi bắt tay xây-dựng lại nền kinh-tế đã bị chế-độ phá tan-nát trong mấy chục năm nay.

Buổi họp báo qui-tụ các cơ-sở truyền thanh, truyền hình và báo-chí quốc-tế cũng như Gia-nã-đại, do Trung-Tâm Văn Bút VN / Ontario tổ-chức, với sự phối-hợp điều động của nhà văn Trà Lũ Trần Trung Lương và kịch-tác-gia Nam Châu Đỗ Trọng Chu.

Trong những ngày tới, phái-đoàn ông Tôn sẽ tiếp-xúc đồng-bào Việt-nam tại Ottawa, Montréal, Pháp, Bỉ, Hoà-lan và Đức, v.v. trước khi trở lại Úc-đại-lợi vào cuối tháng 7.92 này.

Bản Văn Công-Bố của Võ Đại Tôn Sau 7 Tuần Công-Tác tại Hoa-Kỳ

Sau 7 tuần đi tri ân đồng bào, gặp gỡ, thăm viếng quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo, quý đoàn thể, tổ chức cộng đồng, thân hữu và chiến hữu, tôi đã nhận được những tình cảm thương yêu, những hỗ trợ, giúp đỡ chân tình. Chính nhờ những tình cảm ưu ái đó đã giúp cá nhân nhỏ bé của tôi vượt qua được những khó khăn của thể chất và phương tiện để tiếp tục đứng cùng hàng ngũ với đại khối đồng bào yêu nước trong đại cuộc giải trừ cộng sản, quang phục quê hương.

Cũng trong thời gian sinh hoạt tại Hoa kỳ, tôi cũng đã có cơ hội gặp gỡ giới truyền thông và chính giới Hoa kỳ để nói lên lập trường quyết tâm đấu tranh cho tự do, dân chủ tại Việt Nam. Đặc biệt là kêu gọi chính phủ Hoa kỳ tiếp tục duy trì lệnh cấm vận cho đến khi chế độ Hà Nội thực tâm từ bỏ độc quyền đảng trị và tôn trọng nhân quyền.

Đối với cộng đồng người Việt hải ngoại, tôi đã nhiều lần khẳng định quan điểm kết hợp lòng người, hợp tác và chia sẻ trách nhiệm giữa các đoàn thể, tổ chức để sớm tạo thành tổng lực chính trị hầu tích cực góp phần giải thể chế độ cộng sản Việt Nam. Tôi cũng đã nhiều lần minh định không chấp nhận hoà hợp, hoà giải với chế độ đảng trị cộng sản. Con đường duy nhất là vận dụng sức mạnh của toàn dân đứng lên cứu nước, buộc chế độ Hà Nội phải trao trả chủ quyền chính trị và những quyền sống chính đáng cho toàn thể đồng bào.

Như đã công bố, mục đích của chuyến công tác là để tri ân đồng bào, các tổ chức, đoàn thể người Việt hải ngoại cũng như các chính phủ và chính giới Tây phương đã trực tiếp hoặc gián tiếp giải cứu tôi khỏi lao tù cộng sản và cũng để lắng nghe những cao kiến của cộng đồng hải ngoại về đại cuộc cứu nước. Trong tinh thần đó, tôi chân thành ghi nhận những ý kiến đóng góp liên quan đến bạch thư *Viễn-ảnh nước Việt-nam và khát-vọng người dân Việt* do Lực-Lượng Dân Quân Yểm-Trợ Phục-Quốc Việt-Nam công bố vào tháng 10.1991. Bạch thư đã có nhiều điểm tạo nên những dư luận làm phương hại đến lập trường đích thực của chúng tôi đối với công cuộc đấu tranh chung, là quyết tâm giải trừ cộng sản quang phục quê hương, cứu nguy dân tộc.

Để thể hiện nhiệt tâm kết hợp lòng người, bằng bản văn công bố này, chúng tôi chính thức rút lại Bạch Thư trên để chờ tu chính. Nhân đây tôi xin chân thành cám ơn những ý kiến đóng góp, xây dựng của báo chí, thân hữu và đồng bào về vấn đề trên.

Với tâm nguyện hiến dâng đời mình cho quê hương, tổ quốc, lập trường và tấm lòng của tôi trước sau như một, đó là luôn sát cánh cùng toàn thể đồng bào chiến đấu cho tự do, dân chủ, tự chủ của dân tộc Việt.

Về những tài liệu do cộng sản đưa ra nhằm bôi nhọ, xuyên tạc cá nhân tôi, tôi chân thành tri ân toàn thể đồng bào khắp nơi đã sáng suốt nhận định sự thật để không mắc mưu chia rẽ cộng đồng hải ngoại của chế độ Hà Nội.

Một lần nữa tôi khẳng định tinh thần bất khuất không đầu hàng cộng sản. Cộng sản Hà Nội càng chống phá tôi, tôi càng quyết tâm chiến đấu. Tôi vững tin vào sức mạnh và sự sáng suốt của đồng bào yêu chuộng tự do.

Trân trọng kính chào đồng tâm giải trừ cộng sản, hiệp lực quang phục quê hương.

Toronto, ngày 5.6.1991
Võ Đại Tôn

SAU 17 NĂM SỐNG BÊN LỀ CUỘC ĐẤU-TRANH

Cựu Tướng Nguyễn Cao Kỳ Kêu-Gọi Hoa-Kỳ Bãi-Bỏ Cấm-Vận CSVN

Hôm 7.5 vừa qua, cựu tướng Nguyễn Cao Kỳ, trong bài nói chuyện tại Câu-lạc-bộ Eagles & Anchors, trước khoảng 25 cựu sĩ-quan Không-quân Việt-nam và một số lớn quan-khách Hoa-kỳ, sau một bài diễn-văn vòng-vo, cuối cùng đã dẫn về kết-luận là kêu-gọi chính-phủ Hoa-kỳ chấm-dứt cấm-vận (CSVN), và bình-thường-hóa ngoại-giao giữa Mỹ và (CS) Việt-nam.

Bài diễn-văn này, với lý-luận khôn-khéo và chặt-chẽ, vận-dụng chủ-nghĩa dân-tộc, duy-vật sử quan để nối dần những mắt xích dẫn tới cao-điểm và kết-luận ngay, chắc-chắn ông Kỳ không viết nổi. Trong số tay chân cũ của ông Kỳ cũng không ai nghiên-cứu và thành-thạo trong việc dùng duy-vật biện-chứng.

Bài diễn-văn của ông Kỳ, theo sự phân-tích của các chuyên-viên nghiên-cứu văn-bản, phải là tác-phẩm của cán-bộ lý-luận chính-trị chuyên viết diễn-văn cho cán-bộ Trung-ương Đảng.

Nhận-định này, cộng với những lời tuyên-bố úp-mở của ông Kỳ trước kia (như sẵn-sàng hợp-tác với CS, xung-phong làm đại-sứ cho Hà-nội để đi xin viện-trợ các nước, sẽ về xin lại đất Khánh dương để vui-thú với mấy nàng hầu) và hành-động thập-thò xin yết-kiến Bùi Tín vài tháng trước đây, chứng-tỏ Nguyễn Cao Kỳ đang lên cơn điên quyền-bính và tư-lợi, sẵn-sàng luồn trôn CS để thỏa-mãn tham-vọng cuối đời.

Bài diễn-văn của ông Kỳ vừa dứt tiếng, ông Đỗ Văn đài BBC đã lập-tức dùng điện-thoại viễn-liên gọi từ Luân-đôn sang Cali để phỏng-vấn, ca-ngợi và phát về Việt-nam.

Đỗ Văn khen bài diễn-văn của Nguyễn Cao Kỳ là *"những ý-kiến bộc-trực"* và có ý dè-bỉu phản-ứng của người Việt nước ngoài. Họ Đỗ mớm lời để Nguyễn Cao Kỳ có dịp phét lác rằng 95% người Việt *"đều đồng ý và đều có cái nhìn như tôi."*

Đối với phản ứng của cộng đồng, và nhất là báo-chí, ông Kỳ đã lăng-mạ các cơ-quan truyền-thông đó là "lá cải chỉ để quảng-cáo," "chẳng đáng kể" và "chẳng làm gì lợi cho đất nước cả."

Sau khi Đỗ Văn dùng làn sóng của BBC, lạm-dụng phương-tiện của đài, cung-cấp phương-tiện cho Nguyễn Cao Kỳ lường-gạt đồng-bào quốc-nội (nói dối là 95% người Việt đồng ý bỏ cấm-vận), hãng tin Chử Bá Anh đã cấp-tốc phổ-biến bài BBC phỏng-vấn Nguyễn Cao Kỳ và những lời Đỗ Văn khen nịnh sự dối-trá của Nguyễn Cao Kỳ đi khắp hải-ngoại.

Cộng-đồng Việt-nam tại Hoa-kỳ tỏ ra khó chịu vì những lời tuyên-bố của Nguyễn Cao Kỳ, vì ông ta từng là phó tổng-thống Việt-Nam Cộng-Hòa, nên lời nói của ông ta được chính-phủ Hoa-kỳ chú-ý hơn lời nói của Đoàn Văn Toại, Trần Khánh Vân hay Lê Xuân Khoa.

Trong trận chiến cuối-cùng này, CSVN càng bị khốn-đốn về kinh-tế, hi-vọng lật ngược thế cờ của người Việt càng tăng cao, thành-quả của cuộc cách-mạng dân-chủ bảo-vệ nhân-quyền càng tới gần. Bất cứ ai âm-mưu giải vây kinh-tế cho CS Hà-nội trong giai-đoạn này, chẳng những có tội với tổ-quốc, mà còn có tội với nhân-loại.

Người ta còn nhớ, vào thập niên 60, khi làm chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung-ương (thủ-tướng), tướng Kỳ đã từng hô-hào bắc tiến. Khi làm phó tổng-thống, ông đòi bắn bỏ những tướng tá ươn hèn lùi bước trước cộng quân. Tháng 4.1975, ông lên án các sĩ-quan bỏ đơn-vị, di-tản theo quân-đội Hoa-kỳ, và kêu-gọi mọi người ở lại giữ nước; nhưng chỉ qua ngày hôm sau, ông đã rời khỏi Việt-nam.

Tại hải-ngoại, trong khi cộng-đồng tổ-chức yểm-trợ kháng-chiến, đấu-tranh chống cộng trên các mặt trận văn-hóa, ngoại-giao thì ông Kỳ chọn sống một cuộc sống ích-kỷ hưởng-thụ. Trong những năm gần đây, nhiều lần ông khoe đã "tiếp-xúc mật" với CSVN, "sẽ về xin lại đất Khánh-dương để vui thú với các nàng hầu". Cũng chính ông Kỳ lì mặt xin gặp Bùi Tín khi họ Bùi sang Mỹ vận-động bang-giao. Bây giờ, chính Nguyễn Cao Kỳ lại giở giọng thương dân xót nước, kêu-gọi Mỹ hủy-bỏ cấm-vận cộng-sản Việt-nam.

Thực sự, từ sau 1975 tới nay, Nguyễn Cao Kỳ chưa hề bao giờ có tư-cách thay mặt dân-chúng Việt-nam để phát-biểu. Nguyện-vọng của Nguyễn Cao Kỳ bao giờ cũng chỉ là ý-kiến cá-nhân, không được người Việt ủng-hộ.

Khi kêu-gọi hủy-bỏ cấm-vận CSVN, Nguyễn Cao Kỳ còn nhân-danh "phúc-lợi của đồng-bào". Những lời lẽ trâng-tráo này rập khuôn y như những lời van-nài thống-thiết của Trịnh Xuân Lãng hay Dương Thu Hương, luôn luôn kêu-gọi "xóa bỏ hận thù", mặc dù vẫn thừa biết rằng mục-tiêu đấu-tranh của người Việt là mang lại tự-do dân-chủ cho dân-tộc chứ không phải để trả thù.

Thái-độ hèn-hạ và những lời-lẽ vô-sỉ của Nguyễn Cao Kỳ trong khi kêu-nài cho quyền-lợi của CSVN, là hành-động phản-quốc, phản-dân, chà-đạp lên danh-dự của đồng-bào, không xứng-đáng làm người Việt-nam, và hơn thế, không xứng-đáng làm một con người!

ngoài ngõ

NGÀY VN THƯƠNG ĐAU TẠI ÂU-CHÂU

Cộng-đồng Việt-nam tại Âu-châu đã tổ-chức *Ngày Việt-nam thương-đau 30.4* và đêm hội-thảo không ngủ tại Strasbourg, thủ-đô Âu-châu (nằm trên đất Pháp) hôm 25.4 vừa qua.

Các buổi sinh-hoạt này được tổ-chức tại Trung-tâm văn-hóa Fossé de Treize, qui-tụ 250 đồng-bào địa-phương và đại diện các hội-đoàn VN từ Pháp, Anh, Đức, Thụy-sĩ, Hòa-lan, Tiệp-khắc về dự.

Trong số diễn-giả danh-dự của buổi lễ, có bà Judit Jozsef, thay mặt sứ-quán Hung-gia-lợi tại Pháp, đã ca-ngợi tinh-thần đấu-tranh của người Việt tại Âu-châu.

Cũng trong ngày 25.4, phái-đoàn Việt-nam do ông Lại Thế Hùng (Ủy ban phá bỏ huyền-thoại Hồ Chí Minh) đại-diện, đã tới trụ-sở Nghị-viện vùng Alsace, trao cho ông Daniel Hoeffel, Phó Chủ-tịch Thượng-viện Pháp, bức thỉnh-nguyện-thư yêu-cầu nước Pháp dùng ảnh-hưởng của mình, áp-lực CSVN phải trao trả nhân-quyền cho toàn dân trong nước. Ông Hoeffel cũng hứa với phái-đoàn, sẽ chuyển thỉnh-nguyện phá bỏ tượng Hồ Chí Minh tại Công-trường Đỏ (Mạc-tư-khoa) tới chính-phủ Nga.

Phái-đoàn VN sau đó tới tiếp-xúc tòa lãnh-sự Ba-lan để trao thỉnh-nguyện về việc phá bỏ huyền-thoại Hồ Chí Minh. Tòa lãnh-sự đã tiếp phái-đoàn trong một giờ, với cảm-tình nồng-hậu.

Trở về với *Ngày Việt-nam thương đau*, trong phần chính của đêm không ngủ và hội-thảo, nhà báo Vũ Ngọc Long (từ Đức) nói về đề-tài *Những đòn phép lừa-bịp của bạo-quyền CSVN trong những ngày tới.*

Phần hội-luận có sự đóng-góp của đại-diện của các tòa-soạn *Điểm tin báo-chí, Diễn-đàn, Thời mới* (Tiệp-khắc) và *Cánh én* (Đức), là các anh em báo-chí sinh trưởng dưới chế-độ CS miền Bắc.

Tại Bá-linh (Đức-quốc), khoảng 1000 đồng-bào đã tham-gia *Ngày Việt-nam thương đau* hôm 2.5, tuần-hành từ cổng thành Brandenburger Tor tiến ra đường phố Bá-linh, rồi trở về hội-thảo cho tới 10 giờ tối. Đề-tài nói chuyện là *Lẽ tất thắng của dân-tộc, sự thất-bại đương-nhiên của bạo-quyền CSVN*, do ông Lại Thế Hùng thuyết-trình.

VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP CỘNG ĐỒNG VN/HOA KỲ

Khoảng 150 đại-biểu của chính-thức của các cộng-đồng VN trên toàn quốc Hoa-kỳ, cùng 50 đại-biểu và báo-chí địa-phương đã về thủ-đô Hoa-thịnh-đốn vào ngày 2 và 3.5, họp và thành-lập Ủy Ban Vận-Động Thành-Lập Cộng-Đồng VN tại Hoa-kỳ.

Thành-phần Ủy Ban gồm:

- Ô. Trần Văn Nhựt (California): Chủ-tịch
- Ô. Trần Nhựt Thăng (Florida): Phó Chủ-tịch
- Ô. Đinh Văn Long: Tổng Thư-ký
- Ô. Chu Bá Yến (Florida): ủy-viên
- Ô. Trần Văn Tính: ủy viên.

Nhiệm kỳ của Ủy ban là một năm, có nhiệm vụ soạn-thảo mô-thức cộng-đồng, vận-động tổ-chức Đại-hội kỳ II, vận-động thành-lập cộng-đồng tại các nơi chưa có cộng-đồng; đảm trách các công-tác thông-tin, liên-lạc, đối ngoại trong khi chờ đợi ban chấp-hành chính-thức của cộng-đồng ra đời.

Sau khi đại-hội kết-thúc, 21 đại-biểu đã tới tòa Bạch-ốc đưa kiến-nghị lên Tổng-thống Hoa-kỳ, phát-biểu quan-điểm của cộng-đồng về các vấn-đề liên-quan tới Việt-nam.

HỘI-NGHỊ THẾ-GIỚI NGƯỜI VIỆT TỰ-DO

Tổng Liên Hội Người Việt Tự-Do Hải-Ngoại đã tổ-chức Hội-nghị Thế-Giới Người Việt Tự-Do tại Đại-học George Mason, Virginia (Hoa-kỳ) vào hai ngày 30.5 và 1.6 vừa qua.

Các đề-tài tham-luận gồm:

- *Tình-hình thế-giới và triển-vọng dân-chủ cho Việt-nam.*
- *Nhân-quyền và tị-nạn.*
- *Điều-kiện để tiến tới một Việt-nam tự-do.*
- *Nhân-quyền tại Việt-nam.*
- *Đấu-tranh ngoại-vận.*

Ngoài hội-thảo, Hội-nghị còn có văn-nghệ chủ-đề, lễ vinh-danh các chiến-sĩ đã và đang tranh-đấu cho tự-do, dân-chủ tại Việt-nam (quan-khách đặc biệt: ông Võ Đại Tôn).

Vào sáng 1.6, Hội-nghị sẽ lược thuyết tại tòa Bạch-ốc và dự tiệp-tân tại trụ-sở Quốc-Hội Hoa-kỳ.

PHÓ BÁ LONG CHẠY THEO CSVN

GS Phó Bá Long, 70 tuổi, nguyên khoa-trưởng Chính-trị Kinh-doanh viện Đại-học Đà-lạt, cựu bộ trưởng Lao-động của Nguyễn Cao Kỳ, đã rời Hoa-thịnh-đốn về Việt-nam làm giáo-sư ở viện Đại-học Hà-nội.

Trong những năm gần đây, ông Long đã thậm-thụt đi lại với các cán-bộ cộng-sản. Bản tin Chử Bá Anh khi loan tin sự trở về của Phó Bá Long, đã ca-tụng ông này là người "thận-trọng", "tế-nhị", "hiền-lành", "âm-thầm làm việc và không tuyên-bố ồn-ào" và "chính vì sự khôn-ngoan đó mà giáo-sư Long không gặp khó-khăn nơi vùng ông cư-ngụ."

tin tị-nạn

486 THUYỀN-NHÂN TUYỆT-THỰC

Hôm 21.5, 486 thuyền-nhân Việt-nam đã tuyệt-thực tại trại 11 trại tị-nạn tại Hương-cảng, phản-đối chương-trình cưỡng-bách hồi-hương mà CSVN và Anh-quốc vừa công-bố.

Khoảng 10.000 người khác liên-tục đấu-tranh chống cưỡng-bách hồi-hương.

VÀI CON SỐ VỀ THUYỀN-NHÂN VIỆT-NAM TẠI HƯƠNG-CẢNG

Theo thống-kê mới nhất của *Làng Văn*, hiện nay tại Hương-cảng có 55.462 thuyền-nhân, trong đó có 22.466 người bị phân loại di-dân kinh-tế; 29.562 chờ thanh-lọc; 1.301 được công-nhận tình-trạng tị-nạn và 2.133 người tới trước tháng 6.1988 (đương-nhiên được hưởng quyền tị-nạn).

Chỉ có 7 thuyền-nhân cập bến Hương-cảng từ ngày 1.1.92 tới nay. Năm 1991 có 20.207 thuyền-nhân tới Hương-cảng.

Con số tự nguyện hồi-hương lên tới 17.683 người; bị cưỡng-bách hồi hương: 123 người.

TOÀN-THỂ THUYỀN-NHÂN SẼ RA KHỎI HƯƠNG CẢNG TRONG VÒNG 3 NĂM

Dưới áp-lực của Trung Cộng, hai thành-phần Anh-quốc/ Hương-cảng và CSVN đã ký thỏa-ước giải-tỏa thuyền-nhân VN khỏi Hương-cảng trong vòng ba năm để chuẩn-bị bàn giao lãnh-địa Hương-cảng cho nhà cầm quyền Bắc-kinh.

Tất cả thuyền-nhân sẽ bị cưỡng-bách hồi hương, bắt đầu từ cuối tháng 6.92 này, với khoảng 50 tới 60 người mỗi chuyến bay.

Thành-phần đối-lập tại Quốc-hội Hoa-kỳ cực-lực lên án thỏa-ước cưỡng-bách hồi-hương thuyền-nhân Việt-nam, trong khi chính-phủ George Bush tỏ ra dè-dặt.

Dân-biểu California, ông Duncan Hunter tuyên-bố: *"Thật là đáng buồn khi một định-chế dân-chủ lại chủ-trương giải-giao những người tìm tự-do cho chế-độ độc-tài cộng-sản."*

Dân-biểu Robert Dornan nói: *"Cưỡng-bách hồi-hương về một nước CS cứng-rắn là một điều không thể hiểu nổi."*

TẾT TRUNG THU TẠI TRẠI THÁI-LAN

Mỗi năm, cộng-đoàn Công-giáo ở trại tị-nạn Thái-lan đều tổ-chức phát quà trung-thu cho tất cả trẻ em trong trại.

Năm nay, ở trại Sikiew, hoàn-cảnh của hơn 3000 em từ 1 tới 16 tuổi còn bi-đát hơn, nên cần sự an-ủi nhiều hơn của đồng-bào hải-ngoại, nhất là của các trẻ Việt cùng lứa tuổi.

Quý vị phụ-huynh và các em muốn đóng-góp ít nhiều để mua quà bánh cho các em, xin gửi chi-phiếu cho liên-lạc-viên của cộng-đoàn Công-giáo tị-nạn VN / Thái-lan là:

Trần Văn Nhã
1350 rue Ontario
Sherbrooke, PQ, J1J 3S3
Canada

Để kịp chuẩn-bị các phần quà cho năm nay, xin quí vị gửi chi-phiếu trước ngày 10.8; người liên-lạc của cộng-đoàn sẽ báo-cáo chi-tiết công-tác đến từng vị, khi nhận được tin-tức từ các trại.

TÌNH-HÌNH TỊ-NẠN TẠI THÁI-LAN

Thái-lan đang dẹp trại Phanat Nikhom ở Thái Lan. Gần 12.000 đồng-bào tị-nạn đã được chuyển dần tới trại cấm Sikiew, gồm những

Trung-thu 1991 tại trại tị-nạn Phanat Nikhom, Thái-lan

người đang chờ kết-quả thanh-lọc, cùng những người bị loại thanh-lọc đang chờ kết-quả tái-xét, và những người bị "rớt" thanh-lọc hai lần.

Tình-hình trại cấm Sikiew khắc-nghiệt hơn Phanat Nikhom nhiều. Tất cả mọi thứ đều bị siết chặt. Sách-báo Việt-ngữ in ở hải-ngoại bị cấm ngặt. Một số rất ít *Làng Văn* lọt được vào trại, nhờ sự giúp-đỡ nhân-đạo của người ngoài, bí-mật luồn-lách chuyển vào.

Về sinh-hoạt tinh-thần, các tôn-giáo đều đã tổ-chức xong nơi thờ-phượng và hành-đạo, mặc dù không được phép chính-thức của chính-phủ Vọng-các. Các đoàn Thiếu-nhi Thánh thể, Gia-đình Phật-tử, Hướng-đạo đã tái hoạt-động.

Về giáo-dục, đồng-bào tự tổ-chức lấy các lớp tiểu-học, trung-học, Việt, Anh, Hoa và Miên ngữ, dạy-dỗ cho 1500 em đang tuổi tới trường. Quí vị giáo-viên hoàn-toàn thiện-nguyện, làm việc không lương, không trợ-cấp.

CÁO LỖI

Vì tòa-soạn bận công-tác xa, nên *Làng Văn* số này (95, tháng 7.1992) được phát-hành sớm hơn thường-lệ 2 tuần.

Làng Văn số kế (96, tháng 8.1992) sẽ phát-hành trễ hơn thường-lệ khoảng 2 tuần.

Tòa-soạn xin tạ lỗi để cho quí độc-giả và thân-hữu mong đợi.

Trang-trọng.

Tòa-soạn tặng báo
độc-giả tặng tem
GỬI BÁO SANG TRẠI CHO ĐỒNG BÀO TỊ NẠN

- *15 mỹ-kim (18 gia-kim) cho một năm 12 số báo gửi bằng đường thủy.*
- *Gửi chi-phiếu về Làng Văn, kèm theo địa-chỉ thân-nhân của quí vị tại các trại tị-nạn ở Á-châu và Âu-châu. Nếu quí vị không có thân-nhân, tòa-soạn sẽ chọn một số đồng-bào đứng ra nhận báo để chuyền tay nhau đọc.*
- *Danh-sách tặng báo dưới đây sẽ đăng liên-tục cho đến số báo tháng 12.1992, sẽ bắt đầu năm báo mới.*
- *Quí đồng-bào nhận báo mỗi khi sắp rời trại đi định-cư xin giới-thiệu cho tòa-soạn một địa-chỉ mới để tránh mất báo.*

GIÚP TEM GỬI BÁO CHO THÂN-NHÂN TẠI CÁC TRẠI TỊ-NẠN:

Kim Vân (Hoa-kỳ) tặng Vũ Công Minh (Nam-dương), Đào Thái Sơn (Nam-dương), Trần Thị Hồng Liên (Nam dương), Phan Thu Thủy (Mã-lai); **Nguyễn Phước Bảo Quý** (Úc) tặng Nguyễn Văn Hoạt (Hương-cảng) và Trần Như Minh Nguyệt (Mã-lai); **Võ Văn Hơn** (Gia-nã-đại) tặng Võ Minh Châu (Thái-lan); **Nguyễn Thanh Sơn** (Pháp) tặng Nguyễn Thị Thu Cúc (Nam-dương); **Vũ Kính** (Toronto) tặng Phạm Đình Chiến (Mã-lai); **Lê Văn Nhân Hậu** tặng Hà Hoàng Tuấn (Nam-dương) và Thư-viện chùa Vạn Đức (Phi-luật-tân); **D.T.N.Thanh** (Úc) tặng Lê Thị Ngọc Sương (Thái-lan); **Nguyễn Xuân Mai** (CA) tặng Sœur Pascale Lê Thị Triu (Phi-luật-tân); **Ô. Thơm** (BC) tặng Phạm Văn Huy (Phi-luật-tân); **"Một người bạn"** tặng Hoàng Thị Kim Huệ (Thái-lan); **Trương Đình Tuấn** (MB) tặng Trương Đình Tiến (Nam-dương); **Thái Văn Trung Anh** (Toronto) tặng Vũ Kiều Trinh (Mã-lai); **Nguyễn Thị Trần Lục** (Kanata) tặng Lại Quốc Thái (Mã-lai); **BS Lương Thị Điệp** (PQ) tặng Nguyễn Thị Thu Thủy (Mã-lai); **Nguyễn Huy Phước** (NJ) tặng Đỗ Thị Dung (Mã-lai); **Trần Nhã** (PQ) tặng Phan Thu Hà (Thái-lan); **Lê Thanh Nam** (MB) tặng Phan Tường Vân (Phi-luật-tân); **Lâm Hoàng Dung** (CA) tặng Nguyễn Văn Thịnh (Thái-lan); **Vũ Mạnh Hùng** (VA) tặng Hoàng Lương (Thái-lan); **Nguyễn Tài Toàn** (NJ) tặng Nguyễn Văn Rép (Mã-lai).

ĐỘC-GIẢ GIÚP TEM, TÒA SOẠN TÌM NGƯỜI NHẬN

Lê Chi Mai (Hoa-kỳ) tặng Việt Kiili (Estonia), Hoàng Lê Minh (trại tị-nạn Đông Đức cũ), LM Jan Stuyt (Mã-lai); **Phạm Xuân Thảo** (Gi-anã-đại) tặng Hồ Lê Sinh (Thái-lan); **Lê Ngọc Huê** (Đức) tặng Nguyễn Hùng Hậu (Nam-dương); **Phùng Đình Hiếu** tặng Thánh Thất Cao-Đài (Mã-lai); **Kim Vân** (Hoa-kỳ) tặng chùa Vạn Đức (Phi-luật-tân), LM Nguyễn Đức Hậu (Thái-lan), ĐĐ Thích Nguyên Đạt (Mã-lai), Trung-Tâm Mục-Vụ (Hương-cảng), Sœur Pascale (Phi-luật-tân), LM Nguyễn Trọng Tước (Phi-luật-tân); **Trương Thị Kim Anh** (Na-uy) tặng Bùi Văn Hải (Mã-lai), Nguyễn Văn Liêu (Mã-lai), Đỗ Văn Khiêm (Mã-lai), Phan Như Nghĩa (Thái-lan), Võ Văn Quân (Nam-Dương) và Dương Trọng Hùng Duy (Thái-lan); **Lê Thị Trúc** (Úc) tặng Trần Văn Hiếu (Nam-dương); Hoàng Giao (AB) tặng Phạm Xuân Đức (Mã-lai); **N.T. Khánh Hà** (Na-uy) tặng Thư-viện trại Sungei Besi (Mã-lai); **Trần Thị Hương** (BC) tặng Nguyễn Văn Tài (Phi-luật-tân) và Nguyễn Hồng Hoàng (Nam-dương) 2 tờ mỗi kỳ); **Trần Nguyễn** (AB) tặng Boy Scout Office (Phi-luật-tân); **M. Loan** (CA) tặng Thư-viện trại Sungei Besi (Mã-lai); **Photo Mỹ Lâm** (Toronto) tặng ĐĐ Thích Nguyên Đạt (Mã-lai); **Nguyễn Phước Thạnh** (Ottawa) tặng Phạm Thị Tuyết (Mã-lai); **Nguyễn Văn Thông** (MA) tặng Nguyễn Văn Thanh (Mã-lai); **Lâm Huệ Quân** (BC) tặng Nguyễn Minh Khánh (Mã-lai); **Nguyễn Thiện Sơn** (VA) tặng Phạm Văn Cương (Mã-lai); **BS Việt Thư** (PQ) tặng cho 20 địa-chỉ: Nguyễn Công Trứ (Mã-lai); Hoàng Thị Hương (Mã-lai); Hoàng Thị Tuyết Nhung (Mã-lai); Vũ Thị Yên (Mã-lai); Trần Thị Hoàng Yến (Mã-lai); Quách Văn Hến (Thái-lan); Võ Quý Tánh (Mã-lai); Huỳnh Mạnh Tùng (Mã-lai); Trần Đức Dũng (Mã-lai); Đỗ Kim Khánh (Mã-lai); Trần Văn Hiếu (Nam-dương); Nguyễn Hồng Quang (Thái-lan); Trương Hồng Sơn (Mã-lai); Đào Quỳnh Nga (Tiệp-khắc); LM Nguyễn Quang Vinh (Phi-luật-tân); LM Nguyễn Trọng Tước (Phi-luật-tân); Nguyễn Thị Mỹ Liên (Mã-lai); Phạm Xuân Thanh (Phi-luật-tân); LM Nguyễn Đức Hậu (Thái-lan); Hà Như Sương (Đức); **Thi-sĩ Đỗ Ngọc** (MA) tặng 4 địa-chỉ: Transit Library (Thái-lan); Hội Người Việt Dongrek (Thái-lan); Trần Duy Đợi (Nam-dương); Phan Như Phước (Thái-lan); **P. Vương** (NY) tặng Đặng Tú Lương (Phi-luật tân); **Nguyễn Đại Dương** (Paris) tặng Trần Hòa Nhã (Mã-lai); **Phan Thị Việt** (Hoa-kỳ) tặng Thư-viện chùa Vạn Đức (Phi-luật-tân); **Huỳnh Thúy Phượng** (Toronto) tặng Vũ Hoàng (Mã-lai); **Nguyễn Khôi Việt** (Paris) tặng Nguyễn Văn Khái (Mã-lai); **Doãn Thị Ngọc Thanh** (Úc) tặng Thư-viện Trung-tân Palawan (Phi-luật-tân).

NHẬN-ĐỊNH:

Khát-Vọng Người Dân Việt và Tập Bạch-Thư của ông Võ Đại Tôn

Nguyễn Hữu Nghĩa

Trong ba tháng 4, 5 và 6.1992, cộng-đồng Việt-nam tại Hoa-kỳ, Gia-nã-đại và Âu-châu đã rộn-rịp đón-tiếp ông Võ Đại Tôn, một trong những người anh-hùng đã rời mái gia-đình êm-ấm tại hải-ngoại, trở về biên-thùy Đông-dương tìm đường cứu nước 12 năm trước đây.

Sau khi bị cộng-sản Lào bắt giao cho CSVN, ông Võ Đại Tôn dõng-dạc công-bố giữ-vững lập-trường trong buổi họp báo quốc-tế ngày 13.7.1982 do Hà-nội sắp-xếp. Thái-độ dũng-cảm và tinh-thần bất-khuất đó khiến đồng-bào cảm-phục.

Cuối năm 1991, ông Tôn sống-sót trở về sau hơn mười năm tù-ngục. Đối với quốc dân, là một tin vui. Đối với cuộc đấu-tranh cho nhân-quyền thế-giới, đó là một thắng-lợi. Đối với đại-cuộc xóa bỏ chủ-nghĩa và chế-độ cộng-sản, đó là một sự gia-tăng sức mạnh. Sự đón-rước niềm-nở mà đồng-bào và các tổ-chức Việt-nam ở Âu Mỹ dành cho ông, thể-hiện hai điều: một là đề-cao ý-chí chống Cộng và hai là, tỏ lòng biết ơn những người đã vì dân vì nước hi-sinh trước đây.

Tuy-nhiên, sự tiếp-đón ấm-áp có tính-cách gia-đình (tin-cậy, thương-yêu) lúc ban đầu đã chuyển dần sang không-khí ngoại-giao (lịch-sự, dè-dặt). Vì sao?

Trong những ngày chót công-tác tại Hoa-kỳ, hai biến-cố đã xảy ra, một do cộng-sản chủ-động, và một do phái-đoàn Lực-Lượng Dân Quân Yểm-Trợ Phục-Quốc (LLDQ YTPQ) và ông Tôn gây ra.

Sau khi ông Võ Đại Tôn đọc diễn-văn trước quốc-hội tiểu-bang California, yêu-cầu Hoa-kỳ tiếp-tục cấm-vận Cộng-sản Việt-nam, guồng máy dân-vận trí-vận của Hà-nội tại Hoa-kỳ được lệnh "đốt" ông, bằng cách cố chứng-minh ông không phải là một người "anh-hùng", "bất-khuất".

Hà-nội đã công-bố các bản tự khai, đơn xin ân-xá cùng một xấp mấy chục tấm ảnh chụp ông Tôn tại công-viên Lenine, lăng Hồ Chí Minh và ngồi uống bia với một nữ cán-bộ chiêu-đãi (công-an) tại cửa hàng ăn uống ở Hà-nội. Một số các tờ báo ưa tin "nổ" đã sụp vào cái bẫy của hãng tin VC, biến thành diễn-đàn tuyên-truyền công-khai cho mạng lưới trí-vận Hà-nội, tiếp sức đối-phương hủy-diệt uy-tín ông Tôn.

Cố-gắng của Hà-nội không mang lại kết quả như họ mong muốn. Cộng đồng Việt Nam hải ngoại với hàng chục ngàn cựu tù-nhân chính-trị dưới chế-độ cộng-sản, đã có quá thừa kinh-nghiệm lao-tù, không ai còn lạ gì thủ-thuật "nắm cán" của VC, mỗi khi chúng bắt buộc phải phóng-thích tù-nhân vì một áp-lực nào đó. Cộng-sản có thể buông-tha thân-thể, nhưng không bao giờ ngưng tìm cách câu-thúc "linh-hồn" người tù. Trước ông Tôn, hàng trăm ngàn người khác cũng đã phải khai báo đủ loại giấy-tờ như vậy. Dĩ-nhiên có một số người kiên-cường hơn, nhất định không khai, không viết; nhưng cho dù có khai, có viết bất cứ điều gì trước áp-lực của họng súng, hành-động đó ta vẫn có thể thông-cảm và chấp-nhận, miễn là những lời khai ấy không tiết-lộ bí-mật hay vi-phạm qui-điều của tổ-chức. Mọi văn-bản viết ra dưới sự đe-dọa của bạo-lực, hoàn-toàn vô giá-trị.

Sau khi ông Tôn lên tiếng công-kích chế-độ, CSVN đã siết chiếc giây thòng-lọng mà họ tưởng đâu đã quàng chặt lên cổ ông. Hà-nội đã đánh giá sai phản-ứng của cộng-đồng. Qua bao nhiêu kinh-nghiệm đắng-cay, người Việt bây giờ bình-tĩnh hơn trước. Đồng-bào hải-ngoại sau một thời-gian bàn-tán, thẩm-định sôi-nổi, có chiều hướng bỏ qua không lưu tâm tới những tài-liệu có tính-cách bôi-bác ấy nữa.

Điều đáng tiếc là sau đó, hình-ảnh hào-hùng của ông Võ Đại Tôn thời thập-niên 80 đã bị chính tổ-chức của ông bôi cho lem-luốc. Biến-cố thứ hai xảy ra: tập Bạch-thư 40 trang, nói về *Viễn-ảnh và khát-vọng người dân Việt*, ấn-bản hải-ngoại của LLDDYTPQ, *năm Việt-nam văn-hiến thứ 4870* (tức 1991).

Tập Bạch-thư khá dài, chia ra làm 5 phần, tóm-lược như sau:

- Phần I, *Thực-trạng đất nước:* tan-nát (vì cuộc chiến-tranh ý-thức-hệ, cốt-nhục tương-tàn, bom đạn cày nát ruộng-vườn, thuốc khai-quang tàn-phá môi-sinh, nhân-lực bị lãng-phí, sự phá-sản của xã-hội và con người, sai-lầm về lãnh-đạo), dân-tộc chia-lìa (Bắc Việt giải-phóng miền Nam bằng võ-lực, đất nước biến thành trại giam, thống-trị khắc-nghiệt), xã-hội nghèo-đói lạc-hậu (ảo-ảnh thiên-đường tan-vỡ, dân-chúng thờ-ơ, phản-kháng tiêu-cực), một di-sản không có kế-thừa (mất niềm tin, mất kế-thừa); văn-hóa mất gốc từ đầu thế-kỷ, giáo-dục ngu dân, chính-sách kinh-tế lạc-hậu, quan-niệm chính-trị lỗi-

thời, chế-độ độc-tài chuyên-chính,..

- Phần II, *Những bài học lịch-sử:* những điểm son (tự-chủ, quật-cường, bất-khuất, hợp-quần, tinh-thần văn-hiến); những bài học đau-thương (dứt bỏ biểu-tượng dân-tộc, mất tự-chủ văn-hóa, mất tình-nghĩa đồng-bào, qui-lụy ngoại-bang, mất niềm tin, sự phá-sản toàn bộ xã-hội và con người).

- Phần III, *Viễn-ảnh của đất nước:* tùy-thuộc vào sự sáng-suốt của nhà cầm quyền đương-thời (CS), do đột-biến ở Liên-sô (sự tan-rã của CSVN chỉ còn là vấn-đề thời-gian), bất-trắc ở Trung-quốc (khi CS Trung-quốc sụp-đổ, VN sẽ có cơ-hội đổi mới), với chính-sách của Mỹ (viễn-ảnh sáng-sủa trong việc lập bang-giao với Hoa-kỳ), cuộc đấu-tranh dân-chủ trong và ngoài nước (xóa-bỏ định-kiến, ổn-định chính-trị, thu-hút đầu-tư). Bàn về các giải-pháp: mạnh (tổng nổi dậy và đối lực đàn-áp của chính-quyền), ôn-hòa (mượn đà đổi mới kinh-tế của chính-quyền để tiến tới đổi mới chính-trị), kinh-tế (đổi sang kinh-tế thị-trường), chính-trị (bầu-cử tự-do), ngoại-giao (vận-dụng hiệp-định Genève 1954 và hiệp-định Paris 1973); biến-chuyển tâm-lý (giải-pháp bạo-động không thực-tế, giải-pháp ôn-hòa khó đạt tới, trông-cậy vào siêu-cường sẽ bị lệ-thuộc, trông chờ vào quốc-tế quá viển-vông, hòa-hợp hòa-giải không thiết-thực, giải-pháp kinh-tế ngoại -giao được nói tới), quan-niệm giải-trừ cộng-sản chuyển sang giải-trừ bạo-lực và dối-trá.

- Phần IV, *Khát-vọng người dân Việt:* cuộc sống no-ấm an-vui, xã-hội đáng sống, quốc-gia tự-chủ.

- Phần V, *Giải-pháp đề-nghị:* phá chướng-ngại, dựng lại niềm tin, toàn dân hợp-tác xây-dựng đất nước.

Bốn phần đầu I, II, III và IV của tập Bạch-thư tạo cho người đọc cái cảm-tưởng ngỡ-ngàng và lẫn-lộn. Khi nhận-định tình-hình đất nước và nói về khát-vọng của người dân, tập Bạch-thư chịu ảnh-hưởng quá nặng các bài góp ý sửa sai, xây-dựng bản Cương-lĩnh 2000 và dự-thảo sửa-đổi Hiến-pháp 1980, phổ-biến công-khai trong nước. Các ý-tưởng này pha-trộn với quan-niệm chính-trị căn-bản của LLDQYTPQ trong giai-đoạn thành-lập, nước đi đàng nước dầu đi đàng dầu, diễn-giảng ngượng-nghịu, ngập-ngừng, đôi khi mâu-thuẫn, khiến toàn tập Bạch-thư trở thành gượng-gạo, vá-víu, khó hiểu.

Trong lời mở đầu, tập Bạch-thư ghi là "xin trân-trọng gửi tới toàn-thể đồng-bào Việt-nam, *các nhà lãnh-đạo trong* (tức chính-quyền CS) *và ngoài nước"* khiến người xem có cảm-tưởng là đang đọc một tập "kiến-nghị" có tính-cách nội-bộ, hơn là một kháng-thư có tính-cách đối đầu.

Quan-trọng nhất là phần V, phần quan-trọng nhất của của toàn tập: *Giải-pháp đề-nghị.*

Đối với một tổ-chức đấu-tranh như LLDQYTPQ, "giải-pháp đề-nghị" bao giờ cũng phản-ảnh nhận-thức chính-trị và đường lối hoạt-động. Nhận-thức của bản Bạch-thư có nhiều điểm sai-lầm từ cội rễ và đường lối đưa ra đã lỗi-thời. Cả hai đều không phù-hợp với tiến-trình giải-trừ cộng-sản của phong-trào dân-chủ trên thế-giới và do đó, không thể-hiện nguyện-vọng của toàn dân.

Bạch-thư chủ-trương *không bạo-lực, không dối-trá, không chủ-nghĩa, không hận-thù,* bao gồm lại thành một điểm: *không kẻ thắng người thua.*

Quan-niệm này không sai, nhưng nhắm sai đối-tượng, và đưa ra không đúng lúc.

Chế-độ cộng-sản từ bạo-lực mà đến, do bạo-lực mà có, nhờ bạo-lực mà tồn-tại, theo lý-tắc thông-thường, sẽ phải bị tiêu-diệt bằng bạo-lực.

Đối với một con cọp, không có một lòng từ-thiện hay một lời nói ôn hòa nào có thể cải hoá, bảo nó đừng ăn thịt nữa. Bắt được cọp, chúng ta có thể bẻ răng, rút móng nó, nhưng không thể bảo nó phải nhai cỏ để sống. Muốn cọp đừng giết-hại các sinh-vật khác, chúng ta phải giam-giữ nó trong chuồng sắt, tống nó vào rừng sâu, hoặc giết nó.

Chế-độ cộng-sản cũng vậy. Bản-chất của chủ-nghĩa, đảng-phái và cơ-cấu chính-quyền "cộng-sản" là bạo-lực, dối-trá và chuyên-chế. Muốn xây-dựng đất nước, trước hết phải lật-đổ chế-độ, xóa bỏ chủ-nghĩa và cải-thiện con người. Không có chuyện hợp-tác và cải-thiện chế-độ cộng-sản. Một khi cơ-chế cộng-sản còn nguyên đó, kêu-gọi *"sự hợp-tác của các thành-phần cầm quyền, độc-lập, đối-lập, cũng như toàn dân"* là một hành-động thừa-thãi và vô-ích. Không đợi LLDQYTPQ kêu, Cộng-sản đã tự kêu gọi liên-tục như vậy từ 1940 tới nay, càng đói càng kêu gọi hợp-tác, càng nguy càng van-nài liên-hiệp. Họ kêu-gọi còn hùng-hồn, rên-rỉ còn thảm-thiết hơn chúng ta bội phần. Những bài học lịch-sử cận-đại còn ràng-ràng trước mắt, chúng ta phải chiêm-nghiệm. Những nấm mồ oan-khiên rải-rác khắp quê-hương buộc chúng ta phải cúi đầu.

Giải-pháp *không người thắng kẻ thua* là một trò đùa trên xương máu của đồng loại, đồng-bào. Đã chiến-đấu, tất phải nghĩ tới thành bại, nhất là cuộc chiến giữa trí-nhân và cường bạo. Nhân ái cuối cùng phải thắng, bạo-tàn chắc-chắn phải thua. Nhân-ái chính là *tã trắng* mà cường bạo là *cờ hồng* như lời thơ Nguyễn Chí Thiện mà tập Bạch-thư đã dẫn.

Để phá chướng-ngại, dựng lại niềm tin, công-tác ưu-tiên hàng đầu là dẹp bỏ chế-độ cộng-sản, cơ-cấu sản-phẩm của xã-hội chủ-nghĩa.

Một khi không còn cộng-sản nữa, khi ấy chúng ta mới có thể nói đến đoàn-kết, dung-thứ, khoan-hồng, mở rộng vòng tay, lấy tình-thương xóa bỏ hận-thù, giải-quyết mọi vấn-đề của dân-tộc bằng tình và nghĩa, bằng tương ái tương thân.

Một khi chúng ta chưa có đủ sức mạnh để lay cho cái tường thành

cộng-sản rung-rinh, đừng vội nói tới chuyện khoan-hồng nhân-đạo, hợp-tác hợp-quần.

Tôi hoàn-toàn đồng ý với ông Võ Đại Tôn, khi ông đứng trước Quốc-hội California, kêu-gọi Hoa-kỳ tiếp-tục cấm-vận CSVN, để ngăn-chặn sức mạnh của bạo-lực đang đè nặng lên phong-trào đấu-tranh cho dân-chủ tại Việt-nam. Tiếc rằng tập Bạch-thư của LLDQYTPQ đã nói ngược lại, cho rằng đó chỉ là một hành-động thiếu mã-thượng của Mỹ, chỉ nhằm hạ nhục kẻ thù, trong một mục-tiêu ngắn hạn trước mắt!

Trong phần *nhận-định về những biến-chuyển tâm-lý và quan-niệm ở trong và ngoài nước,* tập Bạch-thư đánh giá sự kêu-gọi "hòa-hợp hòa-giải" dân-tộc là không thiết-thực và có tính-cách lừa-gạt. Nhưng ngay sau đó, trong giải-pháp đề-nghị toàn-dân hợp-tác, LLDQYTPQ chủ-trương *"dù muốn hay không, một giải-pháp toàn bộ cho đất nước cũng cần phải có sự hợp-tác của các thành-phần cầm quyền* (tức đảng Cộng-sản), *độc-lập* (thành-phần thứ ba), *đối-lập, cũng như toàn dân."*

Chủ-trương này là cốt-lõi của toàn tập Bạch-thư, có tính-cách chỉ-đạo cho mọi hoạt-động của LLDQYTPQ trong giai-đoạn từ 1991 trở về sau. Nó hoàn-toàn phù-hợp với chiêu-bài "hoà-hợp hòa-giải dân-tộc" do CSVN lải-nhải tuyên-truyền. Khác chăng, là ở cách dùng chữ: *"hợp-tác"* thay cho *"hoà-giải hòa-hợp."*

Liệu chúng ta có hợp-tác với "các thành-phần cầm quyền" được chăng? Liệu chúng ta có liên-hiệp với thành phần thứ ba (cánh tay nối dài của đảng Cộng sản cầm quyền được chăng? Lại chuyện *đi chung voi với đức ông!* Đặt ngược lại câu hỏi: "thành-phần cầm quyền" muốn chúng ta hợp-tác tới mức độ nào, *đánh cờng* hay *hót phân*?

Bản Bạch-thư viết rằng, *"Đây chính là lúc để các nhà lãnh-đạo* (Trung-ương Đảng) *chứng-tỏ lòng yêu nước và tình thương đồng-bào. Đây cũng chính là lúc để toàn dân chứng-tỏ sự quyết-tâm xây-dựng lại một quê-hương tự-chủ, một dân-tộc văn-hiến, bất-khuất."*

Về phía Cộng-sản, nếu bảo chấp-nhận *hợp-tác dân-tộc* (tức hoà-hợp hòa-giải dân-tộc) là "chứng-tỏ lòng yêu-nước và tình thương đồng-bào" thì CSVN đã yêu nước lắm, đã thương đồng-bào lắm, vì xưa nay chế-độ đứng vững nhờ biết đưa ra chiêu-bài "liên-hiệp", "đại đoàn-kết", "hòa-giải hoà-hợp" (và bây giờ, *hợp-tác?*) đúng lúc, mỗi khi lâm nguy.

Về phía đồng bào, khi bảo rằng "hợp-tác" với "các thành-phần cầm quyền" là chứng-tỏ sự quyết-tâm xây-dựng lại quê-hương, tập Bạch-thư đã công-khai lăng-mạ người anh cả của LLDQYTPQ là ông Võ Đại Tôn, người chẳng những đã không chịu "hợp-tác", mà còn tìm cách lật-đổ "thành-phần cầm quyền."

Tập Bạch-thư, từ điểm then-chốt này suy rộng ra, chính là một bản tuyên-ngôn đầu hàng Cộng-sản. Chẳng những nó bội-phản ý-chí và sự hi-sinh cao cả của trưởng nhiệm Võ Đại Tôn mà còn chà-đạp nguyện-vọng của toàn dân.

So-sánh nội-dung tập Bạch-thư và những lời phát-biểu của ông Võ Đại Tôn trong mấy tháng qua, các điểm mâu-thuẫn rất rõ-ràng.

Tập Bạch-thư ghi năm 1991, trong khi ông Tôn cho tới cuối năm đó (ngày 11 tháng 12) mới ra khỏi nhà tù, do đó ông không thể là người soạn-thảo Bạch-thư. Nhưng dù không tự tay soạn-thảo, ông vẫn phải chịu hoàn-toàn trách-nhiệm, vì ông là người đứng đầu tổ-chức, và cũng chính ông phát-hành tập sách tại Hoa-kỳ.

Bài nhận-định sơ-khởi này và bài phân-tích tiếp theo ở các trang sau của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, được viết trước khi anh em *Làng Văn* và Văn Bút có dịp tiếp-xúc và thảo-luận với phái-đoàn của ông Võ Đại Tôn và LLQDYTPQ. Chúng tôi tin là sẽ san phẳng được các điểm dị-biệt hoặc hiểu lầm.

Trong tình chiến-hữu, và trong trách-nhiệm chung đối với quốc-gia, chúng tôi ước-mong ông Tôn và các anh em trong LLDQYTPQ sẽ công-khai rút lại tập Bạch-thư và tạ lỗi trước quốc-dân về những điểm sai-lầm căn-bản đã đưa ra. Đó là một thái-độ nghiêm-chỉnh của một người trong quá-khứ đã từng có những hành động anh hùng. □

Phân-Tích Tập Bạch-Thư "Viễn-Ảnh Nước Việt-Nam và Khát-Vọng Người Dân Việt"

Nguyễn Ngọc Ngạn

Ông Võ Đại Tôn từ nhà tù Việt Nam trở lại Úc châu, được đồng bào địa phương ân cần tiếp đón. Ông cùng phái đoàn sang thăm Bắc Mỹ, tới bất cứ thành phố nào, cộng đồng người Việt cũng dành cho ông nhiều thiện cảm. Người ta nghênh tiếp ông không phải vì ông là một anh hùng cứu quốc, điều mà chính ông không bao giờ tự nhận. Cũng không phải vì ông vừa trả qua hơn mười năm trong ngục tù cộng sản. Bởi nếu tính ngày tù làm thành tích, thì nhiều anh em H.O. từng ở tù lâu hơn ông. Đồng bào quý ông là vì sự dấn thân của ông hơn một thập niên trước đây, khi ông đang từ một xứ sở tự do, dám giã biệt đời sống yên ấm để trở về, khơi dậy ngọn lửa đấu tranh tại quốc nội, dù rằng ai cũng biết đi như thế, mười phần nắm chắc cả mười là sẽ khốn đốn. Đồng bào càng phục hơn khi ông xuất hiện trong cuộc họp báo ngày 13.7.82, dưới áp lực nặng nề của địch mà vẫn khẳng khái minh xác lập trường chống cộng.

Sau một thập niên xa cách, hôm nay ông về lại với cộng đồng người Việt hải ngoại. Nếu chỉ nhìn kết quả để đánh giá, thì ông là một người chiến bại. Nhưng cái tinh thần xông pha của ông mười năm về trước vẫn còn đậm nét trong lòng mọi người, và đồng bào đón ông chính là để xiển dương tinh thần ấy.

Trong chuyến đi Bắc Mỹ và Âu châu kỳ này, phái đoàn Úc châu ban đầu công bố mục đích là "để cảm ơn đồng bào và ra mắt tập thơ *Tiếng chim bên dòng thác Champy*". Nhưng sang đến Hoa kỳ, trong khi tiếp xúc với công chúng, ông Võ Đại Tôn đã chính thức cho phổ biến một tập tài liệu dưới dạng bạch thư, mang tên *"Viễn ảnh nước Việt Nam và khát vọng người dân Việt"* của Lực Lượng Dân Quân Yểm Trợ Phúc Quốc (LLDQYTPQ) mà ông là chủ tịch sáng lập. Nghĩa là ông không chỉ thuần túy đi thăm đồng hương mà, đúng hơn, ông muốn nhân chuyến đi này, công khai hoá chủ trương của đoàn thể ông lãnh đạo, đề nghị hướng giải quyết tương lai cho Việt Nam sau 17 năm tăm tối.

Nội dung bản Bạch Thư 40 trang ấy, đã nhanh chóng trở thành một đề tài tranh luận, một mối ngờ vực và là một tì vết chắc chắn sẽ lưu lại lại lâu dài sau chuyến công tác lẽ ra phải rất tốt đẹp của phái đoàn Úc châu.

Bạch Thư gồm tất cả năm phần, nhưng bốn phần đầu chỉ có tính cách dẫn nhập để đưa đến chủ điểm nằm trong phần cuối là "Giải pháp đề nghị", trong đó LLDQYTPQ nêu ra các phương thức cứu nguy đất nước mà chúng ta sẽ mổ xẻ dưới đây.

Nhìn tổng quát, lời lẽ Bạch Thư rất yếu ớt, đánh kẻ thù mà đường như sợ kẻ thù đau, chửi kẻ thù mà lo kẻ thù giận! Vì vậy những lý luận Bạch Thư đưa ra rất mù mờ, lắm khi mâu thuẩn; và những giải pháp đề nghị chỉ có tính cách "kiến nghị", xin nhà cầm quyền Hà Nội cứu xét. Ngay đoạn đầu, Bạch Thư viết:

"Xin trân trọng gửi tới: Toàn thể đồng bào Việt Nam, các nhà lãnh đạo trong và ngoài nước".

Chính vì muốn "trân trọng gửi tới các nhà lãnh đạo trong nước", cho nên Bạch Thư thiếu hẳn những ngôn từ bình thường của một chiến sĩ quốc gia đấu tranh, lại càng không thể là tiếng nói của cả một lực lượng hơn mười năm nay chỉ lo việc phục quốc! Và có thể chính vì không muốn bị đảng Cộng sản hiểu lầm rằng mình là tay sai ngoại bang, người soạn thảo Bạch Thư đã gián tiếp nhắc đi nhắc lại nhiều lần chủ-trương triệt-để bài-ngoại, một cách cứng nhắc, và kêu-gọi giải-quyết mọi vấn-đề trên căn-bản dân-tộc thuần-túy.

Nhân dịp chiến sĩ Võ Đại Tôn cùng phái đoàn Úc châu sắp ghé thăm Toronto, tôi viết bài này, lược trình từng phần của văn bản, đồng thời mạo muội góp vài ý kiến xây dựng với LLDQYTPQ mà ông Võ Đại Tôn là trưởng nhiệm.

PHẦN I: THỰC TRẠNG ĐẤT NƯỚC

Phần này hết sức thừa thãi, bởi hiện tình đất nước ra sao, bất cứ ai, dù thờ ơ đến đâu, cũng đều đã biết. Tuy nhiên, tôi có cảm tưởng nó là một sự thừa thãi cố tình, nhằm khêu gợi lòng thương của thế giới và nhất là ở khối người Việt hải ngoại. Cái đói, cái khổ, được nhắc đi nhắc lại, bao trùm gần trọn phần này và sẽ còn được nói tới nhiều lần ở những trang sau. Xin mời bạn đọc theo dõi vài đoạn then chốt:

"Sau thế chiến thứ hai, Việt Nam đã bỏ lỡ một cơ hội hiếm hoi, giành lại tự do và tự chủ, để lại bị xô đẩy vào cuộc chiến tranh ý thức hệ cốt nhục tương tàn kéo dài suốt 30 năm. Đây chính là sự sai lầm lớn nhất thế kỷ. Trong vinh quang vội

vã của một nền độc lập chưa có tự chủ, người dân Việt đã phải trả giá cho lỗi lầm lãnh đạo của thập niên 40 ấy bằng sinh mạng, bằng oan khiên, uất hận, bằng tù đày, xiềng xích, bằng sự nghèo đói, lầm than, thất học. Đất nước bị cày nát bởi bom đạn. Môi sinh bị tàn phá bởi thuốc khai quang. Nguồn tài nguyên thiên nhiên bị phá hoại trầm trọng. Nguồn nhân lực bị lãng phí oan uổng.", "Cái nhục của sự nghèo đói lạc hậu cũng không thua kém cái nhục của sự mất nước. Sự thật này đã được nói lên bởi chính người dân trong nước. Cả nước nghèo đói tả tơi mặc dầu những thành tích lao động vượt chỉ tiêu luôn luôn được tuyên dương.", "Nhìn xa hơn nữa, sự nghèo đói lầm than cơ cực chẳng phải chỉ là một cơn bệnh thời tiết; giới y học cho rằng tình trạng thiếu dinh dưỡng và sợ sệt lo lắng triền miên đang làm suy thoái nòi giống trầm trọng." (trang 5 và 6).

Đọc các đoạn văn vừa trích dẫn, người ta thấy từ văn phong đến ý tưởng, phảng phất âm hưởng những tiếng than gần đây của Dương Thu Hương và các nhà lãnh đạo cộng sản trong nước. Chỉ khác một điều là nó còn yếu hơn cả các kiến nghị của Nguyễn Khắc Viện, Phan Đình Diệu, Lữ Phương, v.v..; sơ sài hơn cả những tiết lộ của Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Mạnh Cầm, v.v.. khi những đảng viên này đề cập đến cái đói của nhân dân để xin Mỹ bãi bỏ cấm vận và xin thế giới viện trợ nhân đạo. Thành ra người soạn Bạch Thư đã chỉ lập lại giùm đảng Cộng sản những lời vận động cứu đói mà thôi.

Bạch Thư dẫn chứng: *"Phẫn uất chán chường về một thiên đường không có đủ cơm gạo, của một thế giới thiếu thành thật và thiếu tình người, giới trí thức trong nước nổi dậy đòi hỏi sự thẳng thắn của nhà cầm quyền. Ngay cả các tầng lớp cán bộ trung kiên cũng biểu lộ sự bất mãn cùng cực, các thành phần kháng chiến cũ ra mặt chống đối".* (trang 7).

Có vài điểm tôi thấy cần phải góp ý. Trước hết, đứng trên quan điểm quốc gia dân tộc, người ta không thể chỉ nhìn lại cuộc chiến trước 75 như một trò chơi huynh đệ tương tàn, mà phải vạch rõ nguyên nhân đích thực của cuộc chiến ấy, đúng với lập trường, với sự thật và với lẽ công bằng tối thiểu. Cuộc chiến trước 75, xét về lãnh thổ, là một cuộc xâm lăng của miền Bắc (Việt Nam Dân chủ Cộng hoà) vào miền Nam (Việt Nam Cộng Hoà). Xét về ý thức hệ, là một cuộc xâm lăng của chủ nghĩa cộng sản vào phía tự do. Nếu phủ nhận sự thật này, thì mọi suy diễn đều sẽ lệch lạc, mọi giải pháp đề nghị đều chỉ là vá víu, là tưới cây trên ngọn, là chữa bệnh ngoài da mà thôi. Bạch Thư cho rằng cuộc chiến tranh ấy "chính là một sự sai lầm lớn nhất thế kỷ", nhưng lại cố tình né tránh không nói rõ ai sai lầm, ai phải chịu trách nhiệm về sự sai lầm ấy! Nghĩa là ai đã đem lại thảm hoạ cho đất nước từ sau thế chiến thứ hai và còn di hại đến nay.

Thứ đến, cái đói cái nghèo mà chính đảng Cộng sản đang ra rả từng ngày để xin ngoại viện, là một hệ quả tất nhiên của chính sách kinh tế cộng sản, nhưng chỉ là một hệ quả nhỏ, không phải là động lực chính để người ta chống cộng. Người ta không lật đổ một chính quyền chỉ vì chính quyền ấy nghèo. Người ta làm cách mạng lật đổ một chế độ, một chính quyền, vì những khát vọng tinh thần, vì những áp bức tư tưởng mà nhân dân bị đè nén, chứ không phải vì cơm gạo. So với Việt Nam, các nước Đông Âu và Liên sô no đủ hơn, nhưng họ vẫn đi tiên phong trong việc xóa bỏ chủ nghĩa cộng sản. Câu ví von "cái nhục của sự nghèo đói và lạc hậu cũng không thua gì cái nhục của sự mất nước" từ căn bản đã sai rồi vì hai thứ ấy không thể so sánh với nhau được. Mất nước là một cái nhục. Nghèo đói không phải là một cái nhục. Một quốc gia không có tài nguyên, trình độ kỹ thuật kém, lại gặp nhiều thiên tai, thì dù có ra sức lao động vẫn không đủ ăn. Như thế có gì mà nhục! Câu nói trên mà nhà văn Việt cộng viết ra, tuy có xác nhận tình trạng thiếu ăn hiện nay, nhưng vẫn hàm ý hãnh diện vì đảng Cộng sản đã rửa cho dân cái nhục mất nước, tức là đuổi Pháp đuổi Mỹ! Vì vậy nó chẳng có gì để đáng trích dẫn.

Người soạn Bạch Thư có lẽ đã không đặt câu hỏi là tại sao đảng viên Cộng sản trong nước, từ tổng bí thư cho đến ủy viên các cấp, các nhân viên chính quyền và cán bộ văn hoá, đều lớn tiếng xác nhận nhân dân đang nghèo đói? Là bởi họ muốn giải thích với quần chúng rằng, nước sở dĩ nghèo là vì hậu quả của chiến tranh mà thuốc khai quang và bom Mỹ là nguyên nhân chính. Họ vẫn cho rằng nước nghèo đến độ cả triệu người phải vượt biên đi "tị nạn kinh tế"! Nước lại càng nghèo hơn vì Mỹ cố tình cấm vận để trả thù! Cho nên cái đói mà chúng ta lên án, thì với Việt cộng, lại là thứ vũ khí ăn khách để họ đem ra kêu gọi lòng thương của Hoa kỳ, của thế giới và của người Việt hải ngoại. Nói đến nghèo đói, họ luôn luôn kèm theo thuốc khai quang và bom đạn Mỹ! Chúng ta đã từng nghe biết bao nhiêu cán bộ Cộng sản và các nhân vật phản chiến tuyên bố rằng: Cứ bãi bỏ cấm vận, bang giao với Việt Nam, đầu tư xây dựng kinh tế, rồi sẽ có tự do dân chủ. Cấm vận chỉ làm 60 triệu dân khổ hơn mà thôi! Nói cách khác, việc Cộng sản bạch hoá tình trạng đói khổ của nhân dân, không phải là một thiện chí, một thú nhận về quản lý kinh tế sai lầm, mà là một chiến thuật câu viện trợ; giống như người cha đem đứa con bệnh hoạn bôi thuốc đỏ cùng mình, băng bó chân tay trắng toát, bế ra lề đường ngồi ăn xin mà chúng ta từng chứng kiến ở những xã hội túng quẫn.

Lẽ tất nhiên chuyện đói khổ ở Việt Nam là điều có thật, Việt cộng muốn che đậy cũng không che đậy nổi. Chúng ta đau xót chia sẻ tình trạng nghèo khổ của đồng bào quốc nội, nhưng nếu nghe cán bộ Cộng

sản than thở về sự nghèo đói mà mủi lòng nhận định rằng họ có thiện chí thú nhận khuyết điểm là ta đã sập bẫy của họ.

Đây chỉ là một điểm nhỏ, nhưng tôi muốn vạch ra để các vị soạn thảo Bạch Thư điều chỉnh lại cái nhìn của mình mỗi khi theo dõi sách báo Việt cộng. Nếu không thấy rõ cái khổ nhục kế của địch ẩn nấp sau những lời tuyên bố của họ, thì chúng ta, những người đang sống tại các quốc gia an bình và thịnh vượng, sẽ rất dễ bị lung lạc và mất hướng. Bằng chứng là ở trang 9, khi truy tầm nguyên nhân đưa đến tình trạng suy sụp của đất nước hiện nay, Bạch Thư đã qui kết 4 nguyên nhân sau đây:

- Văn hoá Việt Nam mất gốc từ đầu thế kỷ, khi Tây phương tràn vào, mang theo thuyết duy lý và duy vật.
- Nền giáo dục ngu dân, hủy diệt tình người, hủy diệt tính quật cường.
- Kinh tế lạc hậu, quản lý thấp kém.
- Quan niệm chính trị cố chấp lỗi thời và sự lãng phí của những chế độ độc tài chuyên chính.

Trong cuộc chiến đấu trực diện hiện nay, kẻ thù duy nhất là đảng Cộng sản đang nắm quyền, thì Bạch Thư không hề nhắc đến, mà lại kéo lùi lịch sự lại từ đầu thế kỷ, để độc giả hiểu rằng: Thảm trạng đất nước ngày nay không phải lỗi riêng của CS, mà vì văn minh Tây phương xâm nhập từ đầu thế kỷ kia! Khi nói "nền giáo dục ngu dân, hủy diệt tình người", Bạch Thư cũng không cho biết đó là nền giáo dục của chính quyền nào. Trần Trọng Kim, Đệ Nhất Cộng Hoà, Đệ Nhị Cộng Hoà hay Việt cộng! Giá như Bạch Thư nói rõ từ 1975 đến nay thì dù né tránh hai tiếng "cộng sản", độc giả cũng hiểu ngay được là chính quyền Xã hội Chủ nghĩa. Đằng này, các tác giả chỉ lên án chung chung từ đầu thế kỷ đến bây giờ, và nổi bật hơn nữa là ở điểm cuối cùng, Bạch Thư chỉ trích "sự cố chấp và lãng phí của *những* chế độ độc tài chuyên chính". Không hiểu từ trước đến nay, nước ta có bao nhiêu chế độ độc tài chuyên chính?

Có một lý do nào đó khiến tác giả Bạch Thư ngại nhắc đến hai chữ "cộng sản". Thậm chí khi Việt cộng đặt ách thống trị lên cả nước, Bạch Thư cũng nhẹ nhàng viết rằng: *"Chiến tranh đã chấm dứt vào tháng tư năm 1975 khi Bắc Việt hoàn tất cuộc giải phóng miền Nam bằng võ lực"* (tr. 6). Ở một đoạn khác, khi nói về chính sách đổi mới của VC, thay vì viết rằng đó là một chiến thuật của nhà nước, nhằm kêu gọi người Việt hải ngoại đổ ngoại tệ vào, thì Bạch Thư lại viết: *"Chế độ đã nới rộng tự do đi lại để Việt kiều hải ngoại về thăm đất nước tìm cơ hội kinh doanh"*. Nhìn như thế tức là mặc nhiên cho rằng việc VC kêu gọi du lịch và đầu tư ở Việt Nam là một ân huệ dành cho người Việt hải ngoại.

Đây không phải là lần đầu tiên trong cộng đồng người Việt hải ngoại, chúng ta bắt gặp những bài tham luận tiêu cực như thế này. Từ vài năm nay, đã xuất hiện trên báo chí một số bài viết quanh co, cố ý thay đổi lề lối đấu tranh. Họ vẫn chống Cộng, nhưng họ cảm thấy cần phải ve vãn kẻ thù theo kiểu tự lên án mình trước rồi mới trách VC sau. Hoặc họ lặp đi lặp lại cái ý nhân nhượng rằng: Tôi với anh cùng có lỗi cả, thôi thì bây giờ cả hai bên cùng sám hối, rồi cùng bắt tay xây dựng đất nước. Họ tưởng nọi như thế thì VC sẽ mủi lòng oà lên khóc rồi nhất loạt rút lui về đuổi gà! Ông Vũ Văn Mẫu khi nhận chức thủ tướng cuối cùng của VNCH cũng đã tin như thế, cho nên khi vừa nhậm chức, vội vàng lớn tiếng đuổi Mỹ và thả hết tù binh CS để hy vọng Việt cộng sẽ hoà đàm. Đó là một lỗi lầm chính trị của đời ông và là bài học sơ đẳng cho tất cả mọi người.

Bạch Thư của LLDQYTPC hôm nay cũng phảng phất luận điệu "quốc cộng cùng có lỗi", cho dù những người soạn thảo có phải ép lòng mà nói sai lịch sử. Lẽ tất nhiên đứng ở tầm vóc một đoàn thể, không cần phải sử dụng những ngôn từ đao to búa lớn hoặc những từ ngữ bất nhã khi viết về kẻ thù. Ngôn ngữ ôn hoà bao giờ cũng đáng quí, nhưng dù ôn hoà đến đâu thì lập trường vẫn phải rõ, lý luận vẫn phải vững và dẫn chứng vẫn phải đúng với sự thật. Cộng sản là thủ phạm gây nên thảm trạng đất nước hôm nay. Đó là sự thật. Đừng vòng vo đổ tội cho "văn hoá Tây phương" xâm nhập từ đầu thế kỷ, hoặc lên án "những chế độ độc tài chuyên chính"!

PHẦN II:
NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ

Đây là một mớ lý thuyết công dân giáo dục, gồm những nhóm chữ rất quen thuộc nhằm kêu gọi đoàn kết, hợp quần gây sức mạnh, khơi dậy tinh thần tự chủ, truyền thống chống xâm lăng, tinh thần bao dung, "lấy chí nhân thay cường bạo" và nhắc nhở tình ruột thịt, nghĩa đồng bào, trăm trứng trăm con,v.v.. Nó mông lung, mơ hồ, ai muốn hiểu thế nào cũng được. Nó là chủ trương hoà hợp hoà giải nhưng né tránh mấy chữ đó để khỏi bị chỉ trích. Rồi Bạch Thư êm ái kết luận:

"Liệu toàn dân và những người đang gánh vác trọng trách lãnh đạo có đủ can đảm vượt qua những chông gai thử thách, những cố chấp tham vọng, những bóng tối của hận thù, những ma lực của ý thức hệ và những lôi cuốn của nền văn minh ngoài con người để xây dựng lại một nếp sống an lạc, một nền chính trị quân bình hoà hợp trong lẽ sống tự chủ cho toàn dân tộc hay không?" (tr. 16).

Đọc đoạn này, tôi chắc có nhiều độc giả sẽ thở dài. Một đoàn thể lo việc phục quốc, nhắn gửi những lời lẽ nồng nàn đến ông Đỗ Mười và các ủy viên bộ Chính Trị đang "gánh vác trọng trách lãnh đạo", để xin các ông ấy nghĩ đến dân tộc mà cố gắng "vượt qua những chông gai thử thách".

Những người soạn thảo cuốn

Bạch Thư đứng ở vị trí nào để viết những dòng này? Họ cố tình làm ra vẻ khách quan, từ tốn, hy vọng đảng Cộng sản đọc được những dòng này mà xúc động chăng? Căn nhà chúng ta bị cướp, nếu chúng ta không gây áp lực đủ mạnh, cách này hoặc cách khác, thì không đời nào bọn cướp chịu trả nhà lại, dù rằng chính chúng cũng biết việc chiếm ngụ đó là sai trái. Huống chi, Cộng sản chiếm miền Nam, đối với chúng ta là xâm lăng, là cưỡng chiếm; nhưng đối với họ, là giải phóng, là hành vi chính đáng mà nhân dân phải biết ơn. Chúng ta gọi họ là bọn xâm lăng, nhưng họ tự hào là có công đánh đuổi ngoại bang và coi chúng ta là tay sai phản quốc. Thế thì mọi lời kêu gọi, van nài, đều hoàn toàn vô ích nếu không muốn nói là ngớ ngẩn. Chúng ta đề nghị hoà hợp hoà giải theo nghĩa đôi bên cùng ngồi lại, cùng nhượng bộ và hợp tác. Trong khi hoà hợp hoà giải đối với họ có nghĩa là chúng ta phải đầu hàng, tự đặt dưới quyền lãnh đạo muôn đời của đảng Cộng sản. Cái thông điệp mà họ vẫn nhắc đi nhắc lại là, mọi người, nhất là Việt kiều, cứ việc về nước, góp tiền, góp sức xây dựng tổ quốc. Còn việc lãnh đạo thì để đấy cho đảng Cộng sản, đừng ai xía vào! Họ hãnh diện là họ đang cứu nước, đang lo cho dân, mà chúng ta lại kêu gọi họ từ bỏ quyền hành là ta không hiểu gì về kẻ thù cả.

Xin nhớ một chân lý căn bản: Đừng bao giờ nghĩ đến việc đấu tranh với cộng sản bằng hình thức "kiến nghị".

Có một điểm nhỏ tôi xin thêm ở đây vì e rằng những tác giả soạn thảo Bạch Thư không để ý. Trong chính trị, khi nhắc đến những bài học lịch sử, thông thường người ta đều nhắm một mục đích nào đó. Chẳng hạn để khơi dậy niềm tự hào dân tộc, hoặc để rút tỉa kinh nghiệm của tiền nhân.

Việt cộng luôn luôn nói đến truyền thống chống ngoại xâm. Mục tiêu của họ là nhắc cho dân biết, chính họ đã tiếp nối truyền thống ấy qua việc đánh Pháp và đánh Mỹ, rồi từ đó, dẫn đến kết luận phía quốc gia là tay sai đế quốc xâm lăng, là kẻ thù của dân tộc. Việt cộng cũng hay nói đến việc đoàn kết toàn dân, nhưng phải hiểu theo nghĩa đoàn kết sau lưng Đảng, vì "yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội".

Những người soạn thảo Bạch Thư, có lẽ không nhìn ra thâm ý đó của địch, cho nên đã thêm vào Bạch Thư nguyên một phần "Những bài học đau thương của lịch sử", nhấn mạnh quá khứ chống xâm lăng của người Việt, hoàn toàn không cần thiết vì chẳng dẫn đến kết luận nào cả, ngoài việc sao chép tài liệu và bày tỏ vài tiếng than!

Không ai muốn có chiến tranh. Điều đó đã hiển nhiên. Nhưng chiến tranh vẫn xảy ra và bất cứ cuộc chiến nào, dù là hai đứa con nít đánh lộn ngoài đường, cũng phải có nguyên nhân, phải có kẻ gây chiến. Bắc Việt không xâm lăng miền Nam thì đã không có chiến tranh, không có bom đạn, không có thuốc khai quang. Cho nên chống chiến tranh, có nghĩa là phải chống kẻ gây chiến, chống nguyên nhân của cuộc chiến, chứ không thể chỉ lên tiếng khơi khơi và nhỏ vài giọt nước mắt. Đã không nhắc đến thì thôi, coi như chuyện đã qua. Còn đã nói đến, thì phải nói hết và nói cho đúng với lịch sử, để khỏi phản bội hàng triệu người đã nằm xuống trước và sau 75; để khỏi gây tủi nhục cho hàng triệu người còn sống nhưng tàn phế, vất vưởng vì hệ quả của cuộc chiến tranh xâm lăng ấy.

PHẦN III: VIỄN ẢNH CỦA ĐẤT NƯỚC

Trong phần này, dựa vào những biến cố đã xảy ra tại Đông Âu và Liên sô, Bạch Thư tiên đoán Việt Nam cũng sẽ đi theo con đường đó. Chỉ ân cần nhắc nhở chúng ta và đảng Cộng sản rằng: *"Viễn ảnh ấy sẽ trở nên tốt hay xấu còn tùy thuộc ở ý chí của toàn dân và sự sáng suốt của nhà cầm quyền đương thời"*(tr. 18). Nghĩa là vẫn hy vọng đảng Cộng sản sẽ thay đổi dù rằng họ chưa bị một áp lực nào đáng kể.

Những diễn giải sau đó cũng gây cho độc giả khá nhiều ngạc nhiên. Đáng chú ý nhất là khi nhận định về mục đích của biện pháp cấm vận mà Hoa kỳ đang áp dụng, Bạch Thư đã viết một câu mỉa mai như sau:

"Trong chính sách có vẻ mã thượng của một dân giàu mạnh mang niềm kiêu hãnh chưa từng biết thua trận, những mục tiêu trước mắt (của chính sách cấm vận) *không có gì khác hơn là bắt những kẻ làm nhục mình phải quỳ gối".*

Nếu quả thực ban hành chính sách cấm vận chỉ để nhằm mục tiêu thấp hèn như vậy, thì Hoa kỳ đã làm một việc vô ích, không xứng đáng là một siêu cường của thế giới. Lý luận này tôi đã đọc nhiều lần trong báo VC. Họ nói với dân như thế, gán cho Hoa kỳ tâm địa nhỏ nhen, cấm vận chỉ cốt để rửa mối hận "đã thua chạy nhục nhã năm 75".

Chúng ta nên nhìn lại sự thật. Người Mỹ không có máu thù dai như người Á châu. Ngay sau khi Việt cộng chiếm miền Nam, mộ phần của hơn năm chục ngàn chiến binh Hoa kỳ chưa xanh cỏ, mấy trăm ngàn cựu chiến binh và phế binh chưa ổn định cuộc sống hậu chiến, thì tổng thống Carter đã hân hoan ngỏ ý bang giao và viện trợ cho Việt cộng! Chính sách của Hoa kỳ thay đổi theo quyền lợi của nước họ và tùy theo tình hình thế giới. Họ không ban hành một quốc sách chỉ vì thù vặt hay thù dai, như VC gán ghép. Tâm lý cá nhân người Việt không phải là khuôn mẫu để chính khách Hoa kỳ bắt chước. Họ đã cấm vận Nam Phi vì xứ này kỳ thị chủng tộc. Họ đã cấm vận Cuba vì nước này vi phạm nhân quyền. Họ đã cấm vận Iraq vì Saddam xâm lăng láng diềng. Tất cả những nước đó chưa từng làm nhục Mỹ để Mỹ phải ra tay trả thù.

Mỹ cấm vận Việt Nam vì năm 79 Việt Nam xâm lăng Cao Miên, rồi tiếp theo đó là vì tình trạng vi phạm nhân quyền trầm trọng, thường

xuyên diễn ra qua việc bắt bớ giam cầm liên tục từ 1975 đến nay. Một quốc gia mà bên trong thì đàn áp dân chúng, bên ngoài thì xâm lăng gây hấn, bị trừng phạt là chuyện đương nhiên và hợp lý. Thay vì Bạch Thư phải lên án cộng sản và ủng hộ biện pháp trừng phạt của Hoa kỳ, bởi đó là cách duy nhất hiện nay để đòi CS phải thực thi nhân quyền, thì những người soạn thảo lại đồng lõa với kẻ thù, cho rằng Hoa kỳ duy trì cấm vận VN chỉ muốn trả thù chơi cho bõ ghét!

Kết thúc phần III, Bạch Thư đề nghị người Việt Nam, quốc nội và hải ngoại, quốc gia và cộng sản, hãy tự lực cùng nhau *"giải quyết mọi vấn đề, (...) dựng lại một đất nước mới trên những hoang tàn đổ nát cũ mà không cần phải cầu cứu khẩn nài một siêu cường nào giúp đỡ"* (tr. 21)

Trên thế giới ngày nay, siêu cường phía cộng sản đã tự giải tán rồi — và đang ngửa tay xin viện trợ — chỉ còn một siêu cường duy nhất là Hoa kỳ mà thôi. Cho nên câu văn trên có thể hiểu theo nghĩa là "không cần phải cầu cứu khẩn nài Hoa kỳ giúp đỡ"!

Đây là một đề nghị lý tưởng, biểu lộ ý thức dân tộc tuyệt đối, thà nghèo chứ không dựa vào ngoại nhân. Chắc bản Bạch Thư muốn chỉ trích các đoàn thể chính trị hải ngoại đang nỗ lực vận động Hoa kỳ và quốc tế hỗ trợ cuộc đấu tranh chống cộng, đồng thời cũng chỉ trịch luôn đảng Cộng sản Việt Nam đang vận động xin Mỹ bãi bỏ cấm vận để tiến đến bình thường hoá quan hệ ngoại giao, mở đường cho các nước tư bản vào đầu tư. Fidel Castro nếu đọc được những dòng này chắc sẽ hài lòng lắm bởi mới đây ông đã tuyên bố: "Nhân dân Cuba thà ăn cỏ chứ không ăn McDonald's"

Trong thế liên kết toàn cầu từ sau đệ nhị thế chiến đến nay, không một quốc gia nào trên thế giới có thể đi theo chủ nghĩa dân tộc quá khích, nghĩa là tuyệt đối độc lập, không ngả theo bên này hoặc bên kia. Ngay cả những nước tự nhận là thuộc "thế giới thứ ba" hoặc "quốc gia phi liên kết" cũng vẫn bị cuốn theo ảnh hưởng tả phái hay hữu phái. Một bộ lạc sống biệt lập trên hoang đảo, không giao tiếp với bất cứ dân tộc nào khác, vẫn có thể bị diệt chủng vì phóng xạ nguyên tử trong không khí! Chúng ta cần phải đối diện một sự thật là chủ nghĩa dân tộc quá khích không có đất sống trên địa cầu. Biết rõ như thế để hành xử có lợi cho đất nước, thì hơn là nhắm mắt lại, phủ nhận mọi ảnh hưởng chung quanh. Việc nương dựa vào một hay nhiều nước khác, vận dụng sức mạnh quốc tế để làm lợi cho dân tộc mình, thì không có gì xấu mà phải né tránh.

Cần định nghĩa cho rõ thế nào là tay sai ngoại bang. Những kẻ dựa vào ngoại bang, hưởng đặc quyền đặc lợi của ngoại bang để phản bội dân tộc, thì mới gọi là tay sai ngoại bang. Còn những người dùng ảnh hưởng của nước ngoài để phục vụ cho đất nước mình thì có gì đáng trách mà phải tự ti mặc cảm? Đông Âu đã không tự thay đổi nếu không có đức Giáo hoàng, không có Gorbachev, không có những cộng đồng Đông Âu định cư tại hải ngoại, không có Hoa kỳ và nhiều quốc gia tư bản khác gián tiếp thúc đẩy. Dù ưa hay ghét Mỹ, chúng ta vẫn phải nhìn nhận một sự thật là ảnh hưởng của Mỹ rất lớn trong việc gây áp lực với VC và cái áp lực đó, nếu chúng ta dùng được để góp phần làm thay đổi chế độ trong nước, thì có nên vì bám víu chủ nghĩa dân tộc mà bỏ qua hay không? Trừ trường hợp một buổi sáng đẹp trời nào đó, tự dưng đảng Cộng sản Việt Nam, với hơn 2 triệu đảng viên, 4 triệu đoàn viên, với toàn bộ hệ thống quân đội và công an hùng hậu trong tay, bỗng tuyên bố giải tán khơi khơi, mời toàn dân bầu cử tự do để chọn người lãnh đạo, thì lịch sử Việt Nam sẽ có một chương huyền thoại và chúng ta sẽ chẳng cần đến bất cứ một nước nào trên thế giới hỗ trợ nữa! Chính ông Võ Đại Tôn, nếu không nhờ Úc và quốc tế can thiệp, thì dù ông có viết đến một ngàn lá đơn xin ân xá, Việt cộng cũng không tha ông!

Cũng trong phần III, Bạch Thư đã đưa ra một số phân tích mà tôi cho là hết sức quan trọng cần được mổ xẻ. Dẫn chứng thì quá nhiều, chỉ xin mời độc giả theo dõi một đoạn sau đây:

"Khi những giải pháp chính trị được nói tới (để giải quyết tình hình Việt Nam), *thái độ của người Việt ở hải ngoại đã không còn tính cách tiêu cực, người ta sẵn sàng nghe và đối thoại với chế độ. Quan niệm 'giải trừ cộng sản' từ phía chống đối chế độ được chuyển vào những ý niệm then chốt là giải trừ bạo lực và đối trá. Trong khi ấy, tiếng nói của người dân trong nước càng ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn với sự đòi hỏi chế độ phải từ bỏ cách mạng bạo lực và độc quyền chính trị. Cách thành phần nhân sĩ có thế lực trong nước, lên tiếng yêu cầu sửa đổi hiến pháp, thành lập các cơ cấu dân chủ. Những quan niệm về dân chủ được bình luận một cách rộng rãi, những kế hoạch đổi mới chính trị được đề nghị một cách công khai. Đồng thời ở hải ngoại cũng đưa ra những quan điểm về xây dựng dân chủ, về chính sách kinh tế hậu CS.*

"Những biến chuyển nhận thức nêu trên cho thấy chưa bao giờ quan điểm của người dân trong nước và hải ngoại lại gần nhau đến thế. Đây là một dấu hiệu đáng lạc quan khi người dân Việt cả trong và ngoài nước đang cùng nhìn về một viễn ảnh mới". (tr. 24, 25)

Hiển nhiên những người soạn thảo Bạch Thư đã chịu ảnh hưởng lối viết của sách báo Việt cộng một cách hết sức lộ liễu, đến độ ở nhiều chỗ, cách dùng từ đáng lẽ phải thay đổi mà người viết vẫn giữ nguyên, mặc dù Bạch Thư ghi rõ ở bìa là "ấn bản hải ngoại", nghĩa là viết cho đồng bào tị nạn đọc. Chẳng hạn như khi nói đến việc nhà cầm quyền VC đàn áp nhân dân chống đối thì Bạch Thư gọi là *"sử dụng bạo lực*

cách mạng để bảo vệ an ninh chính trị". Khi VC dụ dỗ người Việt hải ngoại về du lịch để câu ngoại tệ thì Bạch Thư viết: *"Chế độ đã nới rộng tự do đi lại để Việt kiều hải ngoại về thăm đất nước tìm cơ hội kinh doanh"*. VC vi phạm Hiệp định Paris, cưỡng chiếm miền Nam năm 75 thì Bạch Thư bảo là *"Bắc Việt hoàn tất cuộc giải phóng miền Nam bằng võ lực"*.

Dĩ nhiên LLDQYTPQ không thể là một tổ chức thân cộng, thế nhưng phương thức đấu tranh của tổ chức này đã chuyển hướng. Rõ ràng sách báo, lề lối suy nghĩ của VC đã ảnh hưởng mạnh đến những người soạn thảo cuốn Bạch Thư, từ đó sách lược chống cộng của LLDQYTPQ bị hướng sang một hình thái khác.

Hãy cứ tạm coi đó chỉ là những sơ xuất vô tình, không đáng bắt bẻ. Nhưng vấn đề cần được thảo luận một cách thấu đáo là những nhận thức chính trị bàng bạc suốt 40 trang Bạch Thư. Những nhận thức này mới là nền tảng đưa LLDQYTPQ đến những giải pháp đề nghị nhằm giải quyết hiện tình đất nước và đó mới chính là chủ điểm cốt lõi của bản Bạch Thư mà Lực Lượng vừa công bố.

Xin đọc lại đoạn văn vừa trích dẫn, độc giả sẽ thấy ngay niềm lạc quan của những người soạn thảo Bạch Thư. Họ lạc quan, vì theo họ, người Việt hải ngoại đã sẵn sàng lắng nghe và đối thoại với CS. Quan trọng hơn cả, người Việt hải ngoại không còn chống cộng nữa mà chỉ chống bạo lực và dối trá. Nguyên văn trang 24 của Bạch Thư: *"Quan niệm giải trừ CS từ phía chống đối chế độ, được chuyển vào ý niệm then chốt là giải trừ bạo lực và dối trá"*, nghĩa là, đảng Cộng sản cứ việc lãnh đạo, miễn là không dùng bạo lực và đừng dối trá là được!

Theo dõi báo chí và các sinh hoạt chính trị hải ngoại hơn 10 năm qua, tôi chưa từng thấy người Việt hải ngoại "sẵn sàng lắng nghe và đối thoại với chế độ", lý do giản dị là vì CS không hề đối thoại với chúng ta, nếu hiểu cho đúng nghĩa "đối thoại". Họ chỉ muốn chúng ta theo họ, đầu hàng và nhận sự lãnh đạo độc tôn của họ mà thôi. Còn nói về bạo lực và dối trá thì không thể nhìn một cách đơn giản như thế được. Chế độ chính trị nào cũng có dối trá, chỉ khác nhau ở mức độ. Chế độ chính trị nào cũng phải có bạo lực, nhưng chính quyền sử dụng bạo lực đó vào việc gì mới đáng nói. CS dùng bạo lực làm phương tiện để xây dựng và củng cố nền độc tài chuyên chính, trấn áp nhân dân, coi đó như bản chất không thể tách rời khỏi chủ nghĩa được, hoặc nói cách khác, bạo lực là một yếu tố bất khả phân đã làm nên bản chất CS. Nếu bảo CS bỏ rơi bạo lực và dối trá thì đã không còn là CS nữa!

Điểm thứ hai mà Bạch Thư làm tôi kinh ngạc, là vấn đề tiếng nói của nhân dân trong nước. Bạch Thư viết: *"Chưa bao giờ quan điểm của người dân trong nước và hải ngoại lại gần nhau đến thế."* (tr. 25)

Nhờ đọc câu này, độc giả mới biết rằng trước đây người dân trong nước vẫn ủng hộ CS, cho đến bây giờ họ bắt đầu bày tỏ thái độ chống cộng "gần giống" người Việt hải ngoại! Xin nhìn lại cho rõ: Quan điểm của người dân trong nước và của hải ngoại bao giờ cũng là một, hoàn toàn giống nhau chứ không phải chỉ "gần nhau". Tất cả đều muốn lật đổ chế độ CS để thay bằng một chế độ tự do dân chủ. Chỉ tiếc là hai chữ "người dân" mà Bạch Thư dùng ở đây không phải là quảng đại quần chúng như chúng ta hiểu, mà là *"các thành phần nhân sĩ có thế lực trong nước, lên tiếng yêu cầu sửa đổi hiến pháp, thành lập các cơ cấu dân chủ."* (tr. 24).

Dưới chế độ CS, thành phần nhân sĩ có thế lực là những ai? Họ là đảng viên, là cán bộ, là những nhà văn nhà báo của Đảng, những người nắm giữ cơ quan lý luận chính trị, được phép lên tiếng phê bình các khuyết điểm của Đảng và nhà nước. Chỉ những thành phần ấy mới có tiếng nói mà thôi. Và những tiếng nói ấy được đăng tải công khai, được xuất khẩu cho chúng ta đọc để thấy bộ mặt dân chủ của Đảng. Bạch Thư coi những tiếng nói ấy là đại diện cho người dân ư? Xin hãy chỉ cho tôi người dân bình thường nào dám lên tiếng và được Đảng cho phổ biến công khai! Những khuôn mặt đổi mới hiến thân cho Đảng như Nguyễn Khắc Viện, Trần Bạch Đằng, Phan Đình Diệu, Lữ Phương, Dương Thu Hương, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Văn Linh, Bùi Tín,..v.v.. là "người dân" chăng? Đọc tham luận và ý kiến của họ mà reo mừng lên rằng "hải ngoại và quốc nội đã tiến đến gần nhau" thì quả thực là một nhận thức vô cùng hời hợt, chưa thuộc bài học vỡ lòng của Cộng sản là "cần phân biệt bản chất với hiện tượng". Hãy lấy ngay bác sĩ Nguyễn Đan Quế ra làm thí dụ. Nội dung bản "Lên tiếng" của ông quá nhẹ nhàng, chẳng thấm gì so với các tham luận của Nguyễn Khắc Viện, các phê bình của Trần Bạch Đằng, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Võ Nguyên Giáp,v.v.. nhan nhản trên báo, trên đài. Thế mà Nguyễn Đan Quế bị bắt ngay và xử tù 20 năm. Tại sao thế? Bởi ông không phải là đảng viên, không phải là cán bộ làm công tác đổi mới theo chính sách của Đảng. Ông không được phép nói bởi ông mới chính là một "người dân" trong muôn triệu người dân luôn luôn đồng nhất tư tưởng với đồng bào hải ngoại, là chế độ CS dứt khoát phải hủy bỏ chứ không thể thay đổi!

Đọc báo VC, chúng ta từng thấy, khi biện minh cho sự ngoan cố, bám víu quyền độc tôn lãnh đạo, bộ Chính trị đảng CS thường đem những nước trong Hiệp hội Các Quốc gia Đông Nam Á ra làm thí dụ để chê bai và biện luận rằng: Thái Lan, Phi Luật Tân, Tân Gia Ba,v.v.. tuy đứng tên trong thế giới tự do, nhưng thực sự không hề có tự do dân chủ. Và đảng Cộng sản khuyên nhân dân đừng bắt chước, đừng đòi đa nguyên, đa đảng vô

ích. CS tự nhận mình là một loại "độc tài sáng suốt" còn hơn là tự do mà hỗn loạn! Họ nhấn mạnh rằng: chủ nghĩa xã hội đích thực, dân chủ gấp vạn lần tư bản! Nghĩa là, cứ duy trì chủ nghĩa xã hội, chỉ cần sửa đổi khuyết điểm là toàn hảo!

Điểm thất vọng cho chúng ta là, Bạch Thư của LLDQYTPQ xem chừng đồng ý với lời cắt nghĩa này, lập lại luận cứ ấy và không còn đặt trọng tâm vào mục tiêu lật đổ chế độ CS nữa, chỉ yêu cầu sửa sai mà thôi.

Bạch Thư viết:

"Trong viễn ảnh của một cuộc đổi mới, không hẳn chỉ cần có những hình thức dân chủ, một chế độ đa đảng đa nguyên được giải thích theo cách này hay cách khác, là đạt được mục tiêu dân chủ, là thỏa mãn được những khát vọng của nhân dân và giải quyết được mọi vấn đề phức tạp của đất nước. Chế độ dân chủ và các cơ cấu dân chủ như hiến pháp, quốc hội, phổ thông đầu phiếu, chế độ đa đảng... trên thế giới đã cho thấy nó cũng không phải là cây đũa thần vạn năng có thể giải quyết tất cả mọi vấn đề của xã hội loài người." (tr. 25).

Nghĩa là, quốc gia hay cộng sản cũng thế mà thôi, cần dân chủ thực sự chứ không phải dân chủ trên giấy tờ. Và việc thực thi dân chủ tại VN thì đảng CS đang tiến hành qua chính sách đổi mới, trước mắt là sửa sai các cơ chế quản lý kinh tế, công bố văn hoá văn nghệ cởi trói, cho phép cán bộ đảng viên góp ý phê bình và "nới rộng tự do đi lại để Việt kiều hải ngoại về thăm đất nước tìm cơ hội kinh doanh".

Đây là trọng điểm của vấn đề mà LLDQYTPQ đã đi lạc đường. Chủ nghĩa CS, sau gần một thế kỷ áp dụng trên nhiều nước, đã được chứng nghiệm qua thực thế là một chủ nghĩa phi nhân, lạc hậu, áp bức con người về mọi mặt. Nó sai lầm đến độ chính nó đã hủy nó. Cả một hệ thống xã hội chủ nghĩa tự nguyện giải thể để tìm sinh lộ. Với nhân dân VN, chủ nghĩa CS còn tác hại gấp trăm lần các nước khác trên thế giới, từ việc đấu tố, gây cuộc chiến Bắc Nam, đến các trại tù cải tạo và tấn công nước láng diềng. Cho nên mục tiêu của người Việt hải ngoại cũng như quốc nội là làm thế nào để lật đổ nó, không còn bàn cãi quanh co gì nữa. Không thể có một biện minh nào khác để ủng hộ cho sự có mặt của nó, dù đổi mới, dù sửa sai, dù cải danh là "chủ nghĩa xã hội tân tiến" như Nguyễn Văn Linh đã nói. Mọi lập luận vòng vo đều là ngụy thuyết. Việc xây dựng dân chủ chỉ nên bàn sau khi chế độ CS không còn nữa. Đó là quan điểm chung của người Việt quốc gia, hải ngoại cũng như quốc nội.

Dẹp xong CS, kiến tạo một thể chế mới, dĩ nhiên không phải một sớm một chiều mà đạt tới mức tự do dân chủ toàn hảo được. Đến như Hoa kỳ ngày nay cũng chưa thể gọi là có tự do dân chủ tuyệt đối, huống chi những quốc gia kém phát triển, dân trí chưa cao, kinh tế chưa tự cường, lại bị trói buộc bởi nhiều truyền thống dân tộc đặc thù. Nhưng, chúng ta biết chắc được một điều là đất nước sẽ thẳng tiến theo thời gian. Còn như nếu duy trì chế độ CS thì càng ngày sẽ chỉ càng lụn bại thêm mà thôi. Ngày trước, Liên sô tuy nghèo nhưng vì cần duy trì địa vị đàn anh, vẫn phải bóp bụng viện trợ cho VC. Ngày nay, cả khối CS không còn nữa. Trung quốc cũng đang chết dở. Duy trì chế độ CS tại VN, dù có đổi mới đến đâu thì thế giới cũng vẫn dè dặt khi giao tiếp và hợp tác kinh tế. Nghĩa là VN vẫn đứng ở vị trí bị cô lập.

Bản chất của chế độ đã xấu, mà trào lưu của thế giới tiến bộ ngày nay lại cũng nhất loạt phủ nhận nó, thế thì tựu trung, chúng ta chỉ có một cách duy nhất là tìm đủ mọi phương thức để nó biến khỏi phần đất VN. Những quốc gia trong khối tự do, dù chậm tiến nhất, vẫn vượt xa chế độ CS, nhất là CSVN. Đừng mong tưởng có thể đổi mới chế độ, có thể xây dựng tự do dân chủ trong lòng chủ nghĩa CS.

PHẦN IV:
KHÁT VỌNG NGƯỜI DÂN VIỆT

Phần này bao gồm những định-nghĩa về tự-do dân-chủ, hạnh-phúc ấm-no, không có gì để mổ-xẻ, xin lướt qua.

PHẦN V:
GIẢI PHÁP ĐỀ NGHỊ

Cốt lõi của giải pháp mà Bạch Thư đề nghị là sự hợp tác song phương giữa đảng CS thống trị và toàn dân bị trị: *"Một giải pháp toàn bộ cho đất nước cần phải có sự hợp tác của các thành phần cầm quyền, độc lập, đối lập, cũng như của toàn dân"*. (tr. 34).

Ngay cái quan niệm chiến lược này đã sai rồi, vì trong nước chỉ có hai thành phần là thống trị và bị trị, chứ làm gì có "độc lập" và "đối lập"! Nếu có độc lập và đối lập thì đã có tự do dân chủ, chúng ta chống cộng làm gì nữa!

Giải pháp mà Bạch Thư đề nghị được gọi là "Giải pháp số không", nghĩa là: Không bạo lực, không dối trá, không chủ nghĩa và không hận thù. Hoặc nói cách khác là "Giải pháp không người thắng kẻ thua". Bạch Thư cho rằng đây là giải pháp lý tưởng đã áp dụng để hàn gắn Đông và Tây Đức, hai nước thống nhất mà không có kẻ thua người thắng.

Chưa xét tới cái "Giải pháp số không" đó hay hay dở, chỉ thấy ngay cái thí dụ về hai nước Đức thống nhất không kẻ thắng người thua đó đã sai. Đông Đức theo CS, tự giải tán để sát nhập vào Tây Đức tự do. Người dân phá bức tường ô nhục để chạy về phía Tây Đức. Cơ cấu của cả một nước tự xoá đi, tự hủy bỏ để theo thể chế nước bên cạnh mà cho rằng không kẻ thắng người thua thì thật là một nhận xét gượng ép, không đúng với sự thật. Mà nói cho cùng thì trên thế gian này làm gì có cuộc tranh chấp nào không người thắng không kẻ bại! Nhân dân Đông Đức nổi loạn, lật

chế độ, chứ đâu có phải tự dưng đảng CS chán đời, giải tán đi tu!

Trở lại chuyện VN, giải pháp số không mà Bạch Thư đề nghị quả thực tuyệt vời về mặt lý thuyết. Nhưng thực tế chỉ là những lời huyền ảo, vô vọng, cốt để giải sầu như người say hơi men, bước đi trên mây mà thôi. Tôi ngạc nhiên tại sao các vị đó lại bỏ thì giờ viết ra những dòng chữ không tưởng như vậy cho tốn giấy mực! Sao không đề nghị toàn dân VN dọn lên lập nghiệp trên cung trăng để xây dựng một nước hoàn toàn mới, không bị siêu cường nào chi phối!

Trước hết, CS đang thống trị cả nước — mà việc thống trị ấy dù sao đi nữa họ cũng đã phải mua bằng một giá khá đắt suốt hơn hai mươi năm chiến tranh — bây giờ tự dưng bảo họ từ bỏ địa vị ấy để cùng với các "thành phần độc lập, đối lập và toàn dân" giải quyết vấn đề đất nước là thế nào? Dù có mất trí, họ cũng không chấp nhận!

Trong phần cuối của Bạch Thư có một câu nồng nàn nhắn gửi đảng cộng sản Việt Nam như sau: *"Đây chính là lúc để các nhà lãnh đạo chứng tỏ lòng yêu nước và tình thương đồng bào của mình!"*

Viết như thế là không hiểu gì về con người chính trị nói chung và con người CS nói riêng. Chính họ đang tự hào tuyên bố rằng việc họ lãnh đạo đất nước là hành động yêu nước và thương dân — dĩ nhiên là yêu nước, thương dân theo kiểu của họ — bây giờ Bạch Thư bắt họ không được... yêu nước nữa, không được "hy sinh" lãnh đạo nữa hay sao?

Có người sẽ cãi lại rằng: Chuyện này đã từng xảy ra. Gorbachev đã từ bỏ quyền hành. Đông Âu thay đổi do chính người CS làm cách mạng lật đổ CS. Tại sao chúng ta không có quyền hy vọng cộng sản Việt Nam cũng sẽ bắt chước những tấm gương ấy?

Vấn đề này đã được bàn cãi nhiều lần, tôi không muốn nhắc lại tỉ mỉ làm mất thì giờ bạn đọc. Chỉ xin nhấn mạnh là hoàn cảnh VN không hề giống Liên sô và các nước Đông Âu. Những khác biệt chính là: Đông Âu gần như thuần nhất về tôn giáo mà ảnh hưởng Vatican rất mạnh. Đông Âu không có nội chiến mà vết tích hận thù còn lưu lại như tại VN. Trình độ dân trí và sự giao tiếp với thế giới bên ngoài ở Đông Âu rộng rãi và sâu đậm hơn ở VN. Các đảng cộng sản Đông Âu phần lớn bị Liên sô áp đặt chứ không do người bản xứ chiến đấu sinh tử để gây dựng như tại VN. Lề lối suy nghĩ, tâm lý con người và quan niệm về vinh nhục của người Tây phương khác hẳn người Á châu. Ngay cả lãnh tụ các nước tự do Á châu cũng chờ người ta đảo chánh và thà bị giết chứ không từ chức! (Lý Thừa Vãn, Ngô Đình Diệm, Phác Chánh Hy, Marcos,..v.v..) huống chi là phía CS có bạo lực trong tay. Cho nên có thể nói, biến cố Đông Âu tuy gây ảnh hưởng nặng nề đối với VN mà chúng ta có thể khai thác, nhưng bài học Đông Âu không thể nào đem áp dụng rập khuôn tại VN được. Vả lại, khi Gorbachev khởi xướng việc đổi mới để cứu vãn kinh tế Liên sô, chính ông cũng không ngờ tình hình lại dẫn ông đi quá xa như hôm nay.

Trở lại các giải pháp cho Việt Nam. Trong khoảng vài năm nay, nhiều đoàn thể đấu tranh tại hải ngoại đã đưa ra chủ trương bầu cử tự do tại VN để xoá bỏ quyền lãnh đạo độc tôn của đảng CS. Đòi bầu cử tự do là điều chính đáng và ai cũng lên tiếng đòi được. Nhưng đòi bằng cách nào, lấy gì để đòi, thì các đoàn thể vẫn còn lúng túng.

Có người chủ trương vận dụng ảnh hưởng quốc tế làm áp lực kinh tế và ngoại giao. Chẳng hạn yêu cầu Mỹ duy trì cấm vận để làm điêu đứng chế độ. Có nhóm chủ trương liên kết với các thành phần CS bị lừa để chống lại thành phần đầu sỏ lãnh đạo (miễn là nhìn cho đứng người bị lừa và thực sự muốn bỏ CS). Có người hô hào dân chúng biểu tình qui mô để làm tê liệt bộ máy chính quyền. Có nhóm chủ trương liên kết các lực lượng tôn giáo đông đảo tại quốc nội để vừa gây rối vừa biểu tình bất bạo động. Gom chung tất cả các biện pháp ấy lại, thực hiện đến nơi đến chốn thì đại sự có thể thành được.

Riêng Bạch Thư của LLDQ YTPQ đưa ra phương thức mới mẻ hơn, là tuyệt đối không nhờ ngoại bang hỗ trợ, nhất là Hoa kỳ, mà chỉ ôn tồn kêu gọi đoàn kết toàn dân trên căn bản yêu thương đùm bọc, kêu gọi "những người đang mang trọng trách lãnh đạo" hãy thương dân, hãy yêu nước mà hoà hợp hoà giải, trao quyền lại cho toàn dân! Y như đem triết học giảng cho một bộ lạc Thượng chưa đủ sức làm toán cộng! Bạch Thư mang văn hiến mấy ngàn năm, mang tình tự dân tộc ra để nói chuyện với đảng CS, và trước đó đã trấn an họ rằng, dù đảng CS với 2 triệu đảng viên và 4 triệu đoàn viên cùng toàn bộ quân đội, công an có phải giải tán về vườn, thì vẫn "không có kẻ thắng người thua", bởi cùng là dân tộc Việt Nam cả!

Chủ trương "không người thắng kẻ thua", hay nói cách khác, chủ trương xóa bỏ hận thù, là một quan điểm chỉ đúng *sau khi* chế độ CS đã bị giải trừ. Nghĩa là, thể chế mới sẽ không truy xét đảng viên cộng sản khi chế độ này tan rã và khi các cựu đảng viên này hợp tác với chính quyền mới. Nếu lúc đó có những người bị đem ra xử tội, thì chỉ vì họ đã phạm các tội thuộc về hình sự hoặc dân sự như cướp của, hiếp dâm, giết người, chiếm đoạt tài sản,v.v... chứ không phải vì người đó từng là đảng viên CS.

Còn hiện nay, khi đảng CS đang thống trị, cuộc đấu tranh đang diễn ra gay gắt, thì xóa bỏ hận thù chỉ có nghĩa là chịu khuất phục hay đầu hàng mà thôi.

Có thể những người soạn thảo Bạch Thư thường nghe VC nói về dân tộc, rồi tưởng lầm là VC nặng tình dân tộc cho nên chú tâm khai thác khía cạnh đó. Than ôi! Sau mấy chục năm đấu tranh mà họ vẫn không hiểu rằng VC luôn luôn sử

dụng chủ nghĩa "dân tộc" như một chiêu bài, mặc dù nó hoàn toàn trái ngược với chủ trương quốc tế vô sản. Ông Vũ Văn Mẫu khi nhậm chức, lớn tiếng đuổi Mỹ cũng chỉ vì lầm tưởng rằng Việt cộng chống Mỹ! Thật ra, VC có thực tâm chống Mỹ đâu! Họ chỉ muốn cướp miền Nam mà thôi. Chống Mỹ chỉ là một chiêu bài, một cái cớ ngụy tạo cho có chính nghĩa! Tham vọng của Hồ Chí Minh là nuốt trọn miền Nam, rồi đến Lào và Cao Miên. Vừa thoả mãn giấc mộng cá nhân của họ Hồ, vừa làm đúng nghĩa vụ quốc tế của CS. Miền Nam có Mỹ hay không, Bắc Việt vẫn chống. Không nguyên cớ này họ sẽ đẻ ra nguyên cớ khác. Các ông Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu cứ tưởng rằng mình lớn tiếng đuổi Mỹ thì địch sẽ hài lòng và dừng bước xâm lăng! Hôm nay, chắc các ông ấy đang thở dài ngao ngán khi thấy VC hết sức nhún nhường van xin Mỹ trở lại mà mồm thì vẫn oang oang hãnh diện đã đánh đuổi Mỹ!

Tương tự như thế, hai chữ "dân tộc" đối với VC trước sau chỉ là một cái áo khoác, một chiếc mặt nạ để đánh lừa người ta. VC nhắc đến hai chữ ấy và vơ về phía họ, không ngoài ý khoe khoang đã hai lần "giải phóng" đất nước. Giữa người quốc gia và người cộng sản, quan niệm văn hiến, ý niệm dân tộc, không gặp gỡ nhau, không giống nhau, cho nên tốt hơn hết đừng bao giờ nói đến. Đem tình tự dân tộc ra mà khuyên CS, chẳng những vô ích mà còn làm trò cười cho địch. Bởi họ vẫn nghĩ rằng, chính họ đang sống trong lòng dân tộc. Còn chúng ta, "những người chạy theo đế quốc, phản bội lại tổ quốc, không có quyền nói đến hai chữ dân tộc".

Nhiều phần là ông Võ Đại Tôn không phải là tác giả của Bạch Thư. Ông cũng bận quá nhiều việc từ ngày trở lại Úc cho nên chắc ông cũng không có thì giờ nghiên cứu và hiệu đính bản thảo. Nhưng dù sao đi nữa, ông vẫn phải chịu trách nhiệm về nội dung văn kiện này bởi ông là trưởng nhiệm Lực Lượng Dân Quân Yểm Trợ Phục Quốc và bởi chính ông đã phổ biến Bạch Thư trong chuyến công tác của mình.

Những điều tôi vừa trình bày trên, nếu không đúng với tinh thần Bạch Thư mà chỉ do cách hành văn khiến tôi hiểu lầm thì đề nghị LLDQYTPQ sửa chữa lại để tránh ngộ nhận.

Còn nếu tôi hiểu đúng, thì đó là một điều không may cho cộng đồng. Nhận thức và giải pháp của LLDQYTPQ chẳng những hoàn toàn không tưởng, kẻ thù không bao giờ nghe, mà còn để lộ cách suy nghĩ bạc nhược của một tổ chức đấu tranh vốn có tiếng tại hải ngoại. Tôi mong LLDQYTPQ công khai thu hồi Bạch Thư và nghiêm chỉnh thảo luận lại, để tìm một đường lối đấu tranh hợp lý hơn. □

Viết thêm về tập "Bạch thư"

LTS.—Hai bài báo trên đây được viết trước khi chiến-sĩ Võ Đại Tôn và phái-đoàn Lực-Lượng Quân Dân Yểm-Trợ Phục-Quốc tới Toronto. Một phần những ý-kiến nêu trên đây đã được trình-bày trong buổi họp giữa ban chấp-hành Trung Tâm Văn Bút VN / Ontario (cũng là ban phối-hợp tổ-chức chương-trình công-tác của ông Tôn tại Gia-nã-đại) và LLQD YTPQ (với chiến-sĩ Võ Đại Tôn, trưởng nhiệm, GS Lê Linh Thảo thứ-nhiệm, ký-giả Gia Du, ủy-viên điều-hợp kiêm phát-ngôn-viên), ông Nguyễn Văn Sang và bà Tôn.

Sau hai giờ thảo-luận, các điểm dị-biệt căn-bản đã được san phẳng. TT Văn Bút Ontario nhận-định rằng tập Bạch-thư trình-bày không rõ-ràng khiến công-chúng (và chính Văn Bút) không hiểu đúng lập-trường đích-thực của LLQDYTPQ.

Chiến-sĩ Võ Đại Tôn và các vị phụ-tá đồng ý rút lại tập Bạch-thư để tu-chính, và ngay sau đó đã dành ra hai giờ nữa, soạn-thảo bản công-bố (xem trang 7, số này), khẳng-định lập-trường và quan-điểm chính-trị bất di bất dịch của ông và LLQD YTPQ (trích rải-rác trong bản công-bố), như sau:

- Không đầu hàng cộng-sản.

- Không chấp-nhận "hòa-hợp hòa-giải" với chế-độ đảng trị cộng-sản.

- Kêu-gọi chính-phủ Hoa-kỳ tiếp-tục duy-trì lệnh cấm-vận cho đến khi chế-độ Hà-nội thực tâm từ bỏ độc quyền đảng trị, và tôn-trọng nhân-quyền.

- Kết-hợp lòng người, hợp-tác và chia-sẻ trách-nhiệm giữa các đoàn-thể, tổ-chức (chống Cộng) để sớm tạo thành tổng-lực chính-trị hầu tích-cực góp phần giải-thể chế-độ CSVN.

Vì tập Bạch-thư sẽ được tu-chính, và vì thời-gian công-tác ngắn-ngủi tại Toronto bao gồm nhiều sinh-hoạt bên ngoài, không cho phép các anh em bàn sâu vào chi-tiết nêu trong các bài viết, chúng tôi xin công-bố các bài viết này, như một trong những tiếng nói từ phía công-chúng — mà chúng tôi cũng là một thành-phần — trong tình chiến-hữu và trong mục-đích xây-dựng.

Chúng tôi hoan-hô sự tiếp-nhận thẳng-thắn và nghiêm-chỉnh của chiến-sĩ Võ Đại Tôn cùng phái-đoàn LLDQYTPQ, trong thiện-chí lắng nghe ý-kiến và nguyện-vọng của quần-chúng. Tòa-soạn cũng xin tạ lỗi, nếu như cách hành văn và lý-luận trong các bài viết này có đôi chỗ khô cứng vì bộc-trực.

Tạo Dựng Băng Hình Con Rối

Lương Thế Nam

(tiếp theo và hết)

LÀM MỘT CON RỐI HÌNH NGƯỜI

Con rối này cao chừng 22cm. Thân bằng gỗ, chân tay bằng ống nhôm nhỏ cỡ chiếc đũa. Riêng cái đầu và hai bàn tay là những phần không phủ quần áo thì cắt lấy từ những búp bê nhựa, đem lắp vào cốt cho đẹp mắt. Vật liệu càng nhẹ càng tốt, từ thân hình đến quần áo, vì nếu nặng dây sẽ không kéo nổi hoặc sẽ bị dãn chùng khiến khó điều khiển. Các cử động cần thực hiện là:

- Ở đầu: cần nhắm mắt mở mắt, hàm dưới mấp máy để nói chuyện hay ca hát.
- Ở cổ: cúi xuống hay ngẩng lên; quay bên phải, bên trái.
- Ở thân mình: lưng cúi xuống, ưỡn lên, quay phải, quay trái.
- Ở hai tay: những cử động dang ngang, vươn lên cao, cánh tay đưa về phía trước, phía sau, co lại hay duỗi ra. Riêng cổ tay và bàn tay vì mượn tay nhựa của búp bê nên không có cử động riêng biệt, chỉ đặt ốc vặn để tiện xiết các vật cầm tay như gươm, quạt...
- Ở hai chân: co chân bước, đưa đầu gối về phía trước hay sau. Riêng cổ chân và bàn chân vì đi giày búp bê nên cũng không có cử động riêng biệt.

Bây giờ là cách làm từng phần một, bắt đầu theo thứ tự từ dưới lên trên để làm tới đâu sẽ mắc vào cần tới đấy. Khởi công là phần eo thắt lưng (A,B); sau đó mắc vào hai chân (C,D,E); tiếp nữa là phần ngực và bụng (G,H) rồi đến hai tay (K,I,J); đến cổ (M) và chót hết đầu (N).

* Thực hiện phần háng (eo thắt lưng): làm theo hình vẽ.

Háng đẽo bằng gỗ (chọn loại gỗ không hay nứt), dùng khoan lớn khoan lỗ thông giữa để luồn vào một ống đồng nhỏ làm cọc đỡ cho thân rối (A). Cọc này dài độ 25cm cắm vào ống trụ 2A. Lại lấy mũi khoan vừa để khoan những lỗ háng hai bên làm chỗ lắp hai chân vào, và mũi khoan nhỏ để khoan những lỗ luồn dây như trên hình vẽ.

Ở mặt giữa háng, chỗ dưới rốn, có đóng hai cái đinh nhẵn xuyên từ trước ra sau để làm chỗ vắt dây chăng từ hai chân tới, trước khi luồn vào trong các ống A và 2A để chui ra chạy dọc cần D tới các suốt trên bù lông (F). Đinh cần phải nhẵn là cốt để dây kéo qua được trơn tru đỡ cọ sát.

* Thực hiện hai chân:

Đùi dài cỡ 7cm kể cả khớp háng lẫn khớp gối, làm bằng ống nhôm nhỏ hay bằng que nhựa (có thể cắt một đoạn mắc áo nhựa có bán sẵn); cẳng chân dài cỡ 5cm kể cả khớp gối lẫn cổ chân. Bàn chân cỡ 2.5cm gọt vát đi và dùi lỗ để khâu chặt theo chiều thẳng góc với cẳng chân.

Xem hình vẽ để biết cách làm khớp háng: dùng một cái ê-ke hai nhánh nhỏ (hoặc cắt lấy từ mảnh nhôm hoặc tìm thứ ê-ke luồn trong các góc khung ảnh kim khí). Một nhánh để luồn vào lỗ háng, nhánh này xỏ qua lỗ một khoen cao su tròn dầy (washer, W) để bịt vòi nước, nó dùng để tạo cử động đưa đùi về trước hay ra sau. Còn nhánh kia là để gắn chặt với thân đùi (gắn thì hoặc dán bằng Krazy glue hay tốt hơn là dùi lỗ buộc dây đồng, dây cước).

Xem hình vẽ để thực hiện khớp gối. Phần quan trọng của khớp này là cái bánh ròng rọc nhỏ thực hiện bằng cách lấy hai washer kim khí nhỏ kẹp một washer cao su nhỏ hơn rồi dùng đinh ốc nhỏ có nắp vặn (nut) mà xiết lại; đồng thời cũng xiết chặt luôn cả ống cẳng chân để khi washer bị kéo xoay thì cẳng chân cũng xoay chuyển theo (cách tạo ròng rọc này sẽ dùng ở nhiều trường hợp khác nữa).

Các dây kéo sẽ được luồn qua các lỗ khoan dọc thân đùi hay có thể luồn trong những đoạn ống đồng nhỏ bằng que tăm (có bán sẵn) buộc chặt trên mặt đùi.

Ghi chú: Trên bánh xe ròng rọc nào cũng đều phải vặn một ốc nhỏ làm chỗ buộc dây để kéo cho nó xoay chuyển thì mới tạo cử động được. Nên nhớ khi mắc dây tới các ống suốt (F) thì phải để bốn ống suốt cạnh nhau trên cùng một bu-lông dành riêng cho hai chân và hai tay, mục đích là để có thể dùng ngón tay kẹp liền một lúc cả bốn suốt ấy mà xoay đi xoay lại tạo thành cử động hai chân bước và hai tay vung vẩy như dáng đi của người.

* Thực hiện phần bụng và ngực:

Xem hình vẽ để thấy rõ hình thể hai phần này. Kích thước ước lượng là bụng cao 2cm, ngực cao 4cm, bề ngang bằng bề háng 3cm.

Phần bụng có đáy tròn gọt như thể một bánh ròng rọc, có khoét lỗ giữa suốt theo chiều dọc cốt để lồng vào đầu ống A của phần háng và để có thể kéo xoay đưa cả thân hình bên trên ngoảnh về bên phải hay bên trái. Dĩ nhiên muốn cho động tác này trơn tru, ta phải lót ở bên dưới một washer kim loại F.

Phần ngực H cũng làm bằng gỗ

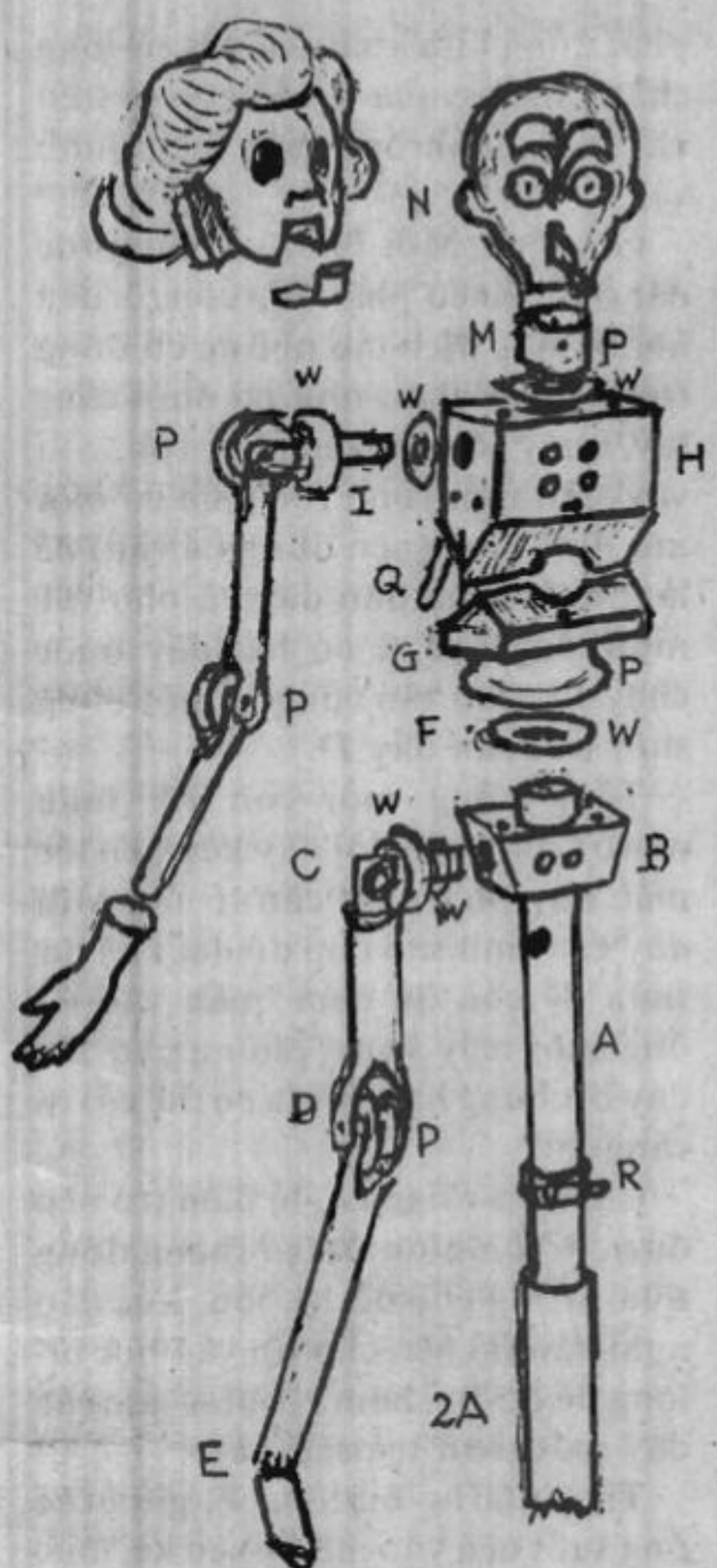

có khoét nhiều lỗ, lỗ to dọc giữa ngực xuống bụng, hai lỗ vừa để tiếp hai vai và nhiều lỗ nhỏ để xỏ dây. Đặc biệt là sau lưng cũng cần một lỗ khá lớn dùng làm chỗ kiểm soát lúc mắc dây xem có đặt đúng vị trí hay không. Đây là điều rất quan trọng, vì nếu không, dây sẽ quấn vào nhau làm cản trở sự vận hành của toàn thể.

Ở khoảng giữa ngực có đóng 4 cái đinh nhẵn xuyên từ trước ra sau, để làm chỗ vắt dây xuống mà luồn vào các ống A bên dưới. Sự nối tiếp giữa phần ngực H với phần bụng G là nhờ một miếng nhựa mỏng (có thể lấy từ nắp hộp nhựa) làm như một bản lề để ngực có thể cúi gập xuống bụng như ở dáng điệu chào kính. Phía sau phần ngực nên gắn một miếng sắt nhỏ (Q) làm cái chống xuống háng để giữ cho ngực khỏi bật ngửa ra phía sau.

* Thực hiện hai tay:

Xem hình vẽ. Kích thước: cánh tay 5.5cm (kể cả khớp vai và khớp khuỷu), cẳng tay 3.5cm (kể luôn khớp khuỷu nhưng chưa kể phần ống tay nhựa cắt từ búp bê lắp sang)

Khớp vai (I) làm tương tự với khớp háng nhưng thay vì dùng ê-ke thì ở đây dùng ống nhôm nhỏ xẻ đôi một đầu và uốn doãng ra làm càng đỡ cho trục ròng rọc. Ống này cũng gắn một washer (W) cao su dày và lớn để làm ròng rọc xoay vai và cũng thêm một washer kim khí mỏng chỗ tiếp giáp với khối ngực để giúp cho cử động được trơn tru.

Khớp khuỷu giống hệt như khớp gối dưới chân, chỉ khác là chiều ròng rọc không đặt hướng về phía trước như khớp gối mà đặt theo hướng khớp vai.

* Thực hiện phần cổ M:

Cổ chỉ là một ống tròn làm bằng nhựa màu hồng, có lỗ lớn giữa để xỏ dây xuống ngực. Hãy để ý đến một lỗ nhỏ phía trước và sau phần dưới cổ xuyên xéo xuống lỗ giữa để luồn dây kéo cho đầu cúi xuống hay ngẩng lên.

Cổ cũng tiếp liền với phần mặt bên trên bằng một miếng nhựa mỏng làm như một bản lề tương tự như ở giữa phần ngực và bụng.

Vì cổ đã tròn rồi nên không cần phải gắn ròng rọc làm cho xoay nữa.

* Thực hiện phần đầu N:

Đây chỉ là một khuôn gỗ phẳng gọt theo hình cái vợt đánh banh, còn cái đầu thật sẽ lấy đầu búp bê lồng vào. Kích thước: 4.5cm x 3.5cm.

Tìm hai cúc áo tròn và lồi (bằng xà cừ hay ngọc trai giả) để đính vào làm hai mắt.

Xem hình vẽ để thấy đôi mi mắt là một miếng nhôm mỏng hay tốt hơn là nhựa mỏng màu hồng, uốn thành hai cánh cong vòng vào một trụ giữa để làm cần kéo cho nhắm lại, mở ra. (Hai cánh mi che phía trước hai mắt).

Hàm dưới cần cử động cho mồm mấp máy nên cũng làm bằng một miếng nhôm mỏng hơi dài. Một đầu làm cần để kéo cho mấp máy, một đầu vặn vỏ đỗ cho nó nằm ngang để có chỗ cắt phần môi nhựa dưới mặt búp bê mà gắn vào đó (gắn bằng nhựa dán, lấy dây khâu

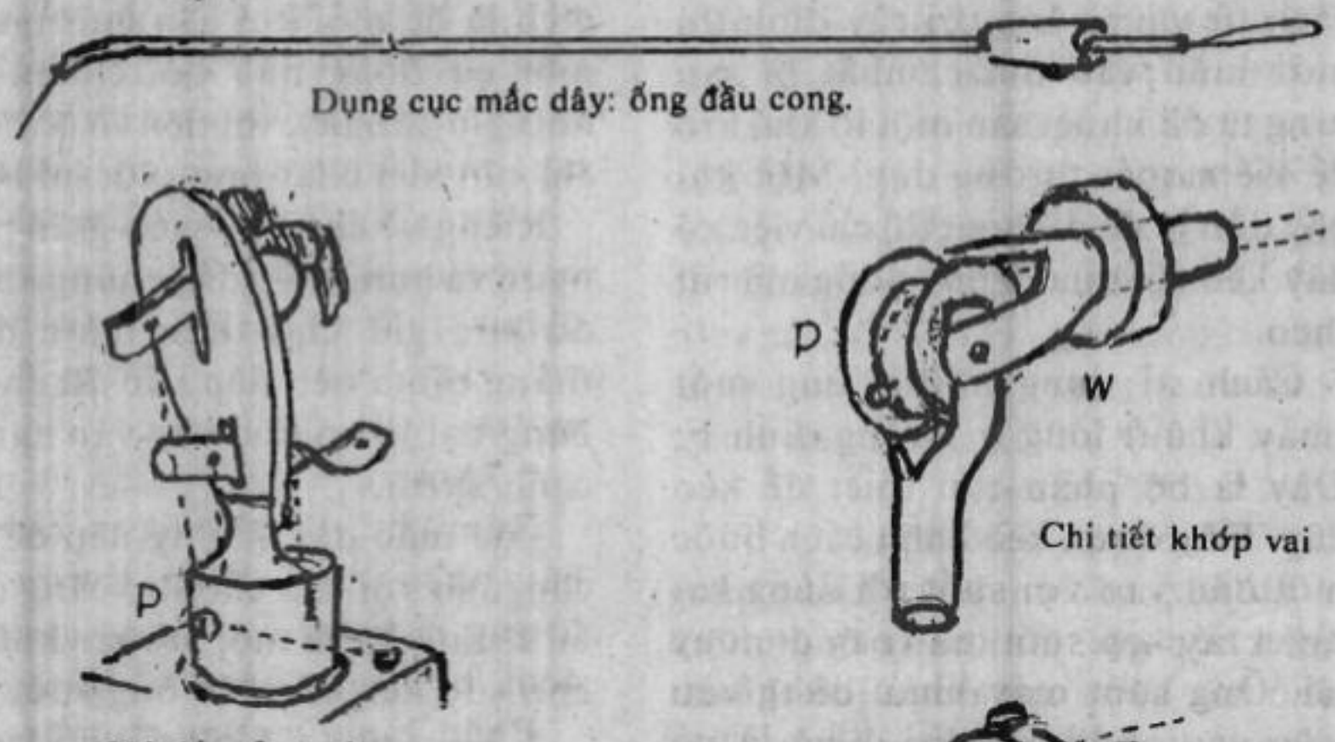

Dụng cụ mắc dây: ống đầu cong.

Chi tiết cổ và đầu

Chi tiết ống suốt (máy khâu) đã độn lõi và chằng dây.

Chi tiết khớp vai

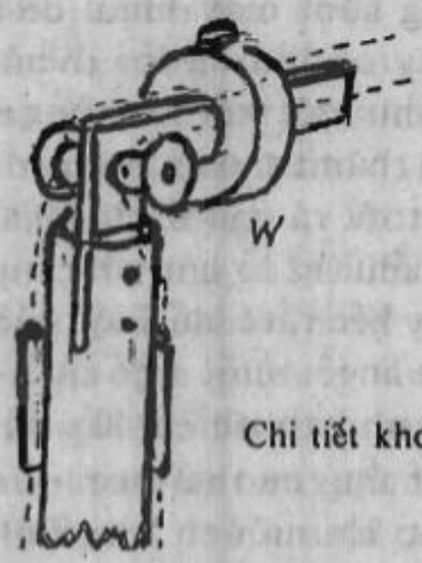

Chi tiết khớp háng

hoặc vặn chặt bằng đinh ốc).

Cần của mí mắt cũng như cần của hàm dưới đều được xuyên qua bằng hai trục nhỏ (dùng đinh nhỏ hay dây thép) luồn qua hai lỗ khoan nhỏ trong chiều dầy của bản gỗ thẳng ngang qua mặt.

* Cách mắc dây:

Mắc dây là một nghệ thuật cần tinh vi và kiên nhẫn. Dây có chạy trơn tru thì cử động mới nhanh nhẹn, nhuần nhuyễn. Sự khó khăn là ở chỗ tất cả các dây đều dấu trong thân hình và y phục, lại cần phải để sao cho việc mặc quần áo cho con rối được dễ dàng, không vướng. Nhiều khi mắc dây các bộ phận đã gần xong mà rồi lỡ để xoắn mất một dây làm trở ngại nhiều động tác là lại mất công tháo gỡ và mắc lại từ đầu; cũng có khi phải thay dây mới vì dây cũ xoắn rối hay trầy trụa. Trước khi mắc dây nên kiểm soát đoạn dây xem có khúc mắc gì không, cũng nên kéo mạnh cho nó dãn hết mức kẻo sau này mắc rồi nó mới dãn thì phiền. Nên tránh đừng để dây xoắn vặn vì như thế nó sẽ không còn trơn tru nữa.

Thứ dây tốt nhất dùng cho con rối là loại dây ni-lông câu cá cỡ 10 hay 12 pounds là vừa, mảnh quá thì dễ đứt mà to hơn thì cứng quá và lỗ luồn dây phải lớn không còn chỗ.

Vì đường dây mắc qua nhiều chỗ vòng vèo nên ta cần chế ra những vật dụng riêng, sơ sài thôi, nhưng rất cần thiết, không có không được. Đó là: Một ống đồng nhỏ như que tăm dài cỡ 40cm, một đầu uốn hơi cong như đầu cần câu, (xem hình vẽ). Trong ống luồn vào một sợi dây cước loại hơi cứng, đem chập đôi rồi dùng keo dán hai đầu dây lại cho dính sát vào nhau; chỗ đầu bên kia gập lại thì để nguyên không dán như một thứ thòng lọng vậy.

Dụng cụ này dùng để luồn dây suốt dọc từ trên cổ con rối trở xuống đến tận dưới sát chân ống A tức là chỗ tiếp giáp cần tay cầm D.

Muốn luồn một sợi dây dọc theo hai ống A và 2A để chui qua các vòng lò so C đặt nằm trong cuối ống 2A thì trước tiên ta thông ống dụng cụ vào trong các ống nói trên, xong xoay cho đầu cần uốn cong của nó hướng vào một khe hở nào đó trên phần cuối 2A, sau đó mới luồn đoạn dây ni-lông thòng lọng vào ống thông (đầu dây đã gắn dính như nói trên đi trước), chiều cong của đầu ống sẽ dẫn đầu dây thòng lọng chui ra khỏi ống từ một khe ở đó. Lúc ấy ta chỉ việc giữ lấy đầu dây này rồi rút từ từ ống đồng lên bỏ hẳn ra ngoài để chỉ còn lại sợi dây thòng lọng dẫn đường hầu kéo đầu dây từ các bộ phận con rối xuống tới cần đẩy và từ đó tới những suốt trên đinh ốc F.

Khi luồn dây trong thân rối, nhiều chỗ rất ngoắt ngoéo. Do đó cần làm thêm một dụng cụ nữa tương tự như cây kim khâu. Đó là một đoạn dây đồng loại nhỏ bằng sợi chỉ, chập đôi rồi xoắn lại một đoạn cuối cho nó khỏi tở. Thí dụ muốn luồn dây từ ngoài khớp vai vào trong ngực rồi vắt qua cây đinh đóng ở đó cho dây chui ra ở lỗ giữa, chỗ tiếp giáp ngực và bụng (để rồi từ đấy sẽ dùng dụng cụ ống đồng nói trên đưa tiếp qua các ống A ra ngoài), ta phải nắn cho dụng cụ dây đồng xoắn có hình cong vừa với độ cách từ vai xuống tới cây đinh thì mới luồn vào được, nhất là sau lưng ta đã khoét sẵn một lỗ khá lớn để kiểm soát đường dây. Một khi dây dẫn lộ đã đi thoát thì chỉ việc xỏ dây kéo rối qua lỗ dây đồng mà rút theo.

Cách sử dụng những ống suốt (máy khâu) lồng ở những đinh F: Đây là bộ phận cần thiết để kéo dây. Dây được kéo bằng cách buộc một đầu vào với suốt rồi dùng hai ngón tay kẹp suốt mà xoay đi xoay lại. Ống suốt máy khâu dùng vào việc này có những lợi điểm là nó giống như một bánh xe ròng rọc với hai bên thành cao ngăn cho dây kéo không tuột ra ngoài, thành suốt lại có sẵn những lỗ làm chỗ buộc các đầu dây kéo rất tiện. Tuy nhiên điều bất lợi là lõi suốt nhỏ quá, chẳng kéo được bao nhiêu dây, vì thế ta nên cắt ống cao su tưới vườn mà độn cho lõi suốt to lên. Độn xong phải dùng kim khâu xỏ dây ni-lông chằng ngang qua các lỗ có sẵn trên hai bên thành ống suốt (xem hình ve).

Ghi chú: Mỗi bánh xe ròng rọc đặt ở nhiều cơ phận của con rối đều nhằm mục đích tạo những cử động trái ngược nhau như co duỗi cẳng tay, quay cổ sang phải hay trái... Vì vậy trên mỗi ròng rọc phải có một mũ đinh nhỏ (nên dùng ốc vặn) để làm chỗ buộc đầu dây và như thế mỗi ròng rọc sẽ có hai dây buộc chạy tới chỗ tận cùng là một uống suốt nơi cần đẩy D.

Tổng cộng mỗi con rối hình người có tới 16 đôi dây kéo nên lúc mắc dây phải thật cẩn trọng. Mỗi dây cần tính sao cho độ dài khá dư thừa để còn đủ đem quấn vào lõi ống suốt mấy vòng, phòng nhỡ khi dây bị chùng hay đứt ta có thể cởi ra căng lại.

Các con rối lúc nghỉ diễn trò nên được treo vào một cái thang đóng trên tường cho đỡ bề bộn. Lúc nào nghỉ hẳn thì nên cho rối vào bọc ni-lông để đỡ bụi bậm vì bụi sẽ làm các dây mất trơn tru sau này.

Trên những bu-lông F, giữa các ống suốt nên vặn mũ ốc xen kẽ, mục đích là để mỗi khi cần giữ nguyên một cử động nào đó, chẳng hạn như giơ cao tay, thì tiện có ốc đó, ta chỉ cần xiết chặt ống suốt lại là đủ.

Riêng về chỗ tiếp giáp giữa phần ngực và bụng, nếu dây chằng không đủ sức giữ cho thân ngực đứng thẳng thì ta nên tiếp sức đỡ cho nó bằng hai lò xo nhỏ vặn vào hai bên cạnh sườn.

Lúc mắc dây không nên để quá căng, sợ rồi sau các sức căng cộng lại sẽ tạo thành một lực cản khá lớn cho sức kéo của các ống suốt.

* Về y phục: Con rối cổ truyền thường chỉ là gỗ sơn nhưng theo tôi, y phục sẽ làm tôn vẻ mỹ thuật lên nhiều. Vậy ở đây quần áo con rối phải sao cho nhẹ nhàng mỏng manh, không là một sức nặng cho dây kéo. Lại cũng nên may rộng để đỡ vướng và dễ thay. Tốt nhất có lẽ nên may rời từng ống quần, tay áo, áo ngắn... như thế không những

quần áo không làm trở ngại các khớp cử động mà còn tiện cho ta thay đổi kiểu y phục.

CON RỐI THÚ VẬT

Sau đây tôi xin trình bày ba kiểu con rối tiêu biểu: một con thú bốn chân, một con chim hai chân, và một con cá không chân tương tự như một loài bò sát. Hầu hết các giống vật đều nằm trong mấy loại này, từ đó ta có thể chế tạo các động vật khác.

Con rối loài vật không đến nỗi phức tạp như rối người vì chỉ cần một số ít cử động, vả lại ngay kiến trúc cơ thể của loài vật cũng giản dị hơn. Tuy loài vật không mặc quần áo song ta nên dùng những vải lông màu thích hợp mà bọc cho rối thì sẽ đẹp hơn là chỉ dùng gỗ sơn.

Về kích thước có lẽ ta không nên quá chú trọng so tỉ lệ với người, vì nếu so sánh như vậy thì con chim sẽ nhỏ quá khó thấy và con voi sẽ to quá chật hết cả sân khấu.

Vật liệu làm con rối loài vật cũng không khác với con rối người. Có chăng ta nên dùng những lò xo xoắn để làm đuôi thú hay vòi voi cho linh động hơn.

* Chế tạo một con thú bốn chân: con ngựa:

Những cử động cần thiết là: bốn chân bước từng đôi một; cái cổ ngẩng lên cúi xuống, quay phải quay trái; đầu cũng cúi, ngẩng, quay như vậy; và cái đuôi vẩy sang phải, trái.

Con ngựa còn phải làm sao để một con rối người cưỡi được lên trên và cũng có thể kéo một chiếc xe khi cần.

Yên cương được coi như đồ trang bị ngoài sẽ làm rời, khi dùng đến mới mặc vào sau.

Tất cả các bộ phận đều làm bằng gỗ, gỗ sơn hay phủ vải màu. Những chỗ bờm và đuôi cần dán lông dài.

Động cơ chính để tạo các cử động bốn chân và đuôi chỉ là một bánh xe ròng rọc loại cỡ bằng đồng xu (dùng washer kim loại cỡ lớn kẹp với khoanh nhựa cắt từ ống nước) đặt nằm ngang bụng trông xuống ngay lỗ ống trụ để mắc dây xoay thẳng, như thế ròng rọc xoay sẽ trơn tru hơn. Hai chân ngựa phải cũng như trái, mỗi bên sẽ mắc cùng một sợi dây mà đoạn giữa vắt qua đinh G để đi xuống tiếp buộc với cạnh dưới của ròng rọc B. Ở cạnh trên B có buộc hai đầu dây kéo luồn xuống dưới qua những ống A để tới các ống suốt. Vậy khi ta xoay đi xoay lại ống suốt, ròng rọc B sẽ xoay sang phải hay trái, và hễ xoay về bên nào thì nó rút dây kéo hai chân ngựa bên đó thụt sâu xuống và làm chân doãng ra trong khi ở phía bên kia thì ròng rọc lại đưa lên thả dây cho hai chân ngựa chụm lại nhờ ở trọng lượng của nó.

Bốn chân ngựa tuy có khớp gối nhưng không cần đặt dây kéo vì động tác co vó ngựa rất ít khi cần tới.

Xem hình vẽ để biết cách mắc dây kéo cho cổ ngựa ngẩng lên, cúi xuống. Đây tuy không có hẳn một bánh ròng rọc nhưng phần cuối cổ ngựa đã gọt tròn như một vòng cung rồi. Nên nhớ tâm điểm của vòng cung này là chỗ cái chốt xuyên qua hai bên vai ngựa, có thế thì dù cổ ngẩng hay cúi, các dây kéo xoay cổ vẫn giữ nguyên không lỏng không căng.

Chỗ các khớp giả ở gối ngựa nên tạo một vòng lò xo bằng dây thép gió (steel, có thể lấy từ một sợi dây thắng xe đạp) để hai đầu râu tôm dài luồn vào lỗ khoan nhỏ trong bản gỗ dầy của hai phần chân ngựa, mục đích là để giữ cho cẳng chân không xịu xuống mà vẫn lắc lư mềm mại như chân ngựa thật.

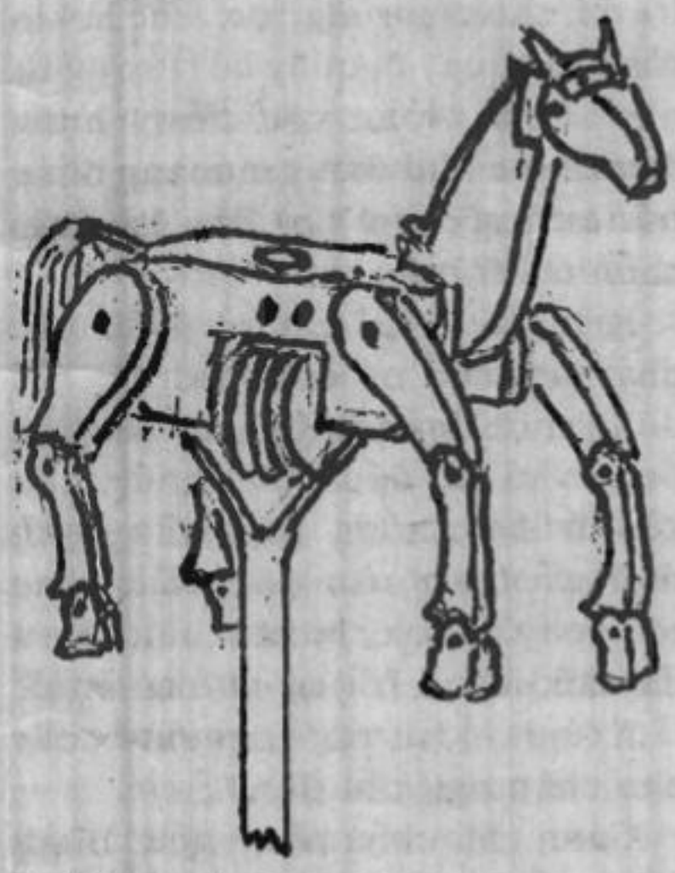

Tổng quát con ngựa

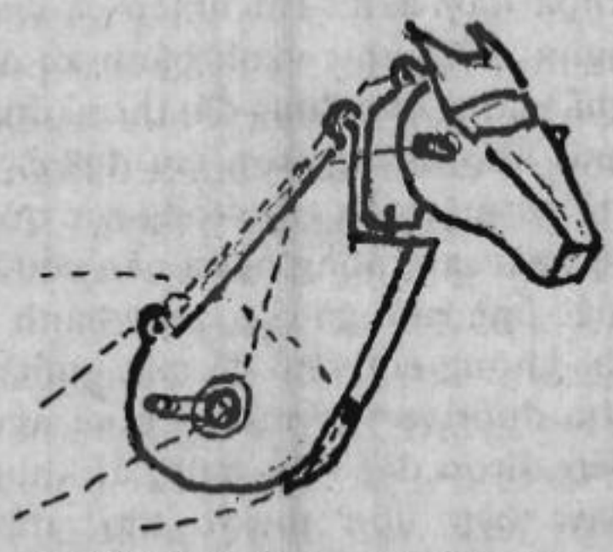

Chi tiết cổ và đầu ngựa (để ý khớp cổ để đầu quay phải, quay trái).

Chi tiết lò so râu tôm
(cho các khớp giả ở chân ngựa)

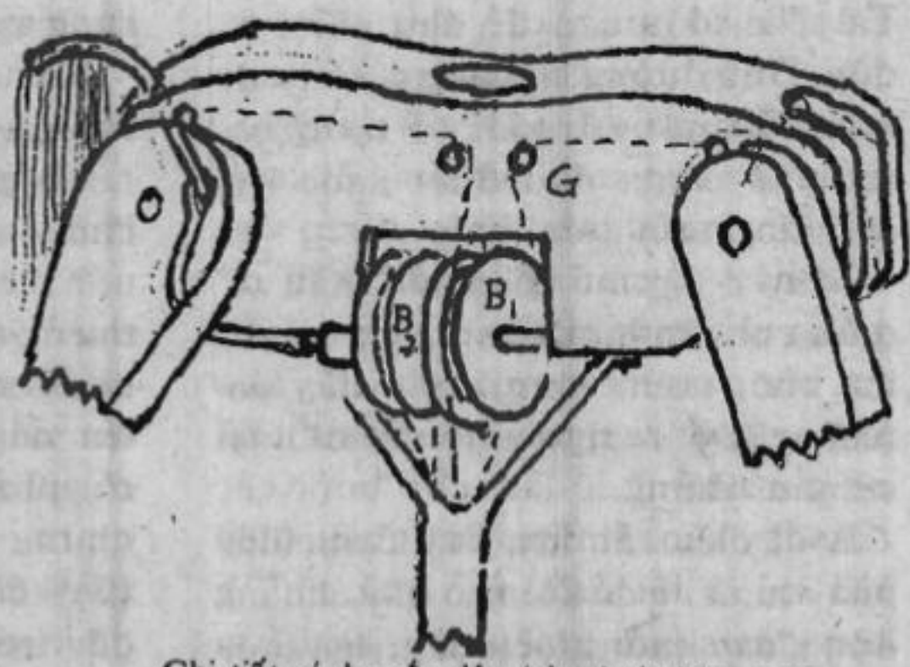

Chi tiết cách mắc dây (cho hai chân ngựa mỗi bên vào bánh ròng rọc và ống ruột gà làm vẩy đuôi)

Muốn cho cổ ngựa quay phải quay trái, tất nhiên phải có một bản lề. Bản lề đó có thể dùng một miếng nhựa mềm gấp lại gắn giữa hai phần cổ (như chỗ tiếp giáp giữa phần ngực và bụng của rối hình người), nhưng như vậy cổ ngựa sẽ xấu (vì không có áo che như người). Ta nên làm theo hình vẽ thì đẹp hơn. Việc chăng dây kéo ở đây cũng cần phải lưu ý: hai đầu dây không buộc ở hai đầu hàm thiếc mà là ở một đinh ốc nhỏ xuyên ngang đầu chỗ dưới tai (cốt tránh hàm thiếc vì có lúc mặt ngựa còn ngẩng vươn lên). Từ đó dây sẽ luồn chéo theo hình chữ X qua hai lỗ khoan thông qua bờm chạy xuống vắt qua chốt vai trước khi luồn vào trong các ống bên dưới. Một điểm cần lưu ý nữa là: ở chốt vai phải có lót một washer kim loại lỗ rộng vừa để cho vai xoay chuyển trơn tru, vừa để lấy lỗ luồn dây qua cho dây khỏi thòng xuống mỗi khi ngựa cúi đầu (xem hình vẽ).

Đầu ngựa có thể ngẩng lên hay cúi xuống là nhờ ở chốt vừa nói dưới tai ngựa. Lần này chỉ cần buộc một dây kéo từ lỗ khoan trên đỉnh trán rồi luồn dọc theo bờm ngựa nhờ hai khoen nhỏ ở đầu và cuối cổ; dây chỉ kéo cho đầu ngựa ngẩng lên thôi còn lúc buông ra, mõm ngựa nặng sẽ tự động gục xuống không cần kéo.

Đuôi ngựa là một ống đồng nhỏ như que tăm có khoan nhiều lỗ để đính lông đuôi (lấy chỉ tơ làm lông và dùng kim mà đính). Một đầu ống uốn cong, còn đầu kia để thẳng, cắm vào một lỗ khoan chỗ hậu môn. Phần dưới bụng ngựa phía sau ròng rọc B nên khoét một hốc rộng khá sâu để cho ống đuôi ngựa lòi ra. Xong xuôi dùng một ống cao su ruột gà nhỏ, một đầu cho ngậm vào đầu ống đuôi, đầu kia ngậm vào trục phía sau của ròng rọc B, thế là khi trục này xoay đi xoay lại, ống cao su sẽ truyền động sang đuôi ngựa làm cho nó ve vẩy qua phải hay trái.

Lưng ngựa còn phải cho người rồi cưỡi, vậy ở giữa lưng, chỗ đặt yên, có khoét một lỗ lớn vừa để cắm một đoạn ống ngắn của ống trụ A và nếu cần có thể mắc một số dây kéo từ rối người xuống cần mà truyền những cử động sang.

Ngựa còn để kéo xe, vậy cũng cần sao cho bánh xe quay khi ngựa kéo. Bánh xe quay phải cả vòng liền liền, không thể quay đi quay lại nên không thể nhờ vào ròng rọc B mà phải lập thêm một bánh ròng rọc nữa tương tự, đặt ngay phía sau và đồng trục với B (xem hình). Bánh ròng rọc thứ hai này được mắc dây xuống dưới cần đẩy D, ở đây có thêm một bánh xe có tay quay để khi lấy tay quay liên hồi thì dây cũng kéo bánh ròng rọc thứ hai phía sau, dưới bụng ngựa. Lại cũng dùng ống cao su ruột gà truyền sức quay sang bánh xe nếu ta tạo một phận ở trục bánh tương tự như khoá dây đàn. Tất nhiên cả chân ngựa cũng như vành bánh xe đều giữ không cho đụng đất thì cử động mới nhẹ nhàng trơn tru được. Vì chỉ có một đầu trục ròng rọc quay về phía sau mông ngựa nên nếu đã mắc ống ruột gà cho quay bánh xe thì không còn chỗ để mắc ruột gà cho đuôi ve vẩy nữa. Cỗ xe ngựa kéo được đặt trên một cái khung dây thép uốn thước thợ, dùng khoen ốc vặn (hose clamp) cột chặt vào ống A của con ngựa.

* Chế tạo một con vật hai chân: con ngỗng bay.

Chim bay thì phải ở trên không, vì thế sẽ được treo lủng lẳng từ một đầu cần giống như một cần câu vậy. Ta sẽ di đầu cần để đưa chim đi đồng thời dùng ngón tay xoay đi xoay lại những ống suốt F tạo động tác đập cánh, đầu đuôi ngóc lên chúi xuống nhịp nhàng.

Mấy động tác của cánh, đầu và đuôi chỉ cần một bánh ròng rọc H mà thôi (xem hình), cho nên cơ phận rất giản dị và cách điều khiển cũng dễ dàng.

Một điều cần lưu ý là, con chim phải đủ nặng để khi kéo dây cho cử động, dây không lôi tuột nó lên cao. Hơn nữa phải có những dây riêng để treo cho chim cân bằng vào đầu

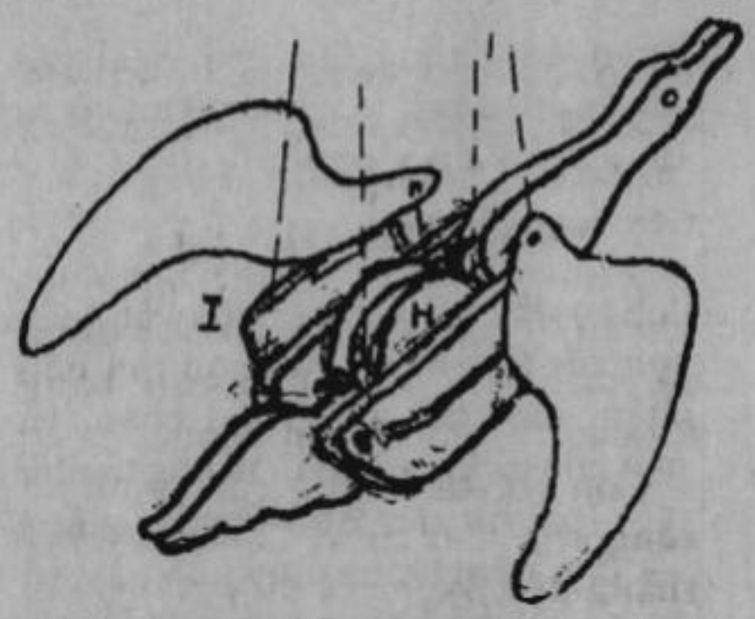

Con ngỗng bay. (Để ý các đinh khuy móc cổ và đuôi với P và dây mắc cánh.

cần rồi mới tùy đấy mà mắc những dây kéo ròng rọc cơ động thì dây kéo mới vừa, không căng mà cũng không chùng.

Về sự vận hành, từ phần đầu và đuôi chim có đính khoen nhỏ móc với hai đinh khoen khác ở hai bên trước, sau của ròng rọc. Thế là khi ròng rọc quay đi quay lại (tương tự như bánh ròng rọc dưới bụng ngựa), các đinh khuy móc vào nhau nói trên sẽ làm cho đầu và đuôi chim cử động.

Riêng với hai cánh vỗ, ta cần phải làm cho nó điểm tựa (I), rồi dùng một đoạn dây ngắn hai đầu buộc vào hai đầu cánh, khúc giữa kéo trũng xuống mắc vào cạnh dưới của bánh ròng rọc. Khi ròng rọc xoay đi xoay lại, nó tuần tự rút dây kéo cánh rồi lại buông lên để làm cánh vỗ (tương tự như mắc dây cho chân ngựa bước).

Cánh chim khá rộng, nếu làm cả bằng gỗ hay sắt thì quá nặng, tốt hơn là làm cái sườn cho đủ cứng rồi lấy giấy, vải hay mốp mỏng bạ vào.

* Tạo một con vật không chân: con cá.

Cơ phận con cá rất giản dị dễ làm, vì chỉ cần sao cho thân hình uốn éo quẫy lượn được và cái miệng ngáp ngáp là đủ. Tùy theo ta muốn cá bơi trong nước hay mắc câu dẫy dụa ở đầu cần mà treo cá ở giữa sống lưng hay miệng cá, nhưng cơ phận vẫn không có gì thay đổi. Có khác chăng là ở chỗ dây treo cân bằng con cá và độ dây dài hay ngắn. Dây dài để ta có thể vừa cầm cao đầu cần mà cá vẫn bơi

đi bơi lại trong chậu nước đặt lõm giữa sân khấu; còn dây ngắn là cho cá cắn câu, giật cần lên cá dẫy dụa ở trên cao.

Xem hình vẽ để rõ cách tạc hình, khoan lỗ, mắc dây kéo cho cử động và mắc dây treo cho cân bằng (tương tự như ở con chim).

Con rối cá không cần bánh xe ròng rọc nào cả vì dây kéo chạy thẳng đến ống suốt điều động. Nó cũng là một bánh xe ròng rọc rồi. Ngón tay kẹp ống suốt xoay đi xoay lại thì dây kéo thân cá sẽ bên xuống bên lên, nhờ vậy mà thân cá cũng sẽ một bên uốn cong đồng thời bên kia buông ra (tương tự như sự mắc dây cho chim bay).

Miệng cá ngáp ngáp chỉ cần một dây kéo là đủ. Lúc kéo cá ngậm miệng, lúc buông hàm tự động trễ xuống nhờ trọng lượng (tương tự như ở đầu con ngựa).

Ghi chú về những cái đuôi cần cử động: Đuôi thú vật, nếu là loại nhỏ như đuôi heo thì chỉ cần làm bằng một cái lò xo xoắn, một đầu gắn vào đỉnh mông, đầu kia để tự do rung rinh trong không khí; nếu đuôi cỡ vừa như đuôi ngựa, đuôi trâu bò... thì nên làm cho ve vẩy như ta đã làm cho con ngựa; còn nếu đuôi lớn như đuôi cá sấu hay đuôi khủng long thì nên làm bằng một dây lò xo cuốn theo hình thể đuôi thực, bên trong luồn dây kéo (đầu dây buộc thẳng vào một đoạn lò xo nào đó), bên ngoài phủ bằng loại vải thun cần co dãn.

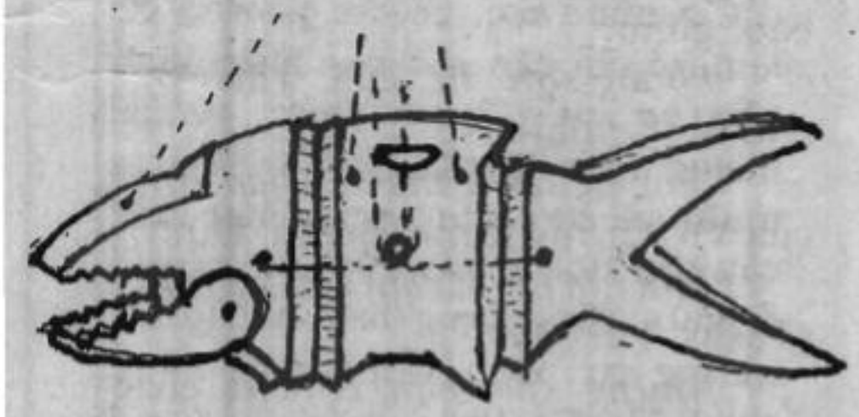

Con cá. (Để ý những dây treo cho cá cân bằng và dây kéo cho cá quẫy).

Vòi voi và, nếu muốn, ngay cả bốn chân voi nữa, cũng có thể cấu tạo bằng lò xo xoắn bọc vải, tương tự như đuôi cá sấu nói trên.

Với những thú vật như con rồng bay trên trời thì phần đầu làm tương tự như con cá treo vào đầu cần, phần thân dài tiếp theo làm bằng vải mỏng khâu như một cái ống trong độn một dây những quả bóng bay. Tất nhiên dọc chiều thân vải vẫn có luồn một dây kéo để khi cần ta có thể rút cho thân rồng chun thấp xuống rồi lại bay lên khi ta thả dây ra, trông linh động hơn.

SÂN KHẤU VÀ NGOẠI CẢNH

Dù là diễn tuồng con rối hay quay video, sân khấu rất cần. Nếu là diễn tuồng thì phần trên và hai bên sân khấu phải có màn che và cánh gà để khán giả không trông thấy hậu trường và để thay cảnh; còn nếu là để quay video thì ta có thể quay từng cảnh một, việc che hậu trường và chung quanh không cần thiết mấy nhưng cấu trúc sân khấu vẫn cần. Ta không thể đem rối diễn trò ở bất cứ một phim trường hay sân khấu nào khác vì cấu trúc sân khấu phải thích hợp với kích thước của con rối.

Sân khấu gồm hai tầng ván cách nhau khoảng 25cm. Bề rộng bề dài tùy tiện song với một hội trường bỏ túi giúp vui cho cộng đồng thì cứ lấy hai tấm gỗ ép (plywood) toàn bản (4x8 feet) là vừa.

Mặt ván trên có khoét những đường vòng vèo làm lối cho rối di chuyển. Có thể khoét những lỗ tròn lớn vừa đặt một cái chậu to giả làm hồ, ao chứa nước; dùng bơm nước lọc các bồn cá cảnh (aquarium) để bơm lên cao rồi cho chảy xuống thành thác, suối. Điều cần thiết phải tránh tối đa là sàn gỗ không được có cây chống, vì cây chống sẽ làm cản trở sự di chuyển của con rối. Cách tốt nhất là làm một khung sắt vừa vặn như một cái bao lơn (balcony) chìa ra khỏi tường, ván gỗ sẽ đặt trên khung sắt ấy. Lúc diễn trò, ta cần bao nhiêu cảnh thì có bấy nhiêu phiến gỗ ép bài trí sẵn sàng để ở hậu trường. Khi cần thay cảnh, chỉ việc khiêng cả mảng gỗ đi thay vào một miếng gỗ khác đặt lên khuôn sắt.

Phiến gỗ ép bên dưới sàn sân khấu thì bất di bất dịch và chỉ cần lót bằng plastic nhẵn để cần rối được di động dễ dàng.

Trên mặt sàn sân khấu, ta có thể bày đủ thứ hình vật thiên nhiên hay nhân tạo thành phong cảnh hay phòng ốc. Vật liệu thiên nhiên thường được sử dụng nhất là những chậu hoa, những cây kiểng, bonsai đi mượn hay thuê về để giả làm rừng hay công viên.

Làm những cây giả cũng rất cần vì nó tiện lợi, dễ chuyên chở và không tốn kém. Riêng tôi, tôi thấy những cành cây tường vi rất thích hợp để làm cây giả vì lúc nào dáng nó cũng khúc khuỷu, có nhiều nhánh nhỏ như que tăm với vỏ bọc nhẵn nhụi màu nâu nhạt nên trông giống hệt một cổ thụ.

Việc sáng tạo các dinh thự, nhà cửa, đình chùa miếu mạo hay lều nhỏ là tùy ở sáng kiến từng người. Tuy nhiên ta nên nghĩ cách lợi dụng các đồ điện tử dễ mua và giá rẻ như cục phát quang (LED, light emiting diode) và những dây đồng nhỏ (có bán ở các tiệm điện tử) để mắc thành đèn trong nhà hay ngoài đường vì LED có nhiều loại màu, lại chỉ cần điện pin (9-12 volts) là đủ sáng. Trên sân khấu, vào những cảnh tối trời mưa (dùng bình tưới) gió (quạt điện) mà trong những căn nhà có ánh đèn LED lấp lánh thì quang cảnh sẽ rất vui mắt.

Những cánh cổng hay cửa cũng nên mắc dây để, nếu cần, ta sẽ kéo đẩy cho nó mở ra hay đóng vào.

* Về cách vẽ phông cho sân khấu:

Xưa nay sân khấu nào cũng phải có phông vì phông đem lại chiều sâu cho sân khấu, đồng thời làm đỡ đi rất nhiều vật liệu và công sức bài trí. Nó còn làm tăng vẻ mỹ thuật cho buổi diễn trò mà nhiều khi vật thật cũng không sánh kịp.

Với tuồng con rối thì bức màn phông có điểm khác: nó phải làm sao để người múa rối núp sau hậu

trường vẫn có thể trông qua phông ra sân khấu hầu điều khiển con rối. Vì thế ở những phường múa rối nước của ta ngày xưa, màn phông là những bức mành bỏ rủ, tuy có vẽ tranh lên đấy nhưng qua các kẽ nan mành, người múa rối đằng sau vẫn trông rõ quang cảnh đằng trước. Bức mành tre ngày đó rất thô sơ, nhưng ngày nay, nhờ kỹ nghệ tân tiến, ta thấy có nhiều loại vải có thể vẽ lên mà vẫn để mắt trông qua được. Thông thường ta có thể dùng thứ vải bông thưa nhưng màu vẽ không thể là sơn vì sơn quánh đặc không nhìn qua được. Chỉ có màu nước (water colour) là vẫn để ánh sáng xuyên qua cho mắt nhìn nên rất thích hợp trong việc vẽ phông. Duy chỉ có điều là khi vẽ màu nước lên vải, nhiều khi nó không ăn, song nếu pha với nước xà-bông thì vải sẽ ăn màu (theo Helen Fling).

Một cái lợi nữa của những phông vải vẽ màu nước là nếu ta chiếu đèn phía sau nó, cho ánh sáng hắt qua (nhớ tránh chiếu sáng hậu trường) tức thì các màu sắc trên phông bỗng sáng lên rực rỡ rất ngoạn mục. Riêng chỉ có màu trắng (zinc white) là không cho lọt ánh sáng, vì thế nếu trông qua sẽ thấy tối đen.

Vì màu nước trên vải hay loang, càng nhiều nước càng loang nhiều, nên phải cẩn thận đừng bôi màu đậm ngay và nên luôn luôn có sẵn thứ gì thấm nước hoặc đặt ở đằng sau mặt vải phông, hoặc cầm tay để nước chảy loang là ta thấm ngay. Kỹ thuật vẽ màu nước ta có thể tham khảo ý kiến những họa sĩ vẽ tranh lụa là hơn cả.

Để kết, về kỹ thuật, nếu nói tới từng chi tiết nhỏ nhặt thì thực không sao kể hết. Đến lúc bắt tay vào làm mới thấy nhất cử nhất động đều hàm chứa cái khôn cái dại mà chỉ có kinh nghiệm mới soi sáng cho ta được. Vấn đề đặt ra là, cứ với quyết tâm kèm theo một chút nhẫn nại, đừng sốt ruột thì việc gì rồi cũng xong, nhất là làm con rối thường đem lại cho ta khá nhiều thích thú. □

KẾT QUẢ
GIẢI VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT LÀNG VĂN 1991-1992

Kết-quả bộ môn Truyện Ngắn, giải Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn 1991-1992 như sau:

. Giải nhất: không có.

. Giải nhì:

Mẹ con của Nguyên Văn (Minnesota, Hoa-kỳ).

Phần thưởng gồm 200 gia-kim, một năm báo *Làng Văn* và tặng-phẩm văn-nghệ.

. Giải ba:

Bóng mát của Trần Ca Dao (California, Hoa-kỳ).

Phần thưởng gồm 100 gia-kim, một năm báo *Làng Văn* và tặng-phẩm văn-nghệ.

. Giải ba đồng hạng:

Tình đồng-chí của Nguyễn Minh Khánh (trại Sungei Besi, Mã-lai).

Phần thưởng gồm 100 gia-kim, một năm báo *Làng Văn* và tặng-phẩm văn-nghệ.

. Các giải khuyến-khích:

- *Nàng* của Vũ Nghi (BC, Gia-nã-đại).
- *Mùa xuân trên xứ lạ* của Phùng Nhân (NSW, Úc-đại-lợi).
- *Chọn một con đường* của Phạm Văn Cương (trại Sungei Besi, Mã-lai).
- *Những cụm mai gầy* của Việt Ngọc Ngữ (California, Hoa-kỳ).
- *Gặp-gỡ ở Hương-lâm* của Nguyễn Thị Hương Giang (California, Hoa-kỳ).
- *Vợ tôi* của Nguyên Văn (California, Hoa-kỳ).
- *Một chuyến đi* của Hồ Hiệp Nguyễn (Victoria, Úc-đại-lợi).
- *Mê-lộ* của Hoàng Bích Hồng (Montréal, Gia-nã-đại).
- *Chùm hoa trắng* của Nguyễn Văn Thông (Maine, Hoa-kỳ).
- *Ngọc Giang* của Phạm Thị Thanh Bách (Virginia, Hoa-kỳ).

Phần thưởng cho mỗi giải khuyến-khích gồm một năm báo *Làng Văn* và tặng-phẩm văn-nghệ.

Tất cả các bài đoạt giải từ khuyến-khích trở lên sẽ lần-lượt đăng báo và in vào *Tuyển tập truyện ngắn giải Văn-học nghệ-thuật Làng Văn 1991-1992*, xuất-bản vào khoảng cuối năm 1992 này. Các tác-giả sẽ nhận được sách tặng và tiền nhuận-bút (tượng-trưng) cho bài in sách. Xin các tác-giả trúng giải vui lòng gửi ảnh, bản tóm-tắt tiểu-sử về tòa-soạn càng sớm càng tốt để in vào sách. Đa tạ.

Ngoài các tác-phẩm đoạt giải trên đây, tòa-soạn còn lựa được 8 truyện ngắn có giá-trị, tuy không trúng giải nhưng được chọn đăng báo, gồm:

- *Phụng-sơn tự* của Tần Vy (NSW, Úc-đại-lợi).
- *Tiếng người trong đá Giáp-sơn* của Vũ Xương Minh (Berlin, Đức).
- *Phim nói phim câm* của Lê Dao (Texas, Hoa-kỳ).
- *Những số phận côi-cút* của Hoài Việt (trại Whitehead, Hương-cảng).
- *Người chết sau cùng* của Minh Đạo (Pháp).

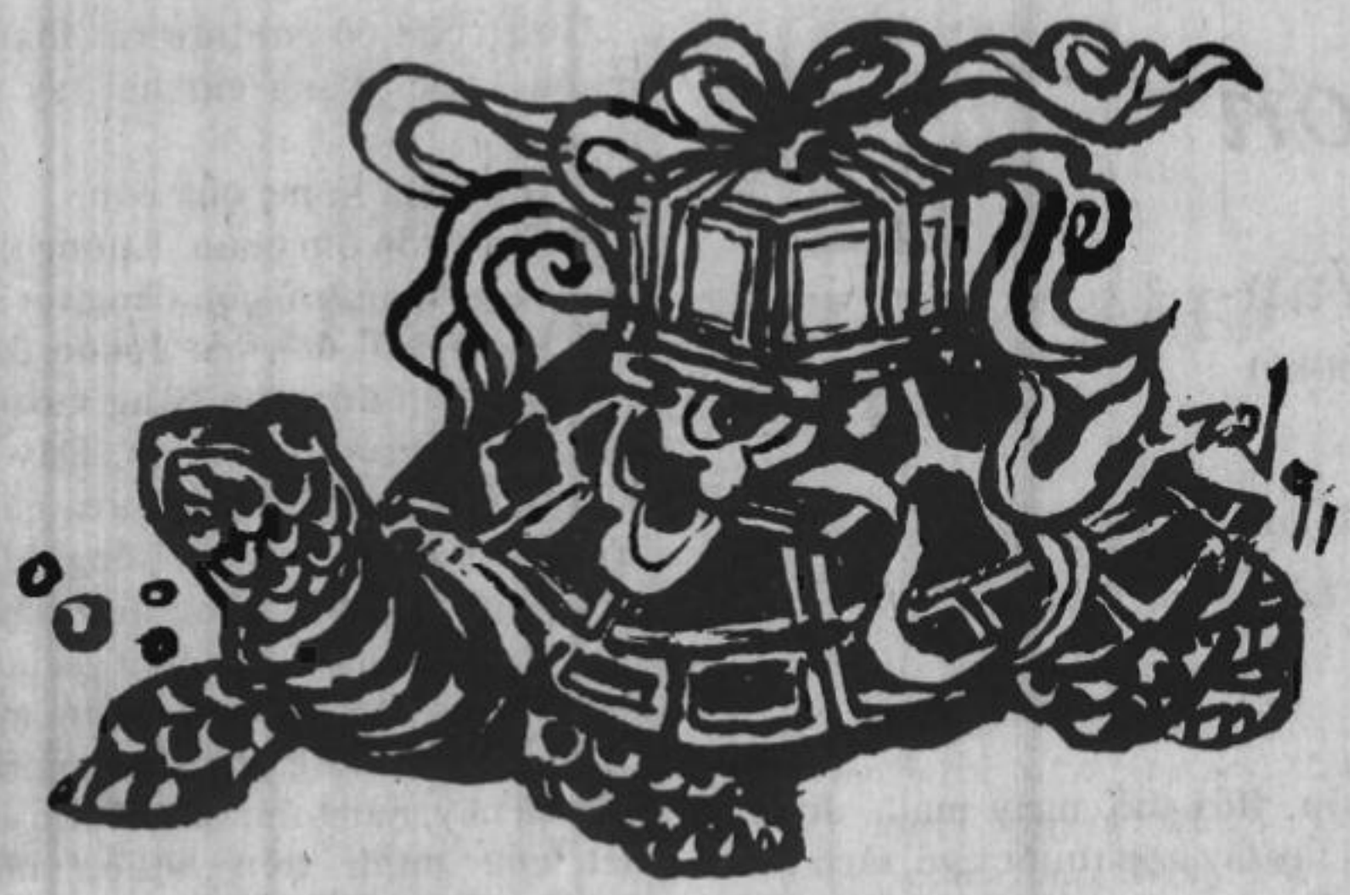

- *Ba cái sợi râu* của Nguyễn Ngọc Khoa (Ontario, Gia-nã-đại).
- *Con gián* của Nguyễn Ngọc Khoa (Ontario, Gia-nã-đại)
- *Những ngày vừa qua* của Nguyễn Ngọc Khoa (Ontario, Gia-nã-đại).

Các bài không trúng giải nhưng được chọn bài đăng báo, sẽ được tặng 6 tháng báo.

Có tất cả 68 truyện ngắn của 44 tác-giả từ 21 quốc-gia gửi về dự giải.

Bản kết-quả này tính theo phiếu điểm của các giám-khảo:
- Võ Phiến
- Hồ Trường An
- Nguyễn Ngọc Ngạn
- Mai Kim Ngọc
- Nguyên Hương

Tòa-soạn nhận-xét tổng-quát về bộ môn Truyện Ngắn dự giải 1991-1992 như sau:

Giải Văn-Học Nghệ-Thuật năm nay có nhiều khuôn mặt mới tham-gia, đa-số thuộc thế-hệ trẻ, chứng-tỏ sự hiện-diện của Giải đã tạo được sự hưởng-ứng trong phong-trào sáng-tác.

Về sự lượng giá, điểm số của các giám-khảo đưa ra trong năm nay tương-đối cách xa nhau khá nhiều. Phần lớn các bài dự thi đều không hội đủ điểm số qua vòng loại của cả 5 giám-khảo. Một số bài đạt số điểm tối-đa của một, hai vị giám-khảo, nhưng không qua điểm vòng loại của các vị còn lại.

Nhìn chung, mặc dù về phẩm và lượng so với năm 1990 tương-đối kém hơn, bộ môn Truyện Ngắn năm nay cũng có những đóng-góp đáng kể cho văn-học hải-ngoại.

HIỆN-KIM VÀ TẶNG-PHẨM NHẬN ĐƯỢC:

Làng Văn nhận được các sự ủng-hộ sau đây, xin trang-trọng cảm tạ quí đồng-nghiệp, ân-nhân, thân-hữu và độc-giả):

. *HIỆN KIM:*

- Tòa-soạn *Tự-chủ*, Nhật-bản 200 gia-kim
- Hội Cao-niên Việt-nam Toronto 100 gia-kim
- Nhà hàng South Vietnam, Toronto..... 100 gia-kim
- BS Nguyễn Tường Vân, Toronto100 gia-kim
- Nha-sĩ Nguyễn Văn Cường, Montréal ..... 100 gia-kim
- Nhạc-sĩ Mai Đẳng, Toronto 100 gia-kim
- Thi-sĩ Bá Dĩnh & Thủy Trang, Montréal..... 100 gia-kim
- Độc-giả DT, Montréal .. 100 gia-kim
- Độc-giả Nguyễn Hồng Văn, Toronto.....25 gia-kim
- Độc-giả Hồ Thị Thảo, California. 50 mỹ-kim
- Độc-giả Trần Hưng, Nhật-bản10.000 yen

TẠM KẾT: 925 gia-kim, 25 mỹ-kim và 10.000 yen

. *TẶNG-PHẨM:*

- Tòa-soạn *Văn-nghệ trẻ*, Đức..3 năm báo
- Tòa soạn *Chiêu Dương*, Úc 50 cuốn *Hoàng đế nội kinh*
- Nhà văn Nguyên Nghĩa, Toronto. 10 cuốn *Chờ chết*
- Nhà văn Nguyễn Trung Tâm, Toronto..... 15 cuốn *Vũ môn*
- Nhà văn Diệu Tần, Cali 10 cuốn *Trên bờ kinh An-hạ*
- Nhà văn Anh Vân, Cali 10 cuốn *Lưới tình*
- Nhà văn Phạm Thăng, AB.. 10 cuốn *Địa-lý Việt-nam* 10 cuốn *Cô Sáu Tân-qui*
- Thi-sĩ Nguyễn-đức Bạt-ngàn, AB. 10 cuốn *Từ giã ngày*
- Thi-sĩ Hoài Việt, Pháp .5 cuốn *Làng xưa phố cũ* 2
- Thi-sĩ Huệ Thu, San Jose.... 10 cuốn sách
- Thi sĩ Nguyễn Bá Dĩnh & Thủy Trang ..10 tập thơ *Ngọt ngào nỗi nhớ*
- Thi-sĩ Hoàng Xuân Thảo .... 10 cuốn *Khung trời quê-hương*
- Thi-sĩ Khải Chính, Toronto 10 cuốn *Nghĩa tình*
- Thi-sĩ Vi Khuê, VA ...10 cuốn *Tặng-phẩm tình-yêu*
- Thi-sĩ Nam Man, Úc10 cuốn *Thơ cù-nèo*
- Thi-sĩ Luân Hoán, Montréal .4 cuốn *Đưa nhau về đến đâu* và 4 cuốn *Ngo-ngác cõi người*
- Bạn Diệu Như Tăng Dũng.. 10 cuốn *Hiền thư mầu-nhiệm*
- Độc-giả Lê Văn Thân, Pháp ..1 năm báo *Làng Văn*
- Thi-sĩ Trịnh Gia Mỹ tặng 10 cuốn *Mùa xuân yêu em.*

TẠM KẾT: 208 cuốn sách, 1 năm báo *Làng Văn* và 3 năm báo *Văn-nghệ trẻ.*

Danh-sách tặng-phẩm này sẽ in vào *Tuyển tập thơ văn giải Văn-học nghệ-thuật Làng Văn 1991-1992*, sẽ ra mắt vào mùa đông năm nay.

Mẹ Con

Nguyễn Văn

(Minnesota, Hoa-kỳ)

** Tác-phẩm đoạt giải nhì, bộ môn Truyện Ngắn Giải Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn 1991-1992*

Joann bần thần nhìn mình trong gương. Khuôn mặt hốc hác thấy rõ. Mới có một tuần mà quầng mắt thâm đen. Nàng với tay lấy hộp kem dưỡng da xoa đều. Dường như chưa hài lòng, Joann miết thêm một lớp dầy quanh mắt. Nàng mở to đôi mắt, đột nhiên tự hỏi mình: "Ngày mai sẽ ra sao?"

Cả tháng nay, từ lúc sở tìm thân nhân báo tin họ đã tìm được đứa con gái duy nhất của nàng, câu hỏi đó cứ luôn luôn ám ảnh. Sáng mai, mười giờ, nàng sẽ đến gặp con tại văn phòng của hội. Joann lo lắm. Nàng không biết sẽ phải làm gì, đứa con gái đó có nhìn nhận nàng là mẹ? Joann nhặt hai tấm hình trên bàn. Một tấm hình của đứa bé khoảng 4 tháng. Tấm hình cũ mèm, vàng úa trên nền đen trắng. Tấm còn lại màu sắc tươi sáng với nụ cười của cô gái tóc vàng, mắt nâu. Những đôi mắt to và chiếc cằm nhọn, hao hao giống nhau. Joann không tin là sở tìm thân nhân làm việc nhanh như vậy. Nàng có ý định tìm con mấy năm nay, chỉ từ một dấu hỏi con mình giờ ra sao. Vậy thôi! Tiền chi phí những ba trăm đô-la. Joann ngần ngừ mãi. Tìm không ra cũng phải mất toi tiền. Ba tháng trước Joann bấm bụng ký tấm chi phiếu, soạn mớ hình ảnh, khai sinh, giấy tờ gửi đi. Nàng ngượng hết sức khi nghe người thư ký cho hay đứa con nàng đã nộp đơn tìm mẹ hơn hai năm nay. Hồ sơ đã đối chiếu rất ăn khớp. Bởi thế, ngày mai... Joann với tay lấy hộp thuốc ngủ, tách viên thuốc nhỏ xíu bỏ vào miệng nuốt chửng. Nàng cần giấc ngủ hơn bao giờ hết. Tiếng con Ricky rên ư ử đòi ra sân đi cầu làm Joann bực bội. Nàng lớn tiếng gọi chồng:

— Ronney, mở cửa cho con Ricky!

Joann quơ chiếc gối trùm mặt lại. Chất thuốc thấm vào cơ thể, nàng thấy phiêu diêu, dễ chịu.

*

* *

Chín giờ ba mươi sáng.

Joann ngồi thấp thỏm trong phòng đợi. Cô thư ký đưa nàng vào đây rồi khép cửa đi mất. Căn phòng nhỏ vỏn vẹn bộ sofa màu cỏ úa, chiếc bàn kiếng tròn với vài tạp chí, cây trường sanh ở một góc. Ánh đèn vàng dịu. Không khí ấm áp, yên lặng. Nàng nhìn mãi vào đồng hồ, tự hỏi đứa con gái đó có đến không? Có tiếng giày lộp cộp ngoài hành lang. Joann nín thở. Tiếng động đi xa hẳn về hướng khác. Yên lặng bủa vây. Joann mở tờ báo, những dòng chữ nhảy múa, những màu sắc quay cuồng. Nàng có cảm tưởng mình bị nghẹt thở.

Cửa phòng bật mở, một cô gái tóc vàng, miệng cười rất tươi bước vào. Joann lúng túng. Cô gái bước tới nhìn nàng, khẽ hỏi:

— Có phải bà là Joann Swatchz không?

Joann gật đầu như cái máy.

— Con là Becky. Con là con của bà!

Nước mắt cô gái trào ra. Joann muốn khóc. Nàng giơ hai tay về phía con:

— Phải, ta là mẹ của con.

Hai mẹ con ôm nhau. Không khí như lắng đọng, chỉ còn tiếng sụt sịt của hai người đàn bà. Joann đẩy con ra, nhìn đứa con bằng xương bằng thịt trước mặt mình. Đây là hình ảnh của nàng hai mươi năm trước, trẻ trung, đầy sức sống. Mãi đến phút giây này nàng mới nhận thức được mình đã già, ít ra già hơn nàng nghĩ. Becky cũng nhìn mẹ, nàng thấy thương yêu ngay người đàn bà này, nàng tìm thấy được vài nét của mình trên khuôn mặt Joann. Becky lên tiếng:

— Mẹ ở đâu vậy mẹ?

Joann với tay cầm chiếc ví, khẽ nắm tay con:

— Đi, mẹ đưa con về nhà, mình sẽ nói chuyện nhiều hơn.

Cả hai bước ra đường. Ánh nắng chan hoà. Những cơn gió đầu thu man mác, mơn man đôi mái tóc. Joann ngửa cổ hít lấy không khí trong lành. Nàng cảm thấy yêu cuộc đời quá. Mọi sự thật dễ dàng. Nàng tự cười mình đã bận tâm lo lắng mấy hôm nay.

Trên xe, Joann hỏi chuyện con. Becky sống trong khu nội trú đại học, là sinh viên năm thứ hai ban Kinh Tế. Gia đình bà mẹ nuôi Becky ở một thành phố nhỏ cách đó khoảng 60 dặm. Joann nói:

— Con có biết sở ta làm cạnh trường đại học không?

— Thật à, đâu vậy mẹ?

— Ta làm ở sở y tế của tiểu bang.

— A, con biết rồi, cái toà nhà màu trắng chứ gì? Năm rồi con và mấy đứa bạn bỏ phiếu bầu cử ở đó.

Joann phác tay đồng ý. Nàng thở dài. Con gần nàng quá, chung một khuôn viên, một bầu trời. Chỉ cần vài bước là có thể gặp nhau. Lắm khi đã chạm mặt nhau mà không hề nghĩ đến sự liên hệ máu huyết. Trái đất bé nhỏ quá! Bỗng dưng Joann hối tiếc. Sao mình không tìm con từ lâu. Đứa con gái này dễ thương

quá. Hạnh phúc này ta phải nắm chặt lấy. Nước mắt nàng nhoè nhoẹt, mờ đôi kính cận. Becky liếc nhìn mẹ, cảm động. Mẹ nàng đây sao? Người đàn bà nàng nghĩ đến bao nhiêu năm trời, muốn gặp mặt để chỉ hỏi một câu: "Tại sao mẹ bỏ con?"

Joann dừng xe trước một căn nhà khang trang. Becky quay lại nhìn nàng, hỏi:

— Mẹ ở đây hở? Nhà đẹp quá!

Joann sung sướng gật đầu. Căn nhà nằm trên khoảng đất rộng, hàng rào thưa bao quanh. Sân trước, dọc theo lối đi, Joann trồng nhiều hoa hồng. Những đóa hồng đủ màu nở rộ lung linh cười. Mùi hương tỏa ra nhẹ nhàng, ngây ngất. Những khóm cúc vàng, thược dược gần cửa ra vào cũng khoe sắc, rung rinh dưới cơn gió nhẹ. Không thấy xe Ronney ở nhà, cả tiếng con chó Ricky cũng vắng, chắc Ronney đi thăm ông cụ ở viện dưỡng lão. Ông cụ già lắm rồi, bệnh hoạn hoài, phải đưa vào đấy để có người chăm sóc.

Becky choá mắt trước căn phòng tráng lệ. Bộ bàn ghế đắt tiền. Ngọn lửa nhân tạo bập bùng trong lò sưởi làm cho những bức tượng bày chung quanh như có sự sống. Đàn cá nhởn nhơ trong bồn thủy tinh thật lớn ở góc tường. Chiếc rèm cửa màu đào che khuất một phần sân sau nhà, Becky thấy mặt nước hồ tắm xanh lấp lánh. Lớp nhung đỏ thẫm phủ trên chiếc dương cầm. Bình hoa cúc trắng nổi bật trên màn nhung, đẹp như một bức tranh. Becky vuốt nhẹ lên phím đàn. Nàng ước mơ có một chiếc đàn như thế này. Bà mẹ nuôi chỉ là một thư ký nghèo. Nàng mong tới ngày tốt nghiệp, tìm việc làm lương cao sẽ tự mua cho mình.

Joann nắm tay con, như thói quen của nhiều người Mỹ, nàng dẫn con đi giới thiệu từng phòng:

— Đây là nhà bếp, mẹ rất lười nấu ăn.

Joann mở tủ lạnh lấy lon nước ngọt, bật khoen ấn vào tay con:

— Uống đi. Còn đây là phòng của mẹ.

Becky nhìn ở đầu giường, tấm hình Joann chụp với một người đàn ông và con chó to lớn. Joann nói:

— Đấy là Ronney, chồng của mẹ. Đây là phòng vệ sinh. Còn đây nữa...

Becky trố mắt. Căn phòng nhỏ vừa bước vào đầy những búp bê. Trên chiếc nôi nhỏ xíu góc phòng, một con búp bê nằm ngủ. Joan liến thoắng:

— Mẹ tạm gọi đây là bộ sưu tập của mẹ. Mấy con búp bê này mẹ thường chọn lựa rất kỹ trước khi mua. Con áo xanh đó mẹ phải trả hơn bốn trăm đô-la, con tóc đỏ này rẻ hơn, khoảng hai trăm thôi. Mẹ đặt cho mỗi đứa một tên. Đây Lisa tóc bạch kim, Susan tóc vàng. Con búp bê tóc đen với đôi kính cận mẹ gọi nó là Vân, giống như một người bạn Việt Nam làm chung với mẹ. Chiếc mền thêu hoa đắp con Jessica đang ngủ kia là do Vân thêu giùm mẹ đó.

Becky chợt hỏi:

— Ngày xưa mẹ đặt tên con là gì?

Joann ngồi xuống giường, khẽ nói:

— Marie. Tên con là Marie Swatchz.

Nước mắt lại lăn dài trên má, Joann kéo tay con ngồi xuống cạnh mình. Câu chuyện hai mươi năm qua trở về như một cuốn phim quay chậm...

Thuở đó, Joann vừa tốt nghiệp trường huấn nghệ. Nàng xin được việc làm ngay ở sở Y Tế. Ba tháng sau, Joann mừng rỡ báo tin cho người bạn trai việc nàng thọ thai. Joann bàn về tương lai, hối thúc Bruce làm đám cưới. Anh ta ậm ừ rồi đề nghị phá thai. Vào lúc đó việc phá thai rất khó khăn, Joann sợ ê mặt với các bạn đồng sở nên chống lại ý Bruce. Hai người bất hoà luôn. Joann chuyển bụng, Bruce vắng nhà, nàng cắn răng chịu đau lái xe đến nhà thương một mình. Qua cơn đau, nàng gọi phone về cho Bruce: "Con gái anh ạ. Con có màu tóc của anh. Con đẹp lắm. Đến đây nhìn con của mình nha anh".

Bruce không đến, chẳng buồn nhìn mặt đứa con. Nhẫn tâm hơn, anh ta thu dọn quần áo bỏ đi. Joann ôm con một mình với mối hận thù. Con hơn một tháng, Joann trở lại sở làm. Tiền gửi con, tã, sữa, tiền thuê nhà... nàng không đủ sức tự lo. Cha mẹ nàng ở tận miềm Nam, nàng dấu biến không cho hay biết. Nhiều khi đứa bé khóc, nàng nổi hung cầm gối đè chặt vào mặt con. Cũng may tiếng khóc è ạch gần tắt hơi của đứa bé khêu gợi tình mẫu tử, Joann ngừng tay rồi ôm con khóc. Hoàn cảnh khốn đốn khiến Joann không chịu đựng nổi. Cuối cùng nàng đem con cho hội từ thiện. Nàng nói trong nghẹn ngào:

— Mẹ không đủ sức lo cho con. Lúc đó mẹ còn quá trẻ, trẻ như con bây giờ. Mẹ chỉ mong gia đình nào xin con sẽ lo lắng cho con trọn vẹn hơn mẹ. Con ở với mẹ biết chừng đâu cả hai mẹ con ta đều chết. Mẹ buồn ghê lắm. Khoảng hai năm sau đó mẹ tới chỗ cũ hỏi thăm, họ cho hay đã có người nhận con về nuôi. Họ từ chối cho biết tin tức về gia đình này. Mẹ thực sự mất con.

Becky nối lời:

— Năm con lên mười tuổi, mẹ nuôi kể con hay mọi việc. Bà ấy cũng chỉ biết tên mẹ thôi. Mãi khi lớn lên con mới nghĩ tới việc tìm cha mẹ ruột. Cha con giờ ở đâu?

— Ở gần đây lắm. Ông ấy đã lập gia đình, có thêm vài đứa con thì phải. Mẹ chỉ biết thế thôi chứ không liên lạc. Còn gia đình mẹ nuôi con thế nào?

Becky nhoẻn miệng cười:

— Mẹ Ruth tốt lắm, rất hiền và ngoan đạo. Con và anh Dan đều là con nuôi. Anh Dan đã ra riêng. Con ở nội trú cho tiện đi lại, thỉnh thoảng con vẫn gọi phôn về thăm nhà. Đêm qua con có nói cho mẹ Ruth hay hôm nay con gặp mẹ. Bà có dặn con mời mẹ về đấy chơi.

Joann gật đầu:

— Ờ, hôm nào mình về thăm bà ấy. Mẹ muốn ngỏ lời cám ơn bà đã nuôi nấng con.

Becky nắm tay Joann xiết chặt. Như một giấc mơ tưởng không thành sự thật. Bao nhiêu năm lớn lên với lòng oán trách người mẹ đã nhẫn tâm bỏ rơi mình, phút chốc nàng cảm thấy quên hết giận hờn, chỉ còn nỗi lâng lâng, sung sướng.

Từ đó Joann thường hẹn Becky đi ăn trưa, đi chơi. Họ chọn ngày về thăm bà mẹ nuôi. Joanne mua bó hồng bằng vải. Hai ngày liền nàng hồ cứng những đoá hoa rồi phun đều nước bóng. Hoa được kết đầy trên chiếc làn mây, một chiếc nơ satanh cột trên tay cầm. Becky tấm tắc khen mẹ khéo tay. Joann đưa con về nhà.

Khác hẳn sự ồn ào của thành phố, tỉnh lỵ nơi bà Ruth ở chỉ lèo tèo vài chục căn nhà, dăm ba con đường nhỏ, lưa thưa mấy cửa tiệm. Theo hướng chỉ của Becky, chiếc xe dừng lại trước một căn nhà nhỏ. Becky mở tung cửa xe, chạy bay vào nhà. Joann cầm gói quà, lững thững theo con. Một người đàn bà trung tuần mập mạp, khuôn mặt phúc hậu, bước ra với Becky.

— Đây là Joann, mẹ của con. Còn đây là Ruth — nàng cười nhí nhảnh — cũng là mẹ của con.

Bà Ruth cười hiền hoà:

— Mời bà vào chơi. Lần nào gọi phôn về cho tôi, Becky cũng nhắc đến bà.

Joann nhìn quanh nhà. Đồ vật trưng bày có một nét cũ kỹ, già nua, làm căn phòng khách tối hẳn đi. Con búp bê đặt trên chiếc tủ kia là một bằng chứng. Nó vừa xấu, vừa lôi thôi với cái áo đầm bằng vải hoa. Nhìn theo hướng mẹ, Becky bước đến ôm con búp bê:

— Đây là em Caty của con!

Bà Ruth tiếp lời:

— Ừ, Becky yêu con búp bê này từ thuở còn nhỏ, đêm nào lên giường cũng ôm em Caty. Tôi nhớ có một lần Caty rơi xuống gầm giường tìm không ra, Becky nó khóc hoài, mệt thì ngủ vùi, giật mình lại khóc tiếp. Tôi và ông nhà tôi sục sạo khắp nơi, rốt cuộc gần sáng mới tìm ra.

Becky đỏ mặt. Bà Ruth ôm con vào lòng:

— Con bé này ngoan lắm. Vì muốn cho con học thành tài nên tôi mới đành để nó đi xa. Thực ra có ai muốn xa con mình đâu phải không bà?

Đến lượt Joann đỏ mặt. Nàng lắp bắp:

— Vâng, cũng vì hoàn cảnh thôi.

Bà Ruth đưa Joann đi giới thiệu từng phòng. Bà đem cuốn tập hình chụp Becky từ nhỏ đến lớn. Bằng giọng trìu mến, bà kể lại những kỷ niệm về con. Becky luôn nhìn bà với ánh mắt thương yêu.

Sau bữa ăn, bà Ruth đưa cho con một hộp giấy lớn:

— Đây, cầm lấy. Mẹ làm hôm qua để dành cho con đó!

— Mẹ làm chi cho cực vậy?

— Con chó con, không phải mày thích thứ bánh hạnh nhân này lắm sao?

Becky bùi ngùi. Nàng ôm bà Ruth hôn thật lâu vào đôi má nhăn nheo. Ra tới xe nàng hãy còn luyến tiếc, vẫy tay chào bà cho đến khi căn nhà nhỏ khuất sau góc đường.

Suốt cuộc hành trình trở về, Becky nhắc hoài về bà Ruth. Joann nghe mà lòng tê tái. Những thương yêu, lưu luyến, gần gũi đó phải chỉ dành riêng cho nàng, không phải cho bà Ruth. Nàng mới thực sự là

mẹ của Becky. Nàng cưu mang con trong bụng, đau đớn thể xác, tâm hồn, chịu bao đắng cay, xấu hổ vì con mà! Nàng nhớ lại những nụ cười mỉa mai của bạn đồng sở, phải chăng đã vì ương ngạnh, muốn thách thức họ mà nàng giữ lại cái bào thai đó không?

Về đến nhà, nàng so đo mãi với chồng, đến độ Ronney phải bực mình:

— Em thật là vô lý. Em thiếu bổn phận với con từ lâu, bà Ruth nuôi nó từ tấm bé. Mới gặp em đây làm sao nó có thể thương yêu em như thương yêu bà ấy được!

Joann chợt tỉnh. Mình phải làm cách nào để giành lại quyền làm mẹ, giành lại tình yêu, giành lại đứa con đây? Con Ricky thè lưỡi liếm tay nàng. Joann lấy hộp bánh tây bỏ vào miệng nó một cái. Ricky vẫy đuôi mừng rỡ, nó dựa vào mình chủ như để tỏ lòng biết ơn.

Joann đến khu nội trú tìm con. Nàng mới mua cho con một con búp bê đắt tiền với chiếc áo dạ hội nhung tím thẫm. Becky ngạc nhiên lắm:

— Sao mẹ cho con vậy?

— Ừ, mẹ biết con thích búp bê

mà. Mẹ đặt nó là Amada, tên dễ thương không? Cho nó thay thế con Caty cũ kỹ của con nhé!

Becky cười, thành thật đáp:

— Amada, tên đẹp quá, con thích lắm, cám ơn mẹ; nhưng Caty vẫn là con búp bê con thương nhất.

Joann phật lòng, nàng định trả đũa con nhưng lại bắt sang chuyện khác:

— Mười hai tháng tới là sinh nhật con, con có nhớ không?

— Nhớ chứ, mẹ cũng nhớ nữa à? Mẹ Ruth gọi con tuần rồi, bà định mời mẹ về chơi, nhưng vì cận ngày thi cuối khoá, con không về được đâu.

Joann chộp ngay lấy cơ hội:

— Vậy càng hay, mẹ sẽ tổ chức sinh nhật con đằng nhà mẹ, con nghĩ sao?

— Con chỉ định đi với mấy đứa bạn ra nhà hàng. Con bận thi mà mẹ.

— Không, mẹ tính xong hết rồi. Con đưa các bạn đến nhà mẹ cho vui. Đây, mẹ mua sẵn thiệp mời cho con. Mẹ đã ghi địa chỉ, vẽ đường đi trong từng tấm. Con chỉ cần điền tên bạn con vào. Cận ngày mẹ với con đi mua thêm ít đồ dùng và trang hoàng. Con bận để mẹ làm cũng không sao. Còn thức ăn mẹ lo luôn.

Becky đành chiều ý mẹ. Vả lại cũng khó từ chối, gần ngày thi mà hầu như ngày nào Joann cũng gọi điện thoại nhắc mãi về tiệc sinh nhật, có khi chỉ để hỏi Becky muốn mua khăn giấy màu gì!

Becky mời người bạn trai và vài người bạn thân. Ronney ở nhà hôm đó. Ông theo lời dặn của Joann, đưa tặng Becky bó hồng nhung đỏ thẫm khi nàng và đám bạn vừa bước chân vào nhà. Becky cảm động lắm. Bữa tiệc diễn ra trong không khí thân mật, vui vẻ.

Khi ăn bánh, Joann nhắc con mở quà. Quà các bạn được mở ra. Vài cuốn sách, một khung hình, một bình hoa bằng pha-lê màu xanh ngắt. Becky định mở gói quà bà Ruth gửi vừa kịp tới tay nàng sáng nay. Joann ngăn con lại. Nàng trịnh trọng đưa gói quà của mình, yêu cầu con mở ra. Becky vâng lời mẹ. Chiếc hộp đựng chiếc áo ngủ bằng lụa hồng, đôi bao tay ren trắng và một đóa hoa bằng sa-tanh có ướp mùi thơm đặc biệt. Joann giải thích:

— Mẹ muốn con mặc chiếc áo này trong đêm tân hôn. Đôi bao tay cho cô dâu và đóa hoa con cài trên áo cưới. Mẹ sẽ rất sung sướng đưa con đi chọn áo cưới sau này.

Becky đỏ mặt trong tiếng cười của các bạn. Joann bắt con ướm thử áo vào người. Nước da trắng hoà hợp với chiếc áo khiến mọi người tấm tắc khen. Becky vẫn không quên gói quà cuối cùng. Nàng thận trọng mở ra. Một chiếc áo len đan tay màu trắng ngà vàng, điểm vài hoa xanh xếp ngay ngắn trong hộp. Becky mỉm cười. Joann không hiểu nụ cười của con. Becky mở tấm thiệp lẫn trong lớp áo. Nàng khẽ đọc:

"Gửi Becky, con yêu của mẹ. Mừng sinh nhật thứ hai mươi của con. Con có nhớ chiếc áo này không? Năm con mười lăm tuổi, mẹ đã lén đan cho con chiếc áo len này. Mẹ nhớ ngày con nhận được, con ôm mẹ khóc. Con nói chiếc áo này là quà tặng quý nhất của con. Nay mẹ soạn trong mớ đồ cũ, mẹ không còn tỏ mắt để đan áo mới, mẹ tặng cho con lần nữa, mong rằng con sẽ vui vẻ nhận, như nhận cả tình yêu của mẹ mãi mãi cho con. Ruth".

Becky chan hoà nước mắt, nàng mở chiếc áo ra mặc ngay vào người, quay sang nói với Joann:

— Con dùng phôn của mẹ được không?

Joann gật đầu như cái máy. Tiếng Becky vang vang như những mũi dao đâm thấu tim nàng:

— *Hi*, mẹ Ruth đó hả. Becky đây. Con vẫn khoẻ, cám ơn mẹ. Con nhận được quà sinh nhật của mẹ, con đang mặc trong mình con đây. Đây là món quà quý nhất trong lần sinh nhật thứ hai mươi này. Cám ơn mẹ. Con thương mẹ nhất.

Như một chiếc răng sâu, cơn

nhức nhối đục khoét từng phút, từng giây. Joann đi từ thất vọng này sang thất vọng khác. Càng cố gắng chinh phục con, nàng thấy Becky càng xa tầm tay hơn. Cũng như tác dụng của viên thuốc Aspirin, cơn đau lắng dịu trong phút chốc; thuốc tan, cơn đau lại bùng lên, vật vã. Joann dọn căn phòng trống trong nhà. Nàng trang hoàng, mua khăn trải giường, gối mới thật đẹp. Nàng gọi Becky dọn về ở. Căn phòng hoàn toàn quá, Becky sẽ không nỡ từ chối. Joann bảo con, sáng chiều nàng sẽ cùng con đến sở, đến trường, họ sẽ có dịp gần nhau luôn. Tiện quá! Vậy mà Becky không ưng, nàng chỉ muốn được tự do. Ngày một, ngày hai Joann cứ gọi điện thoại thúc hối, Becky phải nhờ cô bạn chung phòng nói dối nàng không có nhà. Giằng co mãi, Joann bỏ sở làm một buổi, đến phòng trọ của con gom góp tất cả vật dụng, quần áo, sách vở. Nàng để lại tờ giấy:

"Mẹ thu dọn đồ dùng của con về nhà mẹ. Mẹ muốn con ở gần để mẹ chăm sóc cho con. Con đừng trách mẹ. Mẹ không thể sống thiếu con. Đến với mẹ ngay đi con. Thương yêu. Joann".

Đêm đó Joann đợi con.

Đêm thứ hai.

Đêm thứ ba.

Joann giận lắm. Nàng đón con trước sân trường. Becky vùng vằng:

— Con không muốn đến đó ở, mẹ đừng ép con.

— Nhưng đó là nhà của mẹ, của con mà.

— Không, đó chỉ là nhà của mẹ. Nhà của con là ở tỉnh nhỏ với mẹ Ruth. Mẹ mang đồ trả lại cho con. Còn như mẹ thích, mẹ cứ giữ lấy.

Joann đầu hàng. Nàng ngậm ngùi mang tất cả mọi thứ trả lại cho Becky. Nàng gửi thư xin lỗi con. Tình cảm xem ra lợt lạt dần từ phía Becky. Mỗi lần gọi điện thoại cho con, Joann chỉ được nghe cô bạn gái chung phòng bảo Becky đi vắng.

Mùa thi qua, tuyết trắng đầy đường, cái lạnh mùa đông làm Joann co ro trong áo ấm, tê tái như nỗi rét mướt tâm hồn. Joann gửi rất nhiều quà cho con. Những bó hoa, những tấm thiệp, những chiếc áo... như những hạt muối chìm dần trong biển cả. Joann ngồi hàng giờ trước máy điện thoại. Nghe tiếng chuông reo, nàng nhảy nhổm lên, hớn hở rồi thất vọng. Ronney đã có lần hét lên:

— Em có điên không?

Không, Joann nghĩ, nàng chỉ muốn giành lại tình yêu của đứa con. Nàng đã cố gắng, phung phí thì giờ và tiền bạc. Những đồng tiền tiết kiệm trong trương mục vơi dần, những giấy nợ cao hơn. Tất cả không kêu gọi được Becky. Tất cả không đủ để mua tình mẹ con. Nàng phải làm hơn thế nữa, bằng mọi cách. Lễ Giáng sinh sắp đến, nàng viết thư cho con:

"Đêm Giáng sinh mẹ sẽ làm một tiệc lớn cho con mời bạn bè. Mẹ có một món quà đặc biệt cho con. Mẹ biết con sẽ thích lắm. Ông ngoại ở miền nam gọi phôn cho mẹ, ông muốn gặp con. Gia đình mình ở đấy đông lắm, ai nấy đều chờ đón con. Mẹ hứa sẽ đưa con về. Mẹ đã mua vé máy bay xong rồi. Con nghỉ hai tuần *spring break* mẹ đưa con đi ngay. Quên nữa, đây là thiệp mời cho các bạn, mẹ đã lo chu đáo cho con. Có thì giờ rảnh gọi phôn cho mẹ. Thương".

Joann chờ con, chờ mãi. Bàn tiệc ê hề, những món ăn nguội lạnh. Ronney tức giận bỏ đi từ lúc nào. Đến thăm ông cụ trong viện dưỡng lão còn đỡ bực mình hơn nhìn khuôn mặt chảy dài của vợ. Joann gọi điện thoại. Những tiếng reng liên tục, lê thê, xoáy mạnh vào sự yên lặng. Không một ai ở đấy. Ánh đèn giăng giăng trên cây thông chớp tắt từng hồi làm cho căn phòng trống trải lạ. Gói quà cho Becky nằm bơ vơ. Nàng đã mua một chiếc áo lông đắt tiền cho con. Joann rót ly rượu mạnh nốc cạn. Chất đắng thấm qua cuống họng, đốt cháy cơ thể. Joann uống thêm ly nữa, rồi ly nữa. Chai rượu cạn dần. Mắt nàng đỏ ngầu, những tia máu nổi trên phần tròng trắng như những tia lửa. Nổi xung, Joann ném mạnh ly rượu vào lò sưởi. Tiếng ly vỡ loảng xoảng như kích thích cơn giận. Rocky giật mình sủa ầm ĩ. Joann quát to:

— Câm họng lại!

Con chó tiu nghỉu nằm bẹp xuống. Joann đá phốc vào mình nó:

— Cút đi, cút hết đi!

Joann lên cơn điên. Nàng mong có Becky ở đó, nàng ước ao chính tay mình bóp cổ Becky, giết chết nguồn sống mà nàng đã tạo ra. Đứa con đó đã phản bội mẹ. Joann gào lên:

— Ta là mẹ của con, Becky!

Joann lại đón con trước cổng trường, trao cho con gói quà. Với vẻ mệt mỏi, nàng trách khéo:

— Mẹ chờ con suốt đêm Giáng sinh.

— Ả, con về với mẹ Ruth. Năm nào con cũng phải về nhà.

Joann mở ví đưa cho con thấy hai tấm vé máy bay:

— Tuần tới mẹ đón con. Mình về thăm ngoại. Chuyến bay cất cánh lúc mười giờ sáng. Mẹ sửa soạn xong hết rồi, con chỉ cần đem ít quần áo thôi. Chuyến đi này mẹ mong rằng chúng mình sẽ có dịp tâm sự nhiều hơn.

Becky ngập ngừng. Joann không để con nói một lời nào, nàng quay đi che giấu đôi dòng nước mắt.

Thư cho mẹ:

"Joann,

Con viết thư này sau nhiều đêm suy nghĩ chín chắn. Con định gọi phôn hẹn mẹ ra, mẹ con mình nói chuyện. Nhưng con không nghĩ mẹ sẽ lắng nghe con. Mẹ chưa từng lắng nghe và để con tự quyết định một việc gì. Tất cả được mẹ lo hết, chu đáo, trọn vẹn. Con chỉ phải theo đường mẹ vạch sẵn. Con không cảm thấy mình còn được tự do, dù rằng những gì mẹ lo cho con đều đắt tiền, đều lộng lẫy, quá xa sự ước đoán. Con chỉ mong muốn một điều, hãy để con tự lo lấy đời con.

Như mẹ thường nói, mẹ mất con hai mươi năm nay, mẹ muốn bù

đắp lại những thiếu sót của mẹ.

Con muốn bảo với mẹ rằng, con không cần những bù đắp đó. Con đã lớn lên, trưởng thành trong vòng tay mẹ Ruth. Bà không sanh ra con nhưng đã cho con cả trái tim người mẹ. Những thứ đó không chỉ đến bằng tiền, bằng vật chất xa hoa. Tình yêu của mẹ Ruth, con ân cần đón nhận. Có một ai đã nói, đứa trẻ nào lớn lên cũng mang theo hình ảnh người mẹ. Thì hình ảnh mẹ Ruth là tất cả của con.

Hai mươi năm qua lớn lên với câu hỏi trong lòng, tại sao mẹ bỏ con. Giờ đây con đã hiểu. Con cũng chẳng cần tìm biết người cha không nhìn đến hòn máu rơi của mình. Con khác mẹ, con không níu kéo những gì không thuộc về con.

Còn mẹ, Joann, mẹ chỉ là người tạo ra con, sinh ra con. Vậy thôi. Thời gian mấy tháng chưa đủ để hình ảnh mẹ thay thế mẹ Ruth. Không bao giờ. Cũng không thể kéo dài hơn. Thời gian quá ngắn nhưng con đã quá mệt mỏi vì những điều dồn dập của mẹ cho con. Con không buồn trách mẹ đâu. Mẹ muốn kéo con về bên mẹ, để làm gì khi con thực sự không muốn? Mình chỉ có thể là bạn. Hai người bạn tình cờ gặp nhau trên một đoạn đường.

Con gửi lại cho mẹ con búp bê Amanda, cả chiếc áo lông. Cám ơn mẹ rất nhiều. Mẹ về thăm ông ngoại và thân quyến vui vẻ, nói với họ là mẹ đã đánh mất con lần nữa. Mùa nghỉ này con phải về với mẹ Ruth. Mẹ có thể sống xa con, còn mẹ Ruth, bà cần con hơn mẹ.

Chúc bình an,
Becky

Ai đi chuyến bay về miền nam hôm đó cũng hiếu kỳ nhìn thiếu phụ phục sức sang trọng tay ôm con búp bê mặc áo nhung tím thẫm. Càng ngạc nhiên hơn nữa, nàng đặt con búp bê ngồi trên chiếc ghế cạnh nàng. Đám nữ tiếp viên hàng không xì xào:

— Bà ấy dám mua cả một vé máy bay riêng cho con búp bê đó!

— Chắc bà ấy giàu có lắm!

— Ừ, giàu mới tiêu tiền hoang phí vậy chứ. Nhưng bà ấy có vẻ mệt mỏi, buồn rầu sao sao ấy.

Giờ máy bay cất cánh, tiếp viên hàng không đi từng ghế nhắc hành khách thắt dây lưng an toàn. Một cô buột miệng khen:

— Con búp bê xinh quá. Bà yêu nó lắm hở?

Joann, vâng đấy chính là Joann, đáp:

— Ừ, đây là Becky, con tôi. Tôi có con mà cũng như không. Tôi đưa nó về thăm quê ngoại.

Tiếng rú của động cơ vang rền. Joann nhấc ống nghe đặt vào tai, nhắm mắt lại. Mọi ồn ào bên ngoài mất hẳn, chỉ còn tiếng nhạc. Thân nàng như nhấc bổng theo đà máy bay lên. Hơn lúc nào hết, Joann muốn quên lãng cuộc đời. □

Bóng Mát

Trần Ca-Dao

(California, Hoa-kỳ)

** Tác-phẩm đoạt giải ba, bộ môn Truyện Ngắn*
Giải Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn 1991-1992

Khi hay tin mẹ của Đức bệnh nặng phải vào bệnh viện, lại vừa dịp nghỉ hè, Hạnh gửi con cho bà nội rồi thu xếp hành lý lên đường ngay. Đức là bạn thân của Hạnh, mà mẹ Đức cũng là bạn thân của mẹ chồng Hạnh. Ngày xưa, cách đây đã 20 năm, Hạnh và Đức là đôi bạn từ thuở lớp 6, học chung đến lớp 10 thì Sài gòn mất vào tay Việt cộng. Đức ra đi, Hạnh ở lại nhưng vẫn thường xuyên liên lạc, nhất là vì mẹ Đức rất mến Hạnh. Trên chuyến bay từ Florida đến San Francisco, Hạnh ngồi lim dim, lòng bồi hồi nhớ lại kỷ niệm xa xưa, về những ngày đầu bỡ ngỡ bước vào ngưỡng cửa trung học.

Đức là con một của mẹ chàng. Bà là vợ kế của ba Đức. Ngày đó, ba của Đức là một điền chủ giàu có ở Bến Tre, góa vợ đã lâu và cũng đã có một bầy gái trai đủ cả. Đến 40 tuổi, cảm thấy sợ tuổi già trống vắng và cũng cần một người cai quản gia sản, ông hỏi cưới mẹ Đức với một lễ nghi rực rỡ, làm nở mày nở mặt gia đình cô dâu. Lúc bấy giờ bà chỉ mới tròn 20 tuổi nhưng đã nổi tiếng đảm đang hiền thục. Người thiếu phụ ấy quả đã không làm ông thất vọng. Tuy trẻ tuổi nhưng bà cư xử đúng với vai trò một người kế mẫu. Các con ông càng lớn càng quý trọng người mẹ kế của mình.

Ba năm sau khi chắp nối, Đức ra đời. Chàng đã hưởng đầy đủ ý nghĩa của hai chữ "bọc điều". Các anh, chị thay nhau bế ẵm nựng nịu, trái gió trở trời là cả nhà lo âu rối rít. Mẹ Đức vào những năm sau này, khi cha chàng lớn tuổi, đã thay chồng cai quản mọi việc, tiếp tục phát triển việc chăn nuôi, trồng trọt làm phong phú thêm tài sản của dòng họ ông. Khi các anh, chị Đức lớn, lên Sài gòn học, bà đã chu cấp tiền bạc đầy đủ, tháng tháng lại còn đi thăm viếng thế cha Đức. Vì vậy khi ông nằm xuống, ông đã mãn nguyện dù rằng chưa kịp trăn trối điều gì, bà vẫn chia tài sản của ông cho các con riêng của chồng một cách công bằng, chỉ giữ lại cho mình căn nhà thừa tự cùng một ít đất huê lợi đủ sống, rồi cho người quản lý trông coi, bà dắt Đức lên Sài gòn cho chàng đi học. Vì vậy Đức là niềm vui, nguồn an ủi duy nhất của bà. Tình thương ấy khó mà đong được bằng lời.

Cái hình ảnh đầu tiên và cũng là ấn tượng không quên trong trí Hạnh về Đức, ấy là ngày tựu trường năm lớp 6. (Hồi đó muốn học trường công lập phải qua một kỳ thi tuyển, đậu vào cũng là "le lói" lắm). Đa số học sinh mới vào trường đều có phụ huynh đưa đi. Hạnh vào lớp trước và ba Hạnh đã về đi làm. Đang ngồi nhìn quang cảnh xung quanh thì Hạnh chợt trông thấy ngoài cửa lớp, một người đàn bà tương đối còn trẻ, đẹp nữa là khác, mặc áo dài tay che dù, tay cầm chiếc ví da màu đen, và bên cạnh là một thằng bé cỡ tuổi Hạnh níu cánh tay bà, khép nép sau lưng. Lúc đó Hạnh cảm thấy buồn cười, nghĩ thầm "cái thằng con trai gì mà nhát như thỏ, nắm áo mẹ cứng ngắc". Từ đầu đến chân Đức toàn là đồ mới. Hạnh cũng được mẹ sắm đồ mới, nhưng phải công nhận rằng: từ cái nón đến đôi giày của Đức, tất cả đều bóng lộn, đều là đồ mắc tiền. Đúng là cậu công tử con nhà giàu đi học. Và bà mẹ của Đức, sau khi kính cẩn giao con cho cô giáo, miệng liên tục "vâng, dạ" (giọng nói bà thật nhẹ nhàng, Hạnh còn nhớ mãi) thì ra khỏi lớp, đứng ở hàng hiên đợi cho đến khi tan buổi để đón Đức về luôn. Cũng may đó là ngày đầu tiên nên được về sớm.

Thật tình cờ cô giáo xếp cho đức ngồi cạnh Hạnh ở bàn nhì, cách một lối đi. Qua hôm sau, cô bắt mỗi đứa về nhà viết một bảng tên để trước mặt. Hạnh có ông anh viết chữ khá đẹp nên có ngay, nhưng Đức thì có lẽ do mẹ viết. Khi cậu ta bỏ cái bảng tên ra giữa bàn, bất giác Hạnh liếc sang rồi cười "hí hí". Đức đỏ mặt:

— Sao chị cười?

(Hồi đó cô giáo bắt học trò nam nữ phải gọi nhau là "anh, chị" chứ không được mày tao như bây giờ đâu!)

Hạnh đáp thực tình:

— Viết gì xấu quá!

Mặt Đức đỏ ửng, hai vành tai càng đỏ hơn, rồi cái nhút nhát hôm tựu trường lại xuất hiện, cậu ta cúi gầm mặt xuống, vội cầm tấm bảng tên lật úp lại, nửa muốn cất vào cặp, nửa muốn mở ra chưng lên mà e ngại. Hạnh cảm thấy tội nghiệp:

— Mẹ anh viết đó hả?

Đức im lìm. Tự dưng Hạnh nói:

— Hay để tui về nhà nhờ anh tui viết cho đẹp.

Đức vẫn im. Hạnh trêu tiếp:

— Không chịu à? Không chịu thì thôi, mai mốt cô giáo xét mà chưng cái bảng xấu ỉn này là cô đét đít đó!

Nghe đến cô giáo, hai tiếng như một phép mầu làm Đức vội vàng gật đầu ngay. Đến giờ về, Đức rụt rè dùng cây thước kẻ khều tay

Hạnh:

— Chị... đó ơi!

Hạnh quay lại.

— Chị tên gì?

Nghe Đức hỏi, tự dưng máu nghịch ngợm của Hạnh lại nổi lên:

— Tui tên Đức.

Vậy mà thật tức cười, Đức không hề nghi ngờ, chìa ngay một miếng bìa khác gửi Hạnh về viết tên giùm. Và Đức cứ gọi Hạnh là "chị Đức" ngon lành mãi cho đến khi cô giáo tổng kiểm tra bảng tên. Cô đi từng bàn một để xem xét rồi dừng lại ở Hạnh, cầm bảng tên lên giơ cho cả lớp, khen là viết đẹp. Lúc đó Đức mới biết Hạnh dối mình, nhưng cậu ta chỉ lí nhí trong miệng: "Vậy mà nói là tên Đức!".

Thế mà đã 20 năm! Hai mươi năm là một quãng đời dài sao bây giờ nhìn lại Hạnh thấy quá ngắn, như mới vừa xảy ra đây thôi. Đức đến Mỹ vào những ngày lộn xộn di tản năm 1975. Đáng lẽ mẹ Đức cùng đi nhưng bà còn bận rộn dưới quê, đón xe lên trễ nên bà nhắn người quen là bảo Đức đi trước, bà sẽ đi sau với gia đình ông cậu làm bác sĩ mà bà rất tin tưởng. Ai ngờ sau đó chỉ còn bà ở lại. Cậu của Đức cũng ra đi trót lọt. Đức đã khóc ròng mấy ngày liền vì nhớ mẹ, thương mẹ và cũng từ đó, chàng như một cây con không dựa vào giàn chống nữa, phải bươn chải tự lực ở xứ người. Nhờ học giỏi, chàng đã tốt nghiệp đại học.

Mãi tới 10 năm sau, Đức mới được đoàn tụ với mẹ. Nỗi khát khao chờ mong gặp con của mẹ Đức sau một thời gian dài, đã khựng lại khi thấy Đức ra phi trường đón mình với một cô gái nữa! Không cần "nỏ nán", chỉ vài hôm sau Đức đã trình bày với mẹ về dự định kết hôn giữa mình và Thi. Quả thực điều đó đã làm bà hết sức hụt hẫng.

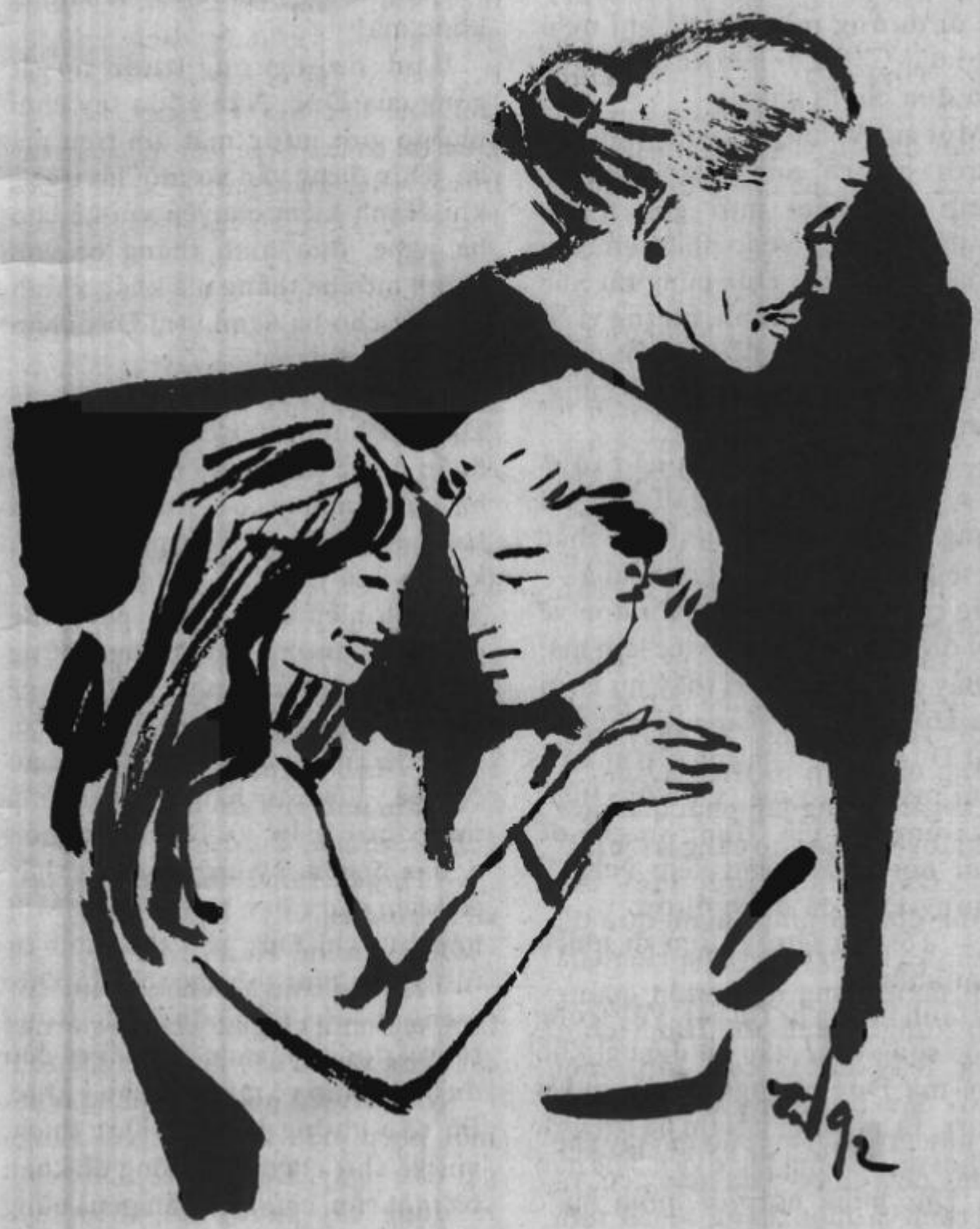

Đã từ lâu, khi Hạnh và Đức học chung, rồi những buổi tập văn nghệ, làm bích báo, ăn liên hoan... tất cả đều tổ chức ở nhà Đức vì vừa rộng lại vừa ít người, thì bà đã ngầm ưng ý Hạnh. Tuy bà không hề khen Hạnh một câu nào nhưng với sự nhạy cảm của con gái, Hạnh hiểu hảo ý của bà. Dù chỉ mới 14, 15 Hạnh cũng đã tỏ ra đảm đang, dịu dàng, thông minh hơn các bạn. Sau 75, tuy Đức đi rồi, Hạnh vẫn đến thăm bà vào các dịp lễ Tết, đọc thư Đức và xem hình chàng gửi về, giúp bà đi nhận quà và gửi thư cho Đức... Nhất nhất mọi thứ do tay Hạnh, kể cả chuyến đi đoàn tụ của bà. Mọi giấy tờ thủ tục từ lúc nộp đơn cho đến ngày lên máy bay, Hạnh đều dẫn bà đi lo liệu. Bà thường nói bóng gió xa xôi để đo lường tình cảm của Hạnh đối với Đức, và hay bảo rằng "sẽ kêu Đức về Việt Nam cưới vợ". Những lần như vậy Hạnh chỉ cười, bởi vì Hạnh hiểu, tình cảm giữa Hạnh và Đức, dù có thân cách mấy cũng chỉ dừng lại ở tình bạn, không thể tiến xa hơn được. Mặc dù lúc đó, bạn bè ai cũng ghép đôi hai đứa khi thấy Hạnh chăm sóc mẹ của Đức, nhưng họ không hiểu rằng, Hạnh đối với bà bằng tình thương của một người con gái tốt bụng, xem người đàn bà cô độc này như mẹ của mình, giúp đỡ bà vui sống là việc mà Hạnh nghĩ rất bình thường. Cũng có đứa cho Hạnh là tính toán, "câu độ" trước để Việt kiều về cưới thì bảo lãnh đi là cái chắc!

Thế rồi Hạnh gặp Phúc. Mà là gặp tại nhà Đức trong một ngày giáp Tết 1983. Phúc thay mẹ mình đến nhà Đức để biếu quà Tết vì hai bà đã quen nhau trong một dịp tình cờ đi hành hương ở Châu Đốc. Mẹ

Đức thường xuyên đi chùa cho đỡ buồn. Hai bà thân nhau vì một bên thì cô đơn, một bên thì chồng đi học tập chưa về, con cái đã lớn mỗi đứa đi làm mỗi ngả, nên dễ chia xớt vui buồn với nhau. Lần đó Hạnh không làm sao quên được ánh mắt ngần ngại của mẹ Đức khi giới thiệu Phúc với Hạnh. Hình như đó là linh tính cho biết rằng đôi trai gái này sẽ không chỉ dừng lại ở sự quen biết xã giao. Đúng vậy, 5 năm sau kể từ hôm đó, Hạnh, Phúc kết hôn, khi ba Phúc đi học tập mới về và cách đây hơn một năm, ông được đi theo diện HO cùng gia đình, dĩ nhiên là Hạnh được đi cùng. Vợ chồng Hạnh được cứu xét vì Phúc có bà chị nhận bảo lãnh...

Hạnh bừng tỉnh giấc mơ khi máy bay hạ cánh. Liếc sơ khuôn mặt mình qua chiếc gương con, chải lại tóc và tô lại tí son môi, Hạnh thong thả chờ mọi người ra hết rồi mới đứng dậy. "Dù gì cũng phải tươm tất trước mặt vợ chồng Đức chứ", Hạnh tự nhủ. Nhưng khi gặp Đức, Hạnh suýt tí nữa đã nhận không ra. Đức ốm đi rất nhiều so với tấm hình chàng gửi cho Hạnh cách đây một năm vào dịp sinh nhật hai tuổi của con trai chàng. Tóc Đức bạc gần hết, cặp mắt kiếng làm Đức trông như đã tứ tuần. Thi, vợ Đức, thì ngược lại, tròn trịa, trắng hồng, khác với tấm ảnh mà Hạnh đã được xem. Thi vui vẻ nắm tay Hạnh trong khi Đức yên lặng đứng nhìn, ánh mắt hơi buồn nhưng ánh lên một nét cảm động, vui mừng.

— Em thường nghe anh Đức nhắc đến chị — Thi xưng em với Hạnh ngọt xớt, có lẽ nàng biết mình nhỏ hơn Hạnh tới 5 tuổi — Nhất là bà nội thằng Mike. Chị trẻ và xinh quá!

— Thôi nhé, tôi sắp sửa bể mũi rồi đó. Già lắm rồi. Thi đây mới đúng là "mi-nhon nhí" nè. Sao, bé Mike đâu rồi?

— Đã gởi cháu ở nhà giữ trẻ rồi. Nó quậy lắm, từ từ chị sẽ thấy mà. Chị đi một mình vậy chắc ông xã ở nhà một mình buồn lắm há!

Thi nói huyên thuyên. Hạnh chờ khi cô ta ngừng thì hỏi ngay:

— Bác gái ra sao rồi? Đã khoẻ lại chưa?

Tự nhiên không khí giữa ba người chùng hẳn xuống. Thật lâu mới nghe Đức rặn từng tiếng:

— Cũng vậy thôi!

Còn Thi thì ngó ra đường như không nghe hai người nói gì cả. Một cảm giác lạnh chạy ngang xương sống Hạnh. Có một cái gì đó báo cho Hạnh biết rằng liên hệ giữa ba người không được bình thường. Hạnh đành hỏi sang chuyện khác, vơ vẩn đôi câu thì xe về đến nhà, nhưng nét gượng gạo trên khuôn mặt Đức, Thi vẫn chưa xóa được.

Hôm sau Thi chào Hạnh để đi làm. Còn Đức ở nhà để đưa Hạnh vào thăm mẹ chàng. Thi bảo:

— Bả mong chị lắm đấy. Đáng lẽ tối qua em đã đưa chị vào nhưng sợ chị đi đường mệt nên để chị nghỉ ngơi đã! Chiều đi làm về em sẽ ghé đón đưa chị đi chơi!

Một sự im lặng kéo dài giữa hai người hết cả nửa đoạn đường. Mười sáu năm mới gặp nhau, Hạnh dự định có bao nhiêu chuyện để hỏi, thế mà... Đức cũng rất xúc động khi gặp lại Hạnh, nhưng vì có quá nhiều chuyện để nói, rốt cuộc chẳng biết nói gì trước. Cuối cùng, Hạnh lên tiếng:

— Bác nằm bệnh viện nào vậy?

— Children's Hospital! Mẹ tôi mong Hạnh lắm. Có Hạnh đến chắc bả sẽ khoẻ nhiều. Bả hỏi hoài à — Đức cười mỉm — Mai mốt dọn về đây đi. Bảo đảm là có việc làm mà.

Bây giờ Hạnh mới thấy nụ cười của Đức. Nụ cười càng làm khuôn mặt Đức già đi vì những nếp nhăn ở đuôi mắt và gò má. Đức ốm thật. Vừa ốm vừa già. Hạnh tự chế để khỏi nói những câu kém vui đó. Nhưng Đức đã đoán được:

— Tôi già lắm và ốm đi nhiều phải không?

Hạnh lưỡng lự rồi gật. Vậy trong cuộc sống chắc hẳn có điều gì khổ tâm mà Đức không thể giải quyết được. Hạnh định hỏi thì đã tới nơi. "Thôi thì để hôm khác vậy. Thế nào thì Đúc cũng nói với mình mà", Hạnh tin như thế.

*
* *

Bà mẹ Đức đã đón Hạnh với đôi tay gầy guộc và hai hàng nước mắt ràn rụa. Quả thật bà có xuống sắc. Hạnh cũng cảm động không kém, nắm chặt tay bà vỗ về như một đứa trẻ:

— Có gì mà khóc hở bác? Mình gặp nhau là mừng rồi. Có gì thì thong thả nói. Mẹ cháu cũng mong bác lắm và nhớ bác nhiều nữa. Bà cũng muốn sang thăm nhưng lại không có ai trông nhà.

Bà cứ khóc, khóc ngon lành đến nỗi Đức phải gắt lên:

— Mẹ sao kỳ quá. Bác sĩ nói là cấm mẹ khóc, không được xúc động mà mẹ cứ như vậy hoài thì bệnh nhẹ thành nặng. Sao mẹ hứa với con là gặp Hạnh mẹ sẽ không khóc mà!

Hạnh hơi ngượng trước sự gắt gỏng của Đức. Nàng đưa tay chùi những giọt nước mắt ấm trên má bà. Đức đứng vẩn vơ một lát trong khi Hạnh kiếm chuyện vui kể cho bà nghe, đưa hình thằng bé con Hạnh mới ba tháng mà khâu khỉnh ra phết cho bà xem... thì Đức chào Hạnh để đi làm.

Chờ Đức vừa đi khuất là bà mẹ Đức lại buồn như cũ. Hạnh cũng đoán được phần nào nỗi niềm của bà, chắc chắn là có sự bất bình giữa hai mẹ con, nên khi có mặt Đức, bà không tiện nói.

Hạnh hiểu rằng bà mẹ nào cũng yêu con, nhưng một trong những người yêu quí con nhất thì phải kể đến bà mẹ của Đức. Ngay từ bé, Đức đã là niềm vui và lòng tự hào của bà. Niềm tự hào ấy càng tăng theo thời gian vì Đức học giỏi, ngoan ngoãn, kỹ lưỡng, được thầy cô khen ngợi, bạn bè yêu mến. Một hộp bút chì Đức xếp theo thứ tự từng màu như thế nào, cái áo Đức máng theo vị trí cố định nào trong tủ, rồi đôi giày, cái nón... tất cả đều được bà nhớ rõ mà làm theo ý Đức. Bà nấu những món ăn Đức thích, vui vẻ chờ chàng ăn xong để khen bà một câu, chàng muốn gì bà cũng

không bao giờ làm trái ý... Và cũng vì sự chiều lòng này, mà bà đã cưới Thi cho Đức. Đúng ra là Đức đặt bà vào cái thế đã rồi. Bà nhớ lại khoảng thời gian xa Đức, có bao giờ trong thư Đức nói là đã quen và yêu Thi đâu? Thậm chí nó còn nói rằng sẽ chờ mẹ qua để cưới vợ cho nó. Bà lại hiểu là nó nhờ bà chọn dâu cho vừa ý, con bà vốn có hiếu mà! Thế mà vừa qua bà đã phải đứng ra cưới vợ cho Đức thật!

Bà biết Thi chỉ đúng có một tháng, một tháng với ba lần nói chuyện chiếu lệ. Những lần đó đúng ra là nó đi với Đức, chào bà xong thì đeo tít lấy con trai bà, không một câu xã giao thăm hỏi.Ngay cái nhìn đầu tiên bà đã không có cảm tình với Thi vì Thi đẹp sắc sảo và có giọng nói rổn rảng. "Cái tướng này rồi sẽ ăn hiếp chồng. Thế nào thì thằng Đức cũng làm mọi vợ!" Bà đã nhận xét như thế và tỏ ý phản đối với Đức. Nhưng bà đã không ngờ... Sau 10 năm xa cách, Đức không còn là thằng con "đại hiếu tử", "đại ngoan ngoãn" như ngày nào bà thường hãnh diện với mọi người. Đức đã không coi lời nói của bà là quyết định nữa rồi. Dù đã 5 năm, bà vẫn còn nhớ như in cuộc đối thoại giữa hai mẹ con ngày hôm đó:

— Đức à, sao mẹ thấy Thi nó đẹp sắc sảo quá, lại có đôi mắt xếch, mẹ sợ nó ăn hiếp con đó!

— Mẹ thật là kỳ. Nếu con ưa người xấu thì mẹ sẽ chê xấu, mà đẹp thì mẹ nói là sắc sảo. Vậy mẹ muốn con ở vậy luôn phải không?

— Mẹ đâu có ý đó, mẹ mong con có vợ lắm chứ!

— Mẹ mong... mẹ mong... con nghe mẹ nói chữ này cả trăm lần rồi nhưng thực sự mẹ có bằng lòng ai đâu?

Câu nói của Đức làm bà cảm thấy đuối lý. Thực vậy, trong tận cùng thâm tâm, bà vẫn thích Đức mãi còn là thằng con trai của bà, vui buồn hủ hỉ cùng bà, đừng chia sẻ với ai hết. Nhưng bà vẫn chống chế:

— Có chứ... ít ra thì con cũng chọn một đứa giống con Hạnh vậy đó. Ít ra thì cũng phải biết nấu nướng, đàn bà gì mà...

Đức vội ngắt lời mẹ:

— Thôi thôi đi mẹ, xứ Mỹ này mà mẹ đòi phụ nữ phải tam tòng tứ đức là chết rồi! Đàn bà cũng đi làm tất bật mới đủ ăn thì làm gì có thời giờ mà lo tỉ mỉ nấu nướng từng món như mẹ vậy! Sao thư cho con, mẹ nói y như là mẹ đã tiến bộ lắm làm con tin tưởng là mẹ dễ dàng hoà nhập vào xã hội này chứ. Mẹ à, mẹ còn trẻ sao cứ giữ mãi tư tưởng cổ hủ vậy? Mẹ biết không, con gặp Thi là may lắm đó. Gia đình học thức, nề nếp, anh chị em ai cũng học hành đến nơi đến chốn. Thi cũng biết điều lắm, tại mẹ chưa hiểu Thi đó thôi.

— Nhưng sao mẹ thấy nó... lạnh lùng quá vậy! Nó không vui vẻ gì với mẹ cả.

— Ở đây người ta ít nói chuyện tầm phào lắm. Thi ít nói nhưng không phải lạnh lùng đâu. Lúc nào cổ cũng nhắc con là phải lo cho mẹ. Mẹ thông cảm đi. Thi qua đây từ năm 10 tuổi, bây giờ còn nói và hiểu tiếng Việt rành như vậy là hay lắm rồi. Con đã dạy cổ nhiều lắm và cổ cũng cố gắng đi học thêm và tìm hiểu văn học lịch sử Việt Nam mới được như vậy đó.

Bà vẫn cố vớt vát:

— Hay là... để một thời gian nữa tìm hiểu kỹ lưỡng rồi hãy cưới. Mẹ thấy con hơi gấp đó.

— Mẹ biết chúng con quen nhau bao lâu mà nói gấp? Cũng 3 năm rồi. Mẹ đừng trách con không cho mẹ hay. Vì lúc đó chỉ là bạn bè, vả lại Thi cũng đang học nên con không đề cập tới. Nay Thi đã học xong, lại cùng lúc mẹ qua nên con bàn cưới luôn cho tiện. Không phải mẹ thường nói với con là mẹ mong có người về cho vui cửa vui nhà sao? Vả lại... mẹ cũng mong có cháu để bồng mà?

Nghe câu này bà mới cảm thấy được an ủi một tí. Nhưng rồi một ý nghĩ thoáng qua, hay là tụi nó đã lỡ rồi nên mới kêu bà cưới gấp? Ôi, nếu đúng vậy thì coi như chúng đã đặt bà vào cái thế đã rồi, không chịu cũng không được. Dù sao cũng là cháu mình!

Và có lẽ Đức có nói với Thi sao đó nên lần sau theo Đức qua chơi, Thi có lân la xuống bếp nói chuyện với bà, nhưng lại là những mẩu chuyện nhạt nhẽo:

— Cháu nghe anh Đức nói bác nấu ăn ngon lắm.

— Có gì đâu, cũng thường thôi. Bây giờ nó thích ăn món Tây, món Mỹ, đâu có ưa dưa cải, dưa giá Việt Nam nữa. Ủa, sao không có ớt bột héng?

— Dạ có, cái đó là ớt bột đó bác.

— Đâu phải. Cái này là màu hột điều mà. Ớt bột mà sao không cay gì hết trơn vậy?

— Anh Đức nói là ớt bột đó. Bây giờ ảnh hết ăn cay rồi bác à. Ảnh bị đau bao tử, bác sĩ cấm ăn cay đó. Lọ ớt này để cả mấy tháng rồi, bỏ đi bác à!

— Vậy sao! Nhưng kho cá không có ớt thì tanh lắm!

— Anh Đức lóng rày cũng bỏ ăn cá rồi bác, bác không biết sao?

Anh Đức... anh Đức... cái gì cũng anh Đức, làm như anh Đức sanh ra chỉ để dành riêng cho nó vậy! "Bác à, anh Đức kỹ lắm, rơi một chút rác là ảnh không chịu đâu!", "Bác à, giấy này lau tay, giấy này lau miệng. Anh Đức để mỗi thứ đúng chỗ lắm, để lộn chỗ là ảnh nhăn lắm đó!"... Như vậy là chúng lậm nhau quá rồi! Dám trước khi bà qua, con nhỏ này đã ở đây. Hèn chi nó cứ y như là chủ nhà vậy! Một thoáng đau nhói tim, bà chợt mơ hồ hiểu rằng, từ đây bà chỉ là một quản gia giữ nhà cho chúng đi làm không hơn không kém!

Ngày trước bà rất sung sướng nấu ăn cho Đức. Bây giờ thì có lẽ ý thích nó đã thay đổi. Bà nấu gì nó cũng ăn uống lơ là, viện lẽ là "mẹ nấu làm gì cho mất công". Có bữa bà nấu bún riêu là món nó ưa nhất, chờ nó đi làm về để ăn, thì nó mua về ba cái món của Mỹ mà bà không thể nào nuốt trôi. Đồng ý là mua cái gì về, chúng nó cũng đưa mời bà trước, nhưng bà đâu có thích. Rốt cuộc thì hai đứa xúm lại ăn rồi nói chuyện rôm rả, lâu lâu lại chen tiếng

Mỹ, bà đâu có hiểu. Từ từ bà cảm thấy lạc lõng, rút vào phòng nằm xem phim tập mãi cũng chán, bà đâm ra nghĩ ngợi lung tung, càng nghĩ càng buồn vô hạn. Bà nhìn Thi, lại nhớ đến Hạnh. Đành là Hạnh không đẹp bằng Thi, nhưng Hạnh đằm thắm, dịu dàng, tế nhị. Nếu Hạnh là con dâu của bà, chắc rằng nó sẽ không để bà có những phút giây buồn tủi thế này. Thế là bà cứ nhắc Hạnh, khen Hạnh trong những câu chuyện với Thi, những mong Thi hiểu ngầm ý bà mà thay đổi.

Chúng sống với nhau được hơn năm mà Thi vẫn chưa có bầu. Nhân một bữa ngồi xem ti-vi, có đoạn quảng cáo về đồ chơi trẻ con, bà nói luôn:

— Sao hai đứa không sanh cho mẹ một đứa cháu? Mẹ buồn quá, có cháu mẹ sẽ đỡ buồn hơn.

Tức thì cả hai đứa nhìn nhau. Lát sau, Đức nói:

— Tụi con còn trẻ mà, có con sớm cực lắm. Để lo làm ăn cái đã.

— Con chưa muốn có con đâu mẹ à. Con thấy mấy đứa bạn con có con xong hư thân hình hết. Ít nhất cũng phải vài ba năm nữa. Mà con nói trước nhe, con thích con gái thôi, và chỉ một đứa. Đẻ nhiều xấu lắm. Như mẹ đó, mẹ chỉ có mình anh Đức nên trông mẹ thon thả lắm, bạn con ai cũng khen hết.

Thi vừa nói xong thì Đức thêm:

— Giá như mẹ chịu đi ra đường, học thêm Anh văn, có bạn có bè thì ai tin mẹ xấp xỉ 50?

Vậy mà chừng vài tháng sau, bà tình cờ nghe chúng cãi nhau trong phòng khách:

— Tại anh đó, em đã nói không được mà anh không nghe, để bây giờ dính rồi đó!

— Mấy tháng?

Giọng Đức cố nén vẻ vui mừng.

— Mới có 6 tuần hà. Hay để em đi "lấy ra" nhé?

Đức trầm ngâm. Thi tiếp:

— Em còn trẻ mà anh. Mới vừa xin được việc ngon lành thì lại dính bầu, chán thiệt! Em cũng muốn có một đứa nhưng bây giờ thì sớm quá.

Đức vẫn yên lặng. Lát sau chàng nói nhỏ:

— Hay là để đi em. Chịu khó để một đứa cho bà nội đỡ buồn.

Nghe hai tiếng "bà nội", bà bước ra ngay. Bà mừng rỡ dịu giọng:

— Con có thai đầu lòng thì nên giữ sao lại bỏ, không tốt cho sức khoẻ của con đâu! Cậu ba làm bác sĩ hồi đó nói cho mẹ nghe đó. Con nạo bỏ đi rồi sau này nhiều khi khó đậu thai lắm. Thà là con kế hoạch ngăn ngừa hơn là bỏ như thế, coi tàn nhẫn quá!

— Ở xứ này mà mẹ lo, người ta nạo thai như ăn cơm bữa vậy, lại bảo đảm trăm phần trăm không có gì nguy hiểm đâu. Có điều...— dừng một lát Thi nói tiếp — mẹ và anh Đức muốn thì con cũng chiều vậy!

Quay sang Đức, Thi bá cổ nũng nịu:

— Mà em nói rồi, em chỉ sanh một đứa thôi đó. Còn nữa, anh đừng bắt em phải kiếm thêm cho có con trai. Với lại, anh phải nuôi em nếu em bị thất nghiệp đó!

Đức sung sướng gật đầu lia lịa, bế Thi lên quay một vòng trước mặt bà. Nhưng hôm ấy bà vui vì thấy Thi lần đầu tiên ngoan ngoãn nghe lời bà, mà lại để sanh cho bà đứa cháu. Lần đầu tiên bà tự nhủ rằng trước giờ bà cũng có phần khắt khe

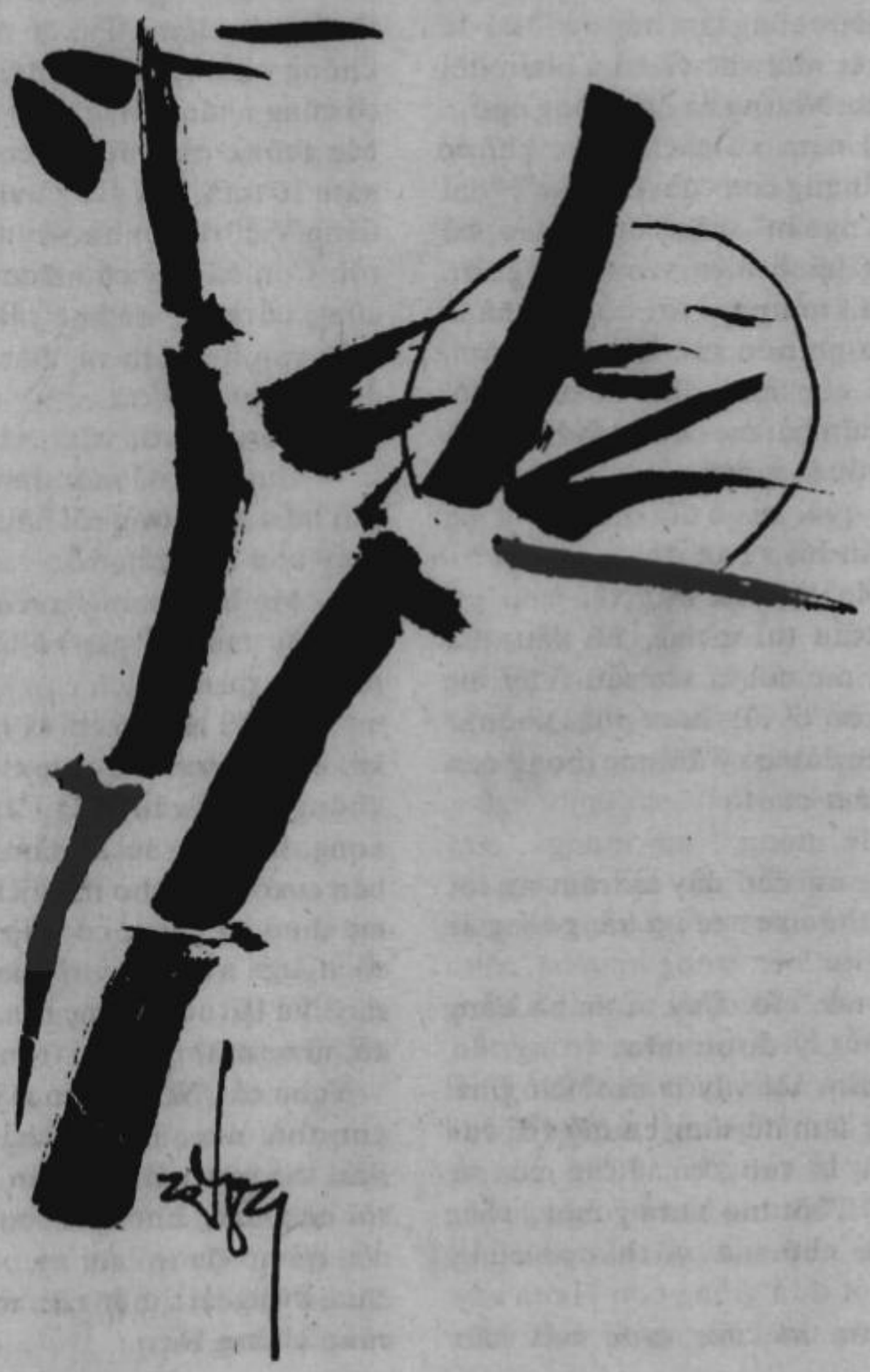

trong việc nhận xét con dâu.

Nếu trong suốt 6 năm sang đây, có ai hỏi lúc nào bà vui nhất, thì bà sẽ thực tình trả lời là lúc này. Lúc Thi có bầu đó. Bà hân hoan vui vẻ như ngày nào bà mới có Đức. Bà chịu khó nấu cho Thi những món ăn mà bà không thích. Bà hiểu rằng tạo cho Thi sự hài lòng thoả mãn thì sẽ tốt cho đứa trẻ. Bấy giờ chính bà là người nhắc nhở Đức làm hết mọi việc lặt vặt trong nhà cho Thi. Bà còn rầy Đức mỗi lần chàng to tiếng với Thi. Bà kiên nhẫn đợi ngày Thi sanh nở để thấy thằng cháu của bà, bởi vì đến tháng thứ sáu, Thi đi khám thai, được bác sĩ cho biết là con trai. Giữa niềm vui tột đỉnh của bà là tiếng thở dài của Thi "phải chi là con gái". Bà hơi bất bình nhưng cố nén, đợi lúc không có Thi bà mới hỏi Đức, thì chàng nói ngay:

— Mẹ không thấy ở xã hội này sanh con trai coi như bỏ à? Mười thằng hết chín lớn lên là theo vợ, có đếm xỉa gì đến cha mẹ đâu! Chỉ có con gái là còn nhớ đến cha mẹ chút xíu. Hiếm lắm mới có một thằng con trai còn nghĩ tình cha mẹ để ở gần bên gọi là "săn sóc tuổi già". Mẹ đọc sách báo mẹ biết rồi đó, dâu con như mẹ thì bây giờ đốt đuốc kiếm cũng không có đâu! Thời đó xa rồi.

Nghỉ một lát để thăm dò phản ứng của bà, Đức tiếp:

— Bởi vậy mẹ thấy Thi đâu phải là đứa con dâu tệ, vì nó qua đây lâu rồi nên biết ít về phong tục tập quán Việt Nam. Mẹ cứ đứng trong hoàn cảnh nó mẹ sẽ thấy nó cũng cố gắng lắm...

Đức nói đến đây thì ngưng lại. Nhưng bà chợt nổi giận, cơn giận từ lâu dồn nén trong lòng bà, chưa một lần thố lộ cùng ai, nay không thể kềm giữ được nữa:

— Mày nói vậy là sao? Nó phải cố gắng lắm để sống chung với con mụ già là tao đó à? Nó có mẹ không? Thật tao không ngờ, uổng công tao nuôi mày với bao nhiêu kỳ vọng...

Bà vừa nói mà nước mắt tuôn trào. Bà vốn là người ăn nói dịu dàng, nhỏ nhẹ, vậy mà bây giờ đối với đứa con thân yêu duy nhất, bà đã "mày tao". Đức hiểu, mẹ đã thật sự giận dỗi. Đức cũng ân hận. Chàng vội vàng đỡ mẹ ngồi xuống ghế, vỗ về:

— Mẹ à, con xin lỗi... Thực ra con không có ý đó. Vì hai lứa tuổi, hai thế hệ, lại còn quan niệm Âu Á khác nhau quá xa, dĩ nhiên là có bất đồng. Con muốn nói là...

Phải, hàng ngày đọc báo, thấy những ông bà già xứ này bị con cái bạc đãi, bà thật không bao giờ dám nghĩ rằng có ngày bà sẽ ở trong hoàn cảnh đó. Bà cố tình không bao giờ tin Đức là thằng con bất hiếu bất mục cả. Nhưng nào nó có xua đuổi bà? Tụi nó hoàn toàn lịch sự với bà. Song bà mơ hồ nhận thấy cái lịch sự ấy chỉ dành cho khách chứ không phải cho bà mẹ đã suốt đời sống theo sự vui buồn của con. Một đôi khi ý nghĩ rồi đây mình cũng sẽ là nạn nhân như những con người bất hạnh kia có thoáng qua trong óc bà, thì bà vội vàng gạt đi ngay: "Không, nhất định là không bao giờ như thế được!" Bởi vì bà đã dạy con kỹ lưỡng, ngay cả đám con riêng của chồng cũng một điều "thưa mẹ" hai điều "dạ mẹ" thì Đức là đứa con trai do bà tách thịt đẻ ra, làm sao có chuyện đó? Nay dù Đức và Thi chưa hẳn hồn hào với bà, nhưng những lời Đức bênh vực vợ, và câu chuyện vừa rồi đã làm bà đau lòng quá.

— Thôi thôi, con xin mẹ. Mấy tháng nay con thấy mẹ chiều Thi là con biết mẹ cũng hết lòng thương con rồi. Con mừng lắm. Lúc nãy con muốn nói cho mẹ biết là Thi nó cũng có cố gắng, có thiện chí sống theo tập quán Việt Nam. Nó qua đây lúc 10 tuổi, ba mẹ bên đó lại còn trẻ nên rất thoải mái trong quan hệ với con cái. Nếu mẹ có giận thì giận con thôi nhé, Thi nó chẳng biết gì đâu, nó vô tư lắm, lại ăn nói tuềnh toàng nhưng không để bụng ai cả... Vả lại nó đang bầu bì, xin mẹ bỏ qua, đừng làm mặt giận mà nó thắc mắc không tốt.

Đức nhắc đến bà mới nhớ. Phải rồi, kể từ ngày cưới đến nay, hai ông bà sui gia liên tục đi chơi, khi thì Los, lúc thì New York, cả năm không thấy sang thăm bà một lần. Mà cũng có gì để nói đâu mà thăm với viếng! Bà mẹ của Thi thì móng tay móng chân dài ngoằng, khi màu đỏ chót khi màu tím đậm. Đi chơi với chồng thì cũng bá cổ quàng vai làm như còn trẻ lắm. Cái thời của bà, vợ chồng làm gì mà được công khai âu yếm như thế! Trẻ thì còn châm chước được, đằng này đã có dâu có rể rồi mà còn "đánh bồng" thì thật khó coi! Hèn gì mà con bé Thi chẳng Mỹ hoá sao được? Thôi thì mọi việc coi như do ý trời. Bà coi phim Hồng kông riết rồi cũng nhiễm, huống hồ tụi nó! Bà tự an ủi mình rằng mai mốt có thằng cháu ẵm bế, nó là con nít chưa biết gì, bà sẽ dạy dỗ nó vậy. Bà tin tưởng vào lối giáo dục của mình, "nó sẽ là đứa bé có hiếu, biết thế nào là quê hương, tập quán Việt Nam".

Nhưng đến khi thằng Mike ra đời thì một lần nữa bà thất vọng. Nội cái tên bà đã thấy khó nghe. "Cái gì Mai chứ? Con trai mà đặt tên Mai?". Đức cười:

— Mẹ à, là tên Mỹ đó. Vì bây giờ nó là công dân Hoa kỳ, quốc tịch Mỹ phải có tên Mỹ chứ.

— Còn tên Việt đâu?

— Là Mike Phan.

Trời ơi, thật kỳ quặc, cái họ lại đem ra gọi làm tên. Nhưng bà mặc kệ bọn nó, bà cứ gọi là thằng cu Tí, cái tên gì đó chẳng bao giờ bà thèm kêu, bà cũng bỏ qua không thèm góp ý, vì bà mải ngắm cái thằng cu Tí bé bỏng của bà nằm trong nôi trông xinh quá, trông đáng yêu quá! Bà cũng không bao giờ khen nó "dễ thương" hoặc "đẹp quá" cả, mặc dù nó rất đẹp trai, rất giống mẹ nó. Bà khó chịu mỗi khi nghe bạn bè Đức đến chơi khen thằng bé đẹp. Bà bảo nhỏ Đức:

— Con để họ khen cho cố vào, không tốt đâu!

Đức cười ngất:

— Mẹ à, xưa quá rồi! Bây giờ người ta còn tổ chức thi em bé

khoẻ, đẹp nữa kìa. Mai mốt con đem nó đi thi nữa đó.

Đức lại cười, nụ cười thỏa mãn của người cha có đứa con xinh xắn. Bà nhăn mặt, lầm bầm: "Cha mày, ngày xưa mày còn đẹp gấp đôi thằng này, tao kiêng cữ lắm mày mới khoẻ mạnh như bây giờ đó!". Bà nhớ lại hồi Thi đi sanh, bà cũng thấy lạ đời. Ở đây vợ sanh, người ta gọi chồng vào trong phòng để xem. Bà đuổi Đức ra ngoài để một mình bà thôi cũng đủ, nhưng Đức mặc kệ, cứ đứng bên giường vợ từ sáng cho đến chiều, đợi vợ sanh xong mới thôi. Bà thấy con dâu bà quả là có phước. Cái thời bà sanh làm gì được chồng ngó ngàng tới mặc dù ông rất yêu quí bà vợ trẻ giỏi giang. Thằng con trai bà xưa nay vốn sạch sẽ, gớm chuyện máu me dơ bẩn, nay vợ nó vừa sanh xong thằng nhỏ, cô y tá đưa cho nó bông đặt lên bụng vợ, máu me tùm lum, dây rốn lòng thòng rồi cô mới dùng kềm bấm rốn, vậy mà nó vẫn bình tĩnh như không có gì cả. Có lẽ bà đã lạc hậu rồi chăng? Hay là bà nhỏ nhen ích kỷ? Bà tự hỏi lòng trăm lần như thế, nhưng rồi bà không biết câu trả lời nào cho thoả đáng. Nếu đúng như vậy, hoá ra bà là người xấu như vậy sao? Không, không, nhất định bà không phải là người xấu. Bà sẽ cố gắng học theo cái mới, vì nay bà đã có cháu rồi, để bà còn dạy nó chứ. Khi ấy thì bà nghĩ thế và cảm thấy vui. Nhưng chỉ vài ngày sau và cũng từ đó trở đi, niềm vui của bà ngày càng héo hắt.

Thi sanh xong thì tắm rửa ào ào, uống nước cam chua loét, ăn canh rau canh cải. Bà hoảng hốt can ngăn:

— Con à, rán nhịn cho ra tháng đi. Không tốt cho sức khoẻ của con sau này đâu. Đàn bà mới sanh như con cua lột vậy, không giữ gìn về già sẽ mang đủ thứ bệnh đó!

— Mẹ nói vậy chắc ở Mỹ này các bà ai về già cũng bệnh hết cả sao?

Bà nghẹn lời. Nếu đem xứ Mỹ này ra để nói, có lẽ bà phải đầu hàng vô điều kiện. Nhưng đó là thân nó, không biết lo nó sẽ khổ. Còn thằng cháu bà. Ôi, hai bầu vú nó căng sữa thế kia mà nó nhất định không cho con bú. "Mất thời giờ và xấu người lắm!", nó nói vậy và bà tiu nghỉu nhìn đứa cháu mỗi ngày bú đúng giờ, đúng cữ do mẹ nó tập. Dù có đói khóc lả người, nó vẫn phải chờ đúng giờ mới được bú. Mỗi lần nghe nó khóc, bà thấy ruột gan cồn cào, nhưng mẹ nó thì cứ ngủ tỉnh bơ, bà tức quá không biết cách nào đánh thức nó dậy cả. Có khi bà vờ làm rơi đồ, cái muỗng, cái ghế,... bà tìm mọi cách để gây tiếng động lớn, vậy mà con ấy làm như điếc vậy. "Đúng là cái đồ sắt đá", bà rủa thầm.

Thi nghỉ ở nhà với con đúng hai tháng thì đi làm lại. Bà hơi mừng trong bụng vì từ đây bà sẽ được tự do ở nhà với cháu, tha hồ ẵm bế hôn hít mà không sợ bọn nó nhắc khéo: "Con thấy hôm nay mẹ hơi ho, đừng hôn cháu nhé", hoặc "mẹ à, ẵm nó phải rửa tay sạch sẽ đấy!". Bà muốn mắng vào mặt nó, "Cha mày, ngày xưa tao nuôi mày tao cũng đã biết những điều đó rồi, đây cần mày dạy!"; nhưng vì đứa cháu, bà bỏ qua tất cả. Bà sợ làm phật ý, chúng nó không cho bà gần gũi, bồng bế thằng cháu thì bà còn buồn hơn nữa.

Ngày Thi đi làm trở lại, Đức dặn dò bà kỹ lưỡng:

— Mẹ nhé, nhớ đúng giờ hãy cho nó bú. Cứ ba tiếng mới bú một lần. Nó có khóc cũng đừng có bế lên, nó sẽ quen đó.

Bà gật đầu lia lịa:

— Mẹ nhớ, mẹ biết mà!

Bà sung sướng nhìn thằng bé ngủ mê man, ôm nó lên hôn tới tấp. Hai gò má mịn màng thơm mùi sữa, những sợi lông măng trên cánh tay, trên khuôn mặt bé tí, bà vuốt ve trìu mến mà nhớ tới ngày nào Đức còn bé bỏng bà cũng đã từng ấp yêu như thế. Làn tóc đen mượt, đôi môi đỏ chót của đứa bé thỉnh thoảng lại chóp chép nửa như mỉm cười, nửa đòi ăn, làm bà thấy lòng rạt rào thương mến. Cả buổi sáng bà chỉ xẩn vẩn ở cạnh nôi thằng bé, chỉ cần nghe nó "ọ ẹ" một chút là bà đã lật đật lên tiếng ngay "Ả, bà đây, bà đây". Chỉ cần nó khóc ré lên đòi ăn là bà đã vội vàng lấy chai sữa để trong tủ lạnh mà mẹ nó pha sẵn, đem chưng nước sôi cho đỡ lạnh — bà sợ nó bị lạnh bụng đó mà! — bế nó trên tay ân cần dỗ dành, hát những câu ru hời từ mấy mươi năm trước bà đã có lần ru:

— Ầu ơ... ví dầu cầu ván long đanh
Cầu tre lắc lẻo ờ... gập ghềnh khó đi...

Thế là bà quên hết lời dặn dò của Đức, tất cả đều dồn vào thằng cháu nhỏ đang vồ vập chai sữa bú một cách ngon lành. Bà cảm thấy mình đã làm đúng: "Cha mẹ mày thiệt ác, con người ta còn nhỏ mà bày đặt giờ giấc mới cho ăn. Nói đói thì cho nó ăn mới mau lớn chớ, phải không thằng chó con của bà?".

Chỉ độ một tuần sau, Đức chậm rãi nói với bà:

— Mẹ à, mấy hôm nay trở trời, con thấy hình như mẹ không được khoẻ nên tụi con gởi thằng nhóc cho nhà giữ trẻ, để nó khỏi quấy mẹ.

Bà chưng hửng. Quả là bà có hơi bị sổ mũi vì trời chuyển sang đông, nhưng bà cố dấu những cái hắt hơi thật kỹ, và bà có thấy mệt gì đâu! Bà phản đối:

— Mẹ có sao đâu! Nó có quấy gì đâu! Nó ngoan lắm. Bú xong là ngủ hà. Con gởi nó đi rồi mẹ ở nhà buồn lắm, chẳng có việc gì làm.

Đức im lặng. Chàng cũng cảm thấy tội nghiệp mẹ, nhưng không thể để bà trông thằng Mike được nữa. Bà đâu biết rằng cũng vì chuyện này mà vợ chồng chàng đã gây nhau suốt một đêm. Bởi vì Thi đã nhanh chóng phát hiện thằng bé bú không đúng giờ nữa, mới có hơn 1 giờ đồng hồ là nó đã ré lên đòi ăn, và chỉ bú chừng một nửa lại ngủ vùi, nhất là vào ban đêm làm Thi mất ngủ. Muốn nó nín, phải bế trên tay nó mới chịu ngủ. Thi tức tối càu nhàu làm Đức bực mình. Chàng biết ngay là do mẹ quá cưng thằng cháu, suốt ngày ẵm trên tay nhưng chàng không dám nói sợ bà

buồn. Thế là sau một tuần để mẹ trông con, Đức và Thi đã quyết định gởi con ở nhà giữ trẻ mà bạn bè chàng giới thiệu là tốt.

Điều này làm cho bà buồn hơn hết. Đúng lắ tụi nó quá coi thường bà. Và quan hệ giữa ba người càng thêm căng thẳng khi bà biết được người giữ cháu bà là một bà xẩm trông còn già hơn bà, mặt mày xấu xí, chỉ biết có tiếng Hoa, tiếng Mỹ và tiếng Việt thì bập bẹ. Bà đã định mắng cho Đức một trận: "Tao tưởng tụi bây gửi con cho trường lớp đàng hoàng, ai dè gửi cho một con mụ cũng già như tao. Bộ tụi bây chê tao không đáng mặt giữ con cho tụi bây chắc?" Nhưng rồi bà đã im lặng. Bà không thèm nói nữa. Lời nói của bà bây giờ đâu có tác dụng gì. Dù sao bà cũng còn tự ái chứ! Bà tự xót xa. Mike càng lớn, nỗi xót xa ấy càng tăng. Đến ngày biết nói, nó chỉ biết nói tiếng Mỹ, tiếng Tàu, còn tiếng cha sanh mẹ đẻ thì coi như... miễn. Thỉnh thoảng Đức và Thi cũng dạy nó nói, nhưng coi bộ nó không nhớ mấy. Tuy bà đã cưng thằng cháu, nhưng ba mẹ nó còn cưng hơn gấp bội. Mới có tí tẹo mà đòi gì được nấy. Đồ chơi mua đầy nhà và chỉ chừng ba bữa là hư hết. Nói chuyện với cha mẹ thì điệu bộ cứ y như ngang hàng. Mỗi lần phá phách bị bà rầy thì nó nhướng cặp mắt lên dòm trông thật hỗn láo. Hồi thằng Đức nhỏ nó đâu có vậy, mỗi lần lầm lỗi bị rầy là cúi gầm mặt xuống. Khách đến nhà thì thằng Mike nhảy tót lên ngồi bên cạnh cha mẹ nó, bà gọi xuống mấy nó cũng không nghe, mà cả Đức lẫn Thi đều coi là bình thường, không hề dạy con gì cả.

Cuộc sống bà thực sự chán nản. Bà bắt đầu muốn trở về Việt Nam. Thư viết cho bạn bè bà con, hàng xóm bà không còn giấu giếm nỗi buồn nữa. Bà chỉ còn dồn niềm vui vào việc nhận những lá thư ở quê nhà, cho đến khi gia đình chồng của Hạnh sang, dù ở tận Florida, nhưng dù sao cũng là niềm an ủi lớn cho bà. Hàng ngày bà đều gọi điện thoại cho Hạnh hoặc cho bà Phi, mẹ chồng Hạnh. Nhưng đến cuối tháng, bà nghe Thi cằn nhằn Đức: "Ủa, sao tháng này tiền điện thoại viễn liên nhiều quá vậy? Anh gọi cho ai đó?" Đức ngạc nhiên: "Đâu có, anh chỉ gọi có hai lần sang Florida để thăm hỏi gia đình Hạnh lúc mới qua thôi". Thấy bà đi tới, cả hai đứa im lặng. Từ đó bà không gọi điện thoại nữa, bà viết thư. Và những lá thư hồi âm của bà Phi càng làm cho bà thấy tiếc Hạnh. Thư nào bà Phi cũng khen Hạnh khéo cư xử, thằng con trai cọ hiếu với bà, tuy sống ở Mỹ nhưng trong gia đình chưa hề có sự xung đột già-trẻ. Và nỗi buồn cứ từ từ đến, không biết từ bao giờ gậm nhấm trái tim, như một con mọt nhỏ tí xíu nhưng có sức công phá cả một cuốn sách dày. Cho đến một ngày bà cảm thấy đau nhói ở ngực, mệt nhọc mỗi lần lên xuống thang lầu. Bà lo sợ, không lẽ bà đã mắc căn bệnh quái ác đó hay sao? Đức cuống cuồng đưa mẹ đi bệnh viện ngay khi nghe mẹ thở một cách khác thường. Và Hạnh đã qua thăm bà là thế.

*
* *

Suốt buổi sáng cho đến gần chiều về, bà mới tâm sự xong nỗi lòng của mình với Hạnh. Hạnh vừa lau những giọt nước mắt của bà vừa khéo léo an ủi:

— Bác đừng khóc. Nếu bác khóc cháu sẽ về. Bác sĩ cấm không nên khóc mà. Bác đừng nghĩ ngợi nhiều, không tốt cho sức khoẻ đâu.

Bà khẩn khoản:

— Cháu đừng về. Cháu về bác buồn lắm! Có lẽ bác sẽ bàn với thằng Đức khi bác khoẻ cho bác về

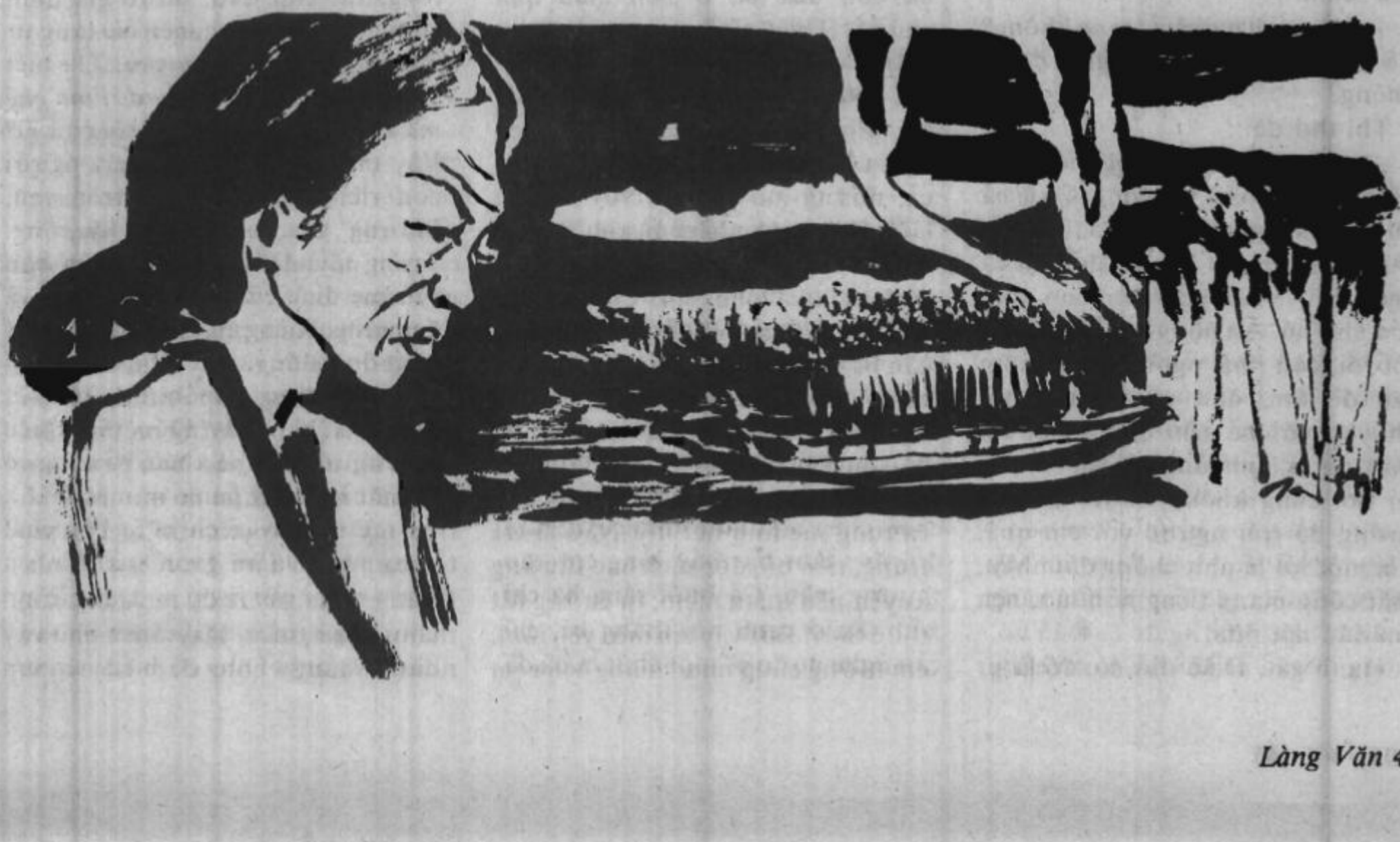

lại Việt Nam thôi. Đáng lẽ bác định sang chơi với mẹ cháu nhưng thằng Đức nói bác không khoẻ, nó không cho bác đi đó.

Hạnh chưa kịp trả lời thì Đức đến, và sau đó là Thi dẫn theo thằng Mike. Nó gặp Hạnh thì đứng nhìn chứ không chào dù cả Đức lẫn Thi đều nhắc nhở: "Chào cô, chào bà nội đi con!" Thi nói tiếng Mỹ với nó cả chục lần, nó mới lí nhí: *"Hi..."* Hạnh thấy Đức hơi ngượng nên khen thằng bé đẹp, ngoan, rồi chuyển hướng câu chuyện một cách nhanh chóng, vô thưởng vô phạt. Chừng mười phút sau thì Thi chào về, bảo Đức đưa con về nhà làm cơm trước, còn nàng đưa Hạnh đi phố chơi như đã hẹn.

Cả hai vừa ra xe thì Thi hỏi ngay:

— Chắc sáng giờ mẹ "tố" em lắm phải không chị?

— Không, có "tố" gì đâu!

Hạnh bật nói dối một cách dễ dàng.

Thi tròn mắt:

— Không có? Thiệt không đó? Ồ, vậy thì lạ thật! Bọn em biết chị sang là bả có người để trút bầu tâm sự mà! Có lẽ bả chưa nói đó, nay mai gì chị cũng nghe thôi!

Hạnh tấn công ngay. Thực tình Hạnh cũng muốn biết xem suy nghĩ của Thi thế nào về người mẹ chồng của mình:

— Ủa, có gì nghiêm trọng không? Có thể nói cho tôi nghe được không?

Thi thở dài:

— Tụi em thiệt không biết phải đối xử sao cho bả vừa lòng. Có lẽ bả buồn vì sống cô đơn quá. Nhưng chị coi, tụi em đi làm quần quật cả ngày, tối về còn phải đón con, tắm rửa cho nó. Ăn uống xong thì cũng tối rồi, còn phải nghỉ ngơi để hôm sau đi làm, đâu có thì giờ nói chuyện với bả nên bả cho là coi thường, là lạnh lùng với bả. Nhưng có nói cũng không được. Sao tư tưởng bả trái ngược với em quá, nói một lời là như chống đối nhau, mất công mang tiếng hỗn láo, nên em đâu nói nữa.

Hạnh gật. Điều này có, đó là sự cách biệt giữa hai thế hệ, rất khó hoà hợp. Thi tiếp:

— Ngày bả qua đây, bả bán nhà chuyển tiền sang cho anh Đức. Ảnh cất giùm đến khi bả qua ảnh trả lại hết. Chị biết không, họ hàng bè bạn của bả đều có tiền, vậy mà mấy năm nay bả toàn tom góp gởi về cho lại. Bả đâu đã đến tuổi lãnh tiền già. Mà có đến tuổi đi nữa thì dễ gì bả được lãnh. Anh Đức có lợi tức cao, lại bảo lãnh bả, một mẹ một con dễ gì người ta cho. Ừ, thì thôi, nuôi bả cũng được đi, không thành vấn đề. Nhưng ghét nhất là một đống thư từ ở Việt Nam gởi qua, cái nào cũng than nghèo, than khổ, than thiếu vốn làm ăn... Thế là bả lại nghe những lời ngọt ngào đó, tom góp gởi về cho. Lúc nào bả cũng khen là cô Ba, chú Tư, cậu Năm, bác Sáu... toàn những bà con bắn đại bác không tới, là tốt, là hết lòng với bả, là có tình có nghĩa nên bà mới giúp đỡ họ, và họ xứng đáng với sự giúp đỡ đó. Áo quần, vải vóc sắm cho bả, bả không mặc, nói là có đi đâu mà cần diện, thế là dành dụm gởi về hết. Lớp tốn tiền cước, lớp gởi tiền cho người ta đóng thuế đi lãnh, chị xem có ai "sộp" như bả không?

Năm ngoái em có người quen về Việt Nam, lúc qua người ta kể lại là bà con của bả ở bển giàu quá chừng. Thiệt tình tụi em là con, thằng Mike là cháu đích tôn của bả, mà chưa hề được bả mua cho cái áo. Em nói vậy cũng không có nghĩa là cần bả mua cho em cái gì cả, nhưng mà em quê với bạn bè lắm. Hôm sinh nhật em, anh Đức tổ chức vui vẻ, long trọng. Ba má em đều có quà cho em, còn bả thì không, làm em quê dễ sợ. Em chẳng cần bả tặng cho em đồ mắc tiền, chỉ cầm một món quà cho có lệ, vậy mà bả cũng không biết. Đó chị coi, bả đâu đã già lắm mà lạc hậu, cổ hủ hết sức. Hồi đó em quen anh Đức, ảnh ca tụng mẹ ảnh hết lời. Nào là trẻ trung, tiến bộ, đọc sách báo thường xuyên nên quan niệm, tư tưởng rất thức thời! Bởi vậy em mới yên tâm, em tưởng cũng như "măng" của em vậy. Ai ngờ đâu... Vả lại anh Đức là con một, không lẽ em đòi ở riêng thì kỳ quá, nên em cố gắng hết sức để sống với bả cho anh Đức vui, chị thấy em có gì sai không?

Hạnh nghe Thi nói, biết là nàng cũng có băn khoăn trong quan hệ với mẹ Đức. Suy nghĩ một lát, Hạnh ôn tồn:

— Nếu Thi xem tôi như một người bạn lớn tuổi thì tôi mới nói...

— Ồ, em thực lòng mến chị mà. Em biết ngày xưa mẹ anh Đức nhắm chị làm dâu nhưng hai người không yêu nhau nên không thể tiến tới. Em muốn biết ý kiến của chị về bả để em rút kinh nghiệm đó mà.

— Sao Thi không hỏi anh Đức?

Hạnh cẩn thận hỏi lại.

— Anh Đức? Em biết ảnh cũng khổ tâm về tính nết bà già nên mỗi lần em đề cập tới là ảnh lại kiếm chuyện nhăn nhó với bả. Vả lại tụi em gây nhau trong nhà lỡ bả nghe được thì lại nghĩ méo mó "tụi nó muốn đuổi mình" thì khổ, nên thôi vậy!

— Thực ra tư tưởng của bác gái cũng khó mà... "cải tạo" được. — Hạnh đùa — Vì bác là con gái quê, lại lớn lên trong gia đình nề nếp, ảnh hưởng nặng lề lễ giáo phong kiến, và một điều quan trọng là bà cư xử với bên nội của Đức rất phục tòng, rất chu đáo, được gia đình chồng rất quí trọng, nên cái lòng tự mãn càng ngày càng cao. Thi biết Việt Nam có câu *"mấy đời mẹ ghẻ mà thương con chồng"* rồi chứ gì? Vậy mà bà đã đối với mấy người con riêng của ba Đức tròn vẹn, thương yêu, chăm sóc kỹ càng. Trong nhà Đức, lúc nào trên bàn thờ mẹ đích cũng đầy hoa tươi và đèn sáng. Riêng anh Đức là con duy nhất do bà đẻ ra, tình thương ấy lại cần gấp mười lần hơn nữa. Tất nhiên là khi thấy Đức yêu chiều một người đàn bà khác, bả cũng có phần cảm thấy ganh tị, mất mát...

— Đó, ngay cả chị cũng còn phải công nhận là bả ganh tị nhỏ nhen mà. — Thi nói ngay — Đáng lẽ em chưa sanh thằng Mike sớm như vậy đâu. Vì anh Đức có hiếu nên em

mới chiều lòng, và cũng vì bả mong có cháu nữa đó. Em vừa mới xin được cái *job* ngon lành, tới 10 đồng một giờ thì anh Đức cố tình để dính bầu cho bả vui. Em bị thai hành phải nghỉ việc, bây giờ đi làm chỗ khác có 6 đồng một giờ, cũng đành chịu chứ trách ai được! Còn thời buổi bây giờ mà bả muốn em phải vừa coi con, vừa nấu ăn, lau nhà, giặt giũ chứ! Mỗi lần thấy anh Đức lau đít cho con, tắm rửa rồi cho nó bú là bả làm y như ngồi trên lửa vậy. Đi ra đi vô, xoay quần bên hai cha con, miệng thì không ngớt "tổ cha mày, mày cứ ăn no rồi ỉa, bắt cha mày dọn hoài hả?" Đó, chị nghe coi có chướng tai không? Sao bả chỉ biết xót con bả, vậy em là đồ bỏ chắc? Mang nặng đẻ đau cả chín tháng trời, anh Đức có đau giùm chút nào không? Còn nữa, bây giờ bả bệnh, nằm bệnh viện một ngày bao nhiêu chắc chị cũng biết rồi. Mà tiền của bả mấy năm nay thì toàn cho bà con hết, giờ đâu còn bao nhiêu nữa. Đã vậy bả còn có ý đòi về Việt Nam, thật em không biết bả nói thương anh Đức là thương ở chỗ nào!

Hạnh im lặng. Thi nói cũng đúng, mà mẹ Đức than phiền cũng chẳng sai. Cả đêm hôm đó Hạnh không ngủ được. Có lẽ một phần vì khí hậu ở đây lạnh hơn ở Florida, một phần vì nghĩ đến câu chuyện hồi chiều. Cả hai đều không ai xấu. Cả hai đều thương yêu một người, đó là Đức. Cả hai đều muốn dành phần đem lại niềm vui cho người đàn ông đó. Vậy sao cả hai đều không vui? Và có lẽ họ đã vô tình làm cho Đức khổ tâm hơn mà thôi.

Qua đến ngày thứ bảy Đức nghỉ việc, Thi nói là đi San Jose thăm người bạn mới ở Việt Nam qua. Cô dẫn thằng Mike theo. Hạnh hiểu ngay đó là cái cớ để Thi tránh đi cho Đức hàn huyên với Hạnh.

Quả thật giữa ba người, Đức mới chính là người đau khổ nhất. Một nỗi đau không nói được nên Đức già đi thấy rõ. Nếu không khéo, Đức sẽ mắc bệnh thần kinh trong nay mai. Bởi vì Đức cũng yêu mẹ và yêu vợ. Mà mẹ thì cố chấp, thủ cựu, không chịu chấp nhận câu "lão lai tài tận", bao giờ cũng cho mình là người quan trọng, là kẻ đã hết lòng với Đức thì nay Đức phải báo đáp cho vừa lòng bà. Còn vợ thì trẻ con, nông nổi, thậm chí hời hợt, không biết cách làm mẹ chồng vui lòng. Hễ Đức góp ý thì giãy nảy lên giận dỗi, cho là mình đâu có nghĩ như vậy, đâu có xấu như vậy. Thế là thôi, Đức đành trở thành bất lực đứng ở giữa, tai bên trái nghe lời mắng mỏ, tai bên phải nghe rỉa ráy. Rốt cuộc Đức không còn nghe ai được nữa, và không biết tự bao giờ, chàng bị lãng tai.

Đức rất hiểu tình thương mà mẹ dành cho mình là đứa con duy nhất như thế nào, nhất là từ khi có con. Và càng yêu con, Đức càng ngậm ngùi cho mình. Thế nào rồi đây lớn lên nó cũng như mình thôi. Đức biết mẹ muốn trở về quê hương, nhưng sống với ai đây mà đòi về? Những bà con dưới quê thì ai cũng già cả, còn các anh chị thì mỗi người đều có gia đình riêng và đều sống ở nước ngoài, có ở với ai rồi cũng sẽ lâm vào tình trạng như Đức cả. Trong thâm tâm Đức cũng không muốn xa mẹ, nhưng chàng là con trai, tình cảm dành cho mẹ không thể như con gái. Cho nên, dù trong những lần mẹ con trò chuyện, chàng có tỏ ra bênh vực Thi chứ thật ra giữa chàng và vợ đã rất nhiều lần giận dỗi vì chàng rất quí mẹ, tuyệt đối trước mặt Thi, không khi nào chàng công nhận là mẹ có lỗi. Cho dù là lỗi của bà thật thì chàng tìm cách xoa dịu Thi "Mẹ già rồi, còn sống bao nhiêu nữa. Người già hay khó tính ấy mà, em đừng nên để tâm thì trẻ mãi!". Nhưng nào mẹ chàng có hiểu, bà chỉ cảm thấy mình hoàn toàn thiệt thòi, mất mát. Bà trách móc Đức, giận lẫy chàng, đẩy Đức vào cái thế càng ngày càng khó xử, càng buồn bã mà không biết phải tỏ cùng ai.

Đức nhìn Hạnh. Chàng định nói: "Phải chi hồi đó chúng mình yêu nhau thì bây giờ mẹ đâu có bất đồng với dâu như vậy!", nhưng chàng kìm lại ngay. Hạnh cũng đoán được câu Đức định nói. Nàng bật cười, biết đâu khi lấy Đức thì cái quan niệm ích kỷ kia lại chuyển sang nàng? Cũng khó mà trách Thi vì cô nàng đâu biết dùng cách nào để xô ngã cái hàng rào thành kiến như một vết dầu loang, dù đã khô vẫn còn để dấu lại trong lòng mẹ Đức.

Đức vào trong phòng mẹ, lát sau chàng đem ra một xấp thư dày cộm. Đó là thư của mẹ chồng Hạnh viết cho bà. Đức bảo Hạnh đọc đi nhưng nàng từ chối. Nhưng Đức bảo "Mẹ tôi muốn Hạnh đọc đó, không sao đâu!" Hạnh đọc sơ vài lá, đỏ mặt trong khi Đức đăm đăm nhìn nàng. "Bây giờ thì đã muộn màng quá rồi!", Đức nhủ thầm. Thật ra nếu trước đó Đức có ngỏ lời đi nữa chắc gì Hạnh đã bằng lòng, vì Hạnh thường chê Đức là "tính kỹ hơn con gái, ai làm vợ sẽ khổ!".

Hạnh xếp chồng thư lại, trầm ngâm. Thư của bà Phi khen nàng đủ thứ, làm nàng thấy tự thẹn. Đức nhờ Hạnh "đả thông tư tưởng" mẹ chàng và Thi giùm, nhưng Hạnh chưa dám nhận lời. Bởi vì Hạnh có

giỏi giang gì đâu mà dám khuyên bảo người khác. Công bằng mà nói, nếu ngày nay nàng được như vậy: sống hạnh phúc bên chồng, con ngoan, cùng gia đình chồng như thế này, tất cả phải kể đến công lao của mẹ chồng nàng.

Ngay từ khi quen Phúc, nghe chàng có ba cô em gái, là gia đình và bạn bè nàng đã "dội", không ai bằng lòng vì tất cả đều sợ "mụ o nhọn mồm"* — nhà Phúc người Huế, nổi tiếng khó chịu. Mẹ Hạnh lại chỉ có mình nàng là gái, bà nhất định không tán thành. Vì vậy họ mới kéo dài 5 năm, sau những cuộc đấu tranh thuyết phục trường kỳ của Hạnh, vì nàng đã từng tiếp xúc với mẹ Phúc và có cảm tình ngay với người phụ nữ này. Cho đến bây giờ, Hạnh vẫn âm thầm cảm ơn bà. Những ngày đầu bỡ ngỡ về nhà người lạ, mỗi người mỗi ý, Hạnh đã nấu một bữa cơm không ra hồn ra dáng gì cả, mà Phúc lại là người chê trước: "Canh gì mà lạt nhách vậy em?". Hạnh bưng chén cơm mà nghẹn họng, thì mẹ Phúc đỡ lời ngay: "À, lạt thì chan thêm nước mắm. Mỗi người mỗi vị làm sao biết được! Mặn mới sợ khó chữa chứ lạt thì dễ ợt, có gì đâu mà phải nói!". Câu chuyện đó làm Hạnh giận Phúc mấy ngày, chàng đi theo xin lỗi hoài mới thôi. Vì Phúc là con trai trưởng, cha đi học tập chưa về nên chàng được coi như quyền huynh thế phụ, và cái máu gia trưởng của đàn ông Huế vẫn còn chảy mạnh trong huyết quản nên đối với Hạnh, chàng đôi lúc rất độc tài. Chính mẹ Phúc là người rầy la chàng nhiều lần những khi không có Hạnh mà nàng tình cờ nghe được. Rồi chính là bà người dạy Hạnh làm món này, thứ nọ, rất kiên nhẫn mà không bao giờ chê Hạnh vụng về gì cả. Bây giờ thì Hạnh đã biết gói bánh tét, bánh chưng, làm một bữa tiệc với đầy đủ các món cần có, đến nỗi mẹ nàng phải ngạc nhiên. Ngày đầu nàng e dè, ít dám nói chuyện với mẹ chồng vì sợ lỡ lời, y như Thi bây giờ vậy. Thế mà không biết tự bao giờ, bà đối với nàng vừa là một người mẹ và cũng là người bạn tâm tình của nàng. Vì vậy khi đến Mỹ, cuộc sống và quan niệm có thay đổi, mẹ Phúc vẫn không bị lạc lõng như mẹ Đức. Mặc dù khi sang đây, bà sống lệ thuộc vào các con, tuy là đi diện HO, nhưng số tiền trợ cấp ít ỏi phải thật tiết kiệm mới đủ chi dùng, bà vẫn vui vẻ và luôn luôn khuyến khích các con cố gắng vừa đi học vừa đi làm thêm.

Hạnh thấy tiếc cho mẹ của Đức. So ra bà còn trẻ hơn mẹ chồng nàng cả chục tuổi, sao không dễ dàng thay đổi tư tưởng để sống cho vui con cháu? Hạnh cũng cảm thấy buồn cho Đức quá cả nể đến thành nhu nhược, không hàn gắn nổi mối thâm tình giữa mẹ và vợ. Còn với Thi, Hạnh suy nghĩ mãi không biết dùng từ nào cho chính xác để nói, bởi cái nề nếp phong kiến lỗi thời mà mẹ Đức đã sống, đã thừa hưởng, dù cho có kể một trăm lần cô nàng cũng đâu có tưởng tượng ra được để mà thông cảm!

Riêng mình, Hạnh cảm thấy nàng may mắn hơn Thi, và biết đâu, nhiều cô gái khác nữa, rất nhiều, vì nàng có một bà mẹ chồng đáng kính. Hạnh không ngờ chuyến đi thăm mẹ của Đức lại buồn như vậy. Hạnh biết cả ba người đều quan tâm đến nhau. Nếu mẹ của Đức hiểu rằng bây giờ con bà đã lớn, đã có gia đình riêng, bà phải rộng rãi hơn trong việc đón nhận một người đàn bà khác vào gia đình như con gái mình thì có lẽ mọi việc đã êm xuôi, ổn thoả.

Hạnh nói với Đức khi nào mẹ chàng khoẻ lại thì nên đưa bà sang Florida ở chơi với gia đình chồng nàng một thời gian, có lẽ bà sẽ thoải mái dễ chịu hơn vì có người đồng trang lứa trò chuyện hàng ngày. Mẹ Phúc mới chính là người dễ dàng khuyên lơn bà hơn là Hạnh. Sống ở xã hội Mỹ hơn một năm, Hạnh thấy quả đúng như lời những người đi trước viết thư về cho biết, là người già cả sống ở đây không thích hợp. Nhất là đối với những người chịu ảnh hưởng phong tục Á đông quá nặng nề như mẹ Đức. Muốn sống được với con cái, họ phải hy sinh từ sở thích cá nhân cho đến cách suy nghĩ. Sự hy sinh đó còn khó gấp mười lần lúc trẻ tảo tần làm việc nuôi con. Tất nhiên là chuyện mẹ chồng, nàng dâu là điều nên xóa bỏ. Cái thời "bà Phán" đã phải qua và đáng bị đào thải. Nhưng như thế không có nghĩa là "tôi với mụ không bà con chi"**. Nhiều cô gái Việt Nam đã hiểu quá "triệt để" lối sống, tư tưởng của người Âu Mỹ nên đã vô tình gây phiền muộn cho các bậc cha mẹ không ít.

Hạnh muốn lắm và ao ước rằng các cô gái trẻ đã, đang hoặc sắp sửa bước vào cuộc sống gia đình, khi nhận được nơi người bạn đời bao nhiêu lân ái, ân cần thì hãy nghĩ đến người đã cưu mang, nuôi nấng chàng trai ấy. Và chỉ cần đối với mẹ chàng ta phân nửa sự ân cần mà chàng đã dành cho mình, là mình chẳng những đã làm vui lòng chồng mà còn tạo nên cảnh gia đình hạnh phúc, êm ấm cho tất cả mọi người.

Hạnh muốn lắm và càng ao ước hơn nữa các bà mẹ Việt Nam đã, đang hoặc sắp sửa bước chân đến xứ Mỹ, hãy cố gắng gạt bỏ cái tư tưởng "hồi đó tao..." mà chịu khó hy sinh vì con cái như ngày xưa mình đã từng hy sinh vậy. Hãy hãnh diện là mình đã sản sanh và dạy dỗ cho xã hội những con người thành đạt. Hãy trước tiên yêu thương người con gái kia dù chưa hề quen biết vì khi người ấy được con mình yêu thương thì chắc cũng không đến nỗi tệ. Khi đó bà mới thực sự biết mình đã cho và đã nhận được những gì. Và cho dù có ngoan cố đến đâu, cũng không ai có thể phủ nhận rằng: bà là một bóng mát bền vững, bất di bất dịch, che chở bao trùm mọi người dưới cơn nắng gắt của mặt trời sa mạc... □

* *Một trăm ông chú không lo,*
Lo vì một nỗi mụ o nhọn mồm.
Ca dao

** *Thương chồng phải nể mụ gia,*
Ngậm tui với mụ có bà con chi!
Ca dao

Tình Đồng-Chí

Nguyễn Minh Khánh
(Trại Sungei Besi, Mã-lai)

* *Tác-phẩm đoạt giải ba đồng hạng, bộ môn Truyện Ngắn Giải Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn 1991-1992*

Trong lớp tôi, anh Viễn là người lớn tuổi nhất, xấp xỉ ba mươi, trong khi bọn chúng tôi đa số là học sinh trung học chân ướt chân ráo mới lên đại học, tuổi đời chừng mười chín, hai mươi. Vì lớn tuổi và lại là bộ đội chuyển ngành nên đương nhiên anh được nhà trường chỉ định làm lớp trưởng ngay khi mới bắt đầu nhập học năm thứ nhất. Ngoài chức lớp trưởng, anh còn kiêm luôn hai chức vụ quan trọng, đó là bí thư đoàn trường và đảng ủy viên. Với những chức vụ và vị trí chính trị quan trọng như vậy, tiếng nói của anh rất có trọng lượng, các thầy cô rất nể nếu không muốn nói là sợ.

Theo lời anh kể thì anh đi bộ đội năm 68, binh chủng đặc công, lúc ấy mới 17 tuổi. Nhờ gan lì chiến đấu, vào sinh ra tử nhiều trận nên đến năm 20 tuổi anh được kết nạp vào Đảng. Sau năm 75 anh tiếp tục đánh nhau với quân Pol Pot, mãi đến năm 78 vì bị thương nặng suýt chết anh mới được giải ngũ, được chứng nhận thương binh loại ba, cấp bậc sau cùng là trung úy đặc công.

Tuy thành tích đầy mình như vậy nhưng anh không tỏ ra kiêu ngạo hoặc có tư tưởng công thần. Ngược lại, anh luôn luôn tỏ ra hoà nhã, lịch sự, khiêm tốn học hỏi. Mới thoạt nhìn, khó ai có thể ngờ anh là đặc công Việt cộng: dong dỏng cao, da trắng trẻo, vóc người mảnh mai, và khuôn mặt trái xoan khá đẹp trai. Trông anh có vẻ như một thi sĩ hay văn sĩ hơn là một cán binh chuyên nghiệp. Nhất là đôi bàn tay anh, những ngón dài ẻo lả đầy những gân xanh chằng chịt hiện rõ sau làn da trắng xanh.

Anh Viễn thân với tôi vì nhiều lẽ. Lý do thứ nhất là vì quan hệ công tác: anh là lớp trưởng, tôi là lớp phó học tập. Lý do thứ hai là quan hệ họ hàng: anh với tôi có bà con xa. Lý do thứ ba hơi khó nói nhưng cũng phải thành thật kể ra: anh ta dốt đặc cán mai mà tôi lại là sinh viên giỏi nhất lớp. Anh cần tôi dạy kèm anh là lẽ đương nhiên.

Cứ như theo anh kể thì khi ở ngoài Bắc anh mới học đến lớp năm, sau đó thì đi "bè" chiến đấu. Đầu năm 78 anh giải ngũ. Nhận thức rằng trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt nên anh đã nỗ lực cố gắng đi học bổ túc văn hoá để hoàn tất bậc trung học. Thế là từ đó anh cắp sách đi học lớp chuyên tu đặc biệt dành cho cán bộ có công với cách mạng. Chỉ đánh loáng trong vòng ba năm anh đã học xong chương trình trung học từ lớp 6 đến lớp 12, sau đó anh hiên ngang thi vào đại học tài chánh thành phố Hồ Chí Minh và đã trúng tuyển một cách xuất sắc!

Chuyện anh và tôi nhận ra họ hàng cũng khá tình cờ khi anh nhờ tôi đến kèm toán cho anh vào ban đêm. Là bí thư đoàn trường kiêm đảng ủy viên nên anh được nhà trường ưu tiên cấp cho một phòng ở ngay trong trường, trong khi đó lũ sinh viên tỉnh lẻ chúng tôi phải sống chen chúc trong khu nội trú ổ chuột, rất là khổ cực.

Từ khi được anh giao cho "nhiệm vụ cách mạng" dạy kèm, cứ tối đến là tôi cắp sách đến "tư gia" của anh. Sau giờ học anh thường thả chiếc "tàu ngầm" làm bằng lưỡi lam vào chiếc bình lớn để đun nước pha trà. Rồi sau đó là tán gẫu cho đến khuya. Đại để câu chuyện thường diễn ra như thế này:

— Hoá ra ông bà cụ nhà cậu lại là người Bắc?

— Dạ ông bà già em người Bắc.

— Di cư năm 54 chứ gì?

— Dạ năm 54.

— Thế ông cụ quê ở đâu?

— Dạ ở Hà Sơn Bình.

— Nhưng huyện nào?

— Dạ huyện Phúc Thọ.

— À ra thế, tớ cũng quê ở Phúc Thọ, Sơn Tây đây... Tớ người làng Hát Môn...

Sau đó lần dây mơ rễ má ra thì mới biết rằng anh ta là người cùng làng với bố mẹ tôi và có liên hệ họ hàng, tuy không phải là trực hệ.

— À ra thế... đúng ra theo vai vế thì tớ phải gọi cậu bằng anh đấy...

— Dạ.

— Nhưng mà thôi, nhận ra anh em thế là tốt rồi, xưng hô thế nào chả được!

— Dạ.

— Thế cậu sinh ở đâu?

— Dạ ở Nha Trang.

— À, chỗ Ninh Hoà, Diên Khánh, Đại Điền chứ gì?

— Dạ phải. Sao anh biết rành quá vậy?

— Chuyện! Ngày xưa tớ hoạt động ở đấy mà lị. Địa bàn vùng đấy tớ còn lạ gì!

— Anh ở đó hồi năm nào vậy anh Viễn?

— Từ 68 đến 71. Đánh nhau ác liệt lắm. Bọn sư đoàn Bạch Mã và Mãnh Hổ của Đại Hàn đóng ở các vùng ấy...

— Anh Viễn, em nghe nói hồi đó "phe mình" đi đánh trận, nếu có ai chết thì người còn sống phải lột quần áo của người chết để tiết kiệm phải không?

— Làm gì có! Bọn ngụy chỉ tuyên truyền láo khoét. Cậu chớ nghe bọn chúng. Phía ta mỗi khi có ai hy sinh thì bằng mọi giá ta phải lấy cho được xác. Nhiều khi chỉ vì đi lấy xác mà phải hy sinh luôn cả một tiểu đội. Chế độ ta là chế độ nhân đạo. Bác đã dạy con người là vốn quý nhất, cậu không biết à? Chỉ có chế độ tư bản mới coi rẻ sinh mạng con người. Nhân phẩm con người bị chà đạp, không được tôn trọng...

Tuy biết anh ta nói phét nhưng tôi đành im lặng vì lý của kẻ mạnh bao giờ cũng thắng. Hơn nữa phận tôi là con sĩ quan ngụy, thành phần Bắc kỳ di cư, nếu ngo ngoe thì dễ bị đuổi học lắm. Biết sinh mạng mình nằm trong tay anh Viễn nên tôi cố gắng dạy kèm anh ta suốt trong bốn năm liền. Phải thành thật mà nói, anh ta dốt như con bò. Có nhiều bài toán tôi giảng đi giảng lại hàng trăm lần nhưng anh vẫn không hiểu, cứ làm trật bậy trật bạ và hỏi nhiều câu thật ngớ ngẩn làm tôi tức điên người nhưng đành cố nuốt giận. Giá như em tôi thì tôi đã xé vở, tát cho mấy tát và chửi toáng lên rồi. Nhưng khổ nỗi đây lại là một cán bộ cộng sản có quyền sinh sát, đủ sức làm cho tôi thân tàn ma dại bất cứ lúc nào. Thôi thì cố giả dại qua ải cho xong!

Có lần anh nói với tôi một câu khiến tôi phải suy nghĩ nhiều đêm liền: "Lý lịch của cậu bị vướng ở ông bố. Đáng lẽ cậu không được vào đại học. Được cái may là bài làm của cậu điểm rất cao. Thế nhưng cậu nên nhớ rằng máu chỉ được làm nên từ máu chứ không bao giờ được làm nên từ nước lã!"

Vâng, tôi biết. Tôi chỉ có chuyên mà không có hồng. Mà Đảng thì chỉ tin tưởng ở những con người có hồng như anh Viễn mà thôi. Những bộ răng hô, những đôi môi thâm xì vì sốt rét của những giáo viên nam và những mái tóc thắt con rít, những chiếc quần đen bèo nhèo ống cao ống thấp không bao giờ ủi có dính cháo heo của những giáo viên nữ là đặc trưng cách mạng nơi những con người được Đảng tin tưởng và ưu đãi. Khi họ đứng trên bục giảng, dù bảo con gà là con bò chúng tôi vẫn phải nghe theo.

Thời gian hạnh phúc nhất trong năm của tôi là một tháng hè và một tuần lễ nghỉ Tết. Bằng mọi giá tôi phải về quê thăm nhà. Tôi yêu Nha Trang tha thiết, nơi ấy mẹ tôi đang chờ đợi để chăm lo cho tôi từng ngày. Vào dịp hè, các bạn vận động tôi ở lại công tác hè để phấn đấu vào đoàn nhưng tôi từ chối. Tôi đã quá chán ngán nếu không muốn nói là ghê tởm đoàn thể, bất cứ là đoàn thể gì của Cộng sản. Tất cả đều là giả dối. Tất cả đều chỉ đóng kịch và lừa bịp. Thật không có gì đau khổ hơn khi cứ phải luôn sống với một tâm trạng giả tạo, phải đóng kịch để lừa dối ngay cả chính mình. Do đó tôi chẳng tha thiết gì với đoàn thể, cứ nghỉ hè là tôi chuồn về Nha Trang.

Về đây rồi tôi sống hoà mình với thiên nhiên. Hầu như cả buổi sáng tôi tắm biển và nằm phơi nắng trên bãi cát, tận hưởng hương vị tuyệt vời của nắng, gió, nước biển và phong cảnh tuyệt vời của miền quê hương thùy dương cát trắng.

Người bạn trung thành và thân nhất của tôi là con Kiki. Sáng nào nó cũng "rủ" tôi đi tắm biển. Khi thấy tôi thức dậy đánh răng rửa mặt là cu cậu biết giờ đi tắm biển đã tới. Cu cậu chạy lăng xăng, sủa ăng ẳng khoái chí như một đứa trẻ biết bố mẹ nó sắp sửa cho đi chơi phố. Sau khi ăn vội mấy củ khoai lang mẹ tôi đã luộc sẵn để phần, tôi phóng lên con ngựa sắt, đạp ra biển. Anh bạn thân của tôi cũng co giò chạy theo, đôi khi chạy trước cả tôi, vừa chạy vừa sủa ầm ĩ khiến mấy tên công an giao thông phải đưa mắt nhìn.

Ra đến biển tôi và Kiki cùng bơi đến mệt nhoài rồi nằm phơi nắng trên bãi cát. Chúng tôi rất tâm đầu ý hợp, đôi khi tôi còn tâm sự với Kiki như nói chuyện với người. Chỉ có với Kiki tôi mới dám thổ lộ hết mọi tâm sự thầm kín mà thôi!

*
* *

Kỳ nghỉ hè năm nào anh Viễn cũng đi Nha Trang chơi. Tuy là bí thư đoàn trường bận trăm công nghìn việc nhưng vào dịp hè anh cũng không ở lại để công tác hoặc phấn đấu. Anh giao hết mọi việc cho phó bí thư đoàn trường để đi nghỉ hè. Anh không về quê anh ở Phúc Thọ, Sơn Tây mà lại đi Nha Trang. Tất nhiên mọi người thắc mắc nhưng anh có một lý do rất vững để giải thích khiến sau khi nghe, ai ai cũng vỡ lẽ và khâm phục anh là một người cộng sản chân chính và cao cả: Anh đi Nha Trang để về thăm lại vùng ngoại ô mà trước kia mà anh từng chiến đấu. Chính tại xã Đại Điền huyện Diên Khánh, vào năm 1970, một người bạn chiến đấu của anh đã hy sinh. Nay anh về lại nơi đó để tìm hài cốt người bạn đem mai táng cho trọn tình đồng chí.

Khi đi Nha Trang anh luôn ghé nhà tôi tại thị xã chơi ít ngày, rồi sau đó anh đi xe đò đến xã Đại Điền, cách Nha Trang khoảng 50 cây số. Đã ba kỳ nghỉ hè liên tiếp, anh đều đi tìm hài cốt người bạn nhưng không thấy tung tích. Tuy vậy anh không hề nản chí. Anh quyết tâm tìm cho ra. "Con người là vốn quý nhất, kể cả khi đã chết rồi. Đường lối của Đảng ta là nhân đạo và tôn trọng con người". Anh từng nói với tôi như vậy và giờ đây việc làm của anh thể hiện điều đó.

Năm nay là năm thứ tư, năm học cuối cùng của hệ đào tạo đại học tài chính. Tất cả chúng tôi đều bù đầu bù cổ lo học để thi tốt nghiệp. Mọi việc rồi cũng qua, kỳ thi đã kết thúc và kết quả khá tốt đẹp, chỉ vài sinh viên bị rớt, chờ năm sau thi lại. Tiếp theo là việc phân công nhiệm sở. Đây cũng là giai đoạn khá gay go, phải lo chạy thầy chạy thuốc mới được bổ nhiệm như ý muốn. Riêng tôi, nhờ có mối quân hệ hữu hảo với anh Viễn từ trước nên tôi đã nhờ anh xin cho về làm việc tại quê nhà là Nha Trang.

Cuối cùng rồi tôi cũng về được Nha Trang như ý muốn, làm việc tại công ty vật tư tỉnh Phú Khánh. Thế là tạm ổn, thoát được một cửa ải để chuẩn bị đối phó với bao lo âu sắp đến. Sống trong chế độ cộng sản, cuộc đời của con người chỉ là một chuỗi dài lo âu và sợ hãi.

Tôi lại đi tắm biển với anh bạn Kiki. Anh Viễn lại ra Nha Trang đi tìm hài cốt người bạn chiến đấu. Sau gần một tháng sục sạo trên vùng kinh tế mới Đại Điền, anh lại trở về nhà tôi, hoàn toàn thất vọng. Trông anh có vẻ mệt mỏi, chán chường. Người anh ủ rũ như một tàu lá héo. Tôi động lòng thương hại, hỏi anh:

— Tìm không ra sao anh Viễn?

Viễn ngồi phịch xuống ghế, vươn vai ngáp dài, đáp:

— Ối dào, mệt đứ đừ. Tớ tìm nát cả mà chẳng thấy gì hết. Đã ngót 15 năm rồi còn gì! Biết bao nhiêu thay đổi. Các dấu vết xưa đã mất hết, không thể nào định vị được.

Tôi an ủi:

— Anh cứ cố gắng, biết đâu rồi sẽ gặp.

Viễn không đáp mà hỏi lại tôi:

— À này, thế quyết định nhận nhiệm sở cậu đã nhận chưa?

— Dạ mới cuối tuần rồi.

— Cậu về Nha Trang Phú Khánh đấy chứ?

— Dạ.

— Đấy nhé, tớ đã bảo mà! Hôm họp hội đồng phân công tớ đã tích cực bảo vệ cho cậu đấy. Nếu không thì cậu không được về Nha Trang đâu.

— Dạ cũng nhờ anh. Nói thật với anh, em lo quá, chỉ sợ họ điều mình đi xa.

Viễn châm điếu thuốc, hít một hơi dài, nhíu đôi lông mày, nét mặt đăm chiêu tỏ vẻ rất quan trọng. Anh tiếp tục kể công:

— Điểm thi tốt nghiệp của cậu thuộc loại giỏi. Ban giám hiệu và đảng ủy có hướng giữ cậu lại để làm cán bộ giảng dạy cho trường. Nhưng mình đã phát biểu ý kiến, thể theo nguyện vọng của cậu, gia đình neo đơn, muốn được công tác gần nhà nên đề nghị ban giám hiệu chiếu cố.

— Dạ, đúng nguyện vọng của em là được về tỉnh nhà.

— Thoạt tiên ban giám hiệu không đồng ý nhưng nhờ mình kiên quyết đấu tranh cho cậu, rốt cuộc mấy ông ấy phải nghe theo.

— Dạ nhờ anh Viễn. Nếu không có anh, em phải ở Sài gòn công tác rồi.

— Mà có khả năng các ông ấy lại điều cậu đi tận đảo Phú Quốc hoặc Minh Hải nữa đấy. Bởi vì cậu có ý định xin về quê nhà có nghĩa là tinh thần phục vụ của cậu không vững rồi, thế cho nên họ sẽ thử thách cậu cho tới nơi!

Tôi rất mừng rỡ, cám ơn rối rít người anh em bà con, người đồng chấy đồng rận nhưng không đồng chính kiến. Trưa hôm ấy tôi làm một bữa cơm thân mật thết đãi ông "khách quý". Con gà mập nhất chuồng mẹ tôi dự định để vào dịp tôi "vinh quy bái tổ" đã được hy sinh để đáp lại tấm lòng tốt của ông quan cách mạng. Cặp lốp xe Sao Vàng mà bố tôi ky cóp để dành ngót ba năm trời không dám đem xài, nhân dịp này cũng phải rủ nhau ra chợ trời hoá thân thành những món nhậu và những xị rượu thuốc.

Sau khi rượu thịt no say, tiết mục tiếp theo là trà đàm. Khuôn mặt anh Viễn giờ đây đỏ gay như mặt gà chọi. Anh ngồi dựa ngửa, rút một châu lên ghế, cất giọng lè nhè:

— Nhà cậu có điếu thuốc lào không? Hút thuốc lá nhạt phèo, chán quá! Ở bộ đội tớ hút thuốc lào quen rồi!

Nhà không sẵn điếu, tôi phải chạy đi mượn cái điếu bát của ông cụ ở đầu xóm. Vừa mang điếu về, trông thấy điếu, Viễn vớ ngay lấy, kéo một hơi thật đầy, thở khói dày đặc, nét mặt hết sức sảng khoái. Lúc này Viễn nhìn thẳng vào mặt tôi và nói một cách khẩn thiết:

— Nói thật với cậu đã gần mười năm nay mình chưa về thăm nhà. Cậu biết đấy, việc đảng việc nước cứ liên tục, còn thời gian đâu mà lo việc nhà! Lần này ra trường tạm gọi là ổn, mình mới lo cưới vợ. Gần bốn mươi rồi còn gì! Bà cụ mình mới viết thư giục mình về gấp. Mọi việc đã sắp xếp đâu vào đấy. Mình định sắm cái nhẫn cưới cho vợ nhưng ngặt nỗi dạo này bấn quá, không biết đào đâu ra. Đồng ý tình yêu cách mạng là cho không, chẳng đòi hỏi gì vật chất nhưng may tiếng là cán bộ ở Nam về, lại là kỹ sư kinh tế mà tay không cưới vợ thì bẽ quá... Cậu có cách nào giúp mình không?

Nhờ đã chuẩn bị trước nên mẹ tôi đã giúp anh ta khá dễ dàng. Sau khi chiếc nhẫn 1 chỉ đã nằm yên trong túi, Viễn mới trịnh trọng hạ thấp giọng, nói với tôi:

— Chỗ bà con họ mạc mình cũng không hẹp hòi giấu diếm gì cậu. Nếu cậu cố gắng thì sẽ giàu to. Đây là mình hết sức chân tình giúp cậu đấy...

Tôi ngạc nhiên chưa biết anh ta định nói gì nên dò hỏi:

— Dạ, việc gì vậy anh?

Viễn rào trước đón sau:

— Nhưng cậu phải tuyệt đối giữ bí mật đấy nhé. Hở ra là toi mạng đấy!

Viễn đảo mắt một vòng, ra hiệu cho tôi đóng cửa ra vào lại rồi mới khẽ nói:

— Cậu biết vùng Đại Điền chứ?

— Dạ biết.

— Để tớ kể cậu nghe chuyện này: Năm ấy là năm 1970. Tớ là tiểu đội trưởng trinh sát, hoạt động tại vùng Đại Điền huyện Diên Khánh, tỉnh Phú Khánh. Vùng này do ta và địch cùng kiểm soát. Bọn ngụy gọi là vùng xôi đậu hay da beo, ban ngày thì chúng kiểm soát, ban đêm là do ta. Vì vùng này có bọn lính đánh thuê Nam Triều Tiên đóng cho nên giao tranh rất ác liệt. Bọn Triều Tiên cực kỳ dã man, lính của chúng đóng quanh làng, chỉ cần một tên bị ta bắn tỉa là chúng tàn sát luôn cả làng để trả thù. Một hôm theo lệnh trên, tớ cùng với tổ trưởng kinh tài về thâu thuế dân trong xã mà trọng điểm là nhà tên Lý Hớn người Hoa, chủ nhà máy xay lúa giàu có nhất vùng.

Tiểu đội của tới có 9 người, tổ kinh tài 3 người, cả thảy là 12 người. Ngay đầu làng có một chốt đóng quân cỡ đại đội của bọn sư đoàn Bạch Mã Nam Triều Tiên đóng. Trước khi xâm nhập làng ban đêm, bọn tớ đã theo dõi và nắm vững quy luật đi kích của bọn chúng. Thường lúc khoảng 8, 9 giờ tối, bọn chúng bắt đầu cho một trung đội đi kích, còn hai trung đội ở nhà đóng chốt. Bọn chúng thường phục ở những nơi hiểm yếu, đến gần sáng thì rút về đồn.

Hôm ấy trời mưa lất phất, bọn tớ nấp trong rừng theo dõi. Lúc 8 giờ tối, bọn chúng bắt đầu cho một trung đội gồm 25 tên xuất phát đi kích. Bọn tớ đếm kỹ cả thảy 25 tên mặc áo mưa trùm kín đầu, lom khom như những thằng gù, chia làm hai mũi đi ra khỏi đồn. Bọn chúng chia làm hai toán nằm phục kích dọc theo bờ sông vì chúng biết rằng muốn xâm nhập làng này, phía ta phải lội qua con sông ấy. Khẩu hiệu chỉ đạo chiến lược của trên lúc bấy giờ là: "Gặp Mỹ thì đánh, gặp Đại Hàn thì tránh". Nói như thế không có nghĩa là ta sợ nhưng vì bọn này dã man và hay thù vặt, nếu diệt chúng thì bọn còn lại sẽ tàn sát cả làng mà trong đó cơ sở nằm vùng của ta trà trộn rất nhiều. Do đó bọn tớ kiên nhẫn nằm chờ cho đến sáng. Quả nhiên đến khoảng 5 giờ sáng bọn chúng rút về. Lúc ấy trời còn mờ tối lại thêm sương mù dày đặc nên rất khó quan sát. Tuy vậy bọn tớ cũng đếm đủ 25 tên đang uể oải trong những chiếc áo mưa nhà binh rộng thùng thình, lê bước về đồn. Có lẽ bọn chúng mệt mỏi và buồn ngủ lắm nên tên nào tên nấy bước đi xiêu vẹo, hàng ngũ lộn xộn. Một mục tiêu ngon lành như thế, nếu được phép diệt thì bọn tớ làm gọn trong nháy mắt. Thế nhưng vào thời điểm ấy phía ta đang cần tiền để lo công tác hậu cần và binh vận nên mới tha tội chết cho bọn chúng.

Ngay sau đó bọn tớ triển khai đội hình chia ra làm bốn tổ tam tam, âm thầm lội qua sông và xâm nhập vào làng. Các tổ toả ra nhiều hướng làm nhiệm vụ, riêng tớ với tổ trưởng kinh tài và một chiến sĩ đặc công vào nhà tên Lý Hớn để thu thuế. Tên này có một thằng con trai đi lính ngụy nhưng hắn khá biết điều, nộp thuế cho ta nhiều lần nên ta còn dung thứ cho hắn làm ăn. Bằng thủ thuật đặc công chuyên nghiệp, bọn tớ lọt vào nhà hắn không mấy khó khăn.

Khi nghe tiếng gõ cửa theo tín hiệu, biết là cách mạng đến, hắn vội ra mở cửa. Tớ và anh Mẹo, tổ trưởng kinh tài ập vào nhà, còn chiến sĩ đặc công núp ngoài vườn làm nhiệm vụ cảnh giới. Tớ thông báo cho hắn biết đã đến hạn nộp thuế và mua công trái ủng hộ cách mạng. Hắn vội mở tủ lấy tiền, trong khi anh Mẹo viết cho hắn một biên nhận. Lần này số tiền hắn phải nộp khá lớn, gần một triệu đồng, do đó hắn loay hoay khá lâu. Tớ sốt ruột giục thì hắn lại càng cuống, hai tay run bần bật, đếm lộn tùng phèo hết cả.

Vừa lúc ấy bỗng có hàng loạt đạn nổ chát chúa, có xen lẫn tiếng M79. Thế là hỏng. Chắc các tổ khi rút lui đã đụng phải bọn Nam Triều Tiên. Có nhiều tiếng chân chạy thình thịch gần nhà và lại thêm một loạt đạn M16 nổ ngay ngoài ngõ. Con mẹ ba Tàu vợ thằng Lý Hớn sợ quá hét toáng lên: "Bớ người ta, ăn cướp!" Theo phản xạ, tớ lẩy luôn một phát K54 vào đầu mụ khiến mụ ta bật ngửa ra sau, óc văng tung toé. Tên Lý Hớn khóc thét lên, quỳ xuống đất lạy van như tế sao. Lũ trẻ con 6 đứa cũng khóc nháo nhào làm tớ càng thêm rối trí. Tình hình đã như thế này thì không thể nhân nhượng được nữa. Phải hoá kiếp hết bọn chúng để giữ bí mật cho cách mạng. Hai khẩu K54 của tớ và anh Mẹo thi nhau khạc đạn vào bố con thằng Lý Hớn. Máu chảy lênh láng khắp nhà. Sau đó tớ và anh Mẹo khẩn cấp lùa đống tiền vào bao ni-lông. Sẵn thấy cánh cửa tủ còn mở hé, tớ mở ra lục lọi. Cuối cùng tớ vớ được một chiếc hộp gỗ màu đen láng bóng, to bằng quyển vở. Tớ mở ra thì lóa cả mắt. Bên trong toàn là vàng và các xâu chuỗi kim cương sáng loáng. Anh Mẹo vội nói: "Lấy luôn đi, mình đang cần". Tớ tương vội chiếc hộp vào túi ni-lông rồi ra hiệu cho cậu lính cảnh giới trước nhà chuồn theo theo ngả sau, rút lui.

Lúc này súng đã nổ inh trời phía bờ sông, tớ biết quân ta đã lọt ổ phục kích của địch rồi. Tớ nhanh chóng chỉ đạo tổ đi tắt qua lối khác bằng cách lội dọc theo con mương, rồi sau đó cắt ngang qua cánh rừng tre đi lên phía thượng nguồn sông. Lúc ấy trời đã gần sáng. Bằng mọi giá bọn tớ phải vượt qua sông để thoát về chiến khu, nếu không sẽ bị bao vây và toi mạng. Khi lội sang được bên kia bờ thì bọn lính Nam Triều Tiên và Địa phương quân ngụy cũng vừa truy kích tới. Chúng xả súng bắn như mưa, vừa bắn vừa la hét thị uy. Cậu lính cảnh giới bị trúng đạn chết ngay bờ sông, không trối được lời nào. Tớ và anh Mẹo cắm đầu chạy trối chết vào rừng. Khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, bọn tớ mới dám dừng lại để thở. Tiếng súng truy kích đã êm, bọn địch không dám đuổi theo vì vùng này thuộc về chiến khu Am Chúa của ta, muốn tấn công bọn chúng phải hành quân cấp sư đoàn.

Lúc này anh Mẹo cũng đang bị

thương ở đầu gối, máu loang ướt đẫm cả ống quần. Mặt anh tái nhợt vì mất máu. Anh ta ném phịch chiếc túi đựng tiền và hộp vàng xuống đất, ngồi tựa vào hòn đá thở hồng hộc. Anh thều thào nói: "Tôi đi không nổi nữa... có lẽ ta tạm chôn túi bạc này ở đây... Anh đưa tôi về cứ rồi sau sẽ liệu... Hình như có tiếng máy bay lên thẳng của địch..."

Thấy anh nói có lý, tớ và anh cùng chọn chỗ chôn túi bạc và hộp vàng sao cho dễ tìm sau này. Loay hoay một lúc, bọn tớ nhất trí chôn gói bạc tại gốc một thân cổ thụ cao ngất, bên cạnh một tảng đá to bằng cái nhà có hình chóp nón. Tớ dùng lê đào một lỗ sâu khoảng một mét, chôn kỹ bọc tiền và hộp vàng dưới đấy. Khi làm xong, ngảnh lại thì thấy anh Mẹo đã chết...

Kể đến đây anh Viễn dừng lại, vê một điếu thuốc lào rồi kéo một hơi dài kêu ro ro, nghe thật êm tai. Tôi sốt ruột, thúc giục:

— Rồi sao nữa, anh kể tiếp đi!

Viễn chiêu một ngụm trà nóng, đôi mắt anh lờ đờ say thuốc, giọng đều đều:

— Sau này tìm hiểu ra, tớ mới biết mình mắc lừa bọn Nam Triều Tiên. Bọn này đúng là thâm độc và xỏ lá. Chúng nó lừa như thế này: hai mươi lăm thằng cõng hai mươi lăm thằng trùm áo mưa che kín đầu đi kích. Khi đến điểm, chúng đóng chốt ở đó và khi về thì chỉ có 25 thằng về, 25 thằng tiếp tục nằm kích. Ta yên chí chúng đã rút hết nên lẻn vào làng. Chúng chờ khi phía ta thu thuế xong rút lui, lọt vào ổ phục kích thì chúng bắn. Kể ra mạng tớ còn lớn, cả tiểu đội đều hy sinh tất, chỉ còn mình tớ.

— Còn anh Mẹo và túi bạc thì sao?

— Đúng ra anh Mẹo lúc đó chưa chết. Anh ta chỉ ngất đi thôi. Thời gian sau đó là đánh nhau liên miên, tớ bị điều đi hết đơn vị này sang đơn vị khác, rồi cũng chẳng ai nhớ đến chuyện ấy nữa. Mãi đến khi sống đời sinh viên, tớ mới có dịp nhớ đến người đồng chí xấu số đã hy sinh mà đi tìm hài cốt...

— Anh có về lại đúng chỗ ấy không?

— Tớ có hỏi dò và về đúng ngay chỗ ấy, bây giờ là vùng kinh tế mới. Cây cổ thụ đã bị đốn, chỉ còn sót lại tảng đá hình chóp nón không thể nhầm được. Tớ đã đào xới nát cả khu đất quanh tảng đá nhưng vô ích. Có lẽ do hệ thống kênh mương người ta đào quanh đó, nước ngầm lài cho túi bạc xê dịch vị trí.

— Còn hài cốt của anh Mẹo?

— Ả.. à...

Anh Viễn chưa trả lời ngay. Anh rít một bi thuốc lào nữa rồi nói:

— Lúc ấy vì nhiệm vụ chính trị, vì nhân dân, vì công tác Đảng, vì tập thể nên tớ đành phải làm thế để bảo mật. Cậu biết đấy, lúc ấy tớ là bộ đội, chẳng hề tha thiết gì đến tiền hoặc vàng bạc cả. Đời bộ đội sống nay chết mai, giữ tiền hoặc vàng trong người làm gì cho vướng víu, nặng túi. Hoặc giả nếu có ý giữ để gửi về gia đình ngoài Bắc thì lại càng ảo tưởng. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của ta lúc bấy giờ không hề có nhu cầu dùng vàng bạc. Nghĩ mà thương anh Mẹo, công tác chưa hoàn thành thì anh đã hy sinh... Ngày nay, không tìm được hài cốt của anh, tớ cảm thấy lương tâm vô cùng cắn rứt! Sắp tới, có lẽ tớ chuyển công tác ra Bắc, xây dựng gia đình rồi ở luôn ngoài ấy, không vào đây nữa. Đúng ra là không còn dịp để vào nữa. Tớ chỉ mong cậu nghĩ tình anh em họ mạc, nếu có dịp cậu lên vùng kinh tế mới Đất Sét mà tìm giúp hài cốt người bạn, tớ vô cùng mang ơn. Nếu duyên may cậu có tìm ra hộp vàng thì càng tốt, ấy là số cậu được của. Nếu tìm thấy hài cốt anh Mẹo, nhớ thư cho tớ biết nhé. Bây giờ tớ mệt mỏi lắm rồi, không còn đủ sức để lên đấy nữa...

Sáng hôm sau Viễn từ giã gia đình tôi, về Bắc. Bẵng đi từ đó đến nay, tôi không còn liên lạc với anh ta nữa.

Riêng về câu chuyện của anh, tôi bị ám ảnh rất nặng nề. Để kiểm chứng chuyện anh kể, tôi đã thân hành đi lên vùng kinh tế mới Đất Sét dò hỏi và được dân làng xác nhận rằng có một anh bộ đội, kỳ nghỉ hè nào cũng về làng đào xới tìm hài cốt người bạn. Tôi cũng dò hỏi về gia đình ông Lý Hớn, chủ nhà máy xay lúa, người Hoa thì dân làng cũng xác nhận là cả gia đình đã chết trong chiến tranh. Chết vì đạn của bên nào thì họ không biết. Như vậy là đã rõ. Tôi không ngờ một người bề ngoài trông thư sinh, nho nhã lại từng là một kẻ sát nhân ghê tởm. Những câu nói lập lờ, mờ ám của anh về cái chết của anh Mẹo khiến tôi ngờ rằng chính anh ta đã hạ sát người đồng chí của mình để giữ bí mật nơi chôn cất "kho tàng".

Suốt bốn năm trời công tác, học tập chung với anh, tôi đã có được một cảm quan nhạy bén về con người anh. Kinh nghiệm cho tôi biết rằng, mỗi khi sắp sửa làm điều gì bất nhân, bất nghĩa, anh luôn luôn mở đầu bằng câu: "Vì quyền lợi của tập thể, vì công tác Đảng, Đoàn, vì chủ nghĩa xã hội, vì tinh thần phục vụ nhân dân, chúng ta hãy..." Chính vì thế nên đến hôm rằm tháng bảy xá tội vong nhân, tôi đã viết một lá sớ, kể tiếp phần anh Viễn chưa kể như sau: "...Sau khi chôn giấu túi tiền và hộp vàng xong, quay lại thì tớ thấy anh Mẹo đang cầm khẩu K54 chĩa thẳng vào mặt tớ. Ả hoá ra thằng này muốn giết mình để đoạt hộp vàng. Nhanh như chớp, tớ lao đến đá văng khẩu súng ra khỏi tay hắn. Sẵn chiếc lê trên tay, tớ đâm túi bụi cho đến khi hắn chỉ còn là đống thịt bầy nhầy gớm ghiếc. Bỏ mặc hắn ở đó, tớ chuồn về hậu cứ dưới tiếng rít xé không gian của pháo 155 ly địch bắn hú họa...

Giờ đây, nếu muốn tìm hài cốt anh Mẹo, có lẽ ta phải đi tìm những bộ xương cọp để mai táng vì chắc chắn rằng tử thi của anh đã chui vào bụng cọp ngay đêm đó rồi!".

Tôi đã đọc và đốt lá sớ này với niềm tin rằng oan hồn anh Mẹo, tổ trưởng kinh tài Việt cộng sẽ được hả lòng hả dạ mà siêu thoát để đi đầu thai kiếp khác. □

Bên Lề Một Chuyến Đi

Nguyễn Thị Vinh

LTS.—Nhà văn Nguyễn Thị Vinh đã trở lại với sinh-hoạt văn-học sau một thời-gian đóng cửa sáng-tác. Sau khi đi một vòng Bắc Mỹ thăm-viếng cộng-đồng và văn-giới, bà đưa ra một tập bút ký, mà bài viết sau đây là một phần trong đó.

Tòa-soạn không hoàn-toàn đồng ý với tác-giả một số quan-niệm về lịch-sử và xã-hội cận-đại, hiện-đại. Tuy-nhiên, tôn-trọng lời phát-biểu của một nhà văn thuộc lớp trước, chúng tôi sẵn lòng dành cho bà một cơ-hội để trình-bày, cũng như sẵn lòng ghi-nhận ý-kiến của quí độc-giả.

Ở Montreal tôi được anh em trong tạp chí *Nắng Mới* đưa đến thăm nhà thờ Saint Joseph. Cha Saint Joseph suốt đời đã hy sinh vì đạo, cứu đời cho đến khi chết. Người đã hiển thánh, nhưng trái tim vẫn nguyên vẹn ở lại đời cho đến nay.

Chắp tay theo lối nhà Phật, tôi cúi đầu trước trái tim thiêng, chỉ bằng nắm tay, được đặt trong một cái hộp bằng kính. Trái tim bất động, nhưng tinh thần nhân ái của trái tim lại sống động làm bao trái tim của những người đến viếng lạy phải xao xuyến. Trái tim ấy lúc còn sống đã trải rộng tình thương yêu với lòng tha thứ cho bất kỳ ai lỡ sa vào tội ác. Lòng nhân ái đã khiến người mang trái tim ấy hiển thánh, dù thân xác mất đi rồi, trái tim vẫn còn đây.

Tôi đã gặp các bạn đọc và các bạn văn của tôi ở các nơi, Montreal, Toronto, Los Angeles, San Francisco, Seattle và Honolulu. Ở đâu và lúc nào tôi cũng được các bạn sẵn sàng tha thứ cho tôi những sơ sót trong tình anh chị em.

Thật đáng tiếc, không cách nào tôi kể hết ra được những điều tốt đẹp mà các bạn đã dành cho tôi, trong suốt thời gian hai tháng xa nhà. Trở lại Oslo, mùa đông muộn ở Na Uy, tuyết vẫn đang rơi vào đầu tháng tư, những khóm hoa Phục sinh màu vàng tươi rói vươn trên nền tuyết trắng. Sự thay đổi múi giờ khiến tôi cứ ngầy ngật ngủ ngày. Ngày ở Na Uy là đêm ở Mỹ và Canada, cách nhau chín tiếng đồng hồ. Tôi muốn viết thư riêng cho từng bạn một, nhưng trở về nhà là trở về đời sống hàng ngày, quay trong công việc bận rộn. Nên tôi viết bài này, thay cho lời cảm ơn tất cả, bạn đọc và các bạn văn cũ xa cách lâu năm, các bạn văn mới mà văn tài cùng sức sáng tác sung mãn đã làm tôi cảm mến, trong dịp này tôi đã may mắn gặp, dù chưa hết, thôi đành chờ dịp may khác vậy.

Xin cảm ơn tất cả các bạn ở những nơi tôi đến, đã lo lắng giúp đỡ cho tôi, từ nơi ăn chốn ở, cho đến đường đi nước bước,... Tôi đã được thăm viếng, nói chuyện và học hỏi với các bạn về văn học nghệ thuật, ở trong phòng hội, nơi nhà khách, quán cà phê, và cả trên vỉa hè, khi đi dạo phố. Tôi ghi nhận được nhiều ý nghĩ, lời nói, việc làm khác nhau của các bạn nhưng đều hướng về Việt Nam với tất cả tấm lòng thao thức. Ai cũng mong cho quê nhà sớm được yên vui, no ấm và tự do.

Ngược lại, tôi cũng đã hân hạnh được các bạn hỏi đến nhiều điều về tác phẩm và trách nhiệm của người cầm bút trước một hoàn cảnh lịch sử hết sức đặc biệt của đất nước ta. Cả trong lẫn ngoài nước không ai thật sự sung sướng. Trong nước, mất tự do và đói khổ ra sao, ai cũng đều biết rõ cả rồi. Ngoài này, phần đông giống tâm trạng một nhà văn Ba Lan đã viết khi ông rời khỏi Varsava, đại ý "hệt như cái thai rời xa lòng mẹ". Nếu lại phải sống xa mẹ, đứa trẻ ấy sẽ trở thành mồ côi.

Tôi cũng như các bạn, mười người đến chín người chỉ thích đi du học, hoặc đi du lịch, chẳng ai thích di cư hay di tản. Càng chẳng ai thích hai tiếng tị nạn. Có tai nạn phải đi tránh, chẳng lẽ là điều hạnh phúc hay sao? Có bạn hỏi, phải làm gì cho việc trở về? Và nhiều câu hỏi khác nhau từ mọi hướng, trong thời gian cấp bách, tôi chỉ trả lời được phần nào, những gì mình muốn trả lời. Nay xin tuần tự nói thêm cho được rõ ràng hơn. Tôi mong rằng những điều tôi nói, được các bạn coi như lời tâm sự, như thế chúng ta dễ thông cảm nhau hơn.

Nếu "đi một ngày đàng học một sàng khôn", tôi đã đi hai tháng, chặng đường nửa vòng trái đất, dẫu có tệ lắm cũng phải học được đôi điều tốt đẹp nào đó chứ. Thấy rõ nét nhất là cái "tình tự dân tộc". Các bạn hỏi thăm về người Việt mình sống ở Na Uy ra sao?

Khoảng mười ngàn người mình, phần lớn từ miền Nam vượt biển đến Na Uy, cái tên nghe thật xa lạ,

là một trong những nước thuộc vùng Bắc Âu, lạnh quanh năm, giờ đây lại là quê hương thứ hai của tôi. Nơi mà đời sống tinh thần và vật chất của mỗi người dân được xã hội bảo đảm, an dưỡng từ lúc còn nằm trong bụng mẹ; cho đến khi chết, thân nhân cũng không phải tự lo mua áo quan hay đất để chôn. Ở đây sự bình đẳng giữa người Việt mình và dân bản xứ khá cao. Chế độ quân chủ lập hiến này được cả nước (bốn triệu mốt dân) lựa chọn. Nhà vua được tôn kính, và rất xứng đáng được tôn kính. Bởi theo truyền thống, các vua Na Uy đều đi đến với dân, lắng nghe tiếng nói của dân một cách chân thành, không hề có "thủ đoạn chính trị". Một ông thủ tướng đi công du, mua về cho vợ một chiếc nhẫn làm quà, lỡ quên không khai thuế, sở thuế và báo chí làm ồn lên. Ông ta xin lỗi dân, rồi từ chức để người khác, đảng khác lên cầm quyền.

Tiếng Việt cũng như tiếng của các sắc dân khác đang cư ngụ ở Na Uy, đều được tôn trọng. Ngân sách giáo dục dành cho việc giảng dạy tiếng Việt bao gồm lương thầy cô giáo, khoá học và sách vở,v.v.. không hề bị thiếu thốn. Chương trình giáo dục cưỡng bách đến lớp 9, ngôn ngữ chính là tiếng Na Uy, người mình thường gọi là Nọc. Muốn học lên trên, học sinh hoặc được học bổng, hoặc phải mượn tiền. Nếu mượn tiền, sau khi tốt nghiệp và có việc làm mới phải trả dần hàng tháng.

Người Việt nào đến Na Uy cũng được cấp nhà ở, tiền ăn, tiền điện, tiền xe di chuyển đi học tiếng Na Uy. Riêng tiền quần áo mùa đông, tiền mua dụng cụ thể thao, tiền dọn nhà, mua các vật dụng trong nhà như sa-lông, ti-vi, tủ lạnh, tủ đông đá,v.v.. chỉ được cấp một lần khi mới tới. Còn tiền ăn, tiền nhà, điện, nước vẫn được cấp đều cho đến khi có việc làm mà không phải trả góp.

Hồi đầu thế kỷ này, Na Uy còn nghèo lắm, có thể nói là nghèo nhất Âu châu. Vậy mà ngày nay họ đứng ra phát giải Nobel Hoà Bình cho bất cứ ai, ở bất kỳ đâu trên thế giới, dám sống chết cho nền hoà bình của nhân loại. Như năm 1990, Na Uy đã phát giải Nobel Hoà Bình cho đức Đạt Lai Lạt Ma, nhân dân và chính phủ Na Uy đã bất chấp sự phản kháng của chính phủ Bắc Kinh. Nước Tàu lúc đó đang là một thị trường tốt đối với hàng hoá Na Uy. Uy thế của nước lớn họ không sợ. Mối lợi? Không cần. Sức mạnh của Na Uy là hoà bình, đạo Tin Lành là quốc giáo. Cũng có một số người theo đạo Phật.

Tự do, dân chủ, công ích và kỷ luật, là bốn yếu tính căn bản của nền văn hoá, chính trị của Na Uy.

Đa số người Việt ở Na Uy cũng thấm nhuần tư tưởng trên, nên các hội đoàn, tôn giáo cùng với hội

Người Việt tị nạn ngày một thắt chặt mối giao cảm, trao đổi quan điểm, kết hợp hành động, giúp cho uy tín của người Việt thêm mạnh mẽ, góp phần đấu tranh chấm dứt guồng máy độc tài tại quê nhà.

Sở dĩ tôi phải nói nhiều về cơ cấu tổ chức xã hội ở Na Uy, để hy vọng sẽ có độc giả trong nước hiểu thêm, ngoài chế độ tư bản và chế độ cộng sản ra, còn có chế độ xã hội nhân bản, tự do, thực hiện hữu hiệu cái thiên đàng mà người cộng sản hằng mơ ước.

Bên cạnh chính trị là văn học nghệ thuật. Rõ ràng văn học Na Uy là một khu vườn trăm hoa đua nở. Và như hoa, mỗi bông im lặng, chẳng hoa nào tự nói với người thưởng ngoạn rằng tôi thế này, thế nọ. Càng không có chuyện hoa nọ chê bai hoa kia.

Trở lại vấn đề văn nghệ của ta, gần bảy chục triệu đồng bào đang sống nghèo khổ, tự khắc biết mình cần thứ văn chương nào. Tôi nghĩ chẳng nên đặt vấn đề văn học trong nước hay ngoài nước, chỉ có một thứ văn học Việt Nam mà thôi. Bởi vì, các tác giả ở hải ngoại cũng như các tác giả ở trong nước, vẫn âm thầm làm việc và âm thầm cho ra đời những tác phẩm, chuyên chở tiếng nói của thời đại mình. Văn học, ở một khía cạnh nào đó, chính là sử học của đời sống mà chính trị chỉ là một phần. Việc tranh chấp giữa cũ, mới thời Tự Lực Văn Đoàn khác với sự tranh chấp cũ, mới ở trong nước. Và sự tranh chấp cũ, mới ở hải ngoại khác với hai thứ cũ, mới kể trên.

Một người sống ở Sài gòn không nghĩ và viết giống như người sống ở Hà Nội. Môi trường sống và thân phận từng người một trong cuộc sống đó, quyết định nội dung tác phẩm. Người đọc ở trong nước thích đọc các tác phẩm ở hải ngoại, phần vì hiếm, phần vì lạ. Hiếm vì khó lọt về quê nhà. Lạ vì những ý nghĩ khác. Cũng thế, sinh hoạt văn nghệ, báo chí hải ngoại hết sức chú ý đến các tác giả và tác phẩm ở trong nước.

Đánh giá một tác phẩm chỉ căn cứ vào sự tò mò, chú ý của đám đông, không phải là điều đúng nhất.

Hiện tình đất nước sau 1975, nhất là lúc này, độc giả trong nước thích đọc các tác phẩm tái bản của văn học miền Nam mà trước đó bị cấm đoán, hủy diệt. Ngoài Bắc đọc nhiều hơn trong Nam. Những rừng sách, biển báo chí hiện thực xã hội chủ nghĩa từ 1978 trở về trước, không hoặc rất ít độc giả.

Mai này, văn học hải ngoại nếu muốn phân chia, sẽ nhiều độc giả hơn văn học trong nước. Điều rất dễ hiểu, ở nơi nào mà tai mắt không bị bưng bít, trong không gian thoáng rộng của tư tưởng, người cầm bút nghe và thấy được nhiều điều xấu, tốt, để làm nền tảng cho tác phẩm của mình. Nhưng trong lúc này, một số sinh lực đang bị tán mỏng ra, rắc vào các chuyện phê phán hơn là sáng tác và khuyến khích sáng tác. Sao ở hải ngoại, hội Văn Bút, hội Văn nghệ sĩ Tự do,v.v.. không đề ra giải văn học nghệ thuật để hàng năm trao giải cho các tác phẩm tiêu biểu? Ở ngoài này không ít các nhà văn, nhà thơ, đa số còn rất trẻ, mỗi người đã tự chọn cho mình hướng sáng tác nghệ thuật, nhân bản, đầy nhiệt tình và sắc bén. Chẳng lẽ "bụt chùa nhà không thiêng"? Chẳng lẽ cứ mải lo, để mất thì giờ bàn cãi về các tác giả trong nước? Hay chỉ lưu ý đến một tác giả đang bị bức bách và đón nhận tác phẩm của họ, để bày tỏ lòng ngưỡng mộ trước sĩ khí của một nhà văn? Điều ấy đẹp, nhưng cho rằng các tác phẩm trong tình huống đó đương nhiên có giá trị nghệ thuật, quả là điều kỳ lạ. Chúng ta hãy xem, từ cái nhìn của người cùng trong đảng cộng sản, Bùi Tín viết *Hoa xuyên tuyết* thật hơn Dương Thu Hương viết *Tiểu thuyết vô đề*. Bùi Tín viết *"Tôi xin trích một câu của Trần Dân Tiên viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, nghĩa là một người viết về chính mình. — 'Chủ tịch HCM không muốn nhắc lại thân thế của mình (trang 7 Những Mẩu Chuyện Về Đời Hoạt Động của Hồ Chủ Tịch, nhà xuất bản Sự Thật, in lần 2.2.1976). Vậy đây là ai, đang nhắc lại thân thế của ai? Tự viết ra để tự khen mình, thì có điều gì đó không đẹp, không hay và có thể nói là đã vô tình tự hạ thấp mình vậy".*

Cũng thế, ngay trong phần mở đầu bài "Tự bạch" về *Tiểu thuyết vô đề*, Dương Thu Hương đã nhấn mạnh một trong hai lý do *"Tôi dụng tâm viết cuốn sách này cho tất cả những ai thuộc nòi giống Việt. Nếu trong nước tôi bị treo bút thì tôi sẽ in cho người Việt ở hải ngoại đọc. Thà ít còn hơn không"*. Trong khi Hữu Loan cũng ở trong nước cho in *Thiên đường máu* ở ngoài này, ông không cần nói "cho tất cả những ai thuộc nòi giống Việt". Trớ trêu thay, người nào thuộc nòi giống Việt lại không nói như thế! Và nhà văn thuộc nòi giống Việt không ai phải viết tự bạch cho tác phẩm của mình! Bởi vì, nội dung tác phẩm tự nói lên trình độ nhận thức, khả năng viết, và có hay không tấm lòng của tác giả đối với "tất cả những ai thuộc nòi giống Việt". *Tiểu thuyết vô đề* đầy rẫy những vấn đề, tự nó làm hỏng đi những mơ ước tốt đẹp ban đầu của Dương Thu Hương.

Nhà văn, nhà thơ kêu gọi bạn đọc, kêu gọi đồng bào trong và ngoài nước: Hãy chấm dứt càng sớm càng tốt tội ác và lòng thù hận từ hai phía quốc cộng. Kêu gọi xóa bỏ hận thù và hoà giải hòa hợp dân tộc.

Tất cả những điều trên không một người Việt yêu nước nào lại không muốn. Nhưng hầu như một số văn nghệ sĩ và phần lớn những nhà làm chính trị chỉ nêu lên mục đích mà không tìm ra được cách hướng đến mục đích. Phải chăng chúng ta chỉ quen bảo nhau làm gì, mà không hề nghĩ đến chuyện bảo nhau phải làm như thế nào?

Hận thù ai bây giờ? Súng Nga, súng Mỹ và súng Tàu đã đặt vào tay người Việt, để người Việt giết nhau. Nhân danh học thuyết, chủ

nghĩa. Sau đó là cơn say máu cuồng loạn, cộng với lòng thù hận, khi người thân ruột thịt, bè bạn bị thương tật, chết chóc. Người Việt càng tắm máu nhau dưới nhiều hình thức.

Trong điều kiện đó, tiếng kêu trầm thống nhắc nhở Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Việt Nam Cộng hoà hãy thu tay súng về, xắn tay áo, hàn gắn vết thương của đất nước, nếu thế còn có lý. Gần đây, một số người chủ trương khởi đầu bằng cách hoà hợp hoà giải, giao lưu văn hoá. Tôi nghĩ rằng những người theo hoặc chống chủ thuyết đó, chẳng ai mong chờ một lợi ích riêng cho mình. Tất cả chỉ vì lòng yêu nước, nhưng cách yêu nước khác nhau. Thật bất hạnh thay, trên thực tế họ lại dễ trở thành kẻ thù của nhau. Vấn đề hoà hợp không phải là xấu, nhưng đặt ra với ai trong lúc này? Phía Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam độc đảng lãnh đạo, cho đến nay vẫn với một quan niệm nóng hổi "Không có dân chủ siêu giai cấp, bao giờ cũng là hình thức thống trị của giai cấp. Chỉ có dân chủ tư sản, dân chủ vô sản, chứ không có dân chủ chung chung cho mọi người không phân biệt giai cấp".

Thật rõ ràng, khi Đào Duy Tùng ủy viên Bộ Chính Trị, đã giải thích về cương lĩnh của Đại hội VII: "Nhà nước phải thực hiện đường lối, chính sách của một giai cấp, chịu sự lãnh đạo của một giai cấp và người đại diện cho giai cấp ấy là chính đảng của nó". Chúng ta không có cách hiểu nào khác ngoài cách này: cứ khoảng 35 người dân chịu sự thống trị của 1 đảng viên, 68 triệu người chịu sự thống trị của 2 triệu đảng viên. Hai triệu đảng viên chịu sự thống trị của một tổng bí thư Đảng. Dân chủ vô sản là như thế đó, các bạn nghĩ sao?

Nếu chúng ta kêu gọi tất cả đồng bào ở hải ngoại, cùng với 68 triệu người Việt ở trong nước: Hãy xóa bỏ hận thù, hoà hợp với 2 triệu đảng viên đang nắm công an, quân đội để củng cố quyền lực của đảng CSVN thì 68 triệu nạn nhân kia sẽ ra sao?

Tôi cũng như các bạn, đã từng thấy sự bội phản của CS ra sao rồi. Khi cần thì hoà đàm, hoà giải, nhưng sau khi đã củng cố được nội bộ thì đến hội nghị Ba lê cũng xóa bỏ như không. Đối với CS chúng ta đừng nên nhìn vào một vài điều "cởi mở" hiện tại mà bỏ qua đi cái cốt lõi của chủ thuyết CS.

Điều kinh khủng nhất, suốt mấy chục năm qua, CS chủ trương cai trị dân bằng sự sợ hãi, và buộc dân phải vâng lời, sức đề kháng của cả một dân tộc yêu tự do bị tê liệt. Một chứng minh gần đây nhất, do chính người CS Bùi Tín tiết lộ. Khi Bùi Tín hỏi Võ Nguyên Giáp: "Sao ông không can thiệp để đòi công bằng cho những người làm việc dưới quyền ông bị oan ức kéo dài, bị giam tù, bị mất tự do, thiệt thòi hàng chục năm?". Võ Nguyên Giáp đã trả lời: "Không thể làm gì nổi trong cái cơ chế kỳ lạ này, khi ngành tổ chức, ngành an ninh là chúa tể, lộng hành. Nếu không cẩn thận thì tất cả còn bị trù nặng nề và kéo dài hơn nữa, và... bản thân cũng bị tai họa như chơi".

"Cái cơ chế kỳ lạ" mà "tổ chức an ninh là chúa tể" lại chính là linh hồn của đảng CS. Đó mới là cốt lõi của vấn đề. Ngày nào chúng ta chưa tháo gỡ được cái cốt lõi đó thì những "giao lưu, xóa bỏ hận thù, tha thứ, đại đoàn kết dân tộc" chỉ là một trò chơi chữ nghĩa, nhưng sẽ giết hại thật nhiều người.

Để góp phần tháo gỡ cái "cơ chế kỳ lạ" gieo tai họa cho cả một dân tộc, tôi thiết nghĩ chỉ nên xóa bỏ hận thù trong điều kiện dân chủ, đa đảng và bầu cử tự do. Không một giai cấp nào được phép tự cho mình cái quyền độc tôn lãnh đạo.

Văn học cần làm sáng tỏ điều kể trên. Trong chuyến đi vừa qua, nhiều bạn đã đặt vấn đề với tôi về việc hình thành những cơ cấu sinh hoạt văn học mạnh mẽ, được tổ chức kiểu Tự Lực Văn Đoàn. Có bạn còn hỏi tôi: "Nghe nói Tự Lực Văn Đoàn sẽ hoạt động trở lại?". Tôi thấy không cần thiết làm sống lại vai trò Tự Lực Văn Đoàn. Dù cách đây nửa thế kỷ, Tự Lực Văn Đoàn đã có công làm trong sáng tiếng Việt, thời còn chữ Nho và chữ Pháp, nhất là chữ Pháp được trọng dụng. Ngôi nhà Ánh Sáng biểu tượng cho phong trào bỏ cũ theo mới... Nhưng ngày nay lịch sử đấu tranh và văn học đòi hỏi trách nhiệm nơi những người cầm bút của thời này. Phải đổi mới từ "tư duy" đến "cơ chế".

Bên cạnh đó, nhiều bạn khác hỏi tôi về "vụ án" *Tiểu thuyết vô đề*. Tôi nghĩ đây không phải là vụ án văn chương, nhưng nó khiến những người làm văn chương phải suy nghĩ.

Phần tôi, giả dụ có không thích lòng nhiệt tình của Thụy Khuê, khi chị đề tựa và tìm cách cho in tác phẩm này, tôi cũng vẫn yêu Thụy Khuê qua câu nói: "Dù sao chăng nữa, đây cũng là một dịp đối thoại. 'Khôn không qua lẽ, khoẻ chẳng qua lời'. Biết vậy mà lẽ độ trí thức và cái chừng mực của con người, vẫn không cho phép tôi đẩy lời lẽ đến cùng".

Lòng nhiệt tình của Thụy Khuê dành cho Dương Thu Hương hết sức hiếm có (viết tựa trong 5 ngày 22-27.4.91). Thực hiện chương trình phát thanh về Dương Thu Hương trên RFI dài 24 phút, viết hai bài về đề tài Dương Thu Hương trên *Thông Luận*... mà cuối cùng, chính Thụy Khuê phải hỏi lại: "Ngày nay thẩm định lại. Thử hỏi việc xuất bản ấy có hại hay có lợi cho tác phẩm?"

Có dư luận cho rằng "Dương Thu Hương và Thụy Khuê là những kẻ đồng hành đi giữa hai lằn đạn". Vâng, nếu có hai lằn đạn thì bên nào dùng đạn đại bác, bên nào dùng đạn súng lục? Nhưng tiếng súng nào cũng không át được tiếng kêu rên của 68 triệu người sống lầm than.

Nhà văn trong và ngoài nước cùng kêu lên những tiếng dân kêu. Nhưng nhà văn ở hải ngoại kêu thì một số dư luận lại cho là quá khích.

Trong khi đó nhà văn ở trong nước lại được gọi là phản kháng. Rồi dư luận lại đặt thành vấn đề, và câu hỏi: Phản kháng thật hay giả? Theo tôi, phần động họ phản kháng thực, bởi lòng yêu nước và chính bản thân bị chà đạp. Một số khác thì a dua, muốn được độc giả chú ý. Nhưng cũng không thiếu những người tham dự trò chơi tung hứng của nhà cầm quyền.

Nền văn hoá Mác-xít được áp đặt vào miền Bắc nhiều năm đã ảnh hưởng đến tinh thần của phần đông người cầm bút ở trong nước. Nay họ muốn thoát ra bằng lời nói, bằng tác phẩm để mong vượt ra khỏi "vạch phấn" chuyên chính của đảng. Nhưng không phải lúc nào họ cũng tự thắng nổi chính họ và do mất sức đề kháng lâu ngày, không phải ai cũng muốn vượt ra khỏi cái cơ chế kỳ lạ đó. Bằng chứng là khi nhà nước "cởi trói", sự phản kháng gần như trở thành cao trào. Sau đó, nhà nước trói lại, đa số văn nghệ sĩ lại tắt tiếng kêu trên mặt báo chí và sách vở công khai. Thời "cởi mở" họ lên án nặng nề các viên chức của chế độ, đả kích cả Bộ Chính Trị. Nhưng thật hiếm hoi trong việc công khai, dứt khoát đòi chấm dứt tận gốc, thảm kích của đất nước là chủ nghĩa cộng sản. Phần khác, tận đáy lòng họ, mấy ai đã dám nhìn nhận rằng trong quá khứ mình đã tích cực phụng sự cho sai lầm và tội ác. Nên phần đông chỉ muốn làm một cuộc cách mạng trong một cuộc cách mạng, nghĩa là làm tốt việc thực thi chủ nghĩa xã hội. Tất cả chỉ là cuộc xử lý nội bộ gay gắt mà trong đó nhà văn và nhà nước đều nhân danh vì nhân dân. Nhà nước đổ tội cho đế quốc phá hoại. Nhà văn quy trách nhiệm cho nhà nước đã phản bội cách mạng. Cả hai đều không dám nhìn nhận rằng: Cách mạng ở nước ta, nếu có, chính là cuộc đấu tranh lớn của toàn dân chống ngoại xâm, không hề có thứ cách mạng nào gọi là tư sản hay vô sản cả. Nói tóm lại, phần đông họ vẫn tin tưởng và hy vọng vào chủ nghĩa Mác-Lê nin.

Nhưng chính cái hệ thống giáo điều đã tạo thành thứ tôn giáo chính trị đầy mê tín mà trong đó người ta sống bằng mặc cảm, vừa tự ti vừa tự tôn.

Chỉ bao giờ được sống trong bầu không khí tự do tư tưởng mới có khả năng nối kết sợi dây giao cảm dân tộc. Trường hợp của Thụy Khuê và Dương Thu Hương là một điển hình. Không khen và trách ai cả. Nhưng rõ ràng Thụy Khuê nhiệt

bài thơ trong tưởng tượng

Căn phòng nhỏ như lòng ta mong ước
Một chiếc bàn, đôi ghế đệm đơn sơ
Chiếc tủ lạnh, nệm, giường ta có được
Sao nằm đây, ta chỉ thấy bơ vơ...

Ta đến đây, từ lâu, trong nỗi nhớ
Một quê hương rời rã những đêm dài
Một đất nước sao vô cùng khiếp sợ,
Để bây giờ ta khắc khoải vì ai?

Ôi, ta nhớ những con đường lặng mát,
Lá me bay trên lối nhỏ huê tình,
Đời tươi trẻ như cỏ xanh thơm ngát,
Và yêu em, màu áo lụa nữ sinh.

Những sông vắng, những nương chiều khói tỏa,
Cánh diều cao nâng mộng ước thanh bình.
Đêm trăng sáng, khắp thôn làng êm ả,
Tiếng ai hò thao thức một dòng kinh.

Đời là bóng ngày xanh bên giếng ngọt,
Những hoa chanh hoa bưởi ngát hương quê
Giấc ngủ vườn trưa, hoa cười, chim hót,
Gốc đa xưa vàng ngọt ánh trăng thề...

Ta sung sướng với Sài gòn thuở trước,
Khắp phố phường rộn rã tiếng hoan ca,
Chẳng tranh đấu cũng tha hồ có được
Tự do vui, hạnh phúc khắp muôn nhà.

Trong tuyến lửa, phải giữ từng tấc đất
Giữa trái tim còn ấm một quê hương
Nhưng, một phút ngỡ ngàng, ta bỗng mất
Trắng đôi tay, đời phiêu bạc cuối đường.

Chỉ còn lại một con tàu vượt sóng
Mái đầu xanh thoáng chốc đã hoa râm
Ta đến đây, một căn phòng cửa đóng
Đốt hờn căm nuôi lửa cháy âm thầm...

Căn phòng nhỏ của lòng ta mong ước
Ơi căn phòng thấp thoáng một trời sao.
Cơn gió lạnh vô tình, ta chợt thức,
Mở mắt nhìn, ta chỉ thấy... longhouse!

nguyễn huy phước

tình, Dương Thu Hương ngờ vực. Thụy Khuê viết: "Trách nhiệm và thương tổn, tôi nhận. Nếu tôi có sai lầm trong nhiệt tình thì tôi đã được trả giá đúng mức".

Không, chẳng có sai lầm chi cả, bởi chính Dương Thu Hương trong phần kết bản tường trình với chi bộ đảng xưởng Phim Truyện I, đã nhấn mạnh: "...cái tội lớn nhất mà những người lương thiện thường hay mắc: đó là tội nhẹ dạ và cả tin".

Bùi Bích Hà, thật thú vị, đã viết trong *Thư gửi Dương Thu Hương*, cái cốt lõi của vấn đề: "Ở lại với chế độ mười một năm, tôi hiểu rằng hậu quả độc hại nhất do chính sách gây ra là ý thức phòng thủ triệt để nơi mỗi cá nhân, dẫn đưa tới ngờ vực và đối trá, là nhu cầu tồn tại quá cam go khiến người ta có khuynh hướng loại bỏ người khác mà quên rằng chỉ có hợp quần mới làm nên sức mạnh".

Ai chưa từng biết thế nào là sự sợ hãi trước một chế độ mạnh, không vì chính nghĩa mà vì ba trăm ngàn công an, sẽ không hình dung ra được bối cảnh tinh thần mà những người cầm bút trong nước đang phải chịu.

Qua bài tạp nghi này, như đã thưa trước, tôi không viết du ký mà chỉ muốn trình bày thêm những điều tôi đã trình bày với các bạn đọc và bạn văn, nhân dịp tôi ra mắt *Thơ Hoa Sen* của Nguyễn Hữu Nhật. Xin cảm ơn tạp chí *Nắng Mới*, Văn bút Việt Nam Hải Ngoại, Văn bút Ontario, tạp chí *Làng Văn*, tạp chí *Thế kỷ 21*, nhật báo *Người Việt*, nhật báo *Việt Nam Mới*, tạp chí *Phụ nữ Diễn đàn*, hội Văn Nghệ Sĩ Tự Do và tạp chí *Pháp Duyên*, đã bảo trợ tinh thần, tổ chức các buổi nói chuyện của tôi và ra mắt *Thơ Hoa Sen*.

Đôi điều cần nói rõ: tạp chí *Thế kỷ 21* số 36, tháng 4.92, đăng: "...Một cán bộ hỏi Nhật Tiến về liên hệ với tên văn sĩ phản động Nguyễn Thị Vinh...". Đúng ra, người cán bộ CS đã hỏi Nhật Tiến về "tên văn sĩ phản động Nhất Linh Nguyễn Tường Tam". Và tạp chí *Phụ nữ Diễn đàn* số 99, tháng 4.92 trong bài *Nghe An Nguyễn Kiều Mỹ Duyên đối thoại với Nguyễn Thị Vinh*, có đoạn: "...có VC thì không có ta, hoặc là ta sống thì nó chết, hoặc ta chết nó sống... Chị (NTV) rất thù hận hai tiếng hoà hợp hoà giải với VC". Đúng ra, chữ "ta" và chữ "nó" không phải là của tôi. Chữ "thù hận" cũng vậy, tôi không dùng. Còn nội dung của bài báo, An Nguyễn Kiều Mỹ Duyên ghi rất trung thực.

Tôi chỉ phân tích: Ai hoà hợp hoà giải? Hoà hợp hoà giải với ai? Người dân Việt trong và ngoài nước không ai thù hận ai cả. Nếu có, phần đông người ta thù hận chính quyền Hà Nội và bất mãn chính quyền Sài gòn. Trừ những người cuồng tín, còn toàn dân Việt Nam chỉ thù hận chủ nghĩa Stalin và Mao. Muốn dẹp bỏ hai thứ chủ nghĩa trên, phải chăng là điều quá khích? Cộng tác với những người chủ trương duy trì hai thứ chủ nghĩa trên, phải chăng là xóa bỏ hận thù?

Trước những luận cứ chắc nịch, kiểu "Dù rằng không mang tên nhà nước chuyên chính vô sản, nhưng nhà nước Xã hội Chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng, thực chất vẫn mang bản chất của chuyên chính vô sản", người cầm bút trong và ngoài nước nghĩ gì?

Giai cấp vô sản ở Việt Nam, thực tế, sống đau khổ lầm than. Chỉ có một giai cấp duy nhất được sung sướng: đó là giai cấp cầm quyền thống trị, nhân danh giai cấp vô sản.

Rất cần thiết chuyện đồng bào cả nước bắt tay nhau, các nhà văn và giới trí thức trong ngoài nước bắt tay nhau, để tháo gỡ tận gốc cái cơ chế mà chính Võ Nguyên Giáp, người góp phần tích cực xây dựng ra nó cũng còn sợ hãi. Giao lưu văn hoá, trước hết là giao lưu tư tưởng, không phải chỉ một hình thức trao đổi sách vở và báo chí, nếu trong nước không có tự do tư tưởng. Nhà cầm quyền CS chỉ cho in lại những tác phẩm cũ, loại tình cảm, xã hội. Ngoài này lại in các tác phẩm nhuốm màu sắc chính trị khuynh tả. Hiện tượng có vẻ giao lưu, hợp lưu nhưng bản chất không thế. Tiếng nói hiện giờ, ngay lúc này ở đây phải là tiếng nói chống độc tài trước đã. Người đọc kỳ vọng nơi những tác phẩm mới, về các vấn đề bức thiết sống còn của đất nước.

Ngay đến *Hoa xuyên tuyết* của đảng viên, đại tá, phó tổng biên tập báo *Nhân dân*, cơ quan ngôn luận chính thức của đảng CS, còn chỉ được phổ biến ở ngoài này.

Nhà văn chân chính, theo tôi, phải thấy được cái sai lầm của nhiều phía, khiến dân tộc chịu thảm nạn chung. Trước hết là những sai lầm nghiêm trọng của mỗi người cầm bút trong quá khứ và hiện nay. Luận điệu "tham gia chống Mỹ cứu nước theo truyền thống của người Việt" sẽ dẫn đến bế tắc trước câu hỏi "Thế chống Nga, chống Tàu không phải là truyền thống của người Việt sao?" Xin chớ sa lầy mãi trong sự ngụy biện. Hãy vui lòng nhìn cho rõ: Đâu là chính trường? Mạc Tư Khoa, Hoa Thịnh Đốn, Bắc Kinh!... Đâu là chiến trường? Việt Nam! Một người còn nặng đầu óc phân biệt cỡ Dương Thu Hương: "...tôi không từ bỏ đội ngũ những người cộng sản để chạy sang hàng ngũ những người chống cộng" khó có thể thuyết phục ai tin rằng bà vì nòi giống Việt mà viết *Tiểu thuyết vô đề*.

Chỉ khi nào vô hiệu hoá mọi nguồn cội của sự độc tài xong, chúng ta mới đặt vấn đề tha thứ cho những kẻ chuyên chủ trương gây chia rẽ, hận thù dân tộc. Chúng ta mới dắt nhau ra khỏi chốn thảm họa "nồi da xáo thịt" để sớm đi đến cõi hạnh phúc "người trong một nước phải thương nhau cùng". □

500 Năm Khám-Phá Mỹ-Châu

Nguyễn Ngọc Ngạn

Thuở nhỏ đi học, thường nghe thầy giảng: Năm 1492, ông Columbus (Kha Luân Bố) vượt biển tìm ra Mỹ châu. Lúc ấy là đời vua Lê Thánh Tôn bên nước ta. Lớn lên một chút nữa, lại được biết: người Tây phương đầu tiên đến Việt Nam là người Bồ Đào Nha vào khoảng năm 1533, đời Lê mạt, vua Lê Trang Tôn đã rút về đóng đô ở Thanh Hoá, còn toàn đất Bắc nằm trong tay nhà Mạc, đã truyền đến đời thứ hai là Mạc Đăng Doanh.

Những bài học lịch sử xa xôi ấy, học trò thường chỉ nghe qua rồi bỏ, vì nó chẳng liên hệ gì đến xứ sở mình, chẳng biết Mỹ châu nằm ở đâu và cũng không hình dung nổi Bồ Đào Nha là nước nào trên trái đất. Không ngờ ngày nay, do sự đẩy đưa của thời thế, cả triệu người Việt lưu lạc sang tận tân thế giới, mảnh đất mà Columbus cách đây đúng 500 năm đã vô tình phát hiện trong chuyến hải hành nhắm hướng Ấn Độ. Riêng tôi, vào tháng 5 năm 90 vừa qua, còn có cơ may ghé thăm Bồ Đào Nha nhân dịp đi dự đại hội Văn bút Thế giới tổ chức trên hòn đảo Madeira, nơi Columbus đã từng tạm cư, lấy vợ, sinh con và thực tập kỹ thuật đi biển trước khi ông ra khơi để trở thành bất tử.

Ở thủ đô Lisbon cũng như ngay trên đảo Madeira, tôi cố gắng dành ra một ít thì giờ thăm viếng các bảo tàng viện, đọc vội một số sách báo viết về hàng hải, vốn là niềm hãnh diện lớn lao nhất mà người Bồ không lúc nào quên nhắc tới. Họ hãnh diện là phải, bởi chính họ là dân tộc đầu tiên đã chinh phục đại dương, đã truyền đạt phương thức đi biển cho các quốc gia khác noi theo, làm thay đổi hẳn bộ mặt thế giới từ giữa thế kỷ 15.

Chuyến đi của Columbus là một sự kiện quá lớn. Càng gần đến ngày kỷ niệm 500 năm khám phá Mỹ châu (1992), các nhà sưu tầm Bồ

Đào Nha càng ra sức bổ túc sử liệu, tìm tòi những chi tiết nhỏ bé liên quan đến cuộc sống cũng như sự nghiệp của ông mà họ cho rằng ban tổ chức đại lễ kỷ niệm năm 1892 đã thiếu sót.

Ngồi ở bao-lơn khách sạn lưng chừng núi, ngó xuống đại dương sâu hút và mênh mông phía dưới, tôi đọc tờ tạp chí Islenha, có phần dịch Anh ngữ, đôi khi chợt buồn cười nhớ đến câu tục ngữ *"thấy sang bắt quàng làm họ"* của cha ông mình. Nhiều thành phố ở Bồ Đào Nha giờ đây đang cố chứng minh Columbus đã từng cư ngụ tại địa phương họ thuở hàn vi. Trên phạm vi lớn hơn, cả ba nước Ý, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đều muốn giành vinh quang về phần mình bởi trong thực tế, Columbus có liên hệ đến cả ba quốc gia đó: ông sinh tại Ý, sống tại Bồ Đào Nha và đi tìm Mỹ châu dưới cờ hiệu Tây Ban Nha. Chính vì vậy, đời sau có người chê ông là "vô tổ quốc".

Nhìn vào bản đồ Âu châu, phía tây nam, chúng ta thấy Bồ Đào Nha (Portugal) chỉ là một giải đất nhỏ bé nằm khép nép bên cạnh Tây Ban Nha, tương tự như Việt Nam tiếp giáp Trung Hoa. Người ta có cảm tưởng Bồ lúc nào cũng sẵn sàng bị Tây Ban Nha lấn chiếm hoặc đẩy xuống Đại Tây Dương. Cả nước Bồ chỉ lớn bằng một phần ba Việt Nam mà đất đai lại gập ghềnh núi đá cheo leo, tài nguyên khan hiếm. Bồ chỉ có khoảng 10 triệu dân, tương đương với dân số thành phố Nữu Ước bây giờ. Trong lịch sử thế giới, Bồ Đào Nha chỉ mới có mặt từ khoảng thế kỷ 11. Sang thế kỷ 12 thì thành một nước độc lập, nhưng qua thế kỷ 13 lại bị giống dân Moors tức là người Morocco ở phía bắc Phi châu (nằm ngay phía dưới nước Bồ) tấn công lên trong cuộc thánh chiến Hồi giáo (Crusades) chiếm mất một phần lãnh thổ. Dân Bồ chiến đấu dũng cảm, dần dần đuổi được ngoại xâm. Năm 1387, vua John đệ nhất (King Joao I) thiết lập triều đại Avis, thủ đô đặt tại Lisbon. Khi thái tử Henry kế vị, ông đã đưa Bồ Đào Nha lên một địa vị nổi bật.

Cai trị một quốc gia nhỏ, thường xuyên chịu sức ép của láng giềng, vua Henry đã ấp ủ hoài bão mở rộng địa giới đến những miền xa xôi chưa ai đặt chân tới. Ông khuyến khích, tài trợ dân Bồ ra khơi chinh phục đại dương, mở đường cho các cuộc thám hiểm bằng đường thủy của nhân loại sau này. Chính vì thế, ông được mệnh danh là "Prince Henry the Navigator" (1394-1460). Ngay từ 1415, khi biển cả còn là một bí hiểm hãi hùng đối với nhân loại thì người Bồ đã dám đi dọc theo bờ phía tây Đại Tây Dương, lần xuống các nước Phi châu và dừng chân ở Ceuta, Morocco rồi cứ thế tiến sâu mãi xuống cực nam. Vua John II kế vị, đẩy mạnh thêm công cuộc thám hiểm, khám phá Congo và Angola. Rồi Bartolomeu Dias đưa đoàn thuyền từ đỉnh xuống tận cùng châu Phi, gặp mũi Hảo Vọng (Cape of Good Hope) cực kỳ sóng gió mà ông đặt tên là Cape of Storms. Tất cả những chuyến đi ấy chỉ là học hỏi và thực tập, bởi mơ ước của triều đình Bồ cũng như các nước Âu châu thời bấy giờ là muốn qua hẳn Á châu, khám phá Ấn Độ huyền bí mà họ tin rằng sẽ trao đổi được nhiều thổ sản giá trị. Giấc mộng ấy đã giục giã bao nhiêu thanh niên Âu châu lên đường mà cái đích nhắm tới là miền Viễn Đông thường được gọi chung là Ấn Độ (The Indies).

Năm 1497, một thanh niên Bồ Đào Nha 29 tuổi, Vasco de Gama, khởi hành từ thủ đô Lisbon, thực hiện chuyến đi lịch sử được coi là vĩ đại nhất từ trước đến giờ: ông vượt mũi Hảo Vọng và thực sự đặt chân đến Ấn sau 10 tháng mò mẫm trên biển cả, mở ra kỷ nguyên giao thương Âu Á cho nhân loại. Ông trình ủy nhiệm thư của vua Manuel I và đề nghị hiệp ước giao thương với Ấn. Từ đó ông trở thành nhà hàng hải được Bồ Đào Nha kính trọng nhất trong lịch sử nước này. Mà quả thực công trình của Vasco de Gama vĩ đại thật, bởi khi đã tìm ra được thủy lộ từ Bồ sang Ấn, thì việc liên lạc với các nước Á châu khác như Nhật Bản, Trung Hoa, Phi Luật Tân, Nam Dương, Mã Lai, Việt Nam.v.v.. không còn là nan giải nữa. Chính từ Macao và Nhật Bản, các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha tiên khởi đã đến giảng đạo tại nước ta. Họ đã góp công trong việc hệ thống hoá Việt ngữ để trở thành quốc ngữ cho cả nước sử dụng ngày nay. Hai cuốn tự điển đầu tiên ở Việt Nam là cuốn tự điển Việt-Bồ do linh mục Gaspar d'Amaral biên soạn, và cuốn tự điển Bồ-Việt do linh mục Antonio Barbosa sưu tầm, rồi mới đến cuốn tự điển La-Bồ-Việt của giáo sĩ Alexandre de Rhodes và cuốn giáo lý viết bằng hai thứ tiếng Việt, Bồ. Hai cuốn trước chỉ là bản chép tay. Hai cuốn sau được in tại Rome năm 1651 và còn lưu giữ đến nay.

Có lẽ người Việt đầu tiên sang du học rồi mất tại thủ đô Lisbon là linh mục Bỉnh. Ông đến Bồ Đào Nha năm 1796 (đời vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản, con vua Quang Trung). Ông là tác giả của hơn 20 cuốn sách viết bằng tiếng La-tinh, Bồ Đào Nha, chữ Nôm và Quốc ngữ, trong đó có tập thơ chép tay khoảng 1000 trang *Truyện nước An Nam đàng ngoài chí đàng trong*. Tất cả hiện còn được lưu giữ tại bảo tàng viện Lisbon.

Như đã nói ở trên, các nước Âu châu đều khao khát đặt chân đến miền Viễn Đông và ông Vasco de Gama là người đầu tiên làm được việc ấy. Nhưng lịch sử ngày nay lại không nhắc nhiều đến Vasco de Gama mà dành mọi vinh quang cho Columbus bởi chuyến đi lạc đường của ông đã khám phá ra châu Mỹ, mới thật sự làm thay đổi thế giới.

Christopher Columbus sinh năm 1451 tại Genoa, một hải cảng quan trọng phía trung bắc nước Ý. Vùng đất này có một lịch sử ba chìm bảy nổi bởi vị trí địa lý của nó mang tính cách chiến lược, Pháp và Áo đều đã đổ máu tranh giành. Napoleon chiếm giữ vùng này từ năm 1797,

mãi đến 1815 mới lại trở về với Ý. Vào thời Columbus, Genoa là một xứ nhỏ theo chế độ chính trị tân tiến, không có vua mà chỉ có những người có thế lực do dân chúng bầu lên gọi là "Doge" để cai trị họ. Quãng đời niên thiếu của Columbus không có gì đáng nói. Xuất thân từ một gia đình tầm thường, chuyên nghề xén lông cừu để dệt len, Columbus không được học hành nhiều, chỉ nối nghiệp cha, phụ giúp gia đình kiếm ăn. Nhưng ông không chịu an phận mà nuôi một tham vọng khác thường, thúc giục ông thoát ly để vươn lên. Từ Genoa, Columbus thường xuyên qua lại Bồ Đào Nha, cho đến năm 25 tuổi thì ông dọn hẳn sang, sống quanh quẩn tại thủ đô Lisbon, nơi đây đã có rất nhiều nhà doanh thương đồng hương với ông cư ngụ từ lâu. Ông làm quen với họ và trở thành một tay lái buôn (dealer) bơi thuyền đi mua mía cho công ty Centurione.

Lúc bấy giờ, đảo Madeira, nằm ngoài khơi phía tây bắc Bồ Đào Nha, đã nổi tiếng là nơi lắm đồn điền trồng mía. Đảo này vốn là vùng đất hoang, mới được người Bồ khai phá năm 1420, là chỗ thương thuyền cũng như hải tặc dừng chân trên đường qua lại giữa Âu châu và Phi châu. Việc Columbus ghé Madeira mua mía và rồi lưu trú tại đây hơn hai năm (1477-1479) chính là một khúc rẽ quyết định cho sự nghiệp hàng hải của ông sau này. Nhà sử học Eugene Lyon viết trong *National Georgraphic* rằng: Trước khi khám phá Mỹ châu, Columbus đã khám phá ra một điều quan trọng về sức gió thổi trên đại dương. Tại quần đảo Madeira, Columbus quan sát và thấy được sức mạnh vô song của gió từ hướng tây thổi lại, đã đẩy lên bờ những mảnh ván, phế liệu và vật dụng của các chiếc tàu bị đắm ngoài khơi. Cũng chính tại Madeira, Columbus tìm cách làm quen với nhiều thủy thủ, học hỏi thêm kinh nghiệm của những tay sừng sỏ thường xuyên thám hiểm dọc bờ Đại Tây Dương xuống Phi châu. Những thanh niên gốc Genoa như Columbus, lưu lạc giữa ba nước Ý, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, quen lối sống giang hồ, ít nặng tình dân tộc. Để thành công trên thương trường, họ phải học tiếng nước ngoài và đôi khi sẵn sàng lập gia đình với người khác chủng tộc. Vì không chủ trương định cư ở một nơi chắc chắn, người Genoa ngày ấy thường coi vàng là tiêu chuẩn duy nhất để đánh giá sự giàu sang. Và chính giấc mơ tìm vàng đã là động cơ sâu xa thúc giục họ dấn thân vào biển cả.

Ở Bồ Đào Nha, năm 28 tuổi (1479), Columbus cưới cô Felipa Moniz Perestrallo, làm kinh ngạc tất cả mọi người quen biết. Thân phụ cô Felipa, ông Bartolomeu Perestrallo, là một thuyền trưởng nổi tiếng, mất năm 1453. Chính ông đã khám phá ra một hòn đảo trên Đại Tây Dương và trở thành chủ nhân của hòn đảo đó. Một thanh niên xuất thân từ giai cấp bình dân như Columbus, nếu không nhờ một cơ may lạ lùng, thì khó có thể lọt vào một gia đình quý tộc như trường hợp này, dù rằng một số tài liệu ngày nay phỏng đoán là gia đình Felipa đã sa sút về tài chánh khi cô gặp Columbus.

Sau một thời gian khoảng 2 năm sống tại Madeira, vợ chồng Columbus quay về Lisbon, tá túc tạm thời tại nhà quả phụ Perestrallo. Nơi đây Columbus vớ được một mớ tài liệu quí giá về kinh nghiệm hàng hải do bố vợ để lại, trong đó quan trọng nhất là bức thư của nhà toán học kiêm địa dư học Toscanelli viết ngày 25.6.1474 gửi cho vua Bồ, kể rõ chi tiết cuộc hành trình của Marco Polo sang Tàu gặp hoàng đế Mông Cổ. Bức thư nói rằng, từ Âu châu, cứ việc vượt Đại Tây Dương về hướng tây, sẽ gặp xứ Antilia (không biết là nước nào), rồi đến Cipangu (Nhật bản) và cuối cùng sẽ đặt chân lên lục địa Trung hoa (Cathay). Lá thư này, kèm theo hải đồ Toscanelli phác họa, đã làm nức lòng Columbus.

Tưởng nên nhắc lại rằng, câu chuyện Marco Polo người Ý (1254-1300) gặp Đại Hãn (Grand Khan) nhà Nguyên và trở về Venice thuật lại cho đồng hương nghe năm 1295 dĩ nhiên chẳng được ai tin. Mãi về sau, trong một trận hải chiến, Marco Polo bị người Genoa bắt làm tù binh, ông kể rõ mọi chi tiết cho một người bạn tù viết lại và phổ biến, dân Âu châu mới bắt đầu chú ý và trong giới hải hồ từ đó nảy sinh câu châm ngôn: "Cứ đi về phương tây sẽ tìm ra phương đông" (Searching the Levant by way of the West). Bốn trăm năm sau, trong lễ

hư

Nghìn trùng dặm lữ ai về
Bóng nghiêng chiều đổ lê thê sắc tà
Sấm rền tiếng mộng phương xa
Trời cao kéo xuống
Núi già trông lên
Vẫn còn đốm lửa soi nghiêng
Quanh vườn cây lá sầu riêng gọi sầu
Và kia
dặm lữ trăng vào
Sâu trong hư ảnh là màu mắt xưa.

hoàng việt thi

kỷ niệm Columbus ngày 16.10.1892 tại Madeira, người ta còn nhắc lại ý ấy qua câu thơ:

Christopher, go! Ours is the glory,
there it is
Where the sun is setting on
western seas.

Cần phải hình dung lại rằng, lúc đó toàn cõi Âu châu đều theo đạo Thiên Chúa và ai cũng tự cảm thấy có trách nhiệm truyền đạo cho nên họ rất quan tâm đến câu nói của Marco Polo: Hoàng đế Mông Cổ mong các giáo sĩ đến Trung Hoa để đem ánh sáng tín ngưỡng đến với ông và toàn dân Trung Hoa. Marco Polo cũng mô tả sự giàu sang tột bậc của triều đình Trung quốc, khiến những thanh niên ôm mộng lãng du như Columbus càng háo hức. Nhà toán học Toscanelli là một trong những người trí thức tin rằng cuộc du hành của Marco Polo không chỉ hoàn toàn là sản phẩm tưởng tượng. Do đó ông đã thuyết phục triều đình Bồ nên nghiên cứu và bắt tay thực hiện theo bản hải đồ do chính tay ông phác thảo. Dĩ nhiên chẳng ai nghe bởi đó là cuộc phiêu lưu quá mơ hồ. Chỉ riêng Columbus khi tình cờ nắm được tài liệu này, đã say mê tìm hiểu và càng thêm phấn chấn về dự tính của mình. Ông thường ra bờ biển, ưu tư đứng trên bãi cát, đưa mắt nhìn về hướng tây và nóng lòng muốn đi ngay theo lộ trình Toscanelli. Nhưng ông không có khả năng tài chánh và nhân lực. Một hôm Columbus bắt gặp trên bãi cát vài tấm gỗ lớn chạm trổ rất mỹ thuật. Ông mang về và khám phá ra đó là chiếc kệ máng được 9 chai rượu vang, chắc của chiếc tào nào bị đắm ngoài khơi. Ông hăm hở xin vào bệ kiến vua John II (1483), mang theo hải đồ và những mảnh ván ấy, tha thiết trình bày với vua Bồ kế hoạch viễn du của ông, để xin vua cung cấp tàu và người. Ông quả quyết sẽ tìm ra Nhật Bản và Ấn Độ, mang vàng bạc, châu báu về cho triều đình. Vua John II triệu tập các nhà trí thức chuyên môn đến hỏi ý kiến nhưng mọi người đều lắc đầu. Họ cho rằng đại dương vô cùng bao la chứ không nhỏ bé như Columbus tưởng tượng.

Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha hiện nay còn lưu giữ một tài liệu gọi là *The secrets of Columbus*, kể rằng: Lúc Columbus đang ở Madeira, tình cờ có mấy người bị đắm tàu, trôi giạt vào bờ, được ông đưa về nhà chăm sóc. Trong đám người ấy có một vị thuyền trưởng đang hấp hối. Cảm vì mỹ ý của Columbus, vị thuyền trưởng bạc phước này tiết lộ rằng, tàu của ông ta đang đi trên Đại Tây Dương thì gặp bão thổi giạt về hướng tây, nhờ đó ông tình cờ khám phá ra tân thế giới. Không may trên đường về, tàu ông bị đắm. Biết mình sắp chết, ông trao lại tất cả kinh nghiệm và tài liệu cho Columbus. Chính nhờ vậy mà sau này Columbus mới thành công một cách dễ dàng.

Người ta ngờ đây chỉ là câu chuyện thêu dệt để làm giảm bớt hào quang của Columbus sau khi ông tìm ra Mỹ châu. Lẽ dĩ nhiên ta cũng hiểu rằng, kết quả chuyến viễn du của ông đã gây nên nhiều ganh ghét thời ấy, nhất là ông sinh tại Ý, lớn lên ở Bồ và ra khơi dưới lá cờ Tây Ban Nha. Những người không ưa ông đã dựa vào cái yếu tố "mất gốc" đó để dèm pha. Và chính những dèm pha, tị hiềm của họ đã đem lại hậu quả đắng cay cho ông ngay sau chuyến đi lần thứ hai. Câu chuyện ông gặp người thuyền trưởng hấp hối, vạch hướng cho ông tìm ra châu Mỹ chỉ là hoang đường. Công lao nghiên cứu của Columbus là điều không ai phủ nhận được. Dĩ nhiên ông có gặp những tình cờ may mắn, nhưng phải công nhận kiến thức hàng hải của ông, qua sự kiên nhẫn học hỏi, đã đạt tới mức cao, thừa sức dẫn đầu một cuộc thám hiểm đường biển.

Sau khi từ chối Columbus, vua John II âm thầm gửi một đoàn tàu đi theo hướng Columbus đã phác hoạ và quả nhiên đoàn tàu trở về tay không, vua càng tin Columbus ngông cuồng.

Felipa Moniz chỉ ở với Columbus được vài năm, sinh cho ông đứa con trai đầu lòng đặt tên là Diego Columbus rồi bà đột ngột từ trần năm 1484. Năm sinh của Diego Columbus đến nay vẫn còn rất mơ hồ. Phần lớn các sử gia cho là 1480, nhưng cũng có người cho là 1842 tại Lisbon. Diego về sau được phong tước phó vương, đại diện triều đình Tây Ban Nha tại các thuộc địa mới chiếm.

Trước sự ra đi đột ngột của Felipa, giám mục Bartolomeau de las Casas, người sống cùng thời với Columbus, đã viết trong hồi ký rằng: "Cái chết của vợ ông là sự sắp đặt của Thiên Chúa để ông dễ dàng thực hiện dự án ra khơi (It was God's will to take his wife away, as this was convenient to his project). Columbus dự tính đem con gửi bà chị vợ để có thể rảnh tay theo đuổi sự nghiệp. Trong khi chờ đợi, một hôm hai cha con đi lang thang qua cửa tu viện Santa Maria de la Rabida. Ông dừng lại xin bánh mì và nước uống cho Diego. Vị tu sĩ giữ cổng cho vào và chính nơi đây Columbus đã tình cờ làm quen được một nhân vật cực kỳ quan trọng đối với ông: tu sĩ Antonio de Marchena. Ông thầy này thấy Columbus sùng đạo, lại chia sẻ cùng hoài bão với mình là muốn trùng tu đền thờ Jerusalem đã bị Hồi giáo tàn phá, nên hăm hở tìm cách giúp Columbus hoàn thành giấc mộng. Marchena viết một lá thư riêng cho Taravera, vị linh mục chuyên giải tội và làm lễ cho nữ hoàng Tây Ban Nha Isabella, để nhờ ông này nói hộ vài lời, cho phép Columbus ra mắt triều đình. Vì có tay trong thế lực, Columbus mới được chấp thuận và ông lên đường xuống Cordobal, một thành phố nằm ở cực nam Tây Ban Nha, nơi nữ hoàng đang chỉ huy cuộc hành quân cuối cùng, đuổi quân Hồi giáo ra khỏi Granada.

Nước Tây Ban Nha hồi đó không giống như bây giờ. Nó gồm nhiều vương quốc nhỏ mà quan trọng

nhất là Castile trong đó có thủ đô Madrid. Các tiểu quốc này giao hảo với nhau tương đối chặt chẽ nhờ cùng theo Thiên Chúa giáo, đứng chung chiến tuyến trong cuộc thánh chiến kéo dài 700 năm chống lại Hồi giáo từ Phi châu vượt Địa Trung Hải tấn công lên. Người Hồi vốn cuồng tín lại hung bạo hơn người Âu, nhất là giống dân Moors ở Morcocco, Bắc Phi. Họ chiếm Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, vượt núi Pyrenee qua Pháp, làm lung lay toà thánh La Mã. Bảy thế kỷ dai dẳng, lúc thắng lúc bại, cuối cùng dân Moors bị đuổi ra khỏi lãnh thổ Âu châu, chỉ còn chiếm ngự được tiểu quốc Granada nằm ở cực nam Tây Ban Nha, sát Địa Trung Hải. Có lẽ một phần vì nhu cầu liên kết, nữ hoàng Isabella thuộc vương quốc Castile đã kết hôn với vua Ferdinand thuộc xứ Aragon để rồi trở thành lực lượng mạnh nhất thống lĩnh Tây Ban Nha sau này. Vì đất rộng, khó kiểm soát nên triều đình Ferdinand-Isabella luôn luôn di động từ thành phố này sang thành phố khác. Isabella là một tín đồ Thiên Chúa giáo hết sức ngoan đạo cho nên triều đại của bà được mệnh danh là "Catholic Sovereigns", còn chính cá nhân bà được gọi là Isabella the Catholic. Bà sinh tại Madrid, cùng năm Columbus chào đời tại Genoa. 18 tuổi lấy quốc vương Ferdiand, 23 tuổi lên ngôi nữ hoàng Tây Ban Nha, thay thế anh trai là Henry V từ trần. Vì sùng đạo, bà quyết tâm đánh đuổi lực lượng Hồi giáo ra khỏi lãnh thổ Tây Ban Nha để đưa Thiên Chúa giáo trở lại địa vị độc tôn trên xứ này.

Nghe Columbus trình bày, triều đình bàn ra tán vào rồi gián tiếp từ chối bằng một lời hứa "sẽ cứu xét". Columbus buồn rầu chờ đợi nhưng không nản chí. Năm 1487 thì nữ hoàng chính thức bỏ rơi dự án Columbus, không cho triều đình nhắc đến nữa. Lý do là vì nữ hoàng cần dồn hết nỗ lực vào việc đánh quân Moors tại Granada.

Trong lúc tạm trú tại Cordoba để chờ tin triều đình, Columbus làm quen và tục huyền với một góa phụ thuộc giai cấp bình dân, đó là Beatriz Enriquez de Arana vào tháng 8 năm 1488. Bà này sinh cho ông một đứa con trai, và để tỏ lòng quí trọng vua Tây Ban Nha, ông đặt tên đứa bé là Ferdinand. Chuyện thê nhi với Columbus không quan trọng lắm. Chuyện vượt biển mới là mối bận tâm đêm ngày của Columbus. Thất bại ở Tây Ban Nha, năm sau, 1488, Columbus quay sang Bồ Đào Nha, một lần nữa tìm vào bệ kiến vua John II. Nhưng ông đến không đúng lúc:

triều đình đang linh đình ăn mừng chuyến đi thành công của Bartolomeau Dias, người đầu tiên thám hiểm sâu xuống tới cực nam Phi châu, đương đầu với mũi Hảo Vọng sóng gió và quay về an toàn. Tới được mũi Hảo Vọng có nghĩa là con đường nối liền Âu Á đã rất gần. Và vì vậy, ai còn chú ý đến dự án liều lĩnh vượt Đại Tây Dương của Columbus làm gì nữa! Nóng lòng, Columbus sai người em là Bartholoew sang nước Anh tìm gặp vua Henry VII để xin tài trợ và nếu không được thì sẽ qua bệ kiến triều đình Pháp.

Suốt bảy năm vận động, không đem lại kết quả gì. Phải đến năm 1491, khi đã 41 tuổi, cuộc đời Columbus mới bước vào một khúc rẽ thật sự mang lại sự nghiệp vĩnh cửu cho ông. Năm ấy, ngay đầu tháng giêng, Boabdil, thủ lãnh Hồi giáo Morocco, đầu hàng nữ hoàng Isabella, trả lại phần đất cuối cùng là Granada cho Tây Ban Nha, kết thúc cuộc chiến kéo dài mấy thế kỷ. Columbus cũng có mặt tại Granada, tận mắt chứng kiến kẻ chiến bại đến hôn tay nữ hoàng và xin kéo tàn quân về bên kia Địa Trung Hải. Ông viết thư chúc mừng triều đình và được nữ hoàng gọi vào bàn lại chuyện cũ. Giờ đây, khi chiến tranh chấm dứt, quốc vương Ferdinand và nữ hoàng Isabella chuyển hướng, dồn hết nỗ lực vào việc mở mang bờ cõi, vừa làm giàu cho triều đình, vừa đem ánh sáng Thiên Chúa giáo đi khắp nơi như nguyện ước sâu xa của Isabella. Nhờ thế, dự án của Columbus được chấp thuận hết sức dễ dàng. Ngược lại, vì biết nữ hoàng cần mình, Columbus đặt điều kiện rất cao và bắt triều đình ưng thuận thì ông mới ra khơi: ông đòi được phong ngay chức Tổng tư lệnh các lực lượng hàng hải, nghĩa là có quyền kiểm soát tất cả mọi tàu bè của Tây Ban Nha trên mặt biển. Kế đến là chức Phó vương kiêm Thống đốc Toàn quyền tại bất cứ vùng đất này ông khám phá. Sau cùng, ông đòi phải chia 10% tổng số tài sản mà ông tịch thu được ở các vùng đất ấy. Triều đình lúc đầu từ khước, về sau chấp thuận. Columbus ký hợp đồng ngày 17 tháng 4 năm 1492 với tất cả những điều khoản ông đòi hỏi. Người ta có cảm tưởng ông tham lam. Nhưng qua một số tài liệu để lại cho thấy, ông chủ trương kiếm thật nhiều vàng vì hai mục đích: một là dựng lại đền thờ Jerusalem do Hồi giáo tàn phá như đã hứa với vị tu sĩ trước đây, hai là tích lũy tài sản để đề phòng khi không còn được triều đình tài trợ thì ông có thể tự túc thám hiểm. Trong lá thư viết cho con trai, ông đã nói rõ điều này.

Ngày thứ sáu, 3. tháng 8.1942, Columbus chỉ huy ba chiếc tàu Nina, Pinta và Santa Maris lên đường. Ông đinh ninh rằng, băng ngang Đại Tây Dương về hướng mặt trời lặn, ông sẽ gặp những mảnh đất mà Marco Polo đề cập. Ông còn bị ám ảnh bởi huyền thoại về kho tàng vua Salomon, và tin chắc chuyến đi này sẽ đưa ông đến kho tàng vĩ đại ấy. Khi thủy thủ trên tàu xuống tinh thần vì chuyến đi dài hơn dự tính, Columbus thường đem sự giàu sang của hoàng đế Mông Cổ và kho tàng vua Salomon ra để trấn an thuộc cấp. Thậm chí lúc đã đến Mỹ châu, cập bến San Salvador, Haiti và Cuba ngày 12.10 cùng năm, ông vẫn tin và bắt mọi người phải tin đó là châu Á và ông sục sạo đi tìm hoàng đế Mông Cổ, không biết rằng nhà Nguyên đã chấm dứt cả trăm năm rồi! Trên bờ bể Nam Mỹ, Columbus bảo tùy tùng rằng: Mảnh đất này, một là Nhật Bản, hai là nơi chôn dấu kho tàng vua Salomon. Cho đến lúc nằm xuống vì kiệt sức năm 1506 tại Valladolid, Tây Ban Nha, Columbus vẫn còn mãnh liệt tin tưởng rằng ông đã khám phá và dâng đất Á châu cho triều đình Tây Ban Nha.

Trên thực tế, giả như Columbus tìm ra đúng Á châu, thì chắc chắn Tây ban Nha đã không thu được nhiều lợi như Mỹ châu. Columbus quả thực đã dâng cho triều đình Tây Ban Nha một lãnh thổ bao la ở tân thế giới, đặt tên là New Spain, bao gồm Mexico, California, Arizona, New Mexico, Texas, Florida và tất cả các tiểu bang miền Trung Mỹ bây giờ. Tây Ban Nha ngự trị trên vùng đất rộng lớn ấy mãi đến 1808 mới bắt đầu lung lay vị thế. Qua đó ta thấy công lao của Columbus đối với Tây Ban Nha không thể có ai sánh bằng. Ba năm trước ngày ông nằm xuống, nữ hoàng Isabella, người cùng tuổi với ông và tài trợ cho cuộc viễn du lịch sử của ông, cũng đã qua đời ở tuổi 53.

Nhận định về công trình của Columbus, tác giả Gago Coutinho đã kết luận trong bài viết năm 1969 tại Lisbon rằng: "Bảo rằng Columbus đã khám phá Mỹ châu

---

còn mưa

Còn mưa, em, một trời đầy
Xe lăn bánh mỏi, vơi ngày chậm qua
Gió lùa rét buốt xương da
Đỉnh cao tuyết phủ chừng xa dặm về

Tạm dừng tay lái, thầm nghe
Âm vang giọt lạnh bốn bề quạnh hiu
Thôi lên quán trọ lưng đèo
Mai xuôi phố lạ nhớ chiều sườn non.

nguyễn hải hà

thì không sai. Nhưng trước đó, chính người Bồ Đạo Nha đã khám phá đại dương để mở lối cho mọi cuộc hành trình". Coutinho muốn nhắc lại quãng thời gian Columbus lưu trú tại Madeira và Lisbon, học hỏi kinh nghiệm từ các thủy thủ Bồ cũng như thừa hưởng các kiến thức đường biển mà dân Bồ đã thu thập được từ cả thế kỷ trước. Nhận định này nói lên lẽ công bằng ở đời nhưng thật ra cũng hàm chứa niềm hối hận của triều đình Bồ đã bỏ qua mấy lần năn nỉ của Columbus.

*
* *

Việc khám phá Mỹ châu của Columbus đã làm thay đổi hẳn bộ mặt thế giới. Điều ấy đến nay không ai có thể phủ nhận. Nhưng còn những khía cạnh khác mà người ta không thể không xét đến. Đó là vấn đề cưỡng chiếm đất đai, ngược đãi dân địa phương, mở đầu cuộc chiến tranh thuộc địa kéo dài mãi đến sau thế chiến thứ hai mới chấm dứt.

Càng gần đến ngày kỷ niệm 500 năm tìm ra châu Mỹ, các nhà nghiên cứu càng nôn nóng đặt ra những câu hỏi về công và tội của Columbus. Dĩ nhiên ông có công và công rất lớn. Nhưng hành động của ông sau đó đối với dân địa phương quả là một việc làm hết sức tàn độc mà ngày nay nhìn lại, người ta còn rùng mình nhức nhối. Thổ dân Mỹ châu gồm nhiều chủng tộc khác nhau, ta gọi chung là người Da Đỏ, The Indies. Chẳng hạn sắc dân da đỏ bộ lạc Taino trên đảo Hispaniola mà Columbus đổi tên là La Isabella, năm 1494 có khoảng gần một triệu. Ba mươi sau khi Tây Ban Nha đặt chân đến, kể như hoàn toàn tuyệt chủng vì bị tàn sát và bệnh tật. Cá nhân Columbus lúc đầu khi mới gặp dân địa phương, ông đã hết lời ca ngợi họ hiền hoà và hiếu khách. Nhật ký của ông để lại ghi rõ những cảm tình của ông đối với thổ dân da đỏ, chẳng hạn như: Họ là những người tử tế và hiền hoà nhất thế giới (They are the best people in the world and the most peaceable). Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau khi không tìm ra triều đình Mông Cổ và kho tàng tưởng tượng của vua Salomon, Columbus bực bội cho rằng dân địa phương có ý giấu vàng, không đem nộp. Từ đó ông trở thành tàn bạo, áp dụng nhiều cực hình đối với dân da đỏ như cắt mũi, cắt tai để bắt họ phải nộp thuế bằng vàng. Ông cũng chủ trương biến thổ dân thành nô lệ, mặc dầu triều Tây Ban Nha cũng như giáo hội Thiên Chúa không cho phép.

Michele de Cuneo, người có mặt trong đoàn tùy tùng của Columbus chuyến thứ hai đã ghi chép trong nhật ký như sau: Khi đoàn tàu chúng tôi sắp rời bến để trở lại Tây Ban Nha, Columbus cho tập trung 1600 người da đỏ, gồm cả đàn ông lẫn đàn bà. Ngày 17.2.1495, chúng tôi lựa 500 thổ dân khoẻ mạnh nhất, đẩy lên tàu. Số còn lại, ai muốn lấy thêm thì lấy. Mỗi người Tây Ban Nha chọn thêm một số thổ dân mang về làm nô lệ cho riêng mình. Sau cùng, còn 400 thổ dân đứng trên bờ. Chúng tôi thả cho họ đi. Nhiều phụ nữ da đỏ có con còn đang bú, nghe nói được tha, họ bỏ chạy tứ tán, bao nhiêu con nít họ bỏ lại hết vì sợ vướng víu không chạy được xa. Họ lao vào núi, vượt những con sông rộng, chúng tôi có muốn bắt lại cũng rất khó. Khi tàu về tới bờ biển Tây Ban Nha, chúng tôi kiểm lại số nô lệ thì thấy đã chết mất 200. Phần còn lại, quá nửa đã lâm bệnh vì khí hậu và kiệt sức.

Chủ trương nô lệ hoá dân địa phương của Columbus đã bị hậu thế lên án. Cũng may, thời gian ông cai trị không lâu nên những dấu tích nhơ nhuốc về chính sách thuộc địa ông áp dụng không để lại nhiều. Nhưng những đoàn quân Tây Ban Nha đến sau ông, quả thật đã thực hiện kế hoạch bóc lột và diệt chủng dân bản xứ một cách triệt để mà mục đích chỉ là để khảo của. Tài liệu về những hành động này, do các giáo sĩ thuật lại, đã cho nhân loại thấy được sự tàn ác của đoàn quân viễn chinh Tây Ban Nha thuở ấy. Xin lưu ý bạn đọc rằng: chuyến viễn du đầu tiên của Columbus không có giáo sĩ nào đi theo. Dĩ nhiên, vì ai dám chắc là Columbus thành công? Nhưng ngay chuyến thứ hai đã có các nhà truyền giáo tháp tùng. Và từ chuyến thứ ba thì có thêm các tù nhân tình nguyện làm thủy thủ để chuộc tội.

Giám mục Bartolomeu de las Casas, người cùng thời với Columbus, tiên phong giảng đạo cho thổ dân Mỹ châu, đã ghi chép tỉ mỉ tất cả mọi sinh hoạt, mọi quan điểm của dân thuộc địa thời ấy. Ông mạnh dạn chống lại những đồng hương độc ác của ông. Nhưng tiếng nói của Las Casas, dù là một giám mục, cũng quá lẻ loi bởi đám đông quân lính Tây Ban Nha đều hùa nhau hành hạ và trấn lột người bản xứ.

Cần hình dung lại đời sống đơn giản của thổ dân da đỏ thời ấy. Họ hiền lành và nhút nhát đến độ Columbus đã viết rằng: "Một người của tôi có thể đuổi được cả trăm người da đỏ". Mà điều này không ngoa. Hãy nhìn lại cuộc đánh chiếm Mexico. Ngày ấy Mexico là xứ văn minh nhất Mỹ châu. Thổ dân Aztec, tự xưng là Mexica, lúc đó do vua Montezuma cai trị. Không biết ông vua này giở khùng giở điên hay hiền hoà quá mức đến độ dù dưới trướng có cả một lực lượng hùng hậu vài trăm ngàn quân, ông vẫn để Hernando Cortes với vài trăm quân và mươi khẩu súng ướt, chiếm được Mexico năm 1521. Những bộ lạc đầu tiên mà Columbus tiếp xúc đều sống trong tình trạng bán khai, hoàn toàn không mặc quần áo. Nhật ký Columbus viết rằng: "Tất cả đều trần truồng, đàn ông cũng như đàn bà, y như lúc họ mới chào đời". Ở một đoạn khác, ông nhắc lại: "Tù trưởng cũng như dân chúng, trần truồng đi tới đi lui. Cả đàn bà cũng vậy mà chẳng cảm thấy ngượng ngùng".

Thực tế lịch sử là: văn minh thổ dân Mỹ châu ngày ấy còn quá thấp. Nhiều bộ lạc hết sức mọi rợ, mê tín,

áp dụng những tục lệ vô cùng dã man, chẳng hạn như ăn thịt người; mổ bụng người sống, moi tim để tế thần; treo người sống lên cây châm lửa đốt để cầu may; lột da người rồi lấy bộ da đó mặc vào cho người khác... Về tín ngưỡng, dân Mexico thờ nhiều loại thần khác nhau và đối với bất cứ thần nào họ cũng tế bằng người sống, và tế hàng ngày. Một nhân chứng thời đó tại Mexico, ông Duran, kể lại rằng: Nạn nhân được chọn để tế thần bước lên bàn thờ hình kim tự tháp. Ở đó hai người đứng hai bên, nắm cánh tay nạn nhân kéo thẳng ra. Rồi vị đạo sĩ bước lên, cầm con dao sắc rạch ngực nạn nhân, lôi trái tim ra, giơ cao về hướng mặt trời. Nạn nhân ngã gục xuống chân kim tự tháp, máu lênh láng. Chỉ riêng ngày vua Ahuizolt lên ngôi, tại một ngôi đền, 80400 người bị mổ bụng tế thần!

Vì những tục lệ tàn ác ấy, người Tây Ban Nha kết luận rằng dân bản xứ bị quỉ ám và vin vào cớ đó để hoặc tiêu diệt họ hoặc hạ thấp họ xuống hàng nô lệ. Phe bênh vực chủ trương nô lệ hoá thổ dân dĩ nhiên rất đông, bởi họ cần bảo vệ quyền lợi. Họ đem học thuyết của triết gia Hy Lạp Aristotle (384-322 trước TC) trong cuốn *Politics* để cắt nghĩa nguyên tắc "mạnh được yếu thua là lẽ tiến hoá tự nhiên của xã hội". Họ bảo: Aristotle đã chứng minh rằng, con người tự bẩm sinh đã có kẻ hơn người kém. Nghĩa là có người sinh ra để làm chủ, và có kẻ sinh ra để làm đầy tớ.

Phe chống đối phần lớn gồm các nhà truyền giáo, đứng đầu là giám mục Las Casas, đã đem giáo lý Thiên Chúa giáo ra để bác bỏ quan niệm bất bình đẳng giữa các sắc dân mà ông cho là trái với ý Thiên Chúa. Trong một bài giảng tại Valladolid, thành phố lớn phía bắc Tây Ban Nha, nơi mà Columbus sau này lui về dưỡng bệnh và qua đời, giám mục Las Casas nhấn mạnh rằng: *"Aristotle, farewell! From Christ, the eternal truth, we have the commandment: You must love your neighbour as yourself".* (Hãy dẹp bỏ lý thuyết của Aristotle! Chỉ có Thiên Chúa, là chân lý muôn đời, đã dạy chúng ta một điều răn rằng: Phải yêu người khác như yêu chính bản thân mình). Ông cũng trích dẫn một câu căn bản trong Kinh Thánh để biện hộ: "Chúa đã dựng nên con người giống như hình ảnh của Chúa. Kẻ nào hủy diệt con người là chống lại Thiên Chúa".

Không phải chỉ riêng các giáo sĩ lên tiếng phản đối sự tàn ác của đoàn quân xâm lăng, mà ngay nữ hoàng Isabella, vì thấm nhuần giáo lý Thiên Chúa, cũng ra lệnh cấm không được buôn bán nô lệ da đỏ. Tuy nhiên lệnh ấy không được triệt để tuân hành bởi triều đình ở quá xa, không kiểm soát nổi.

Tội ác của đạo quân xâm lăng Tây Ban Nha không bút mực nào tả hết được. Tôi chỉ trích dẫn dưới đây vài câu chuyện do các nhân chứng khả tín thuật lại. Giám mục Las Casas kể lại lần chứng kiến tận mắt cảnh đồng hương của ông tàn sát dân da đỏ với lời lẽ bất bình như sau: "Thổ dân như đàn cừu non. Lũ người Tây Ban Nha xông đến như bầy thú dữ, như những con chó sói, những con cọp, sư tử bị bỏ đói lâu ngày". Và ông phẫn nộ gọi đám Tây Ban Nha đồng hương của ông là "con cái của quỉ Satan". Ông đau đớn vì bất lực, không ngăn được những bàn tay đẫm máu của họ. Trước mắt ông, lính Tây Ban Nha mổ bụng thổ dân, moi ruột gan ra, ông chỉ đành biết đọc kinh và rửa tội cho các nạn nhân. Qua cuốn *Histories of the Indies,* Las Casas kể câu chuyện xảy ra tại Cuba: "Toán quân Tây Ban Nha gồm một trăm người. Họ bước vào căn nhà của thổ dân. Một người rút gươm ra, tức thì cả trăm người khác cũng rút gươm và xông vào đâm chém. Đám thổ dân như đàn cừu non, đàn ông, đàn bà, trẻ em và bô lão, tất cả đều đang ngồi trên mặt đất, không hề đề phòng biến cố sẽ xảy đến với mình. Trong khoảnh khắc, chẳng còn ai sống sót".

Một nhân chứng khác, Peter Martyr kể lại: "Thổ dân, người thì bị chặt tay, người bị chặt chân, kẻ bị cắt đầu, giống như người ta xẻ thịt bò ngoài chợ. Sáu trăm người không ai sống sót. Ông Vasco, vị chỉ huy, còn ra lệnh quăng 40 thổ dân cho đàn chó xé xác".

Giáo sĩ Jeronimo de San Miguel viết thư về cho vua, tường trình tội ác của đoàn quân viễn chinh như sau: "Một số dân da đỏ bị thiêu sống. Người khác thì bị chặt tay, cắt mũi, cắt lưỡi. Đàn bà bị xẻo vú hoặc quăng cho chó ăn thịt".

Giám mục Diego de Landa cho biết: "Trên ngọn cây gần thành phố, tôi thấy vị chỉ huy Tân Ban Nha treo rất nhiều đàn bà da đỏ-trên cành. Cả con nít cũng bị cột vào chân những người đàn bà ấy, treo lủng lẳng trên mặt đất".

Một giám mục khác, Juan de Zumarraga, người đầu tiên được bổ nhiệm đến giảng đạo tại Mexico, đã nói về thành phố ông cư ngụ: "Vùng này có khoảng 25 ngàn dân. Mười ngàn bị bán làm nô lệ. Những người khác sợ quá bỏ đi gần hết". Vị giám mục này vốn không có thiện cảm với thổ dân như Las Casas, nhưng ông vẫn chống lại chủ trương nô lệ hoá và chính sách diệt chủng của thực dân Tây Ban Nha. Ông chỉ muốn loại bỏ thứ tín ngưỡng dã man, giết người tế thần của Mexico, cho nên ông đã tiêu hủy hết những cuốn sách "giáo lý" tàn ác của người bản xứ và giáo dục họ chấm dứt trò giết người hàng ngày diễn ra tại các đền thờ.

Qua những dữ kiện trên, người ta có thể thấy được một điều quan trọng của lịch sử. Từ trước đến nay, nhiều quốc gia thường cho rằng, các nhà truyền giáo Tây phương đã tiếp tay các đạo quân xâm lăng đánh chiếm các nước nhược tiểu rồi đồng lõa để bóc lột dân bản xứ. Điều này xét ra không đúng. Có thể nói ngược lại, chính nhờ sự ngăn cản của các nhà truyền giáo mà những đạo quân xâm lược phần nào giảm bớt sự tàn ác đối với dân địa phương. Tội ác của những

người Âu châu đầu tiên đặt chân lên tân thế giới mà ngày nay chúng ta biết được là nhờ các giáo sĩ dụng tâm ghi lại, mặc dù bọn người xâm lược ấy cố tình che đạy.

Tại Việt Nam, các giáo sĩ Tây phương vào giảng đạo từ đời nhà Mạc. Suốt ba thế kỷ, họ không hề có âm mưu chính trị nào xâm phạm tới triều đình, mà ngược lại, chính các giáo sĩ đó đã nhiều phen điêu đứng vì bị bách hại. Mãi đến cuối đời nhà Nguyễn, giữa thế kỷ 19, thực dân Pháp mới đem quân xâm lăng. Nhằm mục đích chia rẽ tôn giáo, Việt cộng thường đưa ra luận cứ rằng đạo Thiên Chúa gắn liền với chủ nghĩa thực dân. Dựa vào các dữ kiện lịch sử, người ta thấy điều này hoàn toàn sai. Vào thời cực thịnh của chủ nghĩa đế quốc, không có nước nhược tiểu nào thoát khỏi sự dòm ngó của thực dân Âu châu. Dù có các giáo sĩ đến giảng đạo hay không, Việt Nam cũng vẫn bị xâm lăng bởi lúc đó là cao điểm của phong trào thuộc địa trên toàn cầu. Trên thực tế, lực lượng thực dân và lực lượng truyền giáo, đôi khi có những xung khắc nội bộ cực kỳ mãnh liệt như trường hợp tại Mỹ châu mà chúng ta đang đề cập.

Giám mục Las Casas, sau bao nhiêu năm làm nhiệm vụ giảng đạo ở tân thế giới, tận mắt nhìn rõ những hành động tàn bạo của Tây Ban Nha mà không ngăn nổi, lúc hấp hối đã viết trong di chúc rằng: Tôi vững tin Thiên Chúa sẽ trừng phạt Tây Ban Nha về những tội ác họ làm! Ông muốn nhấn mạnh đến lẽ công bằng ở đời là làm ác phải đền tội. Tzvetan Todorov, trong cuốn *The Conquest of America*, cho rằng: Lời giám mục Las Casas vừa có tính cách tiên tri, vừa là lời nguyền rủa. (These words, half prophecy and half curse). Phải chăng điều đó đã ứng nghiệm ngay với chính Columbus. Ông không được hưởng vinh quang lâu dài. Mới chuyến thứ hai (1493) trở lại Hispaniola (La Isabella), ông đã bị chính những người tùy tùng nổi loạn, chỉ vì ông khép họ vào kỷ luật khắt khe trong khi họ chưa quen phong thổ, ốm đau không thuốc chữa. Họ theo ông đi vì ham tìm vàng chứ đâu phải để lao động. Columbus bị triều đình cử người sang bắt, còng tay giải về nước. Ngay chuyến đi thứ nhất, Columbus đã bị đau mắt và căn bệnh trở thành mãn tính. Về sau, có lẽ do sốt rét và nước độc, ông mang thêm chứng nhức mỏi và nhiễm độc đường tiểu. Ngày ấy y học còn thô sơ, ông chịu đựng các chứng bệnh nhức nhối ấy cho đến lúc lìa đời ngày 20.5.1506 tại Tây Ban Nha, thọ 55 tuổi.

Tôi muốn kết thúc bài này bằng cách mời độc giả nhìn sang một hướng khác, tạm quên đi những cái chết đau thương của thổ dân Mỹ châu 5 thế kỷ trước. Tôi muốn giới thiệu với độc giả một người trong cuộc, một thủy thủ đã có mặt trên những chuyến tàu từ Âu châu đi thám hiểm đất mới, ghi lại những xúc cảm, những khổ đau của mình.

Nhân kỷ niệm 5 thế kỷ khám phá Mỹ châu, nhìn lại những cuộc hành trình vượt biển của các nhà hàng hải Bồ Đào Nha 500 năm trước, đôi khi chúng ta chỉ thấy cái hào quang của kết quả mà quên đi cái nhọc nhằn của người trong cuộc. Thuở ấy, kỹ thuật còn sơ sài, kiến thức còn nông cạn, đại dương mịt mùng bão tố, bước chân xuống thuyền là nhắm mắt phó mặc cho định mệnh. Thế mà họ vẫn liều lĩnh ra khơi. Có hoàn thành mộng ước mà trở về thì cũng chỉ làm giàu cho triều đình chứ chính thủy thủ đoàn chưa chắc đã được chia sẻ chút đặc lợi nào. Tài liệu lưu giữ tại bảo tàng viện Lisbon cho thấy rằng, thuở đó, ngoại trừ một số thanh niên tình nguyện, phần lớn những thủy thủ trên tàu thám hiểm đều là tội nhân triều đình bắt đi. Họ ăn uống kham khổ, đem sức người chống đỡ thiên nhiên, xa lạ phong thổ và khí hậu, thành ra số chết dọc đường không phải là ít. Bao nhiêu vụ đắm tàu không hề được biết đến. Bao nhiêu người chết vì kiệt sức không hề được ghi nhận. Niềm vinh quang chỉ dành cho vua chúa và giai cấp quí tộc thụ hưởng.

quỳnh hoa

tặng họa sĩ Nguyễn Nhật Tân

Y thường trắng vỗ bờ sinh diệt
Một lá thuyền trôi giữa dòng trăng
Quỳnh hoa, tháng sáu trăng màu biếc
Nhớ một dòng hương đưa mong manh.

Ai xuôi vào gió đêm hàm tiếu
Ghé ngân hà đón khách mùa thu
Y thường trắng xa bờ dương liễu
Hoá thân vào quỳnh hoa đêm xưa

Sinh cơ lắng chờ đêm mãn nhụy
Rũ y thường, một thoáng sắc không
Đưa hương qua khoảng trời mộng mị
Rời chợt tàn theo đêm sương lam.

Quỳnh hoa trắng đêm quỳnh hoa mộng
Nhớ người, trăng tháng sáu bên hiên.
Một thoáng hoa, trắng bờ viễn vọng
Một thoáng tình trắng đến vô biên.

phan thịnh

Một trong những thủy thủ ngày ấy đã trở thành một nhà thơ bất tử. Đó là Luis de Cameos. Ông sinh tại Lisbon năm 1525. Khi Bồ Đào Nha chiếm được Morocco thì Cameos có mặt trong đạo quân xâm lăng, đặt căn cứ tại Ceuta. Lúc ấy ông mới ngoài 20 tuổi. Trong một trận đụng độ với người bản xứ, ông bị chột mắt. Năm 1552, vì tham dự một vụ nổi loạn, Cameos bị bắt giải về Lisbon và bị kết án sáu tháng tù. Mãn hạn tù, triều đình đưa ông sang Ấn Độ phục vụ ba năm theo luật định vì lúc này Bồ Đào Nha đã chiếm được Ấn. Từ Ấn, ông theo đoàn tàu sang các nước viễn đông, giữ nhiệm vụ lo cho những người chết trên tàu. Tàu ông bị đắm trên sông Mékong, không biết ở khúc nào. Ông bơi được vào bờ nhưng mất hết hành lý, chỉ ôm được theo một gói duy nhất, đó là bản thảo tập thơ. Lúc ấy là năm 1556. Ông lần mò về trình diện đơn vị tại Ấn và lại bị ném vào tù. Mãn hạn tù, ông sang tạm cư tại Mozambique và đến 1570 thì quay về Bồ Đào Nha.

Năm 1572, ông xuất bản tập thơ đầu tay *The Lusiads* tại Lisbon. Tập thơ này cùng hai cuốn nhỏ kế tiếp đã khiến một nhà phê bình thời ấy (Gandavo, 1574) tiên đoán là tên tuổi Cameos sẽ vượt thời gian. Thơ ông được dịch sang tiếng Tây Ban Nha, Anh, Pháp và nhiều thứ tiếng khác. Nó vừa có giá trị văn chương, vừa là chứng cớ của một thời đại hoàng kim trong lịch sử Bồ Đào Nha mà đến nay người Bồ vẫn hãnh diện nhắc đến. Thơ Cameos đã là nguồn cảm hứng để các hoạ sĩ sau này theo đó minh hoạ những vinh quang cũng như thảm cảnh xuyên suốt các cuộc hành trình trên biển, trong đó Cameos từng chứng kiến.

Cameos chết năm 1578, cũng là năm Bồ Đào Nha đang trên đà suy thoái để rồi cuối cùng bị Tây Ban Nha chiếm đóng đến gần một trăm năm mới lấy lại được độc lập.

Hằng năm, Hoa kỳ có ngày Columbus vào 12 tháng 10 để ghi nhớ ngày ông đặt chân đến San Salvador. Riêng năm nay, Mỹ châu sẽ tổ chức đại lễ kỷ niệm đúng 500 năm khám phá ra tân thế giới. Nhìn một cách nào đó, những thuyền nhân chúng ta có thể coi ông Kha Luân Bố cũng chính là một "boat people" của năm thế kỷ trước. Ông vượt sóng gió tìm những đặc sản mang về cho triều đình. Chúng ta vượt trùng dương tìm một thứ quí hơn cả những đặc sản, đó là tự do cho chính mình. □

---

nếu được gởi chút gì cho quê hương

Có chuyến bay nào đáp xuống Việt Nam
được đón bằng nước mắt thương yêu và nụ cười sum họp.
Có giọt lệ nào lăn trên gò má hóp
của bà mẹ già gặp lại đứa con xa
Có buổi đoàn viên nào mũi súng giữ lối vào ra,
lưỡi dao nhọn cầm tay và tia nhìn độc ác
Những khẩu hiệu, những rừng cờ,
những vội vàng, ngơ ngác:
Đây là đâu, tổ quốc hay trại tù?
Mau lên chị, bàn tay mặt bắt lấy bàn tay kẻ thù
Còn bàn tay kia, sao chị vụng về, bối rối?
Mau lên anh, hàng người đang tiếp nối,
Nếu muốn về thăm quê hương thì phải biết điều,
ở nơi đây không được nói gì nhiều
Hơn nữa, nếu đã về thăm mẹ yếu
cha già thì đừng mặc cả
Người ta không nên trả giá trái tim
và mua bán linh hồn
Đã về tới nơi đây
Anh, chị sẽ thoả mãn những gì từ lâu khao khát

Khi chuyến bay bay về vùng quê hương ta bát ngát
Trong hồn anh, hồn chị chắc lắm nỗi ngậm ngùi
vì đã bao nhiêu năm chia ngọt, xẻ bùi
đã dứt áo ra đi,
giờ ngập ngừng trở lại.
Tôi thì đời lưu vong mang mãi
Ngày xưa, bây giờ có khác gì đâu!
Nếu được gởi chút gì cho quê hương
tôi xin gởi lời nguyện cầu
về những người thân yêu
được bình yên trong những tháng năm dài tủi nhục.
Cho tôi gởi lời ngợi ca về những người
không hề khuất phục
trước bạo quyền, năm tháng vẫn bền gan
vẫn sống, vẫn đấu tranh chống lại lũ tham tàn
cho: một ngày mai cả dân tộc ta hằng mơ ước
Và cho tôi gởi
lời tri ân về những anh hùng đã đền nợ nước.

kha huyền

Phà Chiều

Ngô Nguyên Dũng

Kính gửi nhà văn Võ Phiến,
cảm tác từ *Hoan ca*

Ngọc là người hành khách cuối cùng bước lên phà. Chiều nam Đức sẫm dần. Mặt hồ bốc sương mờ. Sau hàng bạch dương ven bờ, mặt trời cuối ngày chỉ còn một đống vàng cam loe ra như vết màu trên vải lụa. Tiết tháng năm đã bắt đầu ấm. Ngọc đứng bâng khuâng trên boong phà, châm một điếu thuốc. Không gian và thời gian nơi này bình dị êm ả như văn chương ông. *"...Buồn về một nỗi tháng năm, chưa đặt mình nằm gà gáy chim kêu. Nỗi tháng năm làm tôi ái ngại quá chừng. Ca hát kiểu ấy là có ý trách đêm ngắn ngày dài. Là phiền lòng về chỗ con chim con gà nó bắt đầu sinh hoạt quá sớm. Làm ham cái ngủ mà chê cái sống. Sao vậy cà?"**

Giữa những dòng hồi ức về một bài tản văn của ông là giọng giục giã của anh bạn đồng nghiệp qua đường dây điện thoại: "Này, hãn hữu lắm cậu mới có dịp xuôi nam, nhớ ghé thăm ông, xem nơi ăn cách ở của ông ấy mà viết cho tôi một bài đăng báo". Ngọc còn ngần ngừ: "Ừ, mà..." thì anh bạn lắm chuyện đã tiếp lời: "Nghe nói ông ấy đang ẩn cư vì sức khoẻ kém, vì không ưa cái sống loè loẹt phô trương nơi này, vì..." Lời nhắn nhủ tỉ tê của anh bạn lắng dần, bị tiếng máy phà đều đặn rẽ nước át mất. Ngọc nhìn đuôi phà chẻ làn nước lặng thành một vệt dài, lòng rạo rực khác thường. Như thèm khát một nỗi gì vô cớ. Như muốn choàng tay ôm lấy hình bóng nào không chân dung rõ rệt. Hay đó là màu suy tư trộn lẫn giữa cái buồn mười hai tháng dai dẳng và niềm vui sống vô tận của con người trong bài tản văn ấy?

Ngọc thẳng người nhìn ra xa, thở hơi thuốc xám. Nơi đây dường như khoáng khoát mênh mông hơn đất trời miền trung Đức. Màu lam rặng Alpen loè nhoè chìm vào màu chiều lửng lơ giữa xanh và tím. Đỉnh tuyết rực lên, trắng kỳ lạ. Sắc trắng mà Ngọc chỉ tìm thấy trong những họa phẩm hay trí tưởng tượng của riêng chàng. Lần nào cũng vậy, khi nhìn cảnh non nước chập chùng, Ngọc đều xúc động.

— Chắc lần đầu tiên ông đến đây?

Ngọc giật mình quay lại. Người soát vé phà lúc nãy đứng cạnh chàng khi nào không hay, nón nỉ đội đầu, áo dạ và quần bỏ trong vớ len dài đến gối, y phục truyền thống của đàn ông miền này.

Ngọc tươi cười:

— Vâng, lần đầu.

— Ông thấy phong cảnh thế nào?

— Tuyệt đẹp.

— Nhưng hoàn toàn khác với phong cảnh xứ ông phải không? Xin lỗi, ông đến từ nước nào?

— Việt Nam. Thiên nhiên mỗi nơi đều có vẻ đẹp riêng, không thể so sánh được.

— Ông nói đúng. Thiên nhiên cũng như đàn bà, mỗi người đều có lực quyến rũ khác nhau.

Ngọc cười thành tiếng:

— Khi ngắm đỉnh núi trắng xóa đằng xa kia, tôi không hề nghĩ tới đàn bà.

— Tôi muốn so sánh niềm bí ẩn giữa thiên nhiên và đàn bà chứ không nói tới vẻ đẹp, thưa ông.

Ngọc gục gặt đầu. Chiếc phà vẫn rì rào rẽ nước, lao vào hồ sương càng lúc càng dầy. Chàng lấy thuốc lá mời người đàn ông, chậm rãi bật lửa, chậm rãi hít một hơi sâu, chậm rãi cất lời:

— Ông làm nghề này bao lâu rồi?

— Hơn ba mươi năm.

Ngọc chặc lưỡi:

— Có khi nào ông cảm thấy chán?

— Không. Khung cảnh nơi đây đổi thay theo mùa, nếu không nói là từng ngày, từng buổi, từng giờ...

Cõi lòng Ngọc rộn lên theo giọng kể của người đàn ông. Mùa xuân, thủy tiên dại nở vàng bờ hồ bên này và bồ công anh với linh lan đơm kín bờ bên kia. Ngỗng trời và vịt nước từ nam bán cầu rủ nhau trở lại, từng đàn nhởn nhơ. Hè tới, du khách từ khắp nơi kéo đến, xuống phà sang đảo xem những toà lâu đài cổ. Bấy giờ là mùa hoa uất kim hương, rồi đến sen, hồng và cẩm chướng. Khi cúc trong hoa viên khởi sự rộ nở thì không gian cũng vừa se sắt lạnh. Cảnh hồ rộng thêm lần nữa là nơi nghỉ tạm của nhiều giống chim trời từ phương bắc trên đường thiên di về nam. Cảnh và vật nhộn lên một lần trước mùa lá rụng. Thu nhuộm vàng khắp nơi. Mặt hồ phủ đầy lá chết. Chiếc phà như con cá voi ngoài đại dương lạc vào hồ lá, ngại ngùng bâng khuâng lướt trên dòng nước còn ấm nắng hè. Rồi cơn mưa tuyết đầu tiên rơi xuống. Cái lạnh khắc khoải theo nhau qua lại đôi bờ. Có nhiều mùa đông khắc nghiệt, mặt hồ đóng băng, mũi phà được gắn thêm bộ phận phá băng, những chuyến phà sớm chiều vất vả đi về. Hết mùa du khách, sớm đưa đi, chiều rước về vẫn chừng ấy khuôn mặt quen. Lời thăm hỏi khách sáo thường ngày. Những bắt tay ngày cuối tạm biệt quán rượu đóng cửa nghỉ đông. Nhớ lại ngày hè rực nắng, ngộp người. Chợt buồn vô cùng, khi ngẩng lên thấy đỉnh tuyết xa xa, mới an tâm ấm lòng trở lại, mới hay tất cả vẫn nguyên vẹn đó...

Lời tâm sự đầy hấp lực của người đàn ông đeo đuổi Ngọc suốt chặng đường xe buýt về phố chính. Tháng năm, y như lời kể, bãi đất hoang ven đường vàng ối thủy tiên. Cây cành nhú lá xanh rờn. Màu vàng của hoa, màu lục non của lá pha với màu chiều tàn tạ khiến lòng Ngọc rợn lên một cảm xúc khó định nghĩa. Trong cái mất vẫn sáng loà cái còn. Trong sự vận chuyển của tạo hoá vẫn có cái cố định hằng cửu. Ngọc giơ tay lau ô kính mờ hơi nước, ngắm quang cảnh đổi màu bên ngoài. Xe đang ở độ cao đủ để nhìn thấy mặt hồ bên dưới duỗi mình mềm mại, trông như phiến lưng thiếu nữ ủ sương chiều. Xa, chỗ hồ nước mất dấu, nhạt nhoà chân rặng Alpen. Ngọc tưởng tượng, nơi đó có trũng sâu há miệng nuốt trửng nước hồ, thành ngọn thác hùng vĩ. Nước bắn tung toé, sôi sục, cào mòn vách đá phẳng lì, đổ ầm ầm như đe dọa.

Ngọc giật mình tỉnh giấc, tốc chăn ngồi dậy. Trí chàng còn dội lại tiếng thác. Đêm đầu tiên nơi nhà ông, Ngọc đã mộng mị xa vời. Chàng vói tay lấy chiếc đồng hồ đeo tay đặt trên bàn đêm. *"... Trời chưa kịp sáng, mới bốn giờ bốn rưỡi gì đó, một sự rậm rực vô ý thức đã đánh thức tôi dậy. Nằm rán một lúc, trông qua cửa kính, thấy ánh sáng bên ngoài đổi màu. Không chỉ còn là ánh điện. Có một thứ ánh sáng gì khác hẳng lên rồi, không biết từ lúc nào..."**

Ngọc nhìn ra khung cửa quên kéo màn. Ánh sáng cũng vừa nhen lên rập rờn. Chàng tung mền chạy ra, quên cả cái se sắt sớm mai; áp mặt nhìn. Ở phương đông, một nhúm mặt trời vừa rạng. Thấp thỏm, le lói. Ngần ngừ chưa muốn phá vỡ trinh tiết đêm tháng năm. Mà vạm vỡ như sức hấp dẫn của một thân thể cường tráng, cuồn cuộn sức sống, háo động. Ngọc sững người trước cảnh khai sinh, tim đập rộn ràng. Những bóng núi khắc khoải của đời chàng vừa giật ra cho nắng hâm nóng. Phiến đá phiền toái nặng nề hửng sáng, phà vào thiên nhiên vô tận hơi ấm nồng nàn, ẩm mồ hôi hoan lạc. Ngọc muốn quỳ xuống, muốn dang tay sờ cái thinh không bần bặt bí ẩn ngoài kia, nhưng lớp kính đã ngăn chàng lại. Trời sáng dần. Màu sắc thay đổi lặng lẽ. Xanh tím sang đỏ cam. Đỏ cam tới vàng tái. Hồ nước từ xa hiện rõ dần sau những đốm sương mai máng trên chập chùng thông xanh.

Ngọc khoác áo choàng, rón rén xuống lầu vào phòng làm vệ sinh sáng. Lúc trở ra, chàng nghe tiếng nước reo trong bếp. Đẩy cửa thì thấy gia chủ đã ngồi đó từ bao giờ, cạnh chiếc bàn gỗ thông, trên bày bộ ấm trà đất nung. Chụp đèn treo khoanh một vòng sáng lên mặt bàn, không soi rõ mặt ông. Cửa kính sau lưng còn đục lờ bóng tối.

— Anh vào đây chia với tôi một chung trà sớm.

— Vâng.

Ngọc đáp khẽ, bước tới ngồi cạnh. Dĩa tách bày ra. Mọi cử động đều chậm chạp cẩn trọng. Ngọc có cảm tưởng ông sợ làm kinh động giấc huyễn hoặc của ngày hôm qua chưa mất. Bàn tay ông đầy đặn, ngón hồng hào mum múp. Không ai nghĩ rằng ông là người có sức khoẻ kém.

— Anh mồi giùm tôi ngọn nến con hâm trà. Tôi châm nước vào ấm.

Ngọc lúi húi làm theo lời ông, không nói. Chàng cố gượng nhẹ, ngại tiếng động lớn sẽ vấy bẩn buổi đối ẩm đầu ngày. Gia chủ vừa châm nước, vừa lẩm nhẩm:

— Trà xanh của Nhật Bản. Chỉ trà thôi, không ướp thêm hương vị nào khác. Cũng như chiếc ấm này, chỉ đất nung thôi, không phết thêm lớp men nào cả.

trại cấm

Hàng rào kẽm gai ở phía trước
Hàng rào kẽm gai ở phía sau.

Em nhỏ ạ, tự do là điều có thật
như bầu trời và bầy chim lượn xôn xao
và tự do là điều em chưa có
trong vòng rào trại, trên vùng đất tự do.

Mơ ước gì không, cô em trong trại cấm?
buổi sáng xôn xao tin tức trả về
Giọt nước mắt khô mịt mờ ước vọng
tiếng thở dài hun hút giữa đêm khuya.

Có nhắn gì không, có gửi gì không?
em nhỏ sinh ra trong trại tập trung
Tên của em tiếng Anh, tiếng Tàu hay tiếng Việt?
chẳng ngôn ngữ nào gói trọn hết lao lung.

Có nhắn gì không, có gửi gì không?
vết đứt kẽm gai đẫm giọt máu hồng
dấu chấm nhạt nhoè tờ đơn thỉnh nguyện
mảnh ước mơ gầy tan giữa hư không.

Buổi sáng nhìn qua hàng rào kẽm gai
thấy mắt ai sâu hút, lạc loài.

hoàng chính

Ngọc nghe và ngắm khuôn mặt ông đầm đầm xê dịch qua lại, nhô ra vũng đèn rồi lùi vào bóng nhá nhem của ranh giới đêm ngày. Ấm áp và lạnh lẽo. Gần gũi mà xa vời.

Ông ngồi vào chỗ cũ, hai tay đặt lên bàn. Mười ngón khum vòng lấy dĩa tách con. Trũng đèn chỉ soi sáng hai tay và một ngực áo ngủ sọc xám. Còn lại đều ẩn vào màu ngày chưa thức.

— Bệnh tim anh ạ. Đã mổ một lần, giờ tái phát. Hừm, trái tim nó quấy phá mình dữ quá. Lúc hơ hớ trai tơ, cũng nó. Thời trung niên ham sống, cũng nó. Lúc xế chiều cần tĩnh lặng, lại cũng nó. Không khéo mọi người lại kháo nhau rằng tôi là kẻ lụy vì tim.

Ông cười. Ngọc cười theo. Ông nhấc ấm, rót trà vào chung, cúi mặt hít lấy làn khói chợn vợn, rồi thận trọng nâng lên bằng hai tay, hớp một ngụm, khép mắt nhâm nhi, gật gù:

— Vừa thấm đủ. Mời anh.

Và ông nghiêng ấm rót vào chung cho Ngọc. Cả hai im lặng nhấp ngụm trà sớm. Vị trà thơm lành như mảnh trăng non vừa chạm lưỡi. Căn bếp bất động. Lồng ngực thôi phập phồng. Tim ngưng đập. Tịch mịch đến nỗi Ngọc bắt được cả hơi thở miên man của ban mai. Cả tiếng cựa mình thức giấc của tĩnh vật chung quanh. Và dòng huyết quản rạo rực luân lưu của chóp núi bất động vĩnh cửu ngoài kia. *"...Ở đó tôi bắt gặp ý nghĩa của một buổi sáng tháng năm, vào cái lúc 'gà gáy chim kêu'. Ở đó, quặt một tay với chiếc ghế nhựa kéo đến bên một gốc cây bàng, sửa ghế cho ngay ngắn, tôi ngồi xuống, gác chân lên một khúc cây khô chưa kịp dọn nằm cạnh đấy, tay kia nâng cốc cà-phê lên tợp liền mấy tợp, hít hít cái mùi cà-phê trộn lẫn với mùi sương mai, mùi nước bể, rồi ghếch mở nhìn mông ra mặt nước với chân trời... đột nhiên tôi 'ngộ' cái nghĩa sống trên cõi đời quí báu. Tôi ngộ cái một, không kịp tốn sát-na suy tưởng nào"*.

Xong chung trà thứ nhất. Chờ một lát như để cho Ngọc hưởng nốt cái hậu vị ngọt đằm, ông mới châm thêm tách thứ hai. Bây giờ ông bắt đầu khơi chuyện:

— Lần đầu gặp tôi, anh có cảm tưởng gì?

Ngọc lúng túng:

— Ngại ngùng, thưa ông.

— Tại sao?

— Vì... tôi ngại quấy rầy nếp sống thường ngày của ông.

Ông cười khẽ:

— Lại nghe người khác nói lệch về cách sống của tôi rồi.

— Họ nói đời sống ông trật tự, ngăn nắp như sách được bày trên kệ theo mẫu tự a b c.

— Tại họ không hiểu đó thôi. Thú thật với anh, sống tha hương là mới chỉ sống một nửa. Cái cây nhiệt đới bứng đem trồng xứ người thì tốt tươi sao nổi. Đôi khi, tôi chỉ sống trọn vẹn trong lúc sáng tác. Cảm hứng, niềm ham sống, bản năng sinh tồn và nỗi ai oán nhân sinh cùng lượt bừng lên, ầm ầm thác đổ, phừng phực phun lửa, gào thét như kẻ điên rồ. Đừng tưởng, cứ lao vào cuộc bon chen bên ngoài, rậm rật ganh đua cùng mọi người là biết sống. Anh có thấy đỉnh núi tuyết tận xa kia không?

Ngọc đang trôi theo động lực ngôn ngữ ông, đột ngột dừng lại, lắp bắp:

— Đỉnh núi tuyết... sao ạ?

Ông cười xoà:

— Vậy là anh chưa thấy rồi.

Ngọc hấp tấp gật đầu:

— Có chứ, ngay trên chuyến phà chiều.

Nét mặt ông chợt sáng. Ngọc thấy căn bếp hực lên, bừng sức sống.

— Người đưa phà có bắt chuyện dông dài với anh không?

— Có.

— Anh có thấy ông ta hơi kỳ

quặc không?

— Tại sao kỳ quặc, thưa ông?

— Vì ông ta kể lể nhiều điều với một người mới gặp lần đầu. Hôm đầu tiên vợ chồng chúng tôi đi phà sang đây xem nhà, cũng bị ông ta gợi chuyện đường đột kiểu đó. Như thế, không lạ lùng sao?

Ngọc do dự:

— Tôi không cho là lạ lùng, mà là hiếu khách.

Ông cười lớn, đập nhẹ lên vai Ngọc:

— Cũng có thể. Nhưng chắc chắn một điều là anh đã bị câu chuyện của ông ta thu hút đến nỗi không nhận ra thái độ kỳ lạ ấy.

Ngọc còn ậm ừ thì ông đã tiếp lời:

— Mà chuyện kể của ông ta đâu có gì. Chỉ là những biến dạng của thời gian. Thụ hưởng và cùng quay theo vòng thời gian là đã biết sống. Đứng ngay trục thời gian nhìn ngắm vòng nhân sinh thay đổi mới thật sự sống, sống vĩnh cửu.

Nói xong, ông im lặng xoáy tia nhìn vào mắt Ngọc. Chàng bối rối nâng tách trà lên hớp ngụm nhỏ. Ngọc cảm thấy hao hụt chới với, có cảm tưởng chưa đuổi kịp bước chân ông thốc quá nhanh vào cuộc nhân sinh. Thoắt một cái đã lọt hẳn vào, lặn hụp hào hứng trong niềm hoan lạc vô biên ấy. *"Bạn chỉ cần đến đây, một chỗ xa cách mọi công việc bận bịu, ngồi xuống nơi lằn ranh giữa đất và nước, vào cái giờ ranh giới giữa đêm với ngày, thế thôi... Sự sống của hôm trước không chịu tắt, chịu nghỉ; sự sống của hôm sau lại không chịu chờ. Nó không kiên nhẫn, nó không nhường nhịn. Nó nhấp nhổm, nó rậm rật, rốt cuộc nó bắt đầu trước cái lúc được phép bắt đầu. Vì vậy mà hôm trước với hôm sau suýt nữa va chạm nhau"**

Bên ngoài, ngày của hôm nay cũng đã lấp liếm lấn vào, xô giạt đêm của hôm trước. Trời đẹp, nắng óng ả rắc vàng lên chòm cây xanh rập rờn. Ngọc nghe lòng chênh vênh nơi biên giới thời gian, vô hình mà có mặt lừng lững; nghe lòng vọng lên tiếng còi phà sửa soạn lao vào hồ sương, ầm đạm báo thức. Chàng hoan hỉ như cánh chim trời trở lại chốn cũ, thấy cảnh vật vẫn y như trước; những thương tích lưu vong suốt mùa đông qua đã liền da ráp thịt, không còn vết sẹo nào.

Ông đứng dậy, mời Ngọc ra bao lơn chỉ cho xem nét man dại ngất ngây của thiên nhiên nơi đây. Mái trời trong vắt. Sương chỉ còn một lớp tơ mỏng.

Chỉ trỏ huyên thuyên một hồi, ngón tay ông hướng về đỉnh núi trắng lạnh ngoài tít xa kia.

— Người ta gọi nó là "Hạc Trắng". Tôi không thấy nó giống con hạc chút nào, mà trông như chiếc nón lá rách của dân quê mình. Đọc báo biết, đầu thế kỷ này đã có hai người mất mạng vì nó. Rồi mới đây một nhóm du khách tới đấy trượt tuyết, rơi xuống vực, biệt tích mất tăm. Năm người thiệt mạng vì xui xẻo, còn hai kẻ kia tiêu đời vì tham vọng của chính họ...

Ông ngần ngừ, lưỡng lự suy nghĩ rồi tiếp:

— Cũng khó quyết đoán. Gọi đó là tham vọng, hồ đồ quá chăng? Biết đâu chỉ là tính tò mò nông nổi muốn trèo lên cho vui. Không biết anh có nghĩ giống tôi không? Tôi tin vào thần lực của thiên nhiên anh ạ!

Ngọc gật gù tán đồng. Ông quơ tay hoạ mông lung trong không khí:

— Mỗi một phong cảnh hùng vĩ đều có một tiếng gọi riêng. Có người bị tiếng gọi của núi mê hoặc

---

sông xưa

Dòng sông đó vẫn muôn đời cuộn chảy
Đã cho ta tắm mát những trưa hè
Mang phù sa đắp bồi xanh cây trái
Sông hiền hoà như lòng mẹ chở che

Những buổi sáng ghe thuyền về neo bến
Chở cá tươi, trái ngọt cất lên bờ
Chợ làng quê nhóm tới trưa là hết
Thuyền rời bờ cho bến vắng ngẩn ngơ

Xuống lướt nhẹ vợ tay chèo thong thả
Lưới tung cao chồng rải xuống sông sâu
Mẻ lưới đầy chứa nào tôm, nào cá
Chứa tấm lòng vợ chồng trẻ yêu nhau

Chiều tắt nắng rộn ràng nơi bến nước
Những thanh niên, thiếu nữ quảy trên vai
Đôi thùng nước chứa đầy, vui sóng bước
Chuyện rì rào to nhỏ, chuyện tương lai

Rồi đêm tới nghe giọng hò văng vẳng
Của khách thương hờ cất vọng trầm buồn
Trong chăn ấm của đêm khuya thanh vắng
Ta chợt buồn vì thương kẻ tha phương

Ôi sông xưa của những ngày năm cũ
Đã qua rồi tưởng như giấc ngủ mơ
Giờ đất lạ làm loài chim viễn xứ
Vẫn nhớ hoài sông cũ thuở ngây thơ.

minh tuấn

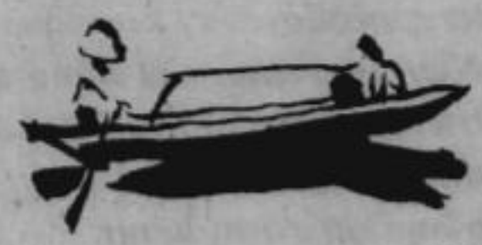

tới độ suốt đời chỉ muốn chinh phục ngọn núi này, đỉnh tuyết kia. Có kẻ bị đại dương quyến rũ, chỉ ưa thám hiểm chốn hải hồ. Lại có vị bị ánh trăng ám ảnh tới nỗi phải dày công nghiên cứu sáng chế thành chiếc phi thuyền lên đấy một phen cho mãn nhãn. Tất cả chỉ vì, một là cho thoả tính hiếu kỳ, hai để đáp lại lời thôi thúc vô hình mà vô cùng mạnh mẽ của thiên nhiên.

Ngọc rụt rè chất vấn:

— Riêng ông bị điều gì ám ảnh?

Ông nhướng cặp mắt nhìn Ngọc, đo lường dọ dẫm:

— Tôi ấy à? Tôi... hừm... tôi bị cái im lặng của ngôn ngữ đeo đuổi không rời. Cắt tai, mổ bụng, tự sát bằng hơi ngạt, bằng súng nào có thấm thía gì, cũng không phải là cách giải quyết. Mình phải bám lấy, nhẫn nại bền bỉ như một người leo núi phải bỏ cuộc bao phen vì bão tuyết, vẫn cứ trèo lại từ đầu. Đỉnh Hạc Trắng nhắc nhở tôi điều ấy mãi. Cho tới một lúc, tôi nắm được niềm giao cảm giữa văn chương và núi tuyết, giữa tôi và khối trắng bất động nằm kia... Ấy chết, tôi có quá lời về mình, về cái tôi hèn mọn quá không?... Mời anh vào nhà dùng điểm tâm với vợ chồng tôi. Đơn giản thôi, chỉ có cơm nếp với muối mè. Anh thích trứng chiên với thịt un không? Nhà tôi làm món này rất khéo. Phần tôi, bác sĩ cấm đủ cả. Suốt đời cứ đau đớn vật vã vì trái tim, thật phiền!

*

* *

Sau bữa cơm trưa đạm bạc, ông than mệt. Bà tận tụy đưa thuốc cho ông, rồi cáo lỗi Ngọc, lui vào phòng riêng. Ngọc tới lui thơ thẩn ngoài vườn cây, nghĩ cách xếp đặt thứ tự cho bài viết về chuyến thăm viếng này. Chợt chàng bàng hoàng nhận ra tính phiến diện của sự việc. Tất cả đều thiếu chính xác. Lấy gì để đo tiếng gọi của núi, sự quyến rũ của biển cả hay nỗi ám ảnh cùng cực của vầng trăng? Còn mối giao cảm giữa người và cảnh, làm sao kiểm chứng? Ngọc mù mờ nghi hoặc. Chàng lên phòng, mở cửa dẫn ra bao lơn, lẩn thẩn đứng giữa luồng nắng ấm như muốn hong khô những nghi vấn còn tươi máu. Ngọc thả người xuống ghế bố, gối tay sau gáy, nghĩ vu vơ.

"...Giữa Mênh Mông Vô Thủy Vô chung, mỗi đêm khuya mỗi mai sớm, bên một mép nước đại dương, tay bưng cốc cà-phê, ngồi mà rình xem cái chân diện mục của từng phút giây. Hồi hộp, run lên vì cái rạo rực ngấm ngầm trong mỗi một phút giây. Chẳng phải là điều nên làm sao?"

Ngọc thấy mình đứng trên chuyến phà thưa người, lừ đừ trôi ra hồ nước rộng. Màu trời, màu cây lá, màu nước, cả màu sắc tưởng tượng trong trí chàng đều bằn bặt một sắc vàng nâu. Không gian tẻ ngắt, vô cơ. Thời gian dường như đông cứng lại. Không một tiếng động, dù nhỏ. Con phà lướt qua một đám sương bốc lên như rào ngăn. Quang cảnh bên kia chợt rựng lên sự sống vỡ vập. Ngọc nhớ lại, đấy chính là trời tháng năm đang xuân qua lời kể của người đưa phà. Chỉ lạ một nỗi, đỉnh núi xa xăm kia không còn đóng tuyết, trông trơ trụi sống sượng điếng người. Ngọc sững sờ, không thốt nên lời, tuyệt vọng như bị loài người ruồng bỏ. Trên nền trời trong biêng biếc, ngọn núi vươn mình một khối hình tháp màu đá xám, chất lớp như những uất ức dồn nén. Ngọc tưởng lại màu trắng mới hôm qua còn thấy, quay mặt tìm, ngơ ngác như nhà văn bói tìm vô vọng những tro than ngôn ngữ sau cơn hoả hoạn tư tưởng.

Ngọc chới với quơ quào hai tay trong không khí, tỉnh giấc xế trưa. Lửa mộng còn táp rát da thịt. Cả thân chàng đầm đìa mồ hôi. Nhớ tới giấc mơ ban nãy, Ngọc bật dậy nhìn về hướng núi. Đỉnh tuyết vẫn đắm chìm im lìm trong giấc mộng trắng.

— Anh bạn ơi, xuống đây tôi chỉ cho xem cái này hay lắm!

Giọng ông từ dưới vườn cỏ vọng lên thúc hối. Ngọc vuốt lại tóc rối, nghiêng người qua lan can, cười gượng:

— Gì đó, thưa ông?

Người đàn ông ngẩng mặt, một tay che nắng:

— Nơi này có một giống thổ lan ngộ nghĩnh lắm, trông y hệt như một con ong cái. Chúng mời mọc quyến rũ các chàng ong đực ham sắc dục tới giao hoan, cốt để rắc nhụy truyền giống. Tôi vừa tìm thấy vài nụ mới nở bên hàng rào, anh xuống đây tôi chỉ cho xem!

— Tôi xuống ngay.

Ngọc hấp tấp vào phòng thay áo. Khi soi gương, chàng nhận ra dấu thời gian đã bắt đầu hiện rõ trên mặt. Sau đó chàng chậm rãi mang giày, nghĩ tới buổi chiều ra hồ xem trời đổi màu với vợ chồng ông, còn gần bốn tiếng nữa. □

---

* Văn trích đoạn trong *Hoan ca* của Võ Phiến.

---

một mình

Chân trời góc biển
Mang mang sương mù
Hải đăng sừng sững
Lửa soi nghìn thu.

cao hoàng nhân

hư ảo

chiều xanh
một giải ngậm ngùi
thoáng em
hư ảo
giữa trời mênh mang
theo con bướm trắng
lang thang
vấp chân phải sợi nắng vàng
chênh vênh
thấy mình
bỗng chốc nhẹ tênh
bay cao
trên cõi gập ghềnh
nhân gian.

hồ ông

Tàu Đêm

Đoàn Tam

....

Đê đầu tư cố hương

(Lý Bạch)

Hai người quen nhau dễ dàng. Ngồi lâu mỏi, mò xuống đuôi máy bay tìm chỗ đứng, gần đến nơi mất Sơn chạm phải một thanh niên Á châu. Chàng còn phân vân, người kia đã toét miệng cười, hỏi bằng tiếng Anh: "Xin lỗi, ông là người nước nào?" Nghe cách phát âm, Sơn đáp luôn bằng tiếng mẹ: "Tôi cũng là Việt Nam như anh". Người thanh niên tỏ vẻ mừng rỡ, nhích ngay vào ghế trong, vồn vã mời ngồi.

— Anh đi Thái hay Hồng Kông?

— Ả không, tôi viếng Mã Lai.

Mất người bạn đồng hành lóng lánh tò mò. Sơn hỏi chặn:

— Chắc anh qua Vọng Các giải trí?

— Ơ... tui qua bển lo công chuyện làm ăn, luôn tiện thăm bà con. Mấy mục kia, mình tuổi trẻ anh hùng mà anh.

Câu hỏi của Sơn có tác dụng mong muốn. Kẻ đối thoại với chàng nửa lúng túng nửa thích chí, quên ngay thắc mắc.

Dũng cao lớn vạm vỡ, mặt hơi rỗ, da ngăm ngăm, có lối nói chuyện rất cởi mở, ấm áp, mỗi lúc một tự nhiên, sau nửa giờ ngôn ngữ chen khá nhiều tiếng "Đức". Năm nay 33 tuổi, Dũng sang Hoa kỳ đợt bỏ xứ đầu tiên, được cha mẹ đẩy lên tàu trước rồi cả nhà kẹt lại. Xong trung học, vô duyên với sách đèn, chàng thanh niên tị nạn vui vẻ chọn nghiệp giang hồ. Lăn lộn nhiều năm trong giới anh chị, Dũng có thời làm chủ bia ôm ở Long Beach, có lúc hùn hạp mở tiệm tắm hơi trên San Francisco, chơi bời khét tiếng.

— Anh Sơn được mấy cháu?

— Tôi chưa lập gia đình. Anh chắc cũng còn... ưa bay nhảy?

Dũng cười mím chi, xoay người ngả đầu vào kính cửa sổ:

— Vợ, bốn con rồi đó cha. Thêm hai con mèo, một em Trung quốc chính hiệu, với một con nhỏ Mễ.

—...Giỏi. Anh khéo, hay chị nhà hiền lành quá đấy?

Như bị điểm trúng huyệt, Dũng hùng hổ móc túi ném xuống khay ăn một xấp giấy bạc dày cộm.

— Nè, anh coi, chính tui còn chưa biết ở trỏng có bao nhiêu. Bữa trước nói sơ với bà xã: "Em à, ngày hăm hai anh qua Thái có công chuyện, đi nửa tháng". Sáng nay thay đồ rớ túi thấy cọc tiền nhét sẵn hồi nào. Hổng đếm, chớ tui biết chắc dư sức ăn xài, mát-xa em út xả láng vẫn còn bạc mang về. Bả rành quá mà...

— Ồ, chị cởi mở quá nhỉ.

— Tụi tui ăn ở không có hôn thú gì ráo trọi mà dám dài hơi hơn đám con nít bi giờ đó anh. Làm bao nhiêu tui đưa bả hơn chín phần mười, chỉ giữ lại chút đỉnh đủ nhậu nhẹt với anh em, nhưng mà hễ tui nói trước sắp đi xa thì tới bữa lên đường túi quần phải nạp địa sẵn sàng. Quen hơi bén nết, êm thắm lắm anh ơi.

Sơn không khỏi tò mò:

— Anh đưa chị lớn nhiều vậy rồi làm sao lo cho hai chỗ kia?

Người bạn mới quen của chàng nháy mắt thân mật:

— Khỏi lo thường xuyên, hai con nhỏ kia tụi nó mê tui. Bà xã biết hết mà hổng thèm tranh chấp, vợ nhỏ kêu tới cứ chuyển điện thoại tỉnh bơ. Có luật pháp đàng hoàng, mình nạp đủ thuế thì công lộ khơi khơi...

— Nhất anh nhé, có vợ mà còn được tự do lả lướt thì đến... tôi cũng phải thèm!

Dũng đắc ý, nốc cạn lon bia, đề nghị:

— Mình binh xập-xám chơi, anh.

Sơn chợt nhận ra là Dũng uống bia liên miên, mới nãy giờ mà đã thanh toán dư bốn năm lon. Người nam tiếp viên hình như quen mặt, mỗi lần đi qua đều đưa mắt kiểm soát, hễ thấy vỏ bia bẹp dúm nằm trên khay lại cầm đưa cho lon khác, cười tán thưởng. Ông bạn dân chơi của chàng chuộng thứ men Tây Đức; cứ đà tiêu thụ dễ nể này thì e trước khi phi cơ đáp xuống Đông kinh, trên tàu sẽ không còn một Beck nguyên vẹn nào.

Người tiếp viên đưa bộ bài mới, Dũng đón lấy, lột bao, soạn bỏ những lá hề, xóc, chia, cử động đôi tay nhuần nhuyễn tuyệt vời.

Hai người vừa xong mấy ván, bên tai bỗng có tiếng hỏi:

— *Hello*, hai anh là Việt Nam phải không?

Giọng Trung, âm điệu tương tự như Huế, nhưng nghe rắn rỏi, mạnh dạn hơn. Người hỏi là một thanh niên mặt mày trắng trẻo, tóc uốn dợn, y phục cà-vạt vét-tông rất chỉnh tề. Đặc biệt y có đôi mắt tròn to, hơi ngơ ngác.

— Vâng, chúng tôi là người Việt cả. Đi xa gặp đồng hương, vui ghê

anh Dũng nhỉ. Mời anh ngồi.

Hưng là dân Đà Nẵng, vượt biên đến Mỹ năm 80. Tốt nghiệp cao học kỹ sư điện ba năm trước. Hưng đang làm cho một hãng lớn ở miền nam Cali. Nhân hoàn cảnh chính trị thuận lợi, anh về nước cũ thăm gia quyến.

Hưng cũng biết binh xập-xám. Những ngón tay khờ khạo nắn vuốt từng lá bài chậm chạp khó khăn. Tay bài xoè lóng cóng chỗ thưa chỗ dày, mười ba lá khấp khểnh trồi sụt, rung rung chực đổ. Lâu lắm, anh vẫn còn loay hoay sắp đặt.

Dũng lại đốt thuốc. Chiếc bật lửa trong tay anh trông rất cầu kỳ. Sơn mượn ngắm chơi. Cỡ Zippo, sơn đen tuyền, sáu mặt chạy viền vàng hăm bốn, phía trước gắn hình cọp múa vuốt nhe nanh. Mãnh hổ từ đầu chí đuôi chói lọi vàng và kim cương nhưng một bên mắt chỉ còn là hố đen ngòm. Có dấu vết cạy gỡ, không phải sút rơi. Chàng ngẫm nghĩ. Dũng cười méo miệng:

— Bữa trước nhậu thua, phải để nó móc con mắt đó anh, cái thằng thiệt ác.

*

* *

Phố Tàu Kuala Lumpur, khoảng mười giờ sáng.

Sơn tiếp tục theo dõi hắn, kẻ đồng lõa trong âm mưu làm náo động phố phường. Bán, chẳng thiếu người mua; mặt hàng, những quả xoài "ngà voi" dài cả gang tay mõm hơi ngoéo lại, tự chúng rõ ràng thừa sức cám dỗ thần khẩu khách dạo chợ. Cần gì phải rao inh ỏi liên tu bất tận như thế. Chàng đã bắt quả tang mồm hắn la ong óng trong khi hai tay tíu gít gỡ bao ni-lông hay đếm tiền trao khách. Rao, ở đây không còn cố ý nhắm vào người qua lại, mà dường như là một phản xạ phải há miệng khi màng nhĩ rung động do vô số điệp khúc tương tự của đồng nghiệp xung quanh. Oang oang, ồm ộp, quang quác. Đây là một cái ao ễnh ương trời mưa. Hay một cái sân chim rặt toàn giống vạc.

Chàng chợt nghe khô cổ. Chú ý tự lúc nào đã lặng lẽ chuyển qua những chiếc xe bán nước giải khát. Linh tinh hàng đôi chục thứ. Nước dừa, nước mía, nhãn nhục, đậu nành, xương xáo, mía lau, trà hoa cúc, xương xa hột lựu, dừa nước, "sinh tố", *soda*... Nóng lạnh, Tây Tàu, mới cũ lẫn lộn đề huề. Hai tai chưa hết ù vì tiếng vạc kêu thương (!), miệng lưỡi đã cơ hồ bấn loạn bởi những mời gọi níu kéo thầm lặng mà không kém phần tha thiết. *Thân này ví xẻ làm*... Bất đắc dĩ, chàng đành lộ ý thiên lệch mà bước tới hỏi thăm bà chủ xe nước dừa. Kinh nghiệm quá ngọt ngào hấp dẫn ở Thái Lan gây chủ quan khinh địch. Dừa miệt này lại lớn trái xôm trò coi bộ uống một quả cũng đủ đã cơn ghiền. Kịp thấy bà chủ ụp nước ra ly cối rồi thiệt lẹ tay múc luôn một muỗng chất lỏng gì từ cái bình nhôm bự đổ vô ly khuấy lóc cóc, chàng giựt mình. Triệu bất tường, đề cao cảnh giác. Ừng ực mấy hơi, cổ họng dịu mềm, bụng dạ tươi mát, chàng nghe buồn ít vui nhiều. Buồn vì dừa Mã to xác mà lạt nước lạt mùi, thua đứt dừa Xiêm. Vui, vì tuy vậy giống ở đây vẫn trội hơn dừa Mễ, dừa Hạ uy di. Thêm vui nữa, vì ngẫm lại giống tốt mà mọc rải cùng năm châu bốn biển thì e bớt quý.

Văng vẳng có tiếng trống, thanh la. Đầu đường, ai vừa trương lên một tấm vải đỏ lớn cỡ lá buồm, chữ vàng lấp lánh.

Sơn đông mãi võ tân thời? Hay đại hạ giá Đông y thần dược? Một chú ba bụng phệ áo sơ-mi trắng quần tây đen giơ chân múa tay phùng mang trợn mắt. Rắn quấn trên vai, lưỡi đỏ hỏn thụt ra thụt vào. Rắn ngóc đầu lắc la lắc lư trong ba bốn chiếc rổ đặt giữa mảnh bàn trải khăn vàng chói. Rặt giống hổ mang. Những cặp mắt kính giả lồ lộ trên nền da xám lạnh, những con mắt rắn thật nhỏ như

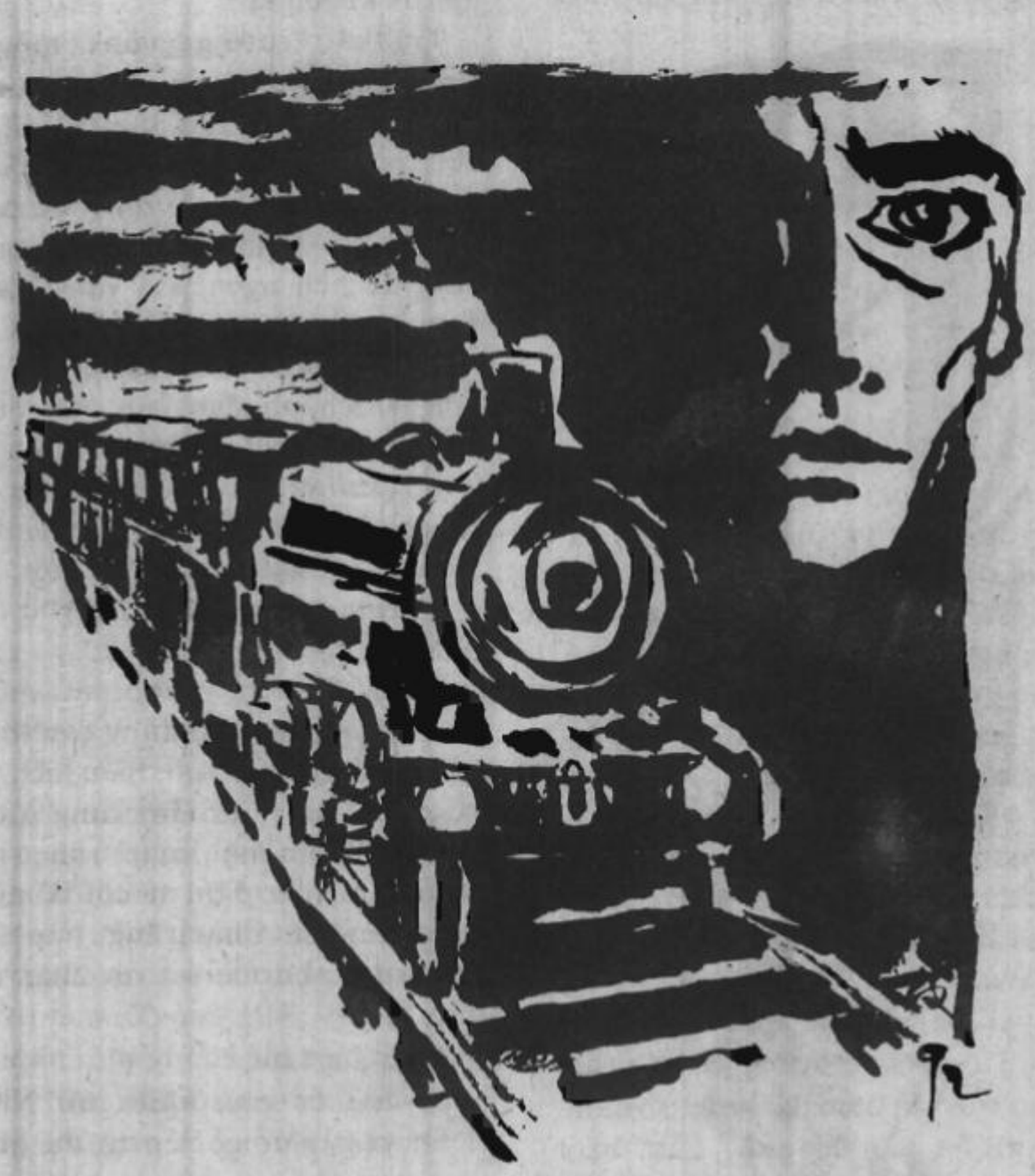

hạt đậu trợn trừng vô cảm. Y bán gì? Thuốc chữa nọc rắn chăng, thuốc xoa tay xoa chân kỵ rắn chăng? Bất kể, những ve thuốc xanh bí ẩn tha hồ đi khắp vòng người rồi trở lại gần nguyên vẹn sĩ số trên khay. Cúng dường chẳng khứng, coi cọp lâu ngó cũng kỳ, Sơn làm thinh đánh bài tẩu mã.

Rẽ vào ngõ khác, bước được vài bước, mắt chàng sực cay xè, mũi ngạt chới với. Cơn gió ác ôn thổi tấp vô mặt bao nhiêu khói của một cái bếp nướng khô bò đặt ngay cạnh lối đi. Liếc vô tiệm, thịt treo đỏ vách. Thực là một cái giang sơn của loài thịt khô. Vị giác tò mò, chàng mua luôn một tấm lớn bằng bàn tay, vừa đi vừa nhai vừa suy tưởng về quan niệm nhân sinh.

Sáng nay Sơn ăn điểm tâm ở tiệm Tàu góc phố đằng kia. Tiệm lớn, thoáng mát nhờ hai phía không xây vách và nhờ năm sáu chiếc quạt trần đua nhau chạy. Kêu xong tô hủ tiếu đồ biển, chàng ngồi thưởng thức cảm giác dễ chịu tuy không hẳn thân quen. Rốt cuộc, thị giác chàng đã tự động tìm ra được cách nhìn thích hợp khi ở trong quán Tàu bình dân. Nguyên tắc đơn giản: cứ tha hồ ngắm nghía cơ ngơi cửa hiệu, nhưng nên tập trung vào đại thể, tổng quan mà lược qua tất cả chi tiết; thứ nhất là loại chi tiết liên hệ trực tiếp đến công việc chế biến hay tiêu thụ món ăn. Cụ thể, nên tránh nhìn tỉ mỉ vào chén, bát, muỗng, đũa, bình đựng xì-dầu, ớt chua, ấm trà,... Nếu may mắn ngồi gần hoả lò, cứ tự nhiên quan sát những cách chặt thịt lão luyện tài tình, những phép bốc, nhúng, vớt mì nhanh gọn đầy tính nghệ thuật,... Tuy nhiên, mục quang không nên vơ vẩn trên áo quần người đầu bếp, trên tấm tạp-dề (nếu có), và nhất là tuyệt không được tò mò theo dõi đến sinh hoạt của hai bàn tay khi y không làm món ăn! Lúc ấy, mắt khách có thể chuyển ngay lên cái bức tranh ngựa ám khói *Kỳ khai đắc thắng, mã đáo thành công* treo giữa nhà kia, hay nhìn luôn ra cửa tạm nghỉ ngơi trên tấm vải đỏ *Grand Opening* bay phần phật tự mãi năm nào.

Ngoài hai bàn tay của hỏa đầu quân, chàng cũng từng băn khoăn về ngón tay cái của các chú hầu bàn. Nước dùng nóng quá, mà ngón tay ấy rất nhiều khi thọc sâu vào bên trong bát một cách thực đáng ngại. Đành là một thế cầm vững chãi, song thực khách đôi khi vẫn thấy

xao xuyến, nôn nao, mà không hẳn chỉ vì an toàn của người bưng rước. Những lúc như thế, tâm không vững, tối kỵ nhìn xuống nền nhà. Thực ra, tốt hơn cả là đừng bao giờ nhìn xuống nền nhà, nhìn vào các xó xỉnh. Phải luôn luôn hướng thượng.

*

* *

Khi người em gái của Vương Bằng cười nhỏ nhẹ, ôn tồn yêu cầu Sơn cởi giày, thì khi ấy chàng trông đã gần giống hệt một người Hoa bản xứ. Nói rõ, là một kẻ vừa ở chợ về. Một tay, ba xách ni-lông, non hai ký lô trái cây nhiệt đới: măng cụt, chôm chôm, xoài ngà voi, dĩ nhiên, và khế. Thực tình, chàng không sính của chua như đa số các cô các bà, nhưng những trái khế Mã to lớn sởn sơ dị thường, cám dỗ đầu óc tọc mạch. Dẫu sao, chiếc máy ảnh bỏ túi lủng lẳng trước ngực và vẻ mặt ngơ ngẩn đủ giúp Khả Khanh ức đoán tung tích người khách lạ.

Trà thất Trường Xuân là một cái u cốc giữa nơi đô thị. Ánh sáng dịu vì màn vải thật dày buông kín và đèn treo ý tứ. Không khí mát mẻ dễ chịu do máy lạnh để nhiệt độ phải chăng. Và không gian im ắng lạ lùng dù bên ngoài kia vẫn là phố Tàu ồn như chợ vỡ.

— Ông định dùng trà gì đấy ạ?

Khả Khanh đến bên, hỏi bằng một giọng êm ái. Chàng vờ nhìn lâu tí nữa xuống hai trang giấy trên tay rồi chỉ đại vào một thứ trà giá nhỡ. Nàng cười gật đầu không nói.

— Ông biết sử dụng các thứ này phải không?

Nàng đã trở ra, khẽ đặt xuống bàn những món đồ dùng cần thiết. Lại cười, ranh mãnh, hiểu biết, mà nền nếp, ôn nhu. Hơi rung động, Sơn đang tìm một lời trêu ghẹo nhẹ nhàng thích hợp thì nữ chủ đã điềm đạm cáo lui. Chàng biết mình ưa nơi này từ khi chưa bước chân vào cửa.

Ngồi một lúc chàng mới nhận ra cách bài trí pha nhiều lối Nhật. Trên mặt sàn gỗ lên nước bóng

---

mời

về đâu giữa nóng hè oi ả
có lẽ hôm nay nắng đổ nhiều
nếu như em chẳng e người lạ
dừng gót nhà tôi đợi cuối chiều
nắng sẽ vơi và trời sẽ dịu
biết đâu không có gió hiu hiu
đêm tối đi về em nghe sợ
đường xa, đừng ngại... có tôi theo!

nguyễn bá dĩnh

trơn, rải rác những bàn cao ước chỉ non hai gang tay và những gối vải xanh dùng thay ghế. Đó đây dăm chiếc đèn quả dưa dài sọc treo lơ lửng; trong các góc nhà, mấy bộ đèn khung vuông vức toả sáng chững chàng. Diện tích dùng tiếp khách, cả thảy ba gian, được phân chia bằng tường giấy phất. Trà Tàu, tiệm Nhật. Giá cậu chàng có mặt, hẳn cậu để ý ngay và lấy làm thú vị.

Los Angeles thế mà cũng có, cũng đã từng có, một trà thất. Do tình cờ, Sơn phát giác khá sớm hiện diện độc đáo, và đã tức khắc báo tin cho cậu mợ chàng. Phản ứng sốt sắng của cậu là thông lệ, còn mợ Sơn, vốn từ lâu thưởng thức những màn uống trà trong *Xóm Vắng*, cũng tỏ vẻ đặc biệt hồ hởi. Sáng thứ bảy ấy, ba người làm khách mở hàng. Tiệm mới khai trương nên bàn ghế màn sáo sạch sẽ tinh tươm, thêm phong cách bày biện cổ kính trang nhã, ấn tượng sơ kiến đẹp đẽ mười phần. Mợ trầm trồ khen chiếc ấm đất tráng men da rạn lớn mà không thô, tò mò về một món đồ bằng tre chưa nắm vững chỗ dùng, và bối rối hẳn khi chủ nhân đặt xuống trước mặt ba người đến sáu cái chén, bày thành từng cặp trên những miếng gỗ dài hẹp cỡ hai ngón tay. Thì ra những chén bên trong men trắng là để khách ngắm thưởng màu trà, còn khi uống lại dùng chén để nguyên màu đất. Cậu chàng bảo: "Gớm, họ cầu kỳ quá bà nhỉ", rồi quay sang tiếp tục lẩm nhẩm đọc bài thơ viết trên chiếc gối dựa bên cạnh. Ồ, dễ có đến hàng vài tá gối dựa và non chục kiểu áo gối khác nhau, toàn chữ đen triện đỏ trên nền vải trắng ngà. Tiệm vắng khách, cậu tha hồ tần mần xem xét hết thứ nọ đến thứ kia, như thể đang ở trong phòng triển lãm. Chủ nhân, một thanh niên người Hoa trạc 30 dáng dấp thư sinh nho nhã, vui vẻ tháp tùng đóng luôn vai hướng dẫn viên. Công cuộc khảo sát của cậu chàng thực hiện quả tỉ mỉ. Trở lại bàn an toạ đợi chén nước đầu của ấm thứ ba, cậu tủm tỉm tuyên bố đã phát hiện được một đôi câu đối trong nhà xí: *Trinh tiết liệt nữ khoan y giải giới, anh hùng hào kiệt nhẫn khí thôn thanh*. Khiếp, cái ông Tàu mặt trắng nghiêm trang kia thế mà nghịch ngợm.

La tỉnh Trà Nghệ Quán mệnh yểu. Lui tới đôi lần, bẵng đi một độ không tiện viếng thăm, mấy tháng sau cậu cháu Sơn trở lại *thì đà trâm gẫy bình rơi bao giờ*. Tiệm trà đã hoá ra mỹ viện, "khách viễn phương" ngơ ngẩn nhìn nhau.

Ba gian quán Trường Xuân bây giờ khách đông lố nhố. Rặt nữ sinh Tàu. Cứ từng bọn ba bốn năm cô rón rén bước vào, khẽ khàng ngồi xuống. Mỗi bàn một ấm trà, vài đĩa bánh ngọt, trái cây khô. Các cô nhâm nhi thưởng thức trà bánh, xem sách làm bài, nom cực ngoan ngoãn.

Ở bàn trước mặt Sơn, Khả Khanh vừa quỳ xuống thầm thì trò chuyện với một đám khách vào. Chàng nghe được lõm bõm vài tiếng Hoa, chẳng hiểu gì, nhưng cứ nhìn hơi lâu vào đôi mắt sáng long lanh.

*
* *

Vất va-li và xách tay vào chiếc tủ đứng cho mướn, khoá cửa, bước ra sân ga, Sơn thấy dễ chịu hẳn.

Còn vài tiếng nữa tàu đêm mới đến. Mấy dãy đường sắt trống trơn, sân vắng vẻ, vòm ga hình như cao hơn trong buổi trưa hôm nọ.

Sơn bước xuống hầm qua phía bên kia.

Chỗ bán vé kiêm phòng đợi có gắn máy lạnh. Chàng mua một tờ báo hàng ngày địa phương, đảo mắt tìm một chỗ ngồi vừa vặn, an toạ. Tin quốc tế: Saudi Arabia tặng Bangladesh hơn 100 triệu mỹ kim để cứu trợ bão lụt, Hoa kỳ biếu 7 triệu và điều động thủy quân lục chiến giúp không vận ra các đảo xa; cháy dầu ở Kuwait có thể gây mất mùa ở Ethiopia và Ấn độ. Tin quốc gia: Thủ tướng Mahathir Mohammed tố cáo Tây phương đang âm mưu chận đứng phát triển kinh tế của các nước có triển vọng sẽ thành đối thủ; một công ty Mã Lai vừa được BMW đồng ý cho ráp kiểu xe đắt nhất của hãng này. Quảng cáo nguyên trang: công bố bắt đầu cuộc xổ số sầu riêng Thái, bất cứ ai mua trên 19 ký sầu riêng ở các chợ kể trên đều được quyền tham dự, kẻ may mắn sẽ lãnh vô số sầu riêng và một chuyến đi Thái xem vườn. Liên hệ giữa cây trái và người đã tới mức tình cảm. Kiểu xây thương xá ở Mã dưới hầm thường là chợ. Giữa mùa sầu riêng, khách tha thẩn chọn mua nước hoa ở lầu tư có thể bất chợt nhận biết một thứ hương lạ đang len lỏi giữa Chanel và Nina Ricci. Mục Gỡ Rối Tơ Lòng: em Mã ở Johor Nahru thương anh Tàu ở Tân Gia Ba. Em bồng bột tỏ tình trước, anh phản ứng chừng mực, khó hiểu. Em băn khoăn vật vã, ngại mình đã thiếu khôn ngoan, ngờ anh kỳ thị chủng tộc, giàu nghèo. Mã Tân khoảng cách là bao, nhưng biên cương khôn vượt hàng ngày. Cô ơi, anh ấy và cháu không được gặp nhau thường, cháu khổ quá, làm sao bây giờ hở cô? Chàng đọc lại lần nữa, chợt nhớ buổi trưa.

Trưa nay Sơn đến bưu điện Kualar Lumpur gửi mấy món đồ. Ở đấy ra, thừa thì giờ, chàng thong thả đi xuôi về hướng chợ trời. Đâu đó dọc lộ trình có một cái bùng binh.

Bùng binh cây cao bóng mát, lắm xe bán thức ăn. Chàng ngồi nghỉ chân trên chiếc ghế dài hẹp như chân phản ngắm xe cộ chạy vòng dưới nắng, ngắm những dòng thác người cuồn cuộn trên các vỉa hè, và ngắm thiên hạ ăn uống. Bàn ghế bày la liệt khắp nơi. Ở nhiều bàn có ấm nhựa đặt trên hộp nhựa tròn nắp lưới. Không phải nước chè. Ấm đựng nước rửa tay cho người ăn bốc. Ai đói bụng, thích ăn, cứ ngồi xuống, đổ ít nước, nhúm vét, nhồm nhoàm. Cũng ở nhiều bàn, có hộp khăn xinh xắn, bọc trong vỏ len xanh đỏ. Người nào cần dùng, cứ lôi, giằng, xé lấy một mảnh. Cuộn giấy vệ sinh, ứng dụng mới,

hơi bất tiện. Không sao. Bất tiện hơn là ngồi lâu mà chưa gọi món ăn. Ông Ấn độ chủ hàng rảnh tay đã nhìn nhắc nhở. Xe ông bán cơm cà-ri, cá khô, bánh bao. Chàng gọi hai chiếc bánh và một ly cà-phê bí-tất sữa đường. Sữa đặc lấy màu và đường lấy ngọt. Hai tay ông chủ khuấy hai ly, nhanh gọn, nhà nghề. Mặt ông thản nhiên, vô sự.

Trạm xe buýt bên kia đường là một chỗ thác người ứ đọng. Sơn không chờ xe, chỉ cố len lách qua khỏi đám đông để tiếp tục xuôi dòng. Có một quãng đường bỗng thấy xuất hiện thật nhiều khăn bao tóc. Người Mã Lai đa số theo Hồi giáo, phụ nữ ra đường buộc khăn. Khăn trùm cả mái tóc, che kín trán, cổ và nửa má. Chàng không hiểu lề lối, chỉ thấy vô số cách buộc khác nhau. Già chân phương, đơn giản; trẻ kiểu cọ, phức tạp. Gái Mã da bồ quân, có cô nom kháu ra gì. Ngược chiều thỉnh thoảng gặp những đôi mắt long lanh dưới vành khăn đen hay tím, những cửa sổ linh hồn đang cười thay cho cả diện mạo kín đáo, đoan trang. Các cô theo đạo Hồi, họ yêu đương như thế nào nhỉ? Bộ áo sẫm màu dài tới gót biết đâu che dấu tấm lòng thổn thức sôi nổi vì luyến ái, mà ánh sáng rực kia sao lại chẳng chứa được cả bể hận trời tình?

Sơn bỏ tờ báo, quay nhìn xung quanh. Khách đợi lưa thưa, sinh hoạt uể oải. Không biết từ lúc nào những chiếc loa phóng thanh công cộng gắn ở các góc tường bắt đầu tuôn đổ xuống một thứ giọng hát ê a, càng nghe lâu càng thấy giống hệt tiếng người tụng kinh Coran. Trên bối âm nặng màu tôn giáo, thỉnh thoảng nổi bật điệu nhạc *rap* lải nhải sậm sựt, hình như phát xuất từ một cửa hàng tạp hoá.

*

* *

Suốt đêm Sơn chập chờn giữa mê và tỉnh. Có lúc chàng bất chợt thức giấc, nằm nghe con tàu chòng chành lắc lư trên đường sắt như cánh buồm lộng gió mù khơi. Lạ lắm, rõ ràng tàu đêm không chạy ở tốc độ bình thường, mà lao bổ, quăng mình về trước hối hả điên cuồng. Toa xe trộn trạo chao đảo như chực ngã; bánh sắt nghiến đường hung bạo, loài kim khí bị ma sát tàn nhẫn phát tiếng kêu rởn óc. Gió rú càng táng đởm kinh hồn. Gió tấm khói qua khung cửa sổ dài đặt ngang mặt giường thốc vào từng cơn sặc sụa. Trời đen mịt mùng. Trời đất đêm nay chỉ còn là đơn thuần chuyển động. Thế này, sao chỉ mình chàng thao thức? Người tài xế phát điên hay mộng dữ chưa rời? Lâu lắm, nghe hàng thế kỷ, tàu đi chậm lại, âm thanh của tốc độ lắng dần, từ sau tấm màn xanh gió lay khe khẽ giường đối diện đưa ra giọng ngáy pho pho bình thản.

Bên ngoài có ánh sáng điện. Tàu sắp vào một ga nhỏ.

Đường sắt Mã Lai có những ga xép dễ thương. Đầu ga, cuối ga trồng nhiều dâm bụt. Hoa dâm bụt bình dị, thân quen. Những bụi cây xếp hàng ngay ngắn đứng chào đón tiễn đưa không rõ tại sao gây nơi chàng chút xao động nhè nhẹ, mơ hồ.

Từ xa xăm vẳng lại tiếng còi xe lửa. Giữa thanh vắng hầu như hoàn toàn, âm thanh đơn lẻ lồng lộng và lê thê như tiếng kêu rú của trận gió nào mãi không rời được con tàu.

Một luồng ánh sáng sầm sập vút qua.

Chuyến tàu ngược cơ hồ không ai ngủ, các toa đèn đuốc sáng trưng. Cả thế giới rộn rã tưng bừng bay lướt trong đêm.

Sơn mê man nhìn cuộc diễn hành gấp rút, lòng tràn ngập cảm giác lạ lùng khó hiểu pha lẫn chút hân hoan vô cớ. Hình ảnh kia sao như quen thuộc với chàng, như đang cố gợi khêu lên một điểm sáng trong chốn ký ức mịt mờ.

Vài ba mươi năm trước. Dọc bờ biển Đông, đoàn tàu xuôi Nam vừa dừng lại ở một ga nhỏ hiu quạnh tăm tối. Trên tàu, một đứa bé giật mình thức dậy, giụi mắt nhìn qua khung cửa sổ. Bên ngoài, trông ra xa nó chỉ thấy màu đen như mực. Những đám ruộng mạ xanh rờn, những mặt nước lấp lánh phản chiếu ban ngày giờ đâu mất cả. Về phía chân trời nó không còn thấy cau, dừa, tre mọc chen chúc thành từng ốc đảo khoe màu lục đậm trên nền lúa non. Và, dĩ nhiên, nó cũng không tài nào đoán nổi trong những ốc đảo tùm lum nọ liệu có thể đếm được bao nhiêu mái tranh thấp thoáng. Đứa bé mới lên năm và lần đầu tiên theo cha mẹ đi xe lửa đường xa. Nó không hề ngờ rằng, sau bấy nhiêu giờ tàu chạy, đêm tối ngoài kia có lẽ che dấu phong cảnh khác hẳn chốn quê hương. Đứa bé hạ tầm mắt, tần ngần ngắm những bụi đi tàu hiện lờ mờ bên cạnh đường rầy, cảm thấy dễ chịu an tâm. Đi tàu còn đấy, nó chưa thể đi xa! Cơn buồn ngủ bỗng trở lại mãnh liệt, nó sửa soạn nằm xuống. Đúng vào giữa giây phút uể oải sơ phòng, đoàn tàu ngược thình lình xuất hiện, rầm rộ kéo qua. Quang cảnh kỳ lạ, gần như diễm ảo, thôi miên đứa bé. Nó sững sờ nhìn ánh sáng chan hoà và như nghe được cả tiếng nói cười huyên náo.

Phải. Nỗi bỡ ngỡ vui rộn bất thường của chàng đêm nay quả không thuộc về hiện tại, không có liên hệ gì đến cảnh tượng mới vừa chứng kiến, mà chính là cái cảm tưởng xôn xao con trẻ của đứa bé kia.

Năm xưa, xe lửa có lén lút chạy nhanh thế này không nhỉ? □

xa

Tình anh trong tầm tay với
Hay vẫn hoài xa vợi nghìn trùng
Tình anh như chân trời đang tới
Gang tấc nào hay
diệu vợi mông lung.

bỏng

Bài Tình Cho Paris

Nhạc và lời:
Vũ Thái Hòa

Valse

Bên em Chiều Pa - ris, Đưa nhau vào Ely - sees. Bước tung
(Pa...) ris Chiều không em, Lang thang hè phố cũ - Gác xưa
tăng vòn hoa - Gió xôn xao gọi lá, - Mong vàng em có /
ta mình ta - Giữa đêm đen lạnh giá - Đợi chờ trong xót
Ta - Bên nhau bờ - Sông Seine Anh say tình nồng cháy
Xa - Không em Chiều nay mưa, Ga xưa thì trống vắng
Gió mơn man ngày vui - Nắng ru còn hôn đôi - Hẹn hò
Chuyến Mé-tro lặng thinh - Bước chân anh lạc lối - Đến Vắng
nhé tình ơi Hôm nào Tình chan chứa, Ta dìu bước
xoá ngày vui /.
nhau cùng trao duyên đôi - Hôm nào Mộng xuân thắm
em hẹn với anh cùng chung lối / nắng Hôm nào
bờ môi ngát thơm tựa gối / nhau mình trao câu thề
Hôm nào - Cài lên tóc em một đoá Hoa làm duyên ngất ngây (Pa...)

xếp al capone IV

TRUYỆN DÀI

Trường Sơn
Lê Xuân Nhị

(tiếp theo)

CHARLIE O'BANNON

Gốc Do Thái sinh trưởng tại Đức, trùm O'Bannon xuất thân làm nghề bán hoa. Cái nghề này không phải cha truyền con nối vì ngày xưa ở Đức, ông thân của O'Bannon là một nhạc công dương cầm nổi tiếng, đã có lần được hoàng đế Đức trao tặng huân chương. Nước Đức những năm trước đệ nhất thế chiến xáo trộn kinh khủng. Nghe bạn bè vẽ vời một tương lai hứa hẹn ở bên tân thế giới, ông bán hết nhà cửa, xin nghỉ việc, đem vợ con di cư sang Mỹ.

Như những người di cư khác, ai đặt chân lên vùng đất mới cũng mang nhiều mơ ước vá trời lấp biển. Đặc biệt với những người có tài năng đặc biệt như O'Bannon thì mộng ước càng lớn hơn. Được cái, ông thân của O'Bannon tuy mang mộng lớn nhưng là một người khôn ngoan và thực tế. Ông bắt đầu giấc mơ vĩ đại của mình bằng cách xin vào giữ một chân hạng bét trong ban đại hòa tấu Grand Opera Nữu Ước. Ban đại hoà tấu này là một trong những ban nổi tiếng nhất Broadway. Trong thế giới âm nhạc thượng lưu thời đó, nổi tiếng ở Broadway đồng nghĩa với nổi tiếng khắp thế giới.

Đúng y như ông nghĩ, Hoa kỳ là đất của cơ hội, của những người có thực tài nên chẳng bao lâu O'Bannon được mướn vào chơi trong ban nhạc. Mới đầu cũng chỉ giữ một chân khiêm nhường nhưng chẳng bao lâu sau, ông được nhạc trưởng cất nhắc lên cho thủ một chân quan trọng, đánh solo trong các buổi hoà tấu.

O'Bannon mừng rỡ lắm, con đường sự nghiệp coi như phơi phới từ đây. Ôi, Hiệp Chủng Quốc Hoa kỳ, đất của tài năng và cơ hội. Đoạn đường đầu của cuộc đời di cư gian khổ đối với ai không biết chứ đối với ông thì dễ dàng quá. Trong trí O'Bannon đã bắt đầu thành hình những viễn ảnh huy hoàng, những đồng xu rủng rỉnh, những buổi tiếp tân sang trọng với các bậc thượng lưu quí phái của thế giới, những nhà cao cửa rộng với kẻ hầu người hạ... Ông lạc quan và yêu đời đến độ, vài tuần sau ngày được thăng chức, ngồi trên xe ngựa trên đường về nhà, O'Bannon đã bắt đầu để ý dòm ngó những căn nhà xinh đẹp, hỏi giá cả để chuẩn bị thương lượng...

Nhưng cuộc đời nhiều khi không thẳng tắp như ý mình muốn...

Một sáng, ông đi tập dượt như thường lệ, thấy anh em nhạc công

không chịu vô hí viện mà lại đứng ngồi chùm nhum ngay trước nhà hát, mặt mày ai nấy chảy xệ một đống coi rất bi thương. Hỏi ra mới biết dàn nhạc Grand Opera đã bị phá sản, sáng nay chủ nhân vừa mới tuyên bố giải tán ban nhạc. Ngay cả tháng lương cuối cùng của các nhạc công cũng bị chủ quịt luôn. Cũng dễ hiểu thôi, không có tiền thì lấy gì mà trả?

O'Bannon ngẩn ngơ đứng nhìn các chủ nợ khuân từng cây đàn, từng cây kèn và trống ra xe mà tan nát cõi lòng. Ông nhận thấy cuộc đời bên đất Mỹ này chuyện gì xảy ra cũng bằng tốc độ nhanh như xe lửa. Lên thì mau thật mà xuống cũng lẹ làng và tàn nhẫn không kém.

Mất việc, mất cả đồ nghề, O'Bannon cùng các bạn kéo vào ngồi trong quán cà phê gần đó mà ngẫm nghĩ và bàn tán về sự thăng trầm của cuộc đời ở tân thế giới.

Nhưng tài hoa như O'Bannon thì có sợ gì. Không chơi được ở chỗ này thì ta sang chỗ khác. Hoa kỳ là đất của cơ hội mà. O'Bannon bắt tay từng người bạn, chúc họ may mắn rồi từ giã ra về. Tuy không nói ra nhưng trong lòng O'Bannon vẫn tự tin và tràn trề hy vọng. Ai lo thì lo, thằng O'Bannon này có thực tài nên chẳng cần phải lo gì cả.

Những ngày sau đó, ông tà tà nối gót anh em đi xếp hàng xin việc ở những ban nhạc nổi danh khác.

Nhưng lần này khác lần trước. Sau vài tháng xếp hàng như vậy, mới đầu là ở những ban nổi danh, rồi xuống lần đến những ban nhạc... không nổi danh và sau cùng là những ban hạng bét mà cũng chẳng ai thèm nhận thì niềm tự tin và hy vọng trong lòng người nhạc công đó cũng từ từ héo đi. Lòng có héo bao nhiêu cũng không thể xoay chuyển nổi con người Do Thái di cư đảm lược như O'Bannon, nhưng điều làm ông lo nhất là túi tiền dành dụm của gia đình, nó cứ từ từ vơi đi một cách đáng ngại.

Máu Do Thái đâu phải là thứ máu dễ đầu hàng định mệnh. Thằng cả Charlie O'Bannon đang đi học đàn để mong nối nghiệp cha được cho nghỉ học liền lập tức sau lệnh bố: "Dẹp hết việc học hành lại cho đến một ngày khác. Ngày mai mày ra đường kiếm việc làm để phụ kiếm cơm với gia đình".

Ngày hôm sau, vỉa hè Nữu Ước đón nhận thêm một thiên tài mới của tội ác: Charlie O'Bannon. O'Bannon ra đường kiếm tiền phụ nuôi gia đình bằng đủ thứ nghề lúc mới có mười mấy tuổi đầu.

Vỉa hè Nữu Ước của những năm di cư là một bãi chiến trường đẫm máu chia ra làm nhiều khu (ghetto) khác nhau. Khu Siciliane, khu Ái Nhĩ Lan, khu Đức, khu Do Thái,.v.v.. Một thằng bé con ở khu vực này mà đi lạc sang khu vực khác để kiếm ăn thì thường thường bố mẹ phải vô nhà thương lãnh con mình về. Có nhiều trường hợp phải vô nhà xác để nhận diện con mình.

Mỗi khu vực, dĩ nhiên, có một ông vua con. Đâu phải hễ thằng bé nào muốn bán báo kiếm vài đô-la là cứ nhảy ra mua báo rồi bán. Cái câu "tự do kinh doanh" áp dụng ở đâu kia chứ ở Nữu Ước vào những ngày *Mass immigration* thì không thể. Muốn làm ăn hay buôn bán cái gì cũng vậy, phải có giấy phép của ông xếp khu vực. Mà muốn có giấy phép thì phải đóng thuế. Chuyện này xảy ra bình thường như muốn mở cửa hàng thì phải đóng thuế môn bài cho chính phủ vậy.

O'Bannon mới từ Đức sang, lại là một cậu học trò kín cổng cao tường nên làm sao cậu biết cái luật quái quỷ này! Kết quả là ngày đầu tiên ra đường, mới đứng sớ rớ với chồng báo trên tay đã bị một bọn du đãng lạ mặt xông tới, một thằng đè cổ, thằng khác tóm lấy báo của cậu vất xuống ống cống. O'Bannon vùng vẫy la ó thì bị chúng nó đập cho một trận thâm tím mặt mày.

Chiều hôm ấy, có ông bố thất nghiệp nào đi xin việc suốt ngày trở về nhìn thấy thằng con trưởng của mình như vậy mà không đứt từng khúc ruột? Bố O'Bannon lồng lộn lên, chửi thề ỏm tỏi. Đù mẹ... tân thế giới, đất của cơ hội, đất của tự do kinh doanh, đất của bao nhiêu hứa hẹn mà tệ như thế này ư? Đâu có được! Tao phải làm cho ra lẽ.

Ông túm thằng con trai, máu Do Thái chảy rần rần trong mấy cái gân cổ hai bên cổ họng, hỏi:

— Thằng chó đẻ nào đánh mày, mày chỉ nó cho tao, tao đánh chết mẹ nó.

Thằng bé 10 tuổi mới di cư từ Đức sang thì biết gì chuyện dao búa ở Nữu Ước? Bố uy quyền như vậy mà nổi nóng lên thì chết mẹ mấy thằng du đãng kia rồi. Thằng con hí hửng dắt bố ra đầu ngõ chỉ vào mặt một thằng anh chị tướng người rất mập mạp đang ngồi nghênh ngáo nơi vỉa hè. Chung quanh nó là mấy thằng đàn em hầu hạ.

Thế là ông thân của Charlie nộ khí xung thiên, chẳng nói chẳng rằng, xông tới túm cổ thằng mập kia dộng cho một trận tơi bời. Tuy là nhạc công nhưng cú đấm cũng không đến nỗi tệ nhờ ông có tập thể thao hàng ngày. Thằng mập trùm anh chị kia đâu có ngờ trong khu vực Do Thái này lại có một thằng Do Thái khùng dám xông tới ăn thua với mình nên không trở tay kịp. Nó bị thọi gẫy mất hai cái răng cửa.

Là dân du côn chuyên nghiệp, nó tưởng mình bị phục kích bất tử bèn co giò dọt lẹ. Mấy thằng đàn em thấy đàn anh vĩ đại bỏ chạy thì cũng dọt theo.

Tối đó về nhà, hai cha con hể hả vô cùng. Hàng xóm nhìn thấy cũng khoái tỉ, nghĩ rằng ngôi xếp sòng khu vực này ngày mai sẽ được sang tay người thợ đàn vô danh kia.

Ngày hôm sau, khám phá ra kẻ đã xin mình hai cái răng cửa chẳng ai khác hơn là gã nhạc công di cư, tên trùm du đãng Do Thái bèn dẫn đàn em đi trả thù. Nó khỏi cần đi đâu xa, chỉ cần bắc ghế ngồi chờ nơi cửa ngõ chính vào khu vực là thế nào cũng gặp được cố nhân.

Buổi chiều, cha con O'Bannon đi làm về thì chúng nó ập lại. Lần này, theo đúng luật giang hồ, thằng trùm Do Thái bắt ông O'Bannon đấu tay

đối với nó.

Bàn tay chuyên đánh dương cầm dù cho có tập tạ giỏi tới đâu cũng không thể đấu lại một thằng du đãng chuyên nghiệp. Chỉ vài cú rơ-ve là ông thợ đàn rụng xuống như một trái sung. Thằng mập một tay kẹp cổ O'Bannon, tay chụp hòn đá giộng mạnh vào miệng ông ta mấy cái...

Nó cứ giộng như vậy cho đến khi ông bố O'Bannon nhổ ra bốn năm cái răng cửa mới chịu dừng tay:

— May tao còn nghĩ chút tình là dân Do Thái với nhau nên tao tha cho cái chết. Phải nhớ rằng nhập gia tùy tục nghe con. Mày ở tuốt Âu châu qua mà dám phá luật hả? Bây giờ thì mày đã chịu thua tao chưa?

Chịu đứt đuôi chứ gì không chịu! Ông bố O'Bannon nghẹn ngào năn nỉ, máu ọc ra từng hồi ở hai bên mép:

— Dạ em ở bên Âu châu, em không biết luật lệ của "quí quốc". Từ nay về sau em xin chừa và hứa sẽ đóng thuế đầy đủ. Xin ông thương em, mình dù gì cũng là người Do Thái với nhau...

Thằng mập cười khì khì:

— Ừ, nếu mày không phải là Do Thái thì mày chết mẹ nó đời nào rồi, làm sao còn sống được để mà năn nỉ. Tao tha chết nhưng không thể tha tội cho mày được. Mày đã làm nhục tao như vậy thì mày chỉ còn một nước là cuốn gói ra đi khỏi khu vực này. Tao không biết mày đi đâu và sẽ sống bằng nghề gì, nhưng hễ ngày mai mà tao còn gặp mày thì tao nhất định không để mày còn một cái răng ăn cơm.

O'Bannon biết dân Do Thái của mình là dân biết giữ lời hứa, nên ngày hôm sau thu dọn hành lý bỏ đi cấp kỳ. Cả gia đình ra nhà ga đón xe lửa xuống Chicago.

Thực ra, đã từ lâu, O'Bannon biết là nhà thờ Do Thái ở Chicago đang cần một nhạc công dương cầm. Tin tức này do ông đạo trưởng nhà thờ Do Thái ở Nữu Ước cho biết. Hồi ấy O'Bannon có công ăn việc làm ngon lành nên chỉ ghi địa chỉ vào sổ tay rồi để đó. Bây giờ, vừa bị mất việc vừa bị mất răng thì khăn gói ra đi Chicago là một giải pháp tuyệt hảo.

Xuống Chicago, O'Bannon mới chưng hửng khi biết là đất Mỹ này lắm nhân tài, người chờ việc chứ việc không chờ người. Một công việc dù khiêm nhượng bình thường như vậy mà không lẹ tay thì sẽ có người khác vồ ngay. Ông đạo trưởng nhà thờ lắc đầu, ban phép lành cho O'Bannon, dúi vào tay ông một đồng đô-la rồi ái ngại nhìn ông bước ra khỏi nhà thờ.

O'Bannon tiến thoái lưỡng nan. Chẳng lẽ lại quay trở về Nữu Ước? Thôi, không được gõ đàn trong nhà thờ thì O'Bannon đành dắt con trai ra đường kiếm sống bằng nghề buôn bán vặt vậy! Được cái, Chicago hồi đó đang còn mở mang, không phải như Nữu ước nên cuộc sống tuy chật vật nhưng không đến nỗi khó khăn. Nạn du đãng và kỳ thị tuy cũng có nhưng không ghê gớm kinh hoàng bằng Nữu Ước. Với dòng máu Do Thái trong huyết quản, bố con O'Bannon nhảy ra lao động quần quật và chẳng bao lâu tìm ra được một thị trường buôn bán mới: bán hoa.

Bắt đầu khiêm nhường bằng cách bán hoa ngoài đường, bán từng cánh từng chùm cho đến lúc hai cha con mướn được một cửa hàng nhỏ bằng lỗ mũi để căng cái biển: "Mùa xuân O'Bannon" chỉ mất không tới một năm. Tuy tiệm hoa nhỏ tí teo nhưng đã có đồng ra đồng vào. Cuộc sống bố con không còn chật vật nữa. Dân Do Thái xưa nay nổi tiếng là có máu kinh doanh giỏi nhất thế giới mà!

Nhưng máu Do Thái cũng có nhiều cái lạ. Đáng lẽ ra, nếu hai bố con O'Bannon cứ ôm cái tiệm đó, từ nhỏ làm thành lớn, từ lớn làm thành lớn hơn thì chẳng bao lâu sẽ trở nên giàu có vì khách hàng càng

---

chút bụi hồng

người mặc thong dong áo lụa dài
tóc mây hờ hững chảy trên vai
mắt người ngơ ngác như trong mộng
đâu biết lòng tôi đang ngất ngây

người đi bước nhẹ mang theo gió
thổi mát lòng tôi giữa nắng hè
môi người phơn phớt màu phượng đỏ
rộn rã hồn tôi những tiếng ve

người đi, đi khuất, tôi còn ngóng
dõi mắt nhìn theo... chút bụi hồng.

thủy trang

ngày càng chịu cái "Mùa xuân O'Bannon". Nhưng dù thành công như vậy, mặt mũi O'Bannon lúc nào cũng u sầu như... tổ tiên của ông khi đang còn bị đày đọa ở xứ Ai Cập. Tiền đếm xoành xoạch và nụ cười cầu tài lúc nào cũng nở trên môi nhưng cặp mắt ông, nếu ai để ý, sẽ thấy nó nặng chĩu toàn những ưu phiền. Làm gì đi nữa, ông vẫn không thể nào quên được cái đàn dương cầm của mình. Bàn tay này đấng Gia-vê ban cho ông đâu phải để cầm hoa bán cho khách. Nó phải được tung hoành, được bay nhảy trên những phím đàn để cho những người sành điệu, những vương tôn quí tộc từ khắp nơi trên thế giới thưởng thức những nốt nhạc tuyệt vời kìa. Đó là chưa nói đến cái không khí linh thiêng sang trọng của phòng hoà nhạc, những tiếng hoan hô chúc tụng của khán giả, và, quan trọng nhất, những tràng pháo tay kêu như sấm động tưởng có thể làm sập nóc hí viện lớn nhất Nữu Ước.

Và thói đời là, hễ cái gì mình mơ tưởng quá, say mê quá, kiên nhẫn theo đuổi lâu quá rồi thì cuối cùng mình cũng tìm được cơ hội để tiến tới. Một buổi chiều, đang ngồi trong cửa hàng nhìn những tao nhân mặc khách đi nghe hoà nhạc ra, đầu óc người thợ đàn trong O'Bannon bỗng loé ra một tia sáng: "Muốn đánh đàn mà chẳng ai thèm mướn, tại sao mình không thành lập quách một ban nhạc riêng cho mình nhỉ?"

Với ý tưởng đó, ông bố O'Bannon giao cửa tiệm lại cho thằng con trai lúc đó chưa tới 12 tuổi để ra đi thực hiện giấc mộng của mình.

Sẵn có chút vốn, O'Bannon liên lạc tìm tòi, viết thư, làm đủ thứ chuyện. Cuối cùng một ngày, O'Bannon về nhà thông báo cho vợ biết là mình đã thành lập xong một ban nhạc hoà tấu. Chiều chiều, mấy chục nhạc công thuộc đủ mọi giống dân, sắc tộc gom nhau trong cái nhà thờ Do Thái để tập nhạc.

Dù làm việc khổ cực, có khi chỉ ngủ 2 tiếng đồng hồ một ngày, O'Bannon lúc nào cũng hăng say hoạt động và vui vẻ yêu đời. O'Bannon bây giờ mới chính là O'Bannon thật. Ai cũng nghĩ vậy, kể cả bà vợ và cậu con trai.

Chẳng bao lâu, dưới sự vận động của ông đạo trưởng Do Thái, ban nhạc trình diễn buổi ra mắt đầu tiên cho sinh viên trường đại học Chicago nghe. Buổi hoà tấu, với ông O'Bannon là chủ nhân vừa là tay dương cầm chính đã thành công ngoài sự dự trù, được báo chí địa phương ca ngợi nhiệt liệt.

Cánh cửa đi vào âm nhạc sử của mình xem ra đã có mòi rồi đây, O'Bannon nghĩ vậy.

Mà thật, chẳng bao lâu sau đó, đàn nhạc của ông được liên tiếp mời đi trình diễn ở nhiều chỗ. Mới đầu là trong các cuộc họp mặt phước thiện vớ vẩn để gây tiếng, và lần lần đến những hí viện của Chicago với tiền thù lao hẳn hoi.

Cậu Charlie O'Bannon lúc bấy giờ đã thành một thằng con trai 14 tuổi, buôn bán rất lanh lợi chẳng thua gì bố. "Mùa xuân O'Bannon" càng ngày càng kéo dài ra.

Một buổi sáng, đang đứng bán hàng thì cậu thấy ông bố mình dắt tới tiệm một ông khách lạ ăn mặc đồ vét bảnh bao. Khách nói tiếng Mỹ lơ lỡ như giọng của dân di cư. Hắn không mua hoa, chỉ đi khắp nơi trong tiệm rồi to nhỏ nhiều điều với bố O'Bannon. Cậu con linh cảm có chuyện gì bất thường sắp sửa xảy ra nhưng không dám hỏi.

Tối đó về nhà, cậu cả O'Bannon mới chưng hửng khi nghe bố nói tiệm "Mùa xuân O'Bannon" đã có chủ nhân mới. Bố nói bố cần tiền nên phải bán tiệm để đưa ban nhạc lên Nữu Ước thi thố tài năng với các đại ban ở Broadway một phen.

Câu châm ngôn của nghệ sĩ ngày đó là: "Phi Broadway bất thành cơ

---

xin hẹn nhau ở trạm cuối cùng

Tôi người lữ hành trên tuyến đường phương bắc
Em người lữ hành trên tuyến đường phương tây
Ta băng qua muôn dặm đường rây sắt
Tôi ngoảnh nhìn em trong cõi mây

Tôi vượt đại dương về Úc châu lục địa
Em bay ngàn mây Mỹ quốc châu Âu
Tôi chờ em, em chờ tôi, đời vô nghĩa
Tôi tìm em, em tìm tôi khắp năm châu

Tôi và em hai lữ khách cuối cùng
Trên hai tuyến xe cách ngàn vạn lý
Kìa ga London, New York, Paris
Em định xách va-ly, xuống trạm nào em nhỉ?

Tôi sẽ ngồi đây với không gian mông lung
Nếu em nóng lòng em xuống trước
Thôi xin hẹn nhau ở trạm cuối cùng
Nơi có chữ Việt Nam ta hằng mơ ước.

khiết minh

nghiệp" (All stars come from Broadway). Câu này vẫn còn đúng cho đến ngày hôm nay, 1992. Tất cả các tài tử xi-nê lừng danh như Marlon Brando, Paul Newman, Clint Eastwood, ngay cả Madonna,v.v. cũng từ Broadway mà ra.

Cũng theo lời bố, nếu thành công ở Broadway, chẳng những mình sẽ thành triệu phú, ngồi mát ăn bát vàng mà tên tuổi sẽ đi vào lịch sử thế giới. Rồi bố nhìn cậu cả, ra lệnh rõ ràng:

— Còn mày, kể từ ngày mai cũng phải bỏ nghề bán hoa vớ vẩn mà chuẩn bị học đàn lại để giữ nghiệp tổ phụ. Nhà mình bao nhiêu năm nay, ở nước nào cũng vậy, là dân cầm đàn chứ không phải cầm cân. Phải rán mà giữ lấy nghiệp xưa. Mày sẽ đi theo tao để học hỏi. Tương lai của dòng họ O'Bannon không thể nằm trong mấy cái chậu hoa... lẩm cẩm.

Ông ngừng một chút rồi vỗ vai con trai, vẽ ra một lương lai huy hoàng:

— Tương lai dòng họ O'Bannon nằm trong những hí viện sang trọng và nổi tiếng của thế giới, giữa những tiếng vỗ tay rào rào nghe như sấm động của khán giả, với những cuộc tiếp tân linh đình của các đấng vương hầu quí tộc. Dòng họ O'Bannon đã và sẽ mãi mãi được các vương quyền khắp thế giới nể trọng.

Mặc bố nói gì thì nói, cậu cả O'Bannon chẳng thích gì vương hầu quí tộc cùng những tràng pháo tay nghe như sấm động mà chỉ thích... hoa. Hoa, nghĩa đen và nghĩa bóng. Từ lúc bố lo đi thành lập ban nhạc, cửa tiệm bận nên cậu cả có mướn mấy cô bán hoa để phụ mình. Ngày nào mà cậu chẳng "thọi" một cô? Chuyện này chẳng ai biết trừ cậu. Cứ đến giờ vắng người, cậu sập cửa xuống, treo cái biển "Ăn trưa, trở lại trong vòng 5 phút" là đủ thì giờ tốc váy con người ta lên mà thọi một quả. Bàn tay có "nghề của tổ phụ" của cậu đã tập vuốt phím đàn từ lúc 5 tuổi, ngón tay điêu luyện vô cùng. Mấy ngón tay đó mà vuốt vào... vú và chỗ kín của mấy cô em dậy thì thì cô nào mà chịu cho nổi! Đối với cậu, dù có được bội tinh của hoàng đế nước Đức ban cho như đã ban cho bố cậu ngày nào thì cũng không bằng âm thầm sống bằng nghề bán hoa và có gái để thọi hàng ngày. Quí báu gì ba cái thứ bội tinh vớ vẩn cùng những tràng pháo tay "nghe như sấm động" đó nhỉ? Đói bụng có đem bội tinh ra bán được đồng nào đâu? Lại còn những tiếng "vỗ tay nghe như sấm động" mới thấy khó hiểu. Đi theo bố dự nhiều buổi hoà nhạc, Charlie O'Bannon có khi nào thấy người ta vỗ tay lâu hơn một phút đâu? Mà tiếng vỗ tay có làm cho số tiền trong túi nặng thêm chút nào đâu? Chỉ có bỏ tiền vào túi thì túi mới nặng hơn lên mà thôi. Lại còn vương quyền với quí tộc! Thế giới đang chuyển mình dữ dội, cách mạng bôn-sê-vích nổi lên ở khắp nơi, công hầu khanh tướng thay phiên nhau... vào tù, không biết bố có biết không? Đi tìm những thứ phù phiếm đó làm sao bằng được một anh chủ tiệm hoa bình dị, tuy không có huân chương treo ở nhà, tuy chẳng bao giờ được bắt tay các bậc vương hầu quí tộc, nhưng có tiền trong túi đều đều, và ngày nào cũng có gái để thọi. Đầu óc những người già quả thật kỳ lạ. Không, phải nói là ngu muội mới đúng.

Tuy nghĩ vậy nhưng cậu cả chỉ biết ngồi im thin thít để tiếc nuối những ngày tươi đẹp không còn nữa. Bố bảo vậy thì phải nghe vậy chứ biết sao!

Vài tuần sau, bố con O'Banno đưa ban nhạc mình thành lập đặt chân lên Nữu Ước lần thứ hai trong đời. Thời gian giữa hai lần chỉ cách nhau vài năm, nhưng lần này khác hẳn lần trước. Bố O'Bannon bây giờ là ông chủ của một dàn nhạc đang lên của Chicago.

Cả ban nhạc được đưa về ở tạm trong một nhà thờ Do Thái để tập dượt chuẩn bị cho ngày xuất quân vĩ đại.

Ở Nữu Ước, không phải hễ một ban nhạc cứ chơi cho thật hay là có quyền phom phom leo lên sân khấu Broadway trình diễn. Thế lực, tiền tài, phe đảng và người đỡ đầu là chuyện quan trọng nhất. O'Bannon đưa một ban nhạc lớn từ Chicago lên tới đâu phải là không biết chuyện này. Đúng hơn, nếu không có người đỡ đầu thì O'Bannon dù lớn mật đến đâu cũng chẳng bao giờ dám liều mạng như vậy.

Người đỡ đầu O'Bannon là một tay triệu phú Do Thái Abbrey có thế lực rất lớn ở Nữu Ước. Lớn bởi vì bao nhiêu cái building vĩ đại ở khu Broadway hắn đều làm chủ cả. Chỉ cần một tiếng ho của hắn là từ ông bầu cho đến trưởng ban nhạc, xuống tới nhân viên hạng bét đều vắt giò lên cổ mà chạy.

Được một nhân vật uy quyền như vậy đỡ đầu cho nên O'Bannon vừa đặt chân lên Nữu Ước chưa tới hai tuần lễ đã được lên sân khấu trình diễn liền.

Ai cũng biết tầm quan trọng của cuộc xuất quân này nên ráo riết chuẩn bị. Chỉ cần thành công trong đêm đầu tiên thôi thì tương lai coi như nằm trong tay mình. Broadway xưa nay là vậy. Hoặc là thành công ở đêm đầu tiên hoặc là chẳng bao giờ cả.

Trước hôm trình diễn độ một ngày, ai nấy đang gấng sức phùng mang trợn mắt thổi kèn và đánh đờn thì bỗng có chiếc xe hơi bóng loáng đỗ xịch trước cửa nhà thờ. Trên xe bước xuống là lão tài phiệt Abbrey cùng hai thằng cận vệ to con như khỉ đột.

Bố O'Bannon nhìn thấy ân nhân liền tất tả chạy ra, xun xoe chào đón. Lão Abbrey bắt tay xong là nói liền:

— Mời ông vào trong nhà kia, ta nói chuyện.

O'Bannon linh cảm được chuyện chẳng lành.

Trong phòng kín, ân nhân rút cặp-táp lấy ra một tờ giấy đưa cho O'Bannon, cắt nghĩa đơn giản:

— Vì vấn đề... thương mại, ban nhạc phải tạm thời sát nhập tổ hợp của tôi...

Nghe tới đó, O'Bannon tái mặt nhưng thằng phụ tá của ông tài phiệt đứng bên cạnh bèn giải thích thêm:

— Đây chỉ là vấn đề thủ tục, ông bạn đừng lo gì cả. Ông chủ tôi thật lòng muốn giúp ông chứ không muốn hại.

O'Bannon nhìn tờ giấy, giọng lạc đi nhưng rất cương quyết. Sự cương quyết của một giống có lịch sử kỳ lạ và đau thương nhất thế giới:

— Giúp cái kiểu này tôi thấy hơi kỳ. Tôi đồng ý là ông đỡ đầu cho chúng tôi. Có ông chúng tôi mới dám lên đây. Nhưng nếu muốn bàn về vấn đề sở hữu chủ hay quyền lợi của ban nhạc này, chúng ta phải từ từ bàn lại với nhau một cách thuận lý và bình đẳng. Có đâu lại đưa ra một tờ giấy như thế này mà bắt tôi ký vào như là chuyện đã rồi. Hơn nữa, ban nhạc chưa trình diễn một ngày nào cả. Ít nhất ông cũng phải để cho chúng tôi trình diễn một lần đã rồi mới nói chuyện được...

Câu trả lời và cái lắc đầu của người bạn "tốt" cũng cương quyết không kém:

— Đây là đất Mỹ. Giấy tờ trước, công việc sau. Nói gần nói xa chẳng qua nói thật, để tiết kiệm thì giờ tôi xin nói thẳng với ông bạn là nếu tôi không nhìn thấy cái chữ ký của ông trong tờ giấy này, ngày mai ban nhạc khỏi có chơi đi.

Từ lúc ra đời, O'Bannon chưa bao giờ bị thiên hạ đối xử như vậy nên quắc mắt lên giận dữ:

— Vậy là ông lừa tôi à? Lúc chúng mình mới bàn với nhau, tại sao ông không nói trước những chuyện này?

Giọng lão Abbrey vẫn lạnh lùng:

— Nghĩ thế nào là quyền của ông bạn, nhưng đây là vấn đề thương mại. Thuần túy thương mại, chẳng ai lừa ai cả. Ông có công thành lập ban nhạc, tôi có công... bỏ tiền ra để giới thiệu ông. Người có công, người có của, chúng ta hợp tác với nhau mà làm giàu.

— Nhưng ông có cho tôi hợp tác đâu, ông xử ép tôi quá!

hư không

Đôi lúc nhìn sâu giữa khoảng không
Soi màu huyễn hoặc sắc gương trong
Hư hư thực thực từ muôn kiếp
Nhân loại lao xao chốn bụi hồng.

Khép cửa cài mây dỗ giấc lành
Phiêu phiêu hồn lạc cõi vô thanh
Nghe như hơi thở từ thiên cổ
Nhập bóng trăng xanh động bức mành.

quỳnh viên

Người bạn ân nhân bỗng đổi giọng. Mắt lão loé ra một tia lửa dữ dội. Giọng nói của lão vẫn ôn tồn, không gay gắt nhưng dường như có mùi tử khí:

— Đây là lần cuối cùng tôi nghe ông nói tôi lừa đảo hay xử ép. Tôi không muốn nghe hai chữ này một lần nào nữa. Tôi không xử ép ai cả. Nếu ông muốn hợp tác thì ký vào tờ giấy này, nếu không thì thôi, ta chia tay. Tôi không có thì giờ...

Lão Abbrey đứng dậy. Hai thằng cận vệ đứng lên như hai cái máy, đưa mũ cho chủ.

O'Bannon uất ức nắm tay, lão gầm lên:

— Còn ban nhạc của tôi thì sao?

Thằng phụ tá đứng bên cạnh hất tay O'Bannon ra, trả lời thay chủ:

— Ông chẳng có ban nhạc nào cả. Ông quên một điều là tuy chúng tôi không hợp tác với ông nhưng có thể giữ những nhạc công của ông ở lại Nữu Ước với một số lương vừa phải. Ông hãy thực tế đặt trường hợp mình vào địa vị những nhạc công kia đi và nghĩ thử xem ông sẽ phản ứng thế nào nếu chúng tôi đề nghị họ ở lại làm việc với chúng tôi? Ông nghĩ có người nào dám từ chối một tương lai đầy hứa hẹn ở Nữu Ước và một tháng lương lãnh trước nếu chịu ở lại không?

O'Bannon bắt đầu toát mồ hôi hột:

— Nhưng ban nhạc làm sao trình diễn được nếu thiếu tiếng dương cầm của tôi?

Lão Do Thái già xoay người:

— Đó là lý do tại sao tôi muốn ký giao kèo với ông.

— Nhưng nếu tôi từ chối?

— Ông là người có tài, người như ông khó kiếm nhưng không phải là không kiếm được. Trước sau gì chúng tôi cũng kiếm được, chỉ tốn một ít thời gian thôi.

Dù tức điên lên nhưng sự khôn ngoan của một người di cư cho O'Bannon biết là đã đến nước này thì thằng Do Thái chó đẻ nói được thì nó làm được. Để nó bỏ đi thì bao nhiêu công trình coi như tan tành mây khói hết. Mà ký giấy thì chẳng hoá ra là dâng hiến cái sự nghiệp mà mình khổ công gầy dựng bấy lâu cho nó hay sao? Chẳng biết nói thế nào, O'Bannon đành than thở:

— Ông nghĩ giùm cho, tôi gây dựng ban nhạc này từ trong trứng nước mà, mấy ông đâu có thể làm như vậy được..

Lão nọ cười mỉa:

— Ông O'Bannon, ông còn may mắn hơn nhiều người. Ông đâu biết rằng có nhiều người đã bỏ hết cả gia tài, sự nghiệp, chỉ mong bằng được một nửa ông thôi mà không được. Hơn nữa, ông chưa đọc kỹ nên chưa biết tờ giấy nói gì trong đó. Tôi có bảo ông giao khoán cái ban nhạc đó cho tôi đâu? Ông vẫn làm chủ ban nhạc, tạm thời ông chỉ sát nhập vào tổ hợp của chúng tôi thôi

mà! Ông không thấy được những điều lợi. Ông vừa có tiền, vừa phải trả ít thuế ..., bao nhiêu cái lợi không thấy chỉ thấy nỗi lo sợ vu vơ không bằng chứng...

Rồi lão lắc đầu, ra dấu cho hai thằng khỉ đột mở cửa:

— Nói thật với ông, nếu tôi muốn ăn cướp của ông thì tờ giấy lộn này chẳng có nghĩa lý gì cả. Nhưng mà nói là nói cho vui vậy thôi, ông đã nói vậy thì coi như sợ hợp tác của chúng mình chấm dứt nơi đây. Mở cửa cho tao về...

O'Bannon hốt hoảng ngăn Abbrey lại:

— Thưa ông, ông hứa như thế?

Abbrey xoay người, giơ hai tay lên trời, giọng bỗng trở nên đầy thân ái:

— Coi kìa, mình là dân Do Thái với nhau mà ông bạn! Chúng ta đều là con cháu tổ phụ Abraham hết, sao ông lại nghi ngờ người trong nhà mình vậy? Tôi đã bảo ông bạn vẫn là chủ nhân ông chính thức của ban nhạc, chúng tôi chỉ phụ bạn trong giai đoạn khó khăn này thôi. Đây, chỗ này đây, ký vào một cái đi để rồi còn bao nhiêu chuyện phải lo nữa...

Ở đời, trong nhiều cuộc thương lượng, nhiều khi chỉ cần một hành động thừa thãi, một câu nói hớ hênh là có thể làm cho bên kia "nắm" được mình. Lão tài phiệt này tuy cáo già nhưng không phải là không nói hớ. Và khôn lanh như bố O'Bannon nắm được điểm hớ của lão liền.

O'Bannon nhìn thấy lão này tuy bề ngoài làm mặt lạnh lùng nhưng bên trong thì một hai phải kiếm cho được cái chữ ký của mình. Bố O'Bannon nghiệm ra rằng cái thằng con cháu Abraham cáo già này chẳng cần gì mình nhưng nó không bỏ mình được chẳng qua là vì cái tài đàn dương cầm của mình đó thôi! Chúng nó thể kéo hết ban nhạc về phe chúng nhưng ban nhạc này đã được bố huấn luyện đặc biệt để hoà nhạc không thể thiếu tiếng dương cầm của bố. Dĩ nhiên, chúng có thể mướn người khác thế chỗ nhưng phải mất một thời gian và phải tập lại từ đầu.

O'Bannon chợt nảy ra một ý tưởng. Mình nắm con dao ở đằng cán thì còn sợ thằng nào! Nếu chúng mày phản ông thì ông không chơi đàn nữa, coi thử thằng nào lừa được thằng nào? Trong giai đoạn chân ướt chân ráo này, mình phải nhờ nó nhiều thì coi như tạm thua nó một keo đi. Với ngón đàn dương cầm trong tay, để mai mốt khi ban

nhạc có chút danh tiếng, mình sẽ từ từ tính với chúng nó cũng được.

Thế là bố O'Bannon đồi ý, thò tay ký vào mảnh giấy. Dù sao, con cháu của Abraham với nhau thì cũng nên tin nhau một chúng, đừng để người ta cười dân Do Thái.

Tuần lễ sau, với tài năng của O'Bannon, buổi trình diễn ở Broadway thành công ngoài sức tưởng tượng. Người ân nhân Abbrey xuống tận nơi bắt tay khen ngợi, khui sâm-banh uống tưng bừng rồi ra về, tuyệt nhiên không mở miệng nhắc đến cái giao kèo oái oăm kia. Bố O'Bannon cũng biết vậy nhưng bố có vũ khí trong tay, bố đâu có sợ. Cứ cho chúng mày giở trò đi, coi thử giở được trò gì?

Và tiếng đồn về ban nhạc Cameron, ngôi sao mới mọc tại Broadway bay đi khắp nơi. Chỉ vài tuần sau, ban nhạc được cả chục cái đơn đặt hàng cho những buổi trình diễn kế tiếp, tuần nào cũng được mời. O'Bannon hả hê lắm, đi ra đi vào, mặt mày khoan khoái vô cùng.

Nhưng cái lúc sung sướng nhất cũng là lúc bố bắt đầu ngờ ngợ nhận ra rằng mình đang nắm dao đằng lưỡi chứ không phải đằng chuôi như mình tưởng. Chúng nó đang giở trò thật. Hình như bắt đầu từ thằng bầu tổ chức, thằng chủ rạp, thậm chí cho đến thằng soát vé, chả đứa nào thèm nói chuyện với mình.

Bố O'Bannon chẳng cần thắc mắc lâu. Chỉ vào ngày thứ sáu tuần sau thì bố biết chúng nó giở trò thật. Mấy thằng nhạc công trong ban đi đâu về không biết, khoe um lên với bố mấy cái *cheque* thật bự và những tờ giao kèo trình diễn dài tới mấy năm. Ủa, mình là chủ ban nhạc, nếu ký hợp đồng thì chúng nó phải ký với mình, nếu chúng nó có chi phiếu thì cũng phải do mình ký, ai ký cho chúng được? Câu trả lời hợp lý của cái việc... vô lý này là mình chẳng phải là chủ nhân ông của ban nhạc này nữa rồi!

Hỏi kỹ lại thì thấy quả đúng như O'Bannon nghĩ. Ban nhạc đã có ông chủ mới rồi.

Bây giờ thì bố mới thấy mình dại, liền liên lạc xin gặp người tài phiệt "con cháu Abraham" để nói chuyện phải trái. Nhưng chờ đến cả tuần lễ mà chẳng ai ngó ngàng đến. Ông "con cháu Abraham" lúc nào cũng bận việc không thể tiếp bố được.

Biết mình bị lừa nhưng bố đâu có chịu thua dễ dàng như vậy. Đã nói bố còn món võ khí bí mật là hai bàn tay với ngón đàn dương cầm để chơi chúng nó kia mà. Chúng mày cứ coi như chắc ăn đi, cứ coi thường tao đi, lần trình diễn tới tao sẽ chơi thật tệ để đốt cháy luôn ban nhạc. Thằng này không ăn được thì đạp đổ, nhất định sẽ không cho thằng nào ăn hết.

Thế là O'Bannon giữ kín nỗi buồn, không để cho ai biết chuyện mình bị lừa. Bố vẫn tiếp tục tập dượt với chúng nó như không có chuyện gì xảy ra vậy. Mười ngón tay của bố vẫn bay nhảy điêu luyện trên phím đàn.

Ngày trình diễn kế tiếp lại đến. Trước khi ra đi, bố gọi điện thoại cho thằng phụ tá của lão tài phiệt:

— Tối nay, tao sẽ cho ban nhạc Cameron lừng danh của chúng mày rớt xuống bùn nhơ trở lại...

Thằng phụ tá tỉnh bơ hỏi:

— Bằng cách nào?

— Mày biết ông đánh dương cầm mà. Ông sẽ đánh sai bét cho chúng mày biết tay.

Nói xong, O'Bannon đợi thằng khốn nạn nhảy nhổm lên khỏi ghế vì ngạc nhiên. Nhưng chính bố lại là người muốn nhảy nhổm khi nghe được cái giọng tỉnh bơ của nó:

— Vậy à? Ghê nhỉ! Nhưng mà ông yên chí đi, ông chủ tôi đã tính hết mọi chuyện rồi.

Rồi nói cười hề hề, làm như không tin bố dám đốt ban nhạc vậy. Nó còn nói là ông chủ nó dù rất bận rộn nhưng thế nào cũng phải kiếm được chút thì giờ để đi dự buổi hoà nhạc.

O'Bannon càng lộn gan. Bố nhất quyết tối nay sẽ làm cho chúng nó sáng mắt ra.

Tối đó, ngồi bên cây đàn dương cầm lừng danh của mình trên sân khấu, bố nhìn lên và thấy lão già khốn nạn ngồi ngay ở lầu một, nơi dành cho các bậc đại thượng khách. Lúc cả ban nhạc đứng lên cúi đầu chào khán giả, bố nhủ thầm sẽ làm cho nó tái tê, đau khổ.

Rồi đến phần giới thiệu, mỉa mai thay, bố O'Bannon được chúng nó giới thiệu đầu tiên. Giữa những tiếng vỗ tay tưởng như sấm động như bố thường nói với con trai, lời giới thiệu như sau: "Kính thưa quý vị khán giả, lần đầu tiên sân khấu Broadway xin giới thiệu một đại dương cầm thủ tài hoa của thế kỷ 20, Mr. O'Bannon. Thưa quý vị, O'Bannon, người từng được hoàng đế nước Đức trao tặng huân chương, người đã từng làm cho các bậc vương hầu quí tộc Âu châu sa lệ, người đã có công gây dựng nên ban nhạc Cameron từ trong trứng nước và cũng là linh hồn của ban nhạc này... Xin quí vị cho con người tài hoa này một tràng pháo tay thật dài, thật lớn..."

Tiếng vỗ tay nổi lên ầm ầm như sấm động thật. O'Bannon cảm thấy ngây ngất. Bố cúi đầu thật sâu để đáp lại những lời khen ngợi. Ôi, sao mà chúng nó giới thiệu hay đến như vậy! Dân Broadway có khác! Mình đi lưu diễn khắp Âu châu bao nhiêu năm trời, có bao giờ được nghe những lời nói hùng hồn và văn hoa như thế!

Đã đến lúc bắt đầu. Người nhạc trưởng giơ cao cây gậy nhỏ ra dấu cho mọi người chuẩn bị. Cả hội trường lớn với hơn năm ngàn khán giả bỗng im phăng phắc không một tiếng động. Mọi người nín thở, bố O'Bannon cũng nín thở.

Cây gậy của người nhạc trưởng phật xuống một cái. Như mọi nhạc công khác trong ban nhạc, O'Bannon bung mạnh tay trên phím đàn.

Đấy cũng chính là lúc bố O'Bannon nhận ra mình đã thua thằng Do Thái khốn nạn một thế cờ quan trọng. Thế cờ này sẽ kết liễu ván cờ của cuộc đời mình...

(còn tiếp)

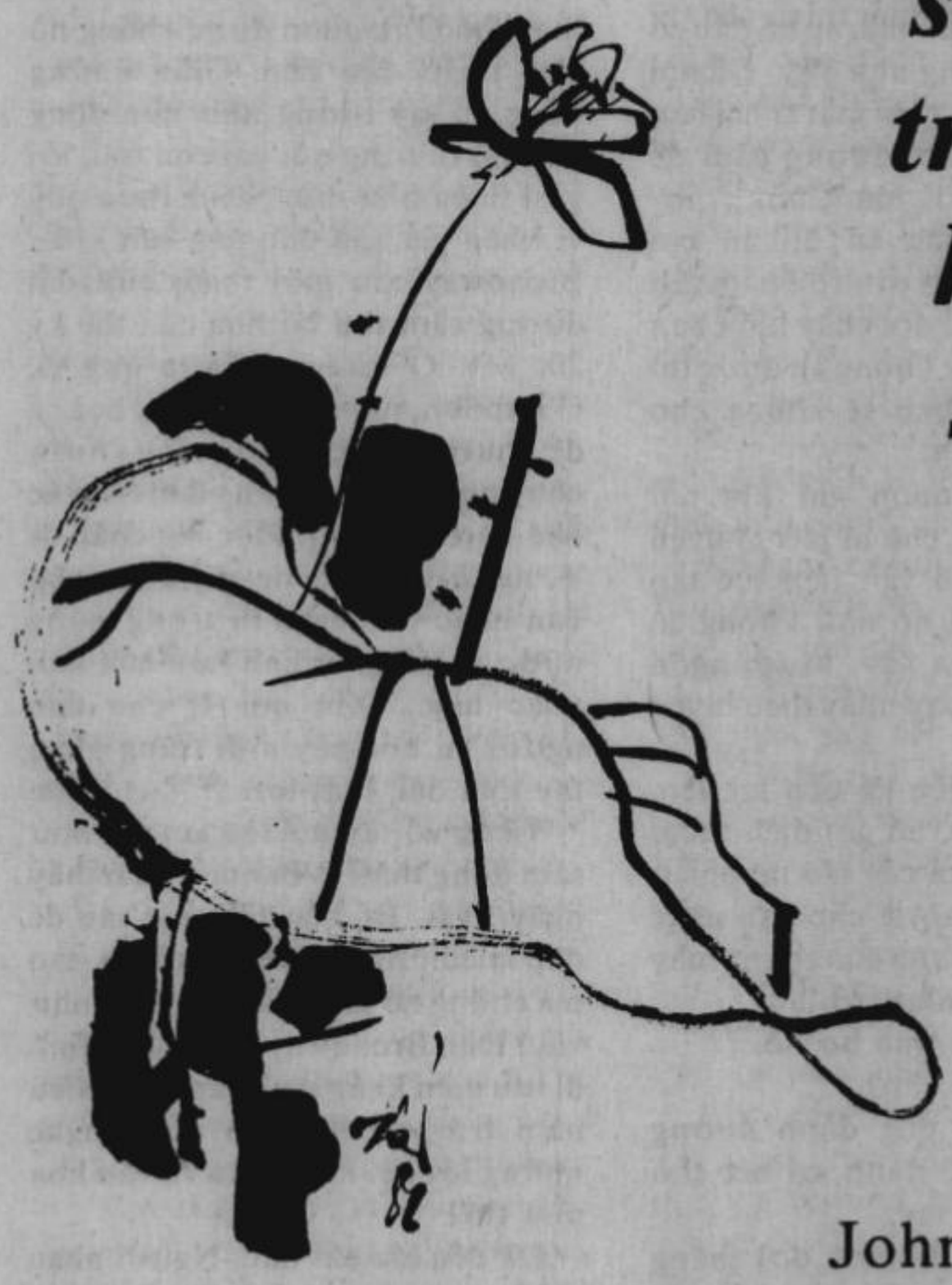

ngọc sáng trong hoa sen

John Blofeld
Nguyên Phong
phóng-tác

(tiếp theo)

Tuy Caine Road là khu phố buôn bán sầm uất, lúc nào cũng ồn ào náo nhiệt nhưng phòng mạch của Tạ Hải lại có một không khí yên tĩnh, trang nghiêm khác thường. Muốn vào đó người ta phải đi ngang một khu vườn nhỏ với hòn non bộ, cây kiểng để ngăn bớt tiếng động bên ngoài. Tôi thường đến thăm Tạ Hải vào buổi xế chiều, khi số bệnh nhân đã thưa bớt, như thế chúng tôi có thể đàm đạo đến khuya mà không sợ ai quấy rầy. Dĩ nhiên đôi khi cũng có những người bệnh đến bất ngờ, làm gián đoạn câu chuyện của chúng tôi. Theo phong tục Tây phương, việc khám bệnh thường có tính cách riêng tư giữa bệnh nhân và y sĩ, những người không liên hệ không được phép vào. Điều này không xảy ra tại đây, đa số người bệnh không phàn nàn, và Tạ Hải cũng không hề tỏ thái độ nào về sự hiện diện của tôi trong phòng khám bệnh. Thường thì người bệnh bước vào gật đầu chào Tạ Hải rồi bắt đầu tả bệnh trạng của mình, đôi khi cũng có người liếc nhìn về phía tôi nhưng chỉ thế thôi, không ai tỏ ra mất tự nhiên hay khó chịu về việc có sự hiện diện của một người lạ mặt.

Tạ Hải thường chẩn bệnh một cách nghiêm túc, đứng đắn, không để lộ tình cảm. Về sau tôi mới biết bản tính của anh ta vẫn thế, lúc nào cũng đạo mạo, nghiêm trang, tuy bề ngoài có vẻ lạnh lùng nhưng bên trong rất tận tụy và có lương tâm. Sau khi nghe người bệnh diễn tả bệnh trạng, Tạ Hải yêu cầu họ vén tay áo lên để bắt mạch. Việc chẩn bệnh diễn ra một cách hết sức yên lặng. Tạ Hải chăm chú lắng nghe một hồi lâu cho đến khi gật nhẹ đầu như đã tìm ra nguyên nhân căn bệnh. Việc chẩn bệnh chỉ giản dị có thế, không mấy khi tôi thấy Tạ Hải làm gì khác hơn.

Sau khi bắt mạch, Tạ Hải thong thả giải thích cho bệnh nhân về bệnh trạng của họ trước khi kê đơn cho thuốc. Nhờ ngồi đó, tôi chứng kiến nhiều cách định bệnh lạ lùng mà một người Tây phương chắc chắn không thể tin được. Làm sao chỉ sờ vào cổ tay bệnh nhân mà một y sĩ có thể biết được người đó đau gan, đau thận hay sưng phổi? Làm sao chỉ cần nhìn qua sắc diện bệnh nhân mà y sĩ có thể nói luôn về tình trạng dinh dưỡng hay những liên hệ về tâm sinh bệnh lý của họ? Đôi khi Tạ Hải không đề cập gì đến bệnh trạng mà lại nói về những quan niệm trừu tượng như khí huyết, nóng lạnh, âm dương, ngũ hành, nghịch khí hay thuận khí. Việc chữa trị cũng không nhất định, có lúc anh ta kê đơn cho thuốc, khi lại bắt bệnh nhân thay đổi cách ăn uống, dinh dưỡng hay khuyên họ không nên lo lắng thái quá mà sinh đau lưng, nhức mỏi. Theo Tạ Hải, cơ thể con người khoẻ mạnh lúc

nào cũng quân bình, bệnh tật chỉ là những triệu chứng của sự mất quân bình trong cơ thể. Thay vì chữa trị từng cơ quan riêng biệt, đau đâu chữa đó như y khoa Tây phương thì Tạ Hải chủ trương việc chữa trị phải có tính cách toàn diện để lập lại quân bình trong cơ thể. Tôi không biết bệnh nhân có hiểu gì về lời giải thích này hay không nhưng phần lớn tỏ ra hết sức tin tưởng vào tài chẩn bệnh cũng như chữa bệnh của anh ta.

Ngày tháng cứ thế chầm chậm trôi, chẳng mấy chốc tôi đã sống tại đây gần một năm. Nhiều lúc tôi tự hỏi nếu không quen Tạ Hải và một số bằng hữu của anh ta thì đời sống của tôi sẽ như thế nào? Trong thời gian đầu, cuộc sống của tôi rất túng thiếu, số tiền kiếm được qua việc kèm sinh ngữ chỉ vừa đủ để trả chi phí nhưng không đủ để đi du lịch, thăm viếng các danh lam thắng cảnh như ý muốn. Mãi về sau, khi đã quen biết nhiều, giao thiệp rộng, cuộc sống dần dần trở nên dễ chịu hơn. Tại Tây phương, việc làm thường xây dựng trên căn bản bằng cấp, khả năng chuyên môn; nhưng tại Trung Hoa, tất cả tùy thuộc vào tiếng tăm và quen biết. Dù có khả năng, bằng cấp, học vấn gì chăng nữa nhưng thiếu quen biết thì vẫn bị coi là "người ngoài" và không ai giao dịch, làm ăn buôn bán với những người đó cả. Chỉ khi nào được sự giới thiệu bảo đảm của một ai đó, thì mọi việc mới tiến triển được. Lúc đầu mở lớp dạy sinh ngữ, tôi gặp nhiều khó khăn vì không ai giới thiệu, chỉ có vài học sinh tò mò muốn học thử mà thôi. Về sau khi quen biết rộng, chỉ cần vài người có uy tín trong vùng lên tiếng thì số học sinh ghi danh đã gia tăng rõ rệt ngay. Thay vì mở một lớp tôi đã phải mở đến hai, ba lớp mà vẫn không đủ đáp ứng cho nhu cầu, nhưng đó là chuyện về sau.

Ngoài việc đàm đạo về Phật học với Tạ Hải và các bạn anh ta, tôi còn có dịp tham gia một thú giải trí hết sức tao nhã: làm thơ vịnh cảnh. Chúng tôi thường họp nhau tại nhà một người nào đó, cũng có khi trên một con thuyền thả trôi theo dòng, uống trà thưởng trăng rồi xướng hoạ với nhau những vần thơ ca tụng cảnh đẹp thiên nhiên. Tuy khả năng sinh ngữ còn kém nhưng nhờ Tạ Hải ngồi cạnh giải thích nên tôi cũng hiểu được phần nào ý nhĩa những bài thơ này. Đôi khi người ta cũng ép tôi phải hoạ theo, và tôi chỉ biết đỏ mặt tía tai lắc đầu lia lịa. Tuy nhiên sau một thời gian ngồi chầu rìa, tôi cũng ê a một vài câu họa. Dĩ nhiên mọi người cười ầm lên thích thú rồi xúm vào khuyến khích. Một người bạn của Tạ Hải dạy tôi cách gieo vần họa điệu, giảng giải cho tôi về niêm luật thơ phú nên ít lâu sau tôi bắt đầu sáng tác được vài vần thơ xướng họa với mọi người. Hầu hết những người này đều thuộc dòng dõi học giả, quan lại, trung thành với triều đình, đã lánh nạn ra Hương Cảng sau cuộc cách mạng Tân Hợi 1911. Chính nhờ họ mà tôi học hỏi được nhiều về nghệ thuật sống của người phương đông. Mùa thu đầu tiên trôi qua với nhiều kỷ niệm đẹp và mùa đông cũng đến một cách nhẹ nhàng. Khí hậu nơi đây tuy không lạnh như Luân Đôn, nhưng cũng đủ làm người ta co ro trong nhà, ít ai ra khỏi cửa. Tôi cũng tận dụng thời gian này để học thêm tiếng Trung Hoa, tập đọc các sách phổ thông như *Tam Quốc Chí, Tây Du* và *Phong Thần*.

Một ngày đầu xuân, tiết trời hơi lạnh, tôi quyết định đến thăm Tạ Hải. Như lệ thường, tôi khoác chiếc áo nỉ may theo kiểu Trung Hoa, và theo thói quen cài thêm một bông hoa nhỏ lên ngực. Vừa bước vào phòng khám bệnh, tôi cảm thấy có một sự gì khác thường. Căn phòng đầy người, đa số là đàn ông lớn tuổi ăn mặc lịch sự. Chỉ cần nhìn sơ qua những bộ quần áo bằng gấm thượng hạng, tôi biết họ thuộc giai cấp quyền quý, nếu không phải bậc trưởng giả thì cũng đại phú gia. Tất cả quây quần quanh một ông lão, khuôn mặt hồng hào, quắc thước, ngồi trên chiếc trường kỷ kê giữa phòng. Điều ngạc nhiên hơn nữa là có một số người còn ngồi luôn cả xuống đất, sát cạnh chân ông lão. Không như người Ấn Độ hay Thái Lan thường ngồi xổm dưới đất, người Trung Hoa đã biết sử dụng ghế từ lâu, rất ít ai ngồi bệt xuống đất, nhất là trong các buổi họp quan trọng, với quần áo lịch sự như vậy.

Tôi đang bỡ ngỡ chưa biết phải làm gì thì Tạ Hải ở đâu bước lại. Anh ta nắm lấy áo tôi kéo thẳng về phía ông lão và nói khẽ:

— Ông Phùng, cẩn thận đấy nhé, nhớ khấu đầu đúng ba lần.

Đã quen với cách chào cung kính của người Trung Hoa, tôi biết khấu đầu ba lần là một nghi thức bày tỏ bày tỏ sự kính trọng đặc biệt nhưng tôi vẫn chưa biết người khách lạ kia là ai. Tạ Hải trịnh trọng lên tiếng:

— Thưa trưởng lão, con xin giới thiệu một bằng hữu đến từ phương xa, một Phật tử người Anh, Phùng Minh Đạo tiên sinh.

Nói xong anh ta lấy khuỷu tay huých nhẹ vào hông tôi để ra hiệu. Tôi lật đật quỳ xuống đất, khấu đầu đúng ba lần. Trong lúc làm lễ, tôi liếc thấy ông lão mặc một bộ quần áo rất lạ, khác hẳn các y phục thông thường. Đó là một chiếc áo choàng màu tím thẫm, có những đường chỉ viền quanh. Ông còn quấn một sợi dây dài ngang hông bằng lụa vàng óng ánh với những tua rất dài. Ông lão mỉm cười:

— Một Phật tử... từ nước Anh ư? Lành thay! Lành thay!

Tôi nghe giọng ông lão lơ lớ, không giống như giọng người Trung Hoa. Tuy ông nói tiếng Phổ Thông khá rõ nhưng tôi nghe sao vẫn như giọng một người ngoại quốc.

— Thưa vâng, tôi là một Phật tử người Anh.

Ông lão mỉm cười giơ tay vỗ nhẹ lên vai tôi rồi chỉ xuống đất như có ý bảo tôi hãy ngồi xuống đó.

— Lành thay, một Phật tử từ phương xa đến. Phải chăng anh muốn hỏi tôi một vài điều về Phật pháp hay có vấn đề gì muốn nói

riêng với tôi nữa?

Có lẽ vì bỡ ngỡ nên tôi trả lời như một cái máy:

— Thưa trưởng lão... vâng... vâng...

— Được lắm, anh cứ hỏi đi. Người Tây Tạng chúng tôi không có thói úp mở loanh quanh đâu. Muốn gì cứ việc nói đi...

Tôi giật mình. Câu nói "người Tây Tạng chúng tôi" dường như có một mãnh lực kỳ lạ nào đó khiến đầu óc của tôi trở nên hoang mang. Như vậy ông lão là người Tây Tạng, phải chăng đó là một vị Hoá Thân, hay Phật sống mà tôi vẫn nghe sách vở đề cập? Tôi đã đọc khá nhiều sách về Phật giáo Tây Tạng nhưng không có mấy cảm tính với phái này. Theo tôi, đây là một hình thức tín ngưỡng đã bị pha trộn nhiều pháp thuật phù thủy, mê tín dị đoan, khác xa với giáo lý cao đẹp của đức Phật. Tôi nghe nói tu sĩ phái này sử dụng bùa ngải, pháp thuật và thường giao du với cõi vô hình nên theo tôi Phật giáo Tây Tạng đã mang một sắc thái hoang đường, kỳ lạ, huyền bí, hư hư thực thực. Nếu ông lão này là người Tây Tạng thì phải chăng ông là một kẻ luyện phép phù thủy? Tuy nhiên tôi không thấy ông có vẻ ghê gớm của một người luyện tà thuật. Trái lại ông có nét mặt hiền lành, phúc hậu, lúc nào cũng tươi cười thân thiện. Hơn nữa tôi thấy không khí trong phòng có vẻ trang nghiêm, đứng đắn chứ không có vẻ gì kỳ lạ khác thường. Tôi đã từng chứng kiến một vài cảnh lên đồng trong các đền miếu với những người dân quê mê tín, nhưng nhìn quanh cử tọa, tôi thấy họ không phải là loại bình dân thất học hay những người nhẹ dạ dễ tin. Chỉ cần liếc qua cách ăn mặc và cử chỉ, tôi biết họ tiêu biểu cho hạng thượng lưu trí thức trong xã hội.

Đang mải miết suy nghĩ bỗng nhiên tôi sực nhớ đến bộ y phục của mình. Trong lúc ai cũng mặc quần áo lịch sự thì tôi lại khoác một tấm áo đã cũ. Tệ hơn nữa, tôi còn cài một bông hoa trên túi áo, trông trơ trẽn khôi hài làm sao! Nếu ông lão kia là người có địa vị quan trọng thì không biết ông nghĩ sao về kẻ ăn mặc bê bối với bông hoa kỳ cục cài trên ngực áo như thế này? Tự nhiên tôi đâm ra hối hận đã cài bông hoa như vậy. Mặt tôi nóng ran, tay chân ngượng nghịu không biết phải làm gì. Bất ngờ ông lão mỉm cười nói khẽ với tôi:

— Có sao đâu, hoa ở đâu cũng đẹp hết.

Tôi giật thót mình. Tại sao ông lão này lại nói như vậy? Tại sao ông biết tôi đang bối rối vì bông hoa trên ngực áo? Tôi chưa biết làm gì thì ông đã nói tiếp:

— Này anh bạn trẻ, hoa tượng trưng cho sự tinh khiết, mỹ lệ, hay sự tốt đẹp vẹn toàn, vì lẽ đó chúng ta thường đem hoa cúng Phật kia mà, như vậy có gì mà anh phải bối rối? Hình như anh chưa chuẩn bị sẵn câu hỏi nào thì phải?

Tôi có cảm tưởng ông lão này đang thử thách tôi. Nếu đặt câu hỏi thì có khác gì đem kiến thức nhỏ bé về Phật học của mình ra trình cho người khác biết. Dĩ nhiên tôi đâu muốn "múa rìu qua mắt thợ" nên khéo léo thoái thác:

— Thưa trưởng lão, tôi không nói thạo tiếng Phổ Thông... Có lẽ tôi phải nhờ người nào khác phiên dịch giùm. Kiến thức về Phật học của tôi còn thấp kém lắm, nói ra chỉ

Làng Văn 92

sợ ngài cười.

Ông lão có vẻ ngạc nhiên:

— Này anh bạn, đừng tỏ ra mất tự nhiên như thế. Trở ngại sinh ngữ đâu phải là lý do khiến anh bỏ qua một cơ hội tốt đẹp. Tôi trông anh có vẻ ngượng nghịu làm sao, phải chăng việc này xảy ra bất ngờ? Thôi được, có lẽ anh cần bình tĩnh lại đã rồi chúng ta sẽ nói chuyện sau. Tôi cũng muốn biết một Phật tử từ Anh quốc đến có những thắc mắc gì về Phật học.

Ông khẽ phất tay ra ý tiễn khách. Tôi cúi rạp người xuống chào và lùi ra khỏi đám người đang quây quần cạnh ông lão. Ra đến hành lang tôi thấy A Lục, một đứa cháu của Tạ Hải, đang đứng gần đó.

— Này Lục huynh đệ, anh đang làm gì ở đây vậy?

— Phùng tiên sinh đừng mất thời giờ vô ích. Ông nên suy nghĩ về những thắc mắc mà ông sẽ hỏi ngài.

— Nhưng vị khách đó là ai vậy?

— Ông không biết ư? Đó là một lạt ma nổi tiếng cư ngụ tại Bắc Kinh. Hiện nay ngài lên đường trở về Tây Tạng. Thay vì đi đường bộ thì ngài sử dụng đường thủy từ Hương Cảng đi Calcutta. Thời gian gần đây đường bộ không an ninh, đi đường thủy nhanh chóng và tiện lợi hơn...

Một ông lão đứng gần đó nghe vậy bèn xen vào:

— A Lục nói không đúng. Trưởng lão cư ngụ tại Tân Cương chứ không phải Bắc Kinh. Tuy là người Tây Tạng nhưng ngài có rất nhiều học trò người Trung Hoa, có lẽ đến cả trăm, cả ngàn không chừng vì ngài đã sống tại đây hơn hai mươi lăm năm rồi. Hiện nay công việc hoằng pháp đã xong, ngài lên đường trở về xứ. Tên ngài là Dorje Rinpoche nhưng người Trung Hoa gọi ngài là Kim Cương trưởng lão...

Ông lão còn nói thêm một hồi nhưng vì không thạo tiếng Phổ Thông nên tôi không hiểu mấy. Tôi quay qua định nhờ A Lục thông dịch thì hắn đã bỏ đi đâu mất. Tôi đành lặng yên đứng trong một góc khuất quan sát đám đông đang xúm xít trong phòng khách của Tạ Hải. Một lúc sau, lấy lại bình tĩnh tôi sắp đặt trong óc năm câu hỏi như sau:

1. Đức Phật đã dạy rằng nghi thức hành lễ chỉ là hình thức bên ngoài, là chướng ngại cho việc giải thoát (một trong Tứ chướng: Nghiệp chướng, Báo chướng, Phiền não chướng và Sở tri chướng), nhưng tại sao một số môn phái, nhất là Mật Tông, lại chú trọng rất nhiều đến các nghi thức hành lễ như vậy?

2. Có phương pháp thiền định giản dị nào dành cho người mới bước chân vào đường đạo không? Làm sao có thể bước chân vào con đường Thiền, Tinh hay Mật?

3. Tại sao các xứ như Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan chỉ thờ một vị Phật duy nhất là đức Thích Ca, trong khi Tây Tạng, Nhật Bản, Trung Hoa lại thờ nhiều vị Phật khác nhau?

4. Các đấng Bồ Tát có thực sự giúp gì cho chúng ta không? Liệu chúng ta phải trông cậy vào sự giúp đỡ của các đấng Bồ Tát hay phải nỗ lực tự giúp mình như Phật giáo nguyên thủy vẫn đề xướng?.

5. Nhiều học giả Tây phương cho rằng Phật giáo Tây Tạng chỉ là một biến thái của Phật giáo, một thứ huyền thuật đội lốt Phật giáo với những thần linh kỳ lạ, hay các cõi giới vô hình. Theo ngài thì điều này ra sao?

Đó là những câu hỏi mà tôi vẫn thắc mắc từ trước nhưng chưa tìm được câu trả lời thoả đáng. Tôi biết câu hỏi thứ năm có phần nào sỗ sàng, bất kính với một tu sĩ Phật giáo Tây Tạng nhưng tôi thiết nghĩ đây là cơ hội hãn hữu để tìm giải

---

tạ ơn trời cám ơn em

Mỗi ngày em nhỏ xuống hồn anh một giọt mật
cho đời anh thêm một chút ngọt ngào
Mỗi đêm em đổ xuống hồn anh một giọt sáng
cho hồn anh thêm mộng với trăng sao

Mỗi ngày môi em nở cho anh một nụ
để đời anh thấy cuộc sống dễ thương
Mỗi đêm em gửi cho anh một tiếng nói
để ru anh trong giấc mộng lạ thường.

Mỗi tối em thổi vào hồn anh một nguồn hứng
cho hồn anh chắp cánh bay cao
Mỗi đêm em gửi vào hồn anh một kỷ niệm
và ngàn năm hồn anh vẫn xôn xao.

Mỗi tối em nạm hồn anh bằng hạt ngọc
là nụ cười, là tiếng khóc hồn nhiên
Mỗi đêm em khảm hồn anh bằng cẩm thạch
mãi về sau cuộc sống vẫn thần tiên.

Tạ ơn trời đã ban em cho đời anh hạnh phúc
để tình anh rộn rã những thơ vui
Cám ơn em đã đến đời anh như phép lạ
biến đổi đời anh trong ánh sáng tuyệt vời.

kim phượng

đáp cho những thắc mắc này.

Trời đã về chiều, số người tụ họp trong phòng khách của Tạ Hải dần dần ra về hết, chỉ còn riêng tôi vẫn đứng ở góc nhà. Tôi thầm nghĩ có lẽ quá bận rộn nên Kim Cương trưởng lão đã quên tôi rồi, nhưng khi người khách cuối cùng vừa quỳ xuống làm lễ từ biệt thì ngài đã quay về phía tôi:

— Này anh bạn trẻ, có lẽ anh đã chờ lâu và đói bụng rồi. Anh hãy trở lại đây sau bữa ăn tối, Tạ Hải đang đợi anh ở nhà. Tối nay Lý tiên sinh sẽ thông dịch cho anh. Như anh biết, tôi không nói được tiếng Quảng Đông và anh cũng không thông thạo tiếng Phổ Thông.

Một lần nữa tôi lại giật mình. Quả thật trong lúc đứng chờ tôi có nghĩ đến việc ăn uống. Từ sáng đến giờ chưa có gì vào bụng và tôi đã nghe vài người trong bọn nói về bữa cơm thịnh soạn tại nhà riêng của Tạ Hải. Tôi lật đật quỳ xuống vái chào nhưng vị trưởng lão không để ý đến tôi, ông co chân xếp bằng trên chiếc trường kỷ, hai mắt từ từ nhắm lại như một pho tượng.

Ra đến cửa, tôi thấy A Lục đang chờ sẵn:

— Phùng tiên sinh, chúng tôi đang đợi ông để cùng ăn tối.

Chúng tôi đi bộ về nhà của thân phụ Tạ Hải cách đó không xa. Khi đến nơi mọi người đã khởi sự ăn uống, quanh bàn tiếng người chuyện trò ồn ào như pháo tết. Đã quen với không khí nơi đây nên tôi không hề khách sáo, tự nhiên cầm bát đũa lên ăn uống ngon lành.

Sau bữa ăn, tôi trở lại phòng mạch đường Caine Road một mình vì Tạ Hải và A Lục còn bận rộn. Bước vào phòng khách, tôi thấy Kim Cương trưởng lão vẫn ngồi xếp bằng trên chiếc trường kỷ như một pho tượng. Nếu không có Lý tiên sinh bước ra đón, có lẽ tôi đã ngại ngùng không dám bước vào. Lý tiên sinh làm chủ một tiệm buôn lớn tại khu Bloomsbury nên nói tiếng Anh rất lưu loát. Chúng tôi bước vào làm lễ ra mắt một lần nữa. Tôi định lên tiếng thì Kim Cương trưởng lão đã lên tiếng trước, Lý tiên sinh nhanh nhẹn thông dịch:

— Này anh bạn trẻ, điều anh thắc mắc thật ra rất giản dị chứ không có gì phức tạp đâu. Chân lý đức Phật đã dạy chúng ta cũng rất giản dị và có thể áp dụng được trong mọi hoàn cảnh chứ không phải điều gì phức tạp khó áp dụng. Tôi muốn anh hiểu thật rõ điều này vì anh là người Phật tử Tây phương đầu tiên mà tôi gặp. Do đó, tôi muốn nói chuyện riêng với anh.

Tôi định lên tiếng cám ơn về thịnh tình đặc biệt này nhưng Kim Cương trưởng lão đã lắc đầu:

— Khoan đã, anh hãy lắng nghe rồi đặt câu hỏi sau. Bây giờ chúng ta hãy bắt đầu với câu hỏi thứ nhất về các nghi thức như một chướng ngại...

Một lần nữa, tôi giật thót mình. Tôi chưa lên tiếng mà sao tu sĩ này biết trước câu hỏi của tôi? Phải chăng đó là sự tình cờ ngẫu nhiên hay còn có một cái gì khác? Nhưng tôi đâu hề thố lộ điều này với ai? Dù đàm đạo với Tạ Hải rất thường nhưng tôi chưa hề đặt vấn đề này với anh ta. Có lẽ nhìn thấy vẻ bối rối của tôi, vị trưởng lão mỉm cười một cách kỳ lạ:

— Đức Phật Thích Ca thường nhắc nhở các đệ tử của ngài rằng, nghi thức có thể trở nên một chướng ngại cho việc giải thoát nếu người ta cứ chấp nhặt vào những hình thức mà quên đi mục đích chính của việc tu hành...

Tự nhiên tôi hoang mang. Làm sao ông có thể hiểu rõ tư tưởng của tôi? Phải chăng đó là phép Tha Tâm Thông, một quyền năng mà các lạt ma Tây Tạng thường sử dụng? May thay đầu óc tôi chỉ xáo trộn trong vài giây vì Kim Cương trưởng lão đã tiếp tục:

— Dĩ nhiên một nghi thức được làm với cái tâm không chân thật, chỉ là hình thức trống rỗng bề ngoài, không ích lợi gì và hiển nhiên là chướng ngại cho việc giải thoát. Tu hành, đọc kinh, trì chú mà không chịu học, không chịu hiểu, không sử dụng đến trí tuệ mà chỉ đọc tụng làu làu, chẳng hiểu ý nghĩa lời kinh, chẳng thực hành

---

hơi lạnh mùa xuân

Ta bó gối nhìn bóng đêm buông phủ
chăn hững hờ nửa chiếc vắt ngang thân
trời vào xuân sao lạnh buốt tâm thần
hở suối tỏa củi tươi không đủ ấm

chim phương nam chưa tìm về rừng cấm
lạc phương này ta một cõi chơ vơ
buổi chia tay ai đâu biết để ngờ
dây tơ đứt tiếc không vương nhịp nối

nhớ người xưa hồn ta buông màu tối
khoảng tang đen che nửa cõi tình mơ
buộc quanh tim một chuỗi tím nhạt mờ
chia hai nửa phần đời riêng cách trở

màn đêm ơi xin chừa ta kẽ hở
để khung trời nối lại ước mơ duyên
buộc đường tơ bỏ lại nét muộn phiền
mang trời ấm mùa xuân chim làm tổ

lê thao chuyên

được điều trong kinh dạy, như một cái túi đựng đầy sách, chẳng dùng vào được việc gì. Dĩ nhiên nó là chướng ngại cho việc tu hành. Tuy nhiên nếu một nghi thức được thực hành với một cái tâm chân thật; khi hành động, cử chỉ đều trang nghiêm, ý thức và được kèm thêm những câu chú hết sức linh nghiệm thì làm sao có thể gọi là chướng ngại? Khi thân, khẩu, ý đều thanh tịnh, khi người hành lễ ý thức rõ rệt từng lời nói, từng cử chỉ, từng hành động của họ cũng như mục đích sâu xa của những nghi quỹ hành thì thì làm sao điều này có thể gọi là chướng ngại?

Này anh bạn trẻ, nếu một người leo núi cần có dây thừng thật chắc, móc sắc thật bền thì đường tu cũng thế. Người ta cần có định lực thật vững, xen vào những nghi quỹ nhất định, và điều chính yếu là tâm lúc nào cũng không rời mục đích duy nhất là giải thoát khỏi luân hồi sinh tử để đạt đến cứu cánh Niết Bàn. Mật Tông hay thần chú là những phương tiện giúp người tu trừ khử Phiền não chướng và Sở tri chướng, có năng lực bảo vệ các chủng tử tốt, làm tăng trưởng các chủng tử thiện trong tâm, ngăn giữ các chủng tử xấu phát động. Dĩ nhiên có nhiều kẻ thiếu trí tuệ, lười biếng và hay ỷ lại đã thực hành các nghi thức trên như mục đích mà quên rằng đó chỉ là phương tiện. Họ như kẻ đi lạc trong bão tuyết, có bản đồ không biết xem, hiển nhiên không thể đến đích được. Tiếc thay một số học giả Tây phương tiếp xúc với những tu sĩ như vậy đã vội vã kết luận rằng truyền thống Phật giáo Tây Tạng làm mê tín dị đoan, chỉ chú trọng về hình thức, nghi thức hành lễ chứ không có giá trị gì. Tôi biết đã có một số kinh điển Phật giáo được phiên dịch ra ngoại ngữ, nhưng nếu như vậy thì tại sao các học giả Tây phương lại không biết phân biệt đâu là giá trị và đâu là vô giá trị?

Tôi im lặng lắng nghe, lời giải thích giản dị của vị trưởng lão đã giải đáp ngay thắc mắc đầu tiên của tôi. Kim Cương trưởng lão nhìn tôi một lúc rồi mỉm cười:

— Này anh bạn trẻ, bây giờ chúng ta bàn về câu hỏi thứ hai của anh về phương pháp thiền. Trên nguyên tắc, thiền tông vốn giản dị về tính chất phóng khoáng, không chấp nhặt vào văn tự. Tuy nhiên muốn bước chân vào cửa thiền người ta cần phải có một cái "chìa khoá". Thiếu cái "chìa khoá" này thì việc tu hành sẽ không mang lại kết quả gì hết. Điều này cũng giống như một người đứng bên ngoài nhìn vào căn nhà thiền nhưng không có chìa khoá thì không thể mở cửa bước vào được. Do đó có nhiều người tu thiền hoài mà vẫn không có kết quả chỉ vì thiếu cái "chìa khoá" này...

Không còn nghi ngờ gì nữa, quả thật Kim Cương trưởng lão đã đọc rõ mọi tư tưởng thầm kín của tôi. Phải chăng trong lúc bận rộn tiếp xúc với những người khác, ông vẫn để ý theo dõi và đọc được tư tưởng của tôi? Hoặc ông có thể đọc được những thắc mắc của tôi lưu trữ trong tiềm thức? Tuy nhiên điều này không còn quan trọng nữa vì tôi đã hoàn toàn bị chinh phục bởi lời giải đáp giản dị và chân thành của ông. Kim Cương trưởng lão tiếp tục:

— Này anh bạn trẻ, trước khi bước chân vào căn nhà thiền anh cần biết làm chủ cái tâm của anh. Điều này cũng ví như một người cưỡi ngựa. Trước khi có thể ung dung đi từ nơi này qua nơi khác, họ cần biết cách điều khiển con ngựa bất kham, bắt nó phải quy phục mình. Muốn thế anh cần một vị thầy đã có kinh nghiệm về thiền hướng dẫn. Khi anh đã sẵn sàng bước chân vào con đường này, nhân duyên sẽ hướng dẫn anh đến gặp vị thầy đó. Theo tôi biết, có lẽ anh sẽ gặp nhiều thầy chứ không nhất thiết chỉ một người đâu. Tuy nhiên dù thiền quán vào các công án, hơi thở, hình ảnh, màu sắc, theo Bắc tông hay Nam tông, anh cần nhớ rằng đó chỉ là những phương tiện, những mũi tên cùng nhắm vào một mục tiêu. Mục đích chính vẫn là xa lìa sinh tử, đạt đến Niết Bàn. Bất cứ phương pháp nào không có mục đích rõ ràng như vậy thì không phải là con đường mà đức Phật đã đặt ra. Đây là điểm chính yếu để phân biệt giữa tinh hoa của Phật giáo và các tôn giáo khác mà anh phải nhớ cho kỹ.

Chìa khoá căn bản để bước vào con đường thiền là quan niệm về lý "Không". Anh phải biết rằng vũ trụ vạn vật mà anh vẫn cho là "Có" vốn thật là "Không". Danh từ "Không" ở đây không có nghĩa là không có gì hết nhưng là "không có thật" hay là huyễn hoá. Mọi cái có hình có tướng, giống như thật, đều không có thật, mà do nhân duyên hợp thành. Có sinh ắt có diệt, có thành ắt có hoại, không có gì thường trụ vững bền cả. Ngay cả thân thể của chúng ta đây cũng do tứ đại hợp thành, mọi quan niệm hay sự hiểu biết của chúng ta cũng đều do ngũ uẩn tạo nên. Phải ý thức rằng ngũ uẩn vốn không có tứ tánh, vốn là không. Nếu anh không nắm thật vững được cái chìa khoá hay lý "Không" này thì tu thiền khó có được kết quả. Chỉ khi biết thật rõ rằng tất cả đều Không thì mới không sinh tâm quyến luyến, không sinh tâm ràng buộc, và như thế mới vượt ra khỏi các chướng ngại, sống ung dung tự tại và chỉ khi đó việc tu thiền mới có kết quả (Định).

Tóm lại tu thiền rất dễ mà cũng rất khó vì đòi hỏi người tu phải có trí tuệ. Trí tuệ là căn bản tất yếu của phương pháp thiền. Bất cứ một phương pháp thiền nào không đòi hỏi việc sử dụng đến trí tuệ thì không phải là phương pháp thiền mà đức Phật đã chỉ dạy.

Đến khi đó tôi mới biết sự có mặt của Lý tiên sinh quả thật hữu ích. Ông đã tận tâm phiên dịch một cách chu đáo, rõ rệt, không ngập ngừng, bối rối. Khả năng sinh ngữ và kiến thức về Phật học của ông vượt xa Tại Hải và những người mà tôi quen biết từ trước.

(còn tiếp)

CHÂN QUANG

Tự Tỉnh

(phóng-tác)

(tiếp theo và hết)

LÒNG BIỂN SÂU

Nước triều dâng ào ào, tuôn qua vùng eo biển mạnh như thác lũ.

Gã trạo phu chở Thạch Đạt Lang quả là tay thiện nghệ. Theo đà con nước dâng, lúc rạp mình, lúc ưỡn ngực, gã đẩy mái chèo lên xuống nhịp nhàng, đưa thuyền lướt phăng phăng trên những đợt sóng bạc đầu dồn dập.

Ngồi giữa sạp, nhìn mây trắng lờ lững bay trên nền trời cao trong vắt, lòng Thạch Đạt Lang lâng lâng không bợn chút lo lắng. Quanh thuyền, nước cuồn cuộn trôi nhanh, xanh biếc và sâu thẳm.

Nhìn mây nước, Thạch Đạt Lang bỗng cảm thấy như đang hoà đồng cùng vạn vật và hốt nhiên hiểu rõ cái lẽ vô thường của tạo hoá.

Mây, sóng chẳng qua là những biến động, chỉ được nhận thức qua quan năng của con người. Mây, sóng có sinh có diệt nhưng bản chất không hề thay đổi. Con người nếu tước bỏ hết những ràng buộc bên ngoài đi để trở về cái "bản nguyên vô trạng thái" của mình thì tâm, thân, ý chỉ là một, sẽ thích nghi được với mọi hoàn cảnh mà vẫn giữ được thư thái. Phải chăng đó là cõi "chân như"? Tuy vậy Thạch Đạt Lang còn phân vân lắm. Đối với hắn bây giờ, sự sống chết như bọt nước. Nhưng gió khơi lồng lộng, hắn vẫn rùng mình. Tâm hắn đã vượt khỏi lo âu của sống chết, nhưng thân xác hắn vẫn chưa theo kịp. Tâm, thân hắn chưa hoà hợp trong một phản ứng đồng nhất. Hắn còn phải tập luyện nhiều để thống nhất quan năng và tư tưởng, để có thể nghĩ bằng tâm, cảm bằng trí. Bấy giờ cả con người hắn sẽ không còn có mây hay sóng nữa.

Thạch Đạt Lang quay hỏi gã trạo phu:

— Bao lâu nữa thì đến Funashima?

Gã đáp:

— Cũng không lâu, nhờ con nước đang lên và có gió xuôi. Nhưng hiện giờ ta đã trễ rồi, phải chèo gấp.

— Ngươi nhắm chừng lúc nào thì đến nơi?

— Khoảng giờ tỵ. Bấy giờ con nước bắt đầu xuống.

Thạch Đạt Lang gật đầu, vẻ bằng lòng:

— Không sao, vậy càng tốt.

Trời đẹp. Nắng rực rỡ rắc lên mặt biển những đốm sáng lấp lánh. Thạch Đạt Lang chợt chú ý đến một cây chèo gỗ để bên cạnh chỗ ngồi. Cầm lên ngắm nghía, hắn hỏi gã trạo phu:

— Cho ta mượn tạm cây chèo này được không?

— Dạ được, nhưng cây chèo ấy gẫy một đoạn trên đầu rồi. Đại hiệp định dùng nó làm gì?

Thạch Đạt Lang nhấc thử trên tay, đoạn vui vẻ cười bí mật:

— Chiều dài được lắm mà tay cầm cũng vừa vặn.

Rồi đặt chiếc bơi chèo lên đùi, hắn rút đoản kiếm ra, bắt đầu đẽo vát chỗ gẫy đi và gọt nhọn như một lưỡi trường kiếm. Thạch Đạt Lang chăm chú làm, chẳng lưu ý gì đến những việc xung quanh.

Trước đây thấy hắn thản nhiên không tỏ vẻ quan hoài đến những người thân ra tiễn, bây giờ lại thấy hắn bình tĩnh chẳng lo lắng gì trước giờ tử chiến, gã trạo phu ngạc nhiên quá.

Đối với gã, thái độ ấy thật lạ lùng. Những kiếm sĩ khác chẳng biết có thế không nhưng thái độ này của Thạch Đạt Lang quả thật ít thấy.

Khi chiếc bơi chèo đã được sửa xong, Thạch Đạt Lang phủi những mảnh gỗ vụn trên lòng, cầm múa thử mấy chiêu. Thấy ưng ý, hắn nói với gã trạo phu:

— Thanh kiếm ta vẫn dùng ngắn quá!

Đoạn rút trong bọc ra một tập giấy lụa, hắn bóc từng tờ se lại thành dây. Khi đã được chừng hai chục, hắn bện thành hai sợi chão, loại chão giấy gọi là tasuki vẫn thường được giới kiếm sĩ giang hồ thế kỷ trước dùng để buộc tay áo cho gọn khi lâm trận. Cách bện chão tasuki đã thất truyền từ lâu, không hiểu Thạch Đạt Lang học được ở đâu mà làm nhanh và khéo thế. Gã trạo phu khen, Thạch Đạt Lang chỉ cười, hất hàm về phía giải đất phía xa mà hỏi:

— Phải Funashima đó không?

— Không. Đấy là Hikojima. Funashimo ở sau đó vài dặm.

Thạch Đạt Lang lại nói:

— Hôm nay trời đẹp lắm nhỉ.

— Vâng, trời đẹp.

Gã trạo phu đáp, nhưng thật ra trong lòng khích động lạ lùng. Sau hoang đảo kia chỉ vài khắc nữa sẽ diễn ra một cuộc tranh phong vô cùng ác liệt, gã không đoán được trong bao lâu nhưng thế nào một trong hai đối thủ cũng phải tử vong. Người kiếm sĩ ngồi kia khi trở về, có còn được toàn vẹn hình hài không, hay chỉ là một cái xác đẫm máu què cụt? Không ai biết. Trước kết quả còn bất định nhưng bi thương ấy, kẻ bàng quan như gã còn hoang mang huống chi người trong cuộc. Vậy mà sao Thạch Đạt Lang có thể bình thản đến thế nhỉ? Hắn còn thấy trời hôm nay đẹp! Hay hắn đã trở thành vô tri vô giác rồi, như đám mây nổi trên trời, như hòn đá trơ trơ ngoài bãi?

Thuyền qua đảo Hikojima. Không ai ngờ trên đảo đã có chừng vài chục người phục sẵn, phần lớn là đệ tử Cát Xuyên Mộc vi phạm lệnh cấm, ở đó làm hiệu thông báo tin tức với đất liền và sẵn sàng xông ra truy cản nếu chẳng may chủ soái chúng thất bại.

— Thuyền kia chắc là thuyền chở Thạch Đạt Lang rồi!

— Có thể lắm, anh em hãy để ý nhìn cho kỹ.

— Còn ai vào đất nữa? Có hai tên, một tên chèo thuyền, còn tên kia chắc là Thạch Đạt Lang. Kéo cờ báo hiệu đi!

— Anh em sẵn sàng, giáo mác đủ chưa? Nếu có lệnh là ra tay tức khắc.

Lát sau trên đảo Funashima, tiếng reo hò nổi lên vang trời dậy đất.

— Thạch Đạt Lang đến rồi! Thạch Đạt Lang đến rồi!

Thủy triều dâng cao phủ gần kín bãi cát nhưng mực nước vẫn còn cách xa khán đài đến bốn, năm chục trượng.

Trên khán đài, đích thân lãnh chúa Hoà Giả Đạo Uẩn ngồi lược trận, xung quanh là các kiếm sĩ tùy tòng. Bên trái ông, đoàn nhân chứng bút giấy sẵn sàng ghi chép; bên phải, tham vấn Điền Xán Quang cùng với toàn bộ hội đồng tham vấn và kiếm pháp giảng tập bộ thuộc dinh Hoà Giả.

Quanh khán đài, binh sĩ hộ vệ và gia nhân nháo nhác chỉ trỏ. Thuyền Thạch Đạt Lang hiện ra. Cao Mục Lân, trưởng đoàn nhân chứng đứng bật dậy khiến các nhân chứng khác cũng đứng dậy theo, nghển cổ nhìn. Sau một thời gian dài ngóng đợi, ai cũng sốt ruột. Cử chỉ ấy thật ra chỉ là sự thường; nhưng với tư cách trưởng đoàn nhân chứng, Cao Mục Lân không thể tỏ lộ tình ý được, người ngoài trông vào có thể cho là ông thiên vị. Biết đã hớ hênh, ông nhìn chủ soái và bẽn lẽn ngồi xuống, đồng thời giơ tay ra hiệu cho những người khác cũng làm như thế.

Không khí đột nhiên căng thẳng, im phắc. Tiếng sóng biển rì rào lẫn gió thổi qua tàn thông nghe rõ mồn một. Bên trái, cách khán đài chừng chục trượng, dưới một gốc bạch tùng, người ta lấy vải căng tạm một cái lều làm chỗ cho Cát Xuyên Mộc ngồi nghỉ. Trong lều để sẵn ghế, khạp nước với gáo tre dùng giải khát và trên cành bạch tùng treo hiệu kỳ của Giang Biên Liễu.

Quỳ dưới chân Điền Xán Quang, Hạo Nhiên trông ra khơi. Nhìn bóng con thuyền nhỏ tiến đến mỗi lúc một gần, mặt nó tái đi thấy rõ. Điền Xán Quang nghiêng đầu khẽ gọi nó. Ông nghiêm nghị nhìn Hạo Nhiên, đoạn ôn tồn hỏi:

— Hạo Nhiên! Nhớ lời ta dặn chứ?

— Dạ nhớ.

— Ngươi hãy nhìn cho kỹ, không được bỏ qua điều gì, dù đó chỉ là những chi tiết nhỏ. Sư phụ ngươi có thể sẽ phải hy sinh cả mạng sống để dạy ngươi một bài học. Đừng quên điều ấy và phải nhập tâm những gì ngươi sắp được thấy!

— Dạ.

Hạo Nhiên chú mục nhìn con thuyền tiến đến gần tảng đá đen trên bãi mà thủy triều đã phủ gần kín. Mỗi khi có đợt sóng lớn ập đến, bọt nước tung cao trắng xóa. Dưới ánh nắng bắt đầu gay gắt, mặt biển loang loáng chói mắt.

Chỗ ấy còn xa, cách khán đài hàng mấy chục trượng, làm sao nó có thể nhìn rõ chi tiết các chiêu kiếm Thạch Đạt Lang thi triển. Chắc Điền Xán Quang không có ý bảo nó quan sát những thế kiếm của sư phụ, vì có thể nó chưa đủ khả năng

hiểu nổi, nhưng chỉ lưu ý nó về phương lược mà Thạch Đạt Lang sẽ áp dụng trong một cuộc tử chiến như thế này mà thôi. Điều này thì chắc Hạo Nhiên không bỏ qua được và sẽ ảnh hưởng đến nó suốt đời.

Một con bướm trắng nhẹ nhàng bay đến đậu trên tay áo, Hạo Nhiên không nhìn thấy, mắt dán vào con thuyền nhỏ sắp cập bến. Nó gọi thầm Thạch Đạt Lang trong hơi thở mà nó cố giữ cho khỏi hổn hển:

— Sư phụ! Sư phụ!

Thuyền Thạch Đạt Lang đã vượt qua khỏi tảng đá. Bấy giờ vào khoảng giữa giờ tỵ.

Cát Xuyên Mộc bước khỏi lều, đến trước khán đài, cúi chào Hoà Giả lãnh chúa và hai bên tả hữu, đoạn hiên ngang tiến ra bãi.

Thuyền tới gần. Thủy triều dường như đã đứng, sóng dồn nhẹ hơn trước và ở những chỗ nông, nước chỉ tới mắt cá chân, sóng gợn lăn tăn.

— Cho thuyền cập bến chỗ nào, đại hiệp?

— Cứ tiến thẳng vào bờ.

Thạch Đạt Lang đứng dậy, buộc tay áo. Trạo phu cúi rạp mình đẩy mạnh thuyền lướt tới. Khi gần đến chỗ cạn, gã rà mái chèo nghiêng nghiêng mặt nước để thuyền trôi chầm chậm. Có tiếng chim hải tước hót đâu đây.

— Thôi được rồi. Chỗ này là bãi nông, đừng chèo thêm nữa mà hỏng thuyền. — Đạt Lang nói — Vả thủy triều cũng sắp rút, ta xuống đây cũng được!

Đằng xa, bóng một người mặc bào tía đi tới. Gã trạo phu quay nhìn Thạch Đạt Lang, định báo cho hắn biết thì Thạch Đạt Lang đã nhảy xuống nước rồi, nhẹ như én liệng, mắt hướng về phía bóng người đang đi tới. Hắn lấy một vuông khăn màu lá úa, gấp chéo buộc quanh đầu giữ tóc, cởi trường kiếm đặt lên sạp thuyền, chỉ giữ lại đoản kiếm, rồi cầm cây chèo gỗ lội vào bờ, mắt vẫn không rời bóng người áo tía.

Cây chèo gỗ được sửa lại trong tay Thạch Đạt Lang như một thanh mộc kiếm quá khổ, kéo sau hắn vẽ một vệt bọt dài trên mặt nước.

Năm bước. Mười bước. Thạch Đạt Lang vẫn chưa tới bờ cát khô. Trong khi ấy bóng người áo tía rảo bước nhanh hơn, vỏ kiếm dát bạc đeo sau lưng loé sáng dưới nắng trông như đuôi một con chồn tuyết.

— Nhanh lên đại hiệp!

Tiếng kêu của gã trạo phu vừa dứt, người áo tía đã tới gần bờ nước. Kinh hoảng và chắc mười phần Thạch Đạt Lang sẽ bị xẻ làm đôi, gã trạo phu quay mặt đi, không đành lòng nhìn cảnh ghê sợ ấy.

Thạch Đạt Lang dừng lại, chân còn đứng dưới nước. Nắng chói chang. Nước biển phản chiếu ánh sáng lên mặt Cát Xuyên Mộc trông dữ tợn và tàn nhẫn. Gã cười gằn, sẵng giọng:

— Thạch Đạt Lang!

Đạt Lang cũng trừng trừng nhìn lại gã. Rồi mỉm cười, hắn khẽ đáp, giọng dịu dàng không oán giận:

---

thập giá

Sáng vào rừng xem đốn cây
Vai chưa ghé đã hờn đầy dấu đinh
Môi thầm ngậm nửa lời kinh
Tưởng như thập giá ẩn hình trong sương
Trả lại Chúa những vết thương
Con về xưng tội trước gương một mình
Trả cây đổ giữa bình minh
ngập ngừng.. trả nốt cho tình mão gai.

trần mộng tú

hỏi trăng đất khách

trăng ở phương nào trăng hỡi trăng
những mảnh trăng non lẫn nguyệt rằm
đất khách đã một thời tỏa sáng
sao giờ phai nhạt chốn tạm dung?

trăng hỡi vì đâu trăng úa màu
thôi không lồng lộng giữa trời cao
thôi không vằng vặc khoe sắc thắm
tặng cho đời nghìn ánh trân châu?

tôi là lữ khách sống tha hương
ngắm và say trăng những đêm trường
lòng nhỏ lệ thương trăng cố xứ
vẫn còn đầy mây xám phủ giăng.

tôi muốn, trăng ơi, mãi rạng ngời
đẹp từ hồn mộng của riêng tôi
một mai đất nước tan bóng giặc
trăng về thắp lại vạn mùa vui.

nguyễn văn ngọc

— Cát Xuyên Mộc!

Nhưng trong ánh mắt loé lên một ý chí phi thường, một lòng tự tin mãnh liệt, quyết tâm đưa địch thủ đến chỗ diệt vong. Cát Xuyên Mộc lại thét, mắt đỏ lửa:

— Thạch Đạt Lang!

Không đáp.

— Ngươi lại đến trễ! Phải chăng đấy là chiến thuật ngươi từng áp dụng để địch thủ mất kiên nhẫn? Ngươi cho thế là khôn ngoan, ta cho chỉ là hèn nhát!

Đạt Lang không đáp, vẫn trơ trơ dưới nước. Hắn không muốn phân tâm vào những chuyện vô ích.

— Đồ chúng Hoa Sơn mắc bẫy chứ Giang Biên Liễu này thì không! Ra chiêu đi! Hãy chứng tỏ ngươi là con người có khí phách chứ không phải chỉ biết bỏ chạy.

Dứt lời, quàng tay ra sau lưng, Cát Xuyên Mộc rút thanh trường kiếm, tay kia tháo vỏ kiếm vứt ra xa.

Thái độ khinh địch ấy là một sai lầm chiến lược. Chiêu trảm nhạn kiếm chỉ hữu hiệu khi xuất thủ thần tốc. Rút kiếm từ từ làm mất tính cách đột phá bất ngờ của nó.

Thạch Đạt Lang nhếch mép:

— Cát Xuyên Mộc! Ngươi thua rồi!

— Cái gì? Cuộc chiến chưa bắt đầu...

— Nhưng ngươi thua rồi đó! Vứt vỏ kiếm đi, ngươi đã từ bỏ tương lai, từ bỏ cuộc sống...

Cát Xuyên Mộc cười rộ:

— Nói bậy! Đừng hòng làm mất tinh thần ta!

Một con sóng mạnh ào đến. Cùng với sóng ầm ầm, tiếng thét xung trận của Thạch Đạt Lang vang như sấm động. Cây kiếm gỗ vung lên chênh chếch, đồng thời hắn nhảy chéo hai bước. Chân vừa rời khỏi mặt nước, kiếm quang đã ập tới, "cây sào phơi" của Cát Xuyên Mộc nhanh như lằn chớp phạt từ trên xuống dưới chỉ cách gót chân Đạt Lang và chỗ hắn đứng trước đây chừng nửa tấc. Nước bắn tung toé.

Thấy không trúng đích, Cát Xuyên Mộc thu kiếm về, xoay người nhảy lui, tránh chiêu kế tiếp của Thạch Đạt Lang mà gã đồ rằng hắn sẽ không bỏ lỡ.

Nhưng trái lại, Thạch Đạt Lang dường như không có ý tấn công tiếp. Hai tay nắm chặt cây mộc kiếm, hắn để mũi kiếm chếch về bên phải, chân hơi co, sẵn sàng ưỡn người ra phía sau, tránh ngọn đòn chí tử của địch. Bằng lòng với tư thế ấy, hắn chờ. "Cây sào phơi" tuy dài nhưng không dài bằng thanh mộc kiếm làm bằng chiếc bơi chèo gỗ Thạch Đạt Lang đang nắm trong tay. Muốn trúng đích, Cát Xuyên Mộc phải vươn người ra hoặc phóng nhanh tới như rắn hổ bắt mồi. Thạch Đạt Lang không đổi bộ vị nhưng sẽ lợi dụng lúc ấy, dùng mộc kiếm phạt ngang sườn địch thủ. Đấy là một hành động liều lĩnh. Chỉ chậm một sát-na, nếu mộc kiếm chưa chạm sườn Cát Xuyên Mộc mà "cây sào phơi" đã kề cổ thì Thạch Đạt Lang trong chớp mắt sẽ không còn nguyên vẹn hình hài nữa.

"Cây sào phơi" đã giơ cao, nguy hiểm và đe dọa, sẵn sàng giáng xuống đầu Thạch Đạt Lang. Nhưng chủ nhân nó không hiểu sao lại do dự, rồi bỗng đổi bộ vị, nhảy sang trái.

Thạch Đạt Lang lập tức nhảy theo. Hai tay nắm chắc thanh mộc kiếm, hắn di chuyển từng bước ngắn về phía bờ nước. Cả hai đối thủ nhìn nhau không chớp. Đằng sau Thạch Đạt Lang là biển cả; đằng trước, Cát Xuyên Mộc lăm lăm cây trường kiếm chỉ chờ cơ hội đưa hắn sang bên kia thế giới. Trên khán đài, quan khách hồi hộp nín thở.

Hai địch thủ nói với nhau không phải bằng lời. Trong sự căng thẳng nặng nề, ngột ngạt ấy, mắt Thạch Đạt Lang đổi dần sang màu hổ phách. Tâm trí hắn cùng bao nhiêu thớ thịt đường gân, cả đến từng sợi tóc móng chân trên người, tất cả đều nhập làm một trong một nỗ lực phi thường và duy nhất để tranh thắng.

Thạch Đạt lang bỗng thấy người nhẹ hẫng. Như kẻ xuất thần, hắn không còn cảm thấy mình đứng trên đất liền nữa mà như đã hoà với tâm ý bay cao.

Hắn nghĩ gì, các bộ phận khác trong người hắn theo kịp liền. Không chậm trễ khó khăn, không mảy may sai lệch. Dường như óc hắn đã nằm sẵn trên vai, trên cánh tay, trên bắp chân, ở khắp nơi trong người hắn. Bất kỳ một cử động gì của địch, dù chỉ là một cái chớp mắt, muôn ngàn kinh mạch và thớ thịt của hắn cũng sẽ phản ứng tức khắc. Tâm, thân đạt tới mức hoà đồng, phối hợp như vậy quả là trác tuyệt.

Thời gian hai địch thủ gờm nhau tưởng kéo dài vô tận, thực ra chỉ

---

cơn mưa sẽ tạt

Chuyện mới hôm qua,
chiều nay xưa
khác chi mới nắng đó mà mưa!
em quay mặt lại thôi là hết
lạnh quá lòng ơi những giọt thơ!

Ở ta còn thơ! Thơ không tan!
tình đóng băng sao chẳng lẽ nàng
mặt lạnh như tiền khôn cắn vỡ
ta ôm chi mãi bóng trăng vàng?

Ôi vầng trăng thơm như môi em
mưa hay sương nhỉ rớt qua thềm?
em đi mang cả mùa xuân thắm
nhánh liễu còn xanh
mái tóc nghiêng!

Em đã xa rồi về phương nao?
ta chờ em thôi, muôn đời sau
mươi năm trong ngục ta còn thở
đếm lại tuổi trời bỗng xót đau!

Em đi đi rồi mới đó thôi!
thềm sương chìm lặn
dấu chân người
cơn mưa sẽ tạt qua tàn nhẫn
xé rách lòng ta em chắc vui?

trần vấn lệ

lâu vào khoảng đủ để năm, sáu đợt sóng xô đến rồi tan đi.

Mặt trời vừa ló khỏi đám mây. Nước biển bỗng rực sáng long lanh hắt lên mặt Cát Xuyên Mộc khiến gã nheo mắt.

Lập tức tiếng thét xé không gian của Thạch Đạt Lang được phát ra. Tiếng thét kinh thiên động địa không phải từ cổ họng mà từ toàn thể châu thân hắn, tiếp theo là một tiếng thét khác, ghê hồn, tiếng thét của Cát Xuyên Mộc làm rung chuyển cả khán đài.

Hai tiếng thét phát ra gần như cùng một lúc, va vào nhau, âm hưởng vang lên đến tận trời xanh tựa hai ngọn sóng vĩ đại đập vào vách đá.

Đồng thời hàn quang thanh trường kiếm của Cát Xuyên Mộc loé lên như ánh cầu vồng nhằm cổ Thạch Đạt Lang chém xuống chênh chếch theo đường vòng cung. Thạch Đạt Lang lập tức co chân phải, trầm mình xuống thấp hơn nữa. Chiều cao của hắn chỉ còn hai phần ba. Lưỡi kiếm rà sát đỉnh đầu, cắt bay chéo khăn buộc tóc của Thạch Đạt Lang.

Tưởng hạ được địch thủ, Cát Xuyên Mộc phác một nụ cười. Nhưng nụ cười chưa kịp tắt, cây mộc kiếm đã đập mạnh như trời giáng vào thái dương gã như đập và một hòn cuội. Thạch Đạt Lang cảm thấy những mảnh xương vỡ vụn.

Cát Xuyên Mộc ngã chúi xuống dưới sức mạnh của cây kiếm gỗ, chỉ cách chỗ Thạch Đạt Lang đứng chừng hai thước, ngay bên bờ nước. Máu mũi bắt đầu tuôn ra nhưng trên môi, Cát Xuyên Mộc vẫn còn giữ nụ cười vừa hé.

— Ồ...

Kết quả bất ngờ khiến Cao Mục Lân nhăn mặt, đứng bật dậy.

Trong một lúc, cả khu Funashima dường không một tiếng động. Gió reo trên những ngọn thông già càng làm tăng vẻ yên lặng dị thường của hòn đảo nhỏ, như giễu cợt tính chất phù ảo của cuộc sống.

Thạch Đạt Lang ngước nhìn trời. Hắn sực tỉnh bước lại gần thi thể địch thủ. Cát Xuyên Mộc nằm nghiêng, trên mặt, hai dòng máu đặc chảy từ tai và mũi xuống, loang dần trên nền cát ướt. Cát Xuyên Mộc từ giã cõi đời, không tỏ dấu gì phiền muộn hay lo âu, chỉ có vẻ thỏa mãn, một sự thỏa mãn tròn đầy của kẻ chiến thắng, tin rằng mình vừa hoàn thành nhiệm vụ, không hối tiếc.

Nhìn mảnh khăn buộc tóc vướng trong chùm cỏ dại trên bãi, Thạch Đạt Lang rùng mình. Chưa bao giờ trong đời, hắn gặp một địch thủ ghê gớm đến thế. Dù sao, Cát Xuyên Mộc cũng đã nêu thêm cho hắn một tấm gương dũng cảm và một tài năng kiệt hiệt.

Quỳ xuống cạnh thi thể Cát Xuyên Mộc, Thạch Đạt Lang đưa tay để gần vào mũi gã. Hơi thở còn nhẹ như tơ. Nếu đừng chậm trễ và chữa chạy đúng phép, may ra có thể cứu được. Thạch Đạt Lang thành thực mong cho gã được cứu sống.

Nhưng cuộc chiến xong rồi, hắn phải đi. Thạch Đạt Lang cúi đầu vĩnh biệt đối thủ, kẻ mà tài năng khiến hắn ngưỡng mộ, rồi ra bờ nước nhảy lên thuyền đợi sẵn, giục chèo ra khơi. Thanh mộc kiếm bằng bơi chèo hắn mang trả lại gã trạo phu không dính một vệt máu.

Thạch Đạt Lang đi đâu, chẳng ai biết. Hắn có bị đệ tử Giang Biên Liễu tập kích ở Hikojima không, chẳng tài liệu nào nhắc tới.

Cho đến hơi thở cuối cùng, con người vẫn không thoát khỏi tình yêu và thù hận. Như những đợt sóng thủy triều dâng lên rồi lại rút, thất tình của con người theo nhau lui rồi lại tới, mãi mãi không dứt.

Có người không ưa Thạch Đạt Lang, chỉ trích thái độ hắn trong trường hợp này là hèn nhát, vì sợ trả thù mà vội bỏ đi. Nhưng biển trần gian, lúc nào chẳng có tiếng sóng lao xao? Trên mặt nước, tôm tép dập dìu, nhưng ai biết dưới kia, xa vạn dặm, lòng biển sâu nghĩ gì? Ai đo được hồn vực thẳm?

HẾT

(tiếp theo và hết)

Trở về Lhassa, tôi vào Holiday Inn ở vì Trung cộng ít khi làm khó dễ khách sạn có nhiều du khách ngoại quốc. Tôi lo cho mấy cuộn phim. Có tin nói ngày 1.10 sẽ có biểu tình và tôi muốn quay cảnh ấy. Chuyện bị bắt rất dễ, và nếu Thondup bị bắt... Tôi quyết định ở lại Lhassa một mình, mua vé cho Thondup đi Katmandu ngày 1.10. Như vậy khi biểu tình xảy ra ở Lhassa, Thondup đã rời Tây Tạng an toàn. Bây giờ, vấn đề là làm sao đưa phim ra khỏi Tây Tạng.

Tôi ra phố đi tìm Marie Chantal, một học giả người Bỉ thuộc đại học Louvain lúc này đang ẩn danh ở Lhassa làm việc cho một tổ chức quốc tế về nhân quyền. Bà đang thu thập dữ kiện về vi phạm nhân quyền trong những vụ lộn xộn xảy ra năm 1987 và đầu mùa xuân 1988. Marie Chantal nói tiếng Tây Tạng trôi chảy và có nhiều liên lạc ở khắp Tây Tạng. Tôi hy vọng bà sẽ cho phỏng vấn trên phim. Sự khảo sát và hiểu biết rộng rãi về Tây Tạng cùng với kinh nghiệm y khoa của bà sẽ là những bằng chứng giá trị.

Marie Chantal cao, tóc vàng, chừng 45 tuổi, ngụ ở khách sạn bản xứ Kirey. Hỏi về những chuyện xảy ra cũng như về tin đồn sẽ có biểu tình ở Lhassa, tôi được bà cho biết:

— Cô phải hiểu là những gì cô thấy hôm nay không phải là sự bột phát ngẫu nhiên. Nó là kết quả sự căm giận của người Tây Tạng đối với người Tàu từ khi Tây Tạng bị xâm lăng, năm 1949. Từ đó đến nay, nhất là trong cuộc Cách mạng Văn hoá, người Tây Tạng đã hứng chịu quá sức mình.

Trước đây, người Tây Tạng có thể định nghĩa và chỉ mặt dễ dàng kẻ thù. Đó là những nhân viên hành chánh Tàu, quân đội, lính canh Tàu, những người đàn áp, bắt họ vào tù. Nhưng gần đây với chính sách mới, một số đông người Tàu không phải là quân nhân tràn qua Tây Tạng, bị hấp dẫn bởi cơ hội làm ăn ở đây, đã lấy đi nhà và đất

Bản Cáo-Trạng Tây-Tạng

Vanya Kewly
Hoàng Lan
(dịch-thuật)

của người Tây Tạng. Họ là kẻ thù khó nhận diện. Đám người này không phải là những kẻ áp bức dân, bắt dân Tây Tạng vào tù, nhưng về lâu về dài, Tây Tạng sẽ bị họ tràn ngập. Chẳng hạn, tất cả các công ăn việc làm ở Lhassa đều vào tay người Tàu. Điều ấy làm người Tây Tạng thêm uất ức và họ bắt buộc phải xổ tung cảm xúc ấy vào những cuộc biểu tình.

Nhưng vấn đề chính ở đây là người Tây phương, khi giành giật một phần thị trường Trung Hoa béo bở, đã không chịu nhìn nhận việc người Tàu bóc lộc người Tây Tạng, coi Tây Tạng như thuộc địa mình.

— Vừa vừa thôi chứ! Tôi phản đối.

— Chuyện người Tàu lấy công ăn việc làm, cướp tài nguyên thiên nhiên của người Tây Tạng thì cũng y như người Bỉ làm ở Congo hay người Anh làm ở thuộc địa của họ. Ai sẽ cản Trung Hoa đây? Ai đã cản người Anh hồi trước?

Thái độ chủ nhân của người Tàu và hành vi của họ đã xảy ra nhiều cuộc biểu tình ở khắp nước trong nhiều năm. Cái khác biệt duy nhất là vì người ngoại quốc bị cấm vào đây thành ra không ai thấy những bóc lột đó. Cho đến vài năm trước đây, khi Trung cộng cho phép người ngoại quốc vào Tây Tạng, người ta mới khám phá ra sự thật khác xa với lời tuyên truyền của Trung cộng. Cô cũng đừng quên rằng Tây Tạng hiện giờ đã tiếp xúc với thế giới bên ngoài nhiều hơn. Họ ý thức rõ hơn về những gì xảy ra ngoài Tây Tạng cũng như hiểu biết hơn về nhân quyền và tự do cá nhân. Lúc này họ đã nhận thức được giá trị của những cuộc biểu tình ôn hoà khi có người ngoại quốc chứng kiến.

Về việc bắn chết người Tây Tạng trong những cuộc biểu tình ở Lhassa, người Tàu giải thích hành động dã man ấy bằng luận điệu là họ phải tự vệ vì người Tây Tạng tấn công họ bằng võ lực. Nhưng theo nhiều nhân chứng Tây phương có mặt lúc đó (khoảng 50 người) thì sự việc xảy ra khác hẳn. Họ kể lại là người Tây Tạng không có vũ khí mà người Tàu vẫn nổ súng. Một người ngoại quốc khác, lúc ấy đứng trước đền Jokhang, thuật lại là ông ta thấy một người Tây Tạng lượm cây súng mà lính Tàu vất xuống đường khi bị đám đông rượt, đem đập nát nó ở vệ đường. Tất cả những người ngoại quốc vào Tây Tạng, với tư cách là nhân chứng thấy tận mắt, đã báo cáo với những tổ chức nhân quyền ở Thụy Sĩ, Anh và Mỹ, là họ không hề thấy bất cứ một người Tây Tạng nào có vũ khí, dù là loại nào. Ngược lại, khi các vị sư tuần hành ôn hoà để đòi tự do cho Tây Tạng, họ bị cảnh sát và lính rượt đuổi như thú vật, có khi bị năm, sáu tên lính vây quanh mỗi người, đánh đá cực kỳ tàn ác, dùng gậy phang lên đầu họ tới tấp. Cuốn phim này đã được lén lút mang ra khỏi Tây Tạng và chiếu nhiều nơi ở Tây phương. Coi nó tôi muốn ói.

Trong hai ngày sau đó, Marie Chantal dẫn tôi đi gặp những người Tây Tạng, cả tu sĩ lẫn thường dân, để nghe họ kể về những gì xảy ra trong các cuộc biểu tình. Chúng tôi đạp xe về hướng tu viện Sera. Vì bà đã phỏng vấn lén hàng trăm tù nhân, tôi hỏi bà chuyện gì xảy ra cho người Tây Tạng khi họ bị tù. Những gì bà thuật lại sau đó được người Tây Tạng, và nhất là các tu sĩ, xác nhận. Họ chỉ cho tôi những vết sẹo trên đầu, lưng và khắp người vị tra tấn.

— Trước khi nói về tra tấn, Marie Chantal bảo, tôi cần giải thích về những chuyện xảy ra cho người Tây Tạng khi họ bị bắt giữ vì có liên quan đến các hoạt động chính trị. Những hoạt động này không phải chỉ là biểu tình ngoài đường phố mà còn là viết thư, nói chuyện với người ngoại quốc, dán

bích chương... Và nơi đây, bà vừa nói vừa chỉ tay về một đường nhỏ có liễu rũ giống như đường vào một cơ sở giáo dục, là Drapchi. Trước 1959, nó là bộ tổng tham mưu của Trung cộng ở Tây Tạng, nhưng sau này nó biến thành một trong bốn nhà tù ghê khiếp nhất của Lhassa.

Khi người Tây Tạng bị bắt, họ không được chính thức xử án. Thường thường họ bị bắt lúc nửa đêm, thân nhân không biết họ bị đưa đi đâu. Người bị bắt có thể bị tù vài tháng hoặc vài chục năm ở một nơi nào đó, không ai biết gì về tung tích họ.

— Giống như ở Á Căn Đình và Chí Lợi phải không? Cũng bắt người vào nửa đêm rồi đem đi thủ tiêu. Tôi hỏi.

— Còn tệ hơn nữa vì ở Nam Mỹ, người Mỹ có nhiều tư lợi nên chính quyền Mỹ có thể làm áp lực. Còn ở đây, mọi việc đều tùy thuộc vào may rủi. Khi một người đã vào tù Trung cộng thì họ không còn hiện hữu nữa, không còn tên tuổi nữa, và nhà tù toàn quyền đối xử với tù theo ý riêng. Giống như nhà tù của Stalin ở Tây bá lợi á trong thập niên 1930. Bạn tự nhiên biến mất thôi.

Cách duy nhất để tìm dấu vết của tù là qua bạn đồng phòng và đồng tù. Nếu người tù đó được tha, họ sẽ hết sức ngần ngại tiết lộ về cảnh sống trong tù và về những người còn bị giam. Nếu thân nhân những người bị tù may mắn biết được chỗ giam tù, họ rất hiếm khi được phép liên lạc hay giúp đỡ tù nhân. Nhiều trường hợp tù nhân được thả mà không có một lời giải thích nào đi kèm là tại sao họ bị bắt. Làm sao một người có thể trở lại đời sống bình thường sau những chuyện như vậy? Tìm một chuyên viên chữa trị tâm trí và phục hồi tâm thần ở Tây Tạng là một điều xa xỉ vì ngay cả bác sĩ chữa bệnh thân xác còn không đủ.

Sau tháng 3.1988, khi có biểu tình và bạo động, nhiều chuyện tra tấn tàn ác trong tù đã lọt ra ngoài. Ngoài chuyện bị cảnh sát đánh đập làm gẫy xương, hư thận, tổn thương bộ phận sinh dục... trong tù họ bị lột trần, cột trật cánh khuỷu treo lên xà nhà, cho chó cắn xé nát người, nhưng trò thường nhất bây giờ là dùng gậy điện lùa bò dài hơn một thước.

— Như nạn nhân ở Paraguay bị ư?

— Phải. Chuyện hãi hùng nhất là khi các ni cô biểu tình bị bắt vào tù. Những cô này rất trẻ, có cô chỉ mới 14 tuổi. Họ không hề bạo động, chỉ đọc một cách ôn hoà lời cầu xin cho đức Đạt Lai Lạt Ma trở lại và cho Tây Tạng độc lập. Thế nhưng khi bị bắt, luôn luôn bọn Tàu lột trần họ, đánh đập khắp người bằng gậy điện, thọc vào mắt, mũi, đầu vú, tai, vào bộ phận sinh dục, và nên nhớ các ni cô đều là trinh nữ. Trong khi một tên đánh đập, tên khác hỏi danh tánh những người tham dự cuộc biểu tình và nếu cô gái không biết, thường thì các cô chỉ gia nhập tại chỗ để tỏ tình đoàn kết, việc hành hạ kéo dài giờ này sang giờ khác cho tới khi cô ta ngã quỵ. Sự tra tấn ấy kéo dài ngày qua ngày, tháng tiếp tháng. Các ni cô bị cô lập rồi sau vài tháng, nếu sống sót, các cô được thả ra không một lời giải thích, không một ai đón về. Không có gì hết. Có cô ngất xỉu ngay gần cổng nhà tù. Những tin như thế không hề được đưa ra thế giới vì không một ký giả nào, không một tổ chức nhân quyền nào được phép vào Tây Tạng. Và bất cứ cố gắng nào của người Tây Tạng nhằm thông báo tình trạng tồi tệ ấy cho thế giới đều bị trừng phạt nặng nề.

Chuyện Marie Chantal kể đã phụ thêm vào cuộc phỏng vấn mà tôi thu hình tháng trước. Bốn ni cô vừa hai mươi tuổi, cho phép tôi thu hình không cải trang, nói rằng sau cuộc biểu tình tháng 3.1988, năm cô tự mình bảo nhau không ai xúi giục, tuần hành quanh Jokhang đòi tự do tín ngưỡng.

— Mỗi chúng tôi bị bọn lính Tàu nắm giữ, bẻ ngược tay ra sau thảy lên xe. Khi chúng tôi tìm cách giơ tay, họ đánh vào tay bằng gậy điện. Đưa về tới phòng tra tấn, bọn chúng xúm lại lột trần trường chúng tôi, dùng gậy điện đánh và thọc khắp thân thể chúng tôi...

Cô ta khóc ngất khi hồi tưởng lại những kinh nghiệm đau đớn ấy.

— Các cô nghĩ thế nào về chuyện ấy? Tôi hỏi.

Một cô trả lời, giọng thật nhỏ:

— Kinh khủng lắm, nhưng chúng tôi không còn cách nào khác. Có bị giết cũng được...

Đây là những cô gái chất phác, con dân quê ở tỉnh xa, sinh ra trong lúc có cuộc Cách mạng Văn hoá. Họ chưa hề được thực sự hưởng tự do, chưa bao giờ thấy đức Đạt Lai Lạt Ma và chỉ biết đọc biết viết sơ sài. Họ không phải là kẻ xách động chính trị như Trung cộng chụp mũ cho bất cứ ai không đồng chính kiến với họ. Những ni cô này, cũng như nhiều người khác nữa, đã bị hành hạ và chịu đau đớn cho đức tin của mình là bằng chứng hiển nhiên cho sự thất bại của Tàu trong việc hủy diệt niềm tin mà sau mấy thập niên bị bách hại nó vẫn tiếp tục lớn mạnh.

Chúng tôi tiếp tục đạp xe về Drepung. Lên tới chùa, trong khi ngồi chờ trong căn phòng còn lại của tu viện đổ nát, tôi hỏi Marie Chantal và một sư trưởng tại sao các tu sĩ lại đóng vai trò hệ trọng trong các cuộc biểu tình và tại sao người Tàu đã lọc họ ra, dành cho họ những hình phạt nặng nề như đã kể. Marie Chantal giải thích:

— Vì không có chính phủ hợp pháp, theo người dân là đức Đạt Lai Lạt Ma và nội các, người Tây Tạng coi tu sĩ đương nhiên là các nhà lãnh đạo. Cô phải hiểu là chuẩn bị một hoạt động chính trị ở đây rất khó, chỗ làm và khu gia cư đều bị dò xét, bởi vậy nên người Tây Tạng để các tu sĩ xuất hiện trước, đi tuần hành trên đường, bày tỏ thái độ rồi mọi người mới tham gia.

— Tôi hiểu, nhưng tại sao chỉ mới hai năm qua (lúc ấy là tháng 8.1988) mới thấy chuyện biểu tình ở Lhassa chiếm hàng đầu ở trang báo? Sao không nghe nói gì trong

suốt 40 năm Trung cộng chiếm đóng?

— Những cuộc biểu tình này là giai đoạn mới trong việc bày tỏ sự tỉnh thức về chính trị và tinh thần quốc gia của người Tây Tạng. Nhưng không phải bỗng dưng nó xảy ra. Ngay cả trước khi có cuộc nổi dậy năm 1959, luôn luôn có kháng chiến ngầm ở Tây Tạng. Họ viết bích chương, truyền đơn, chỉ nhằm bất tuân lệnh Trung cộng, khủng bố ở mức độ nhỏ và đôi khi khôi hài, ngây ngô, rồi dĩ nhiên phải kể tới vụ phản loạn của người Kham... Nhưng có một điều mà tôi phải trình bày, là trong tất cả các cuộc biểu tình tôi chứng kiến hai năm qua, đều bắt đầu một cách ôn hoà, bất bạo động.

Sau khi phỏng vấn các sư, chúng tôi đạp xe về Lhassa. Thondup chờ sẵn ở khách sạn với tin không lành là bởi có tin đồn sẽ có biểu tình, sự canh phòng được tăng cường hơn, chương trình không thể xảy ra như dự tính. Việc cần kíp là làm sao đem những cuộn phim ra ngoài.

Cửa thang máy mở, rồi một nhóm du khách vạm vỡ kéo dụng cụ leo núi vào thang. Tôi chợt nẩy ra một ý nghĩ táo bạo. Ra hành lang khách sạn, tôi bảo Thondup xuống phố mua mấy cuộn băng nhạc Tàu mà bìa có chữ Tàu cùng hình vẽ. Sau đó tôi theo sát nhóm leo núi khi họ xuống phòng ăn. Với đôi chút phập phồng, tôi chạm nhẹ vai một ông khổng lồ cao hơn 1 thước 8 và nói:

— Tôi có thể nói chuyện riêng với ông một chút không ạ?

Ông ta mỉm cười nhận lời đề nghị cùng ra vườn đi một vòng.

— Như thế này, tôi nói với ông. Tôi không phải là du khách, tôi là người làm phim và là phóng viên. Tôi mới quay một phim về sự diệt chủng ở Tây Tạng. Nhóm người đưa tôi ra khỏi nơi này đâm ra nhát, và vì tôi dự định sẽ quay phim cuộc biểu tình ngoài đền Jokhang vào ngày mai, rất có thể tôi sẽ bị bắt. Nếu chuyện ấy xảy ra, lính Tàu sẽ xét phòng và tịch thu hết những cuộn phim. Những người Tây Tạng liều mạng cho tôi phỏng vấn và thu hình sẽ bị tù một cách vô ích, sẽ không ai biết chuyện gì đang xảy ra tại Tây Tạng.

Ông ta lắng nghe, tỏ vẻ rất ngạc nhiên. Và trước khi ông ta trả lời, tôi hấp tấp đề nghị:

— Tôi được biết ông và các bạn ông sẽ bay đi Katmandu ngày mai. Xin ông mang hộ tôi những cuộn phim này đi. Tôi biết ông không biết tôi là ai, nhưng đây là cơ hội duy nhất mà tôi có.

Hẳn ông ta nghĩ tôi khật khùng, đương không tới nói chuyện với một người lạ hoắc và đề nghị một chuyện quái đản trong một nước đang có biến động chính trị nóng bỏng. Sự hợp tác điên rồ như vậy chắc chắn đưa ông ta vào tù nếu bị bắt. Nhưng tôi không còn cách nào khác, và chỉ 7 giờ sau là họ rời khách sạn ra phi trường.

Thời gian im lặng kéo dài như vô tận. Trong lúc ấy, số phận của các cuộn phim treo lơ lửng bằng sợi chỉ mành. Cuối cùng ông ta nhận lời. Ông cho biết ông tên là Pierre, giáo sư ở Grenoble, qua Tây Tạng leo núi và ông cũng đã có nghe những lời buộc tội về sự diệt chủng, do đó ông sẵn lòng giúp tôi. Tôi đề nghị ông đừng để phim trong hành lý vì tôi được biết là máy quang tuyến ở phi trường rất mạnh, có thể xoá hình và âm thanh, cũng đừng bỏ vào hành lý cầm tay. Ông đồng ý và nói rằng vì đoàn leo núi cũng có quay phim, việc ông cẩn thận với cuốn phim ở phi trường, cuốn phim mà cả đời mới có một lần, sẽ không làm ai nghi ngờ.

Tôi bảo Pierre là đã kêu Thondup mua băng nhạc Tàu để tráo ruột băng, giữa lại bìa và chữ Tàu để che mắt nếu nhân viên quan thuế muốn khám hành lý. Tôi cho ông tên của bạn tôi ở Katmandu để ông giao phim, và cũng nhờ ông để mắt tới Thondup đi cùng chuyến bay. Hễ có chút nghi ngờ nào và nếu Thondup bị giữ lại, ông ta sẽ lập tức liên lạc với toà đại sứ Mỹ ở Katmandu.

Tối hôm ấy Thondup lên phòng, đưa tôi mấy cuộn băng Tàu và hai chúng tôi lo việc tráo băng. Chúng tôi cũng bàn về những chi tiết chót, liên quan đến an ninh của cá nhân tôi. Tôi muốn cám ơn Thondup nhưng làm sao bạn cám ơn đủ người đã liều mạng sống cho bạn, chẳng những một lần mà quá nhiều lần trong chuyến đi dễ sợ vừa qua? Tôi chỉ ôm chặt anh và cầu trời phù hộ cho anh.

Đúng giờ Pierre lên lấy gói đồ, và khi trao nó cho ông ta, tôi có cảm giác thật lạ lùng, chẳng khác nào như đang trao chính một phần thân thể mình.

Tối hôm ấy trằn trọc không ngủ được, tôi ra vườn khách sạn đi dạo,

huệ xuân

Như xinh nụ nhỏ hoa quỳnh
Như sương lóng lánh trên cành huệ xuân
Như thơ lãng đãng hương trầm
Ngoài hiên bướm lượn mừng xuân an hoà
Ảo hình soi bóng gọi ta
Nghiêng nghiêng đáy tách trà hoa sen ngời
Chân dung nào bỗng tuyệt vời
Hương xuân bát ngát ý đời mênh mang.

tuệ nga

đúng lúc chứng kiến 34 xe cam-nhông chở đầy lính chạy về đền Potala và điện Jokhang.

Khi chuyến xe ra phi trường trên đó có Thondup và Pierre rời khách sạn, tôi thấy nghẹn ngào, trơ trọi, tự hỏi mình làm vậy có đúng không, có còn gặp lại được cuốn phim không? Cảm giác ấy không bao giờ tôi muốn có lại.

Tôi đạp xe về điện Potala, không muốn nghĩ tới cuốn phim nữa và rán tìm cách giải quyết vấn đề cấp bách hơn, là tìm chỗ núp để quay phim mà không bị bắt.

Cùng với Marie Chantal, chúng tôi thong thả đi tới khu Barkhor để vào điện Jokhang. Khoảng 7:30 sáng, chúng tôi nghe tiếng hô của lính rồi có tiếng giày đinh đi về phía chúng tôi. Quay lại, chúng tôi thấy một tiểu đội lính đang cố tình khiêu khích người Tây Tạng bằng cách đi vòng quanh điện Jokhang theo chiều ngược kim đồng hồ, trái với tập tục tại đây. Quanh chúng tôi là một nhóm du khách trẻ bất chấp lệnh cấm người ngoại quốc vào khu Barkhor. Bọn tôi trao đổi tin tức về những nút chặn mới nhất và chỉ nhau những đường hẻm mà mình sẽ chạy vào nếu bị lính rượt. Một tình thân hữu ấm áp nảy nở giữa cả bọn.

Người Tây Tạng lưu vong đang nóng nảy muốn đánh trả Trung cộng. Ngay trong nước tôi cũng nghe phong văn lời đồn muốn trả đũa. Khi được hỏi về vấn đề này, đức Đạt Lai Lạt Ma bảo tôi:

— Phải, trong thời gian gần đây đã có sự thảo luận bên trong và bên ngoài Tây Tạng. Thái độ của một số người đã khiến tôi bất an. Nếu Tây Tạng chọn sự bạo hành, kết quả sẽ có đàn áp, giết chóc, hành hạ nhiều hơn. Tôi đã báo trước với dân tôi là nếu chọn cách ấy, người Tàu sẽ có cớ để dễ dàng đè bẹp chúng tôi. Nhưng tranh đấu ôn hoà, dùng lý lẽ và kiên nhẫn để sửa đổi, đó mới thực là sức mạnh của chúng tôi và là hy vọng duy nhất của dân Tây Tạng.

Dù biết rằng dân tộc đang bị đoạ đày, do niềm tin vào chuyện bất bạo động, đức Đạt Lai Lạt Ma vẫn cố gắng tìm cách thương thảo với Trung cộng để tái lập hoà bình tại Tây Tạng. Ngài đưa ra một biện pháp dung hoà, sẵn sàng để Trung cộng nắm việc quốc phòng và ngoại giao, chỉ xin được để dân Tây Tạng lo về nội vụ, văn hoá và tôn giáo; cùng lúc đó mở rộng việc phát triển kinh tế, tiến bộ kỹ thuật, đồng thời người Tàu cũng rút hết võ khí nguyên tử và địa điểm thử bom khỏi Tây Tạng.

Kế hoạch này của ngài bị cộng đồng Tây Tạng ở hải ngoại chỉ trích nặng nề, vài người còn kết tội ngài đã quên ý nguyện độc lập. Nhưng đức Đạt Lai Lạt Ma giải thích:

— Đòi hỏi độc lập lúc này không còn quan hệ nữa. Con người và văn hoá Tây Tạng đã bị tàn phá quá nhiều, cho nên đối đầu với làn sóng định cư khổng lồ của người Tàu, cái hiểm họa bây giờ là bị đồng hoá hay tận diệt. Nếu chúng tôi bị tràn ngập hay loại trừ, sẽ chẳng còn gì sót lại. Thành ra chúng tôi phải nhượng bộ. Không còn thì giờ để làm gì khác nữa.

Đối với đức Đạt Lai Lạt Ma, việc bảo tồn một nền văn hoá độc đáo là điều tối quan trọng, còn sức mạnh để kiểm soát biên giới là thứ yếu. Nhưng đối với những người Tây Tạng quá khích ở hải ngoại, việc ấy chưa đủ. Họ nói:

— Cái chúng tôi dự trù là chiến thuật khủng bố. Tôi không tính chuyện đánh tan Trung cộng. Tôi chỉ thọc mạnh vào nhược điểm của họ, tấn công vào những vị trí chiến lược làm họ bị tổn hại nhất.

Phản ứng của họ là tiếng vang của cảm xúc mà đa số người Tây Tạng trong nước có. Là người học thức và được thúc đẩy mạnh mẽ, họ phát biểu hùng hồn:

— Tôi tranh đấu không phải vì tôi chắc chắn là sẽ thành công. Tôi không cả quyết là việc sẽ thành, nhưng tôi tranh đấu vì tôi phải làm vậy. Đó là quyền bẩm sinh của tôi. Kế đó, tôi tranh đấu vì chuyện đang xảy ra ở Tây Tạng là bậy. Và cuối cùng, vì chúng ta được dạy tôn trọng một số giá trị, một trong các giá trị đó là chết vinh còn hơn sống nhục.

Họ rất can đảm khi dám đương đầu với sự hiện diện đông đảo của lính Trung cộng ở Tây Tạng. Nhưng đó là những cảm xúc mà đức Đạt Lai Lạt Ma không tán

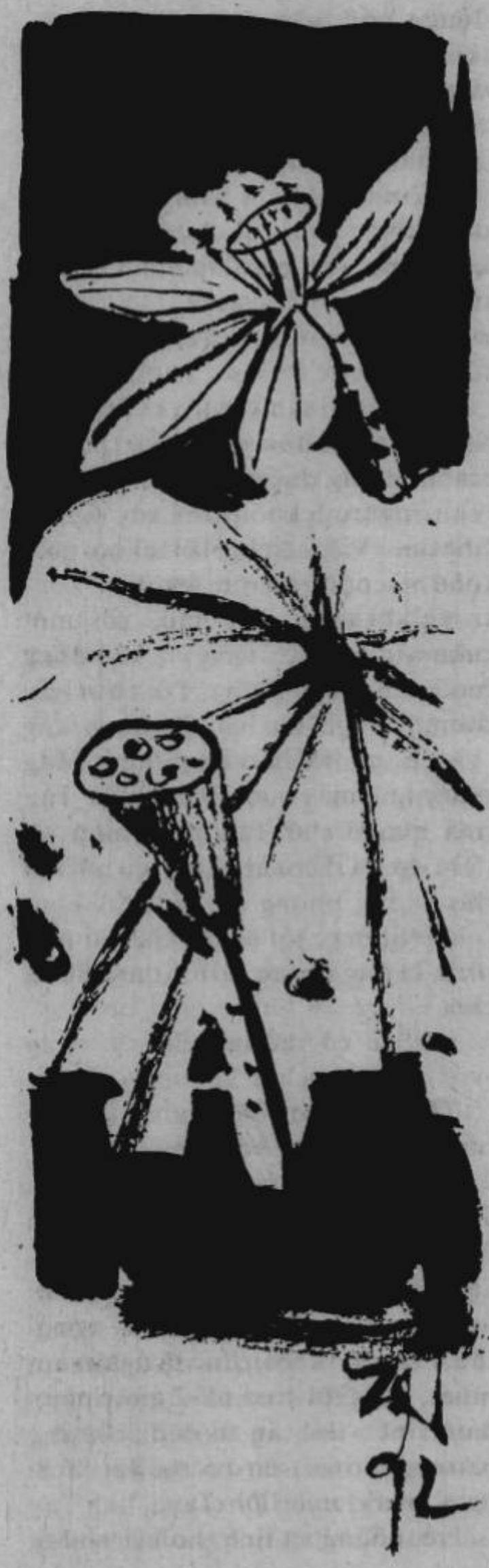

đồng. Trong khi quay phim lính Tàu đi tuần đầy vẻ uy hiếp quanh đền Jokhang, ra vẻ nhất quyết đập tan mọi xáo trộn, tôi cảm thấy khoảng cách giữa hai dân tộc rộng thêm. Ở công trường bên dưới, mặc dù người Tàu đã đóng và khoá đền Jokhang, không cho ai vào làm lễ, vài người Tây Tạng vẫn bình thản kiên trì sấp mình trước cửa đền. Họ đi theo con đường bất bạo động và nhẫn nại, cam chịu, vốn là lời dạy của đạo Phật. Nhưng một dân tộc đã hứng chịu quá nhiều, quá lâu sẽ còn có thể chịu đựng được bao lâu nữa?

Rất nhiều thanh niên Tây Tạng, dù là Phật tử ngoan đạo, bảo tôi là không phải bằng chiến thuật ôn hoà mà Tổ chức Giải phóng Palestine đã rốt cuộc được thế giới nhìn nhận.

Đi tới đi lui tôi gặp lại đám du khách trẻ có Steve, sinh viên ban chính trị ở đại học Los Angeles. Anh chàng cao, râu sậm đã ở Lhassa năm trước. Tôi nhập vào toán và nhìn quanh tìm chỗ nấp trong khi quay. Có tiếng chân lính tuần sắp tới, tôi lẩn ngay sau một bức tường thấp, kêu bọn sinh viên đứng che.

— Ê, cô làm gì vậy? Steven hỏi, giọng lo lắng khi cả bọn vây lại che, mặt quay ra đường để không ai nghi ngờ. Cô mà bị bắt là nó đập vỡ đầu.

— Nghe này, tôi nói. Tôi không phải là du khách. Tôi quay phim cho đài truyền hình số 4 ở London về vấn đề Tây Tạng.

— Tốt lắm!

Cả nhóm đồng ý ngay và lập tức hỗ trợ tôi. Tôi bật máy, kêu họ đứng xích ra một chút để hướng ống kính xong giữ cho máy chạy đều, tôi đứng thẳng dậy như đang coi diễn hành. Tôi lấy áo len trùm kín mày chỉ trừ ống kính, hy vọng thu được hình toán lính đi ngay vào phim. Từ giữa trưa tới 2 giờ chiều, đám sinh viên cẩn thận đi quanh, bao che cho tôi trên đường Barkhor ngay trước mũi lính Tàu.

Trẻ tuổi, nhiệt tình, sinh viên nào cũng tức giận với những thảm hoạ mà dân Tây Tạng phải hứng chịu. Tôi cảm động trước thái độ can đảm của họ vì họ biết rõ nếu bị bắt họ sẽ phải chịu những hậu quả gì. Đám sinh viên đó gồm nhiều quốc tịch, Mỹ, Anh, Áo, Pháp... tôi ước sao có được nhiều thì giờ hơn để biết thêm và chia sẻ tình bạn với họ.

Tôi muốn lấy cảnh từ trên cao nên cùng với Steve, tôi chạy vào một hẻm nhỏ, gõ đại cửa một nhà gần đó. Lạ lùng thay họ cho chúng tôi vào và lặng lẽ đưa chúng tôi lên mái nhà. Một chân xoải ngoài mái hiên, chân kia được Steve giữ chặt, tôi nghiêng người ra con hẻm chờ Bob đứng canh đầu hẻm, huýt gió cho hay lính sắp tới. Đoạn phim này hay nhất, quay hết lớp này sang lớp kia, từng hàng lính đi vào rồi ra khỏi khung hình.

Sau đó tôi chụp người Tây Tạng, đưa cuốn phim cho một sinh viên giữ, phòng khi tôi bị bắt. Nguyên cả bọn kéo nhau ra trước đền Jokhang, ngồi trước mũi lính Tàu ở chỗ gác. Tôi muốn thu toán lính đi thẳng vào khung hình. Đây là một trong những chuyện đáng sợ nhất tôi đã làm. Toán lính đã thay và lính mới coi dữ dằn hơn, viên chỉ huy đội nào cũng có máy liên lạc. Chúng cũng đi tuần liên tục hơn, cách nhau chưa tới 5 phút và tôi nghĩ nên bắt đầu ngay trước khi công an chìm đi tới.

Khung cảnh như chuyện siêu thực. Tom, anh chàng người Úc to lớn, nghiêng người như muốn ôm hẳn lấy tôi để che trong lúc tôi đặt ống kính theo một góc độ và rán giữ cho máy yên. Các sinh viên khác đứng tụ lại đằng trước, chừa một khe trống cho máy thâu hình. Đột nhiên ở góc phải đền Jokhang có toán lính đi ra, bước thẳng tới bọn tôi.

— Trời đất, Steve la lớn, quên bẵng lời tôi dặn là đừng nói khi máy chạy. Họ đi thẳng tới kìa, trời ơi, Vanya, lẹ lên, lẹ lên!

Ngay phút đó, một nhóm người Tây Tạng, sợ hãi khi lính tới gần, vô tình đi vào tầm của ống kính và chặn không cho thấy toán lính. Steve như hoá điên: "Joe, kéo họ ra phía này", anh la to và nhảy ra đẩy người Tây Tạng ra khỏi thị trường kính. Tôi ngồi yên cứng đơ, không cử động nổi, tay để hờ lên nút máy, nón rơm phủ thân máy mà tưởng mình nằm mơ.

Tôi rời Lhassa ngày 4.10.1988. Phi cơ cất cánh rồi bay lên cao dần, nhưng tôi vẫn chưa hoàn toàn yên bụng. Chúng tôi vẫn còn ở trong không phận Trung Hoa và đang ở trong một phi cơ Tàu. Trong lịch sử cộng sản Tàu đã có chuyện phi cơ bị gọi quay trở về căn cứ.

Rời Tây Tạng, tôi không thể kiểm chứng mọi lời cáo buộc mà những người Tây Tạng gặp tôi đã nói. Chứng cớ của việc phá rừng còn đó, và dù người Tàu có cố gắng chối bỏ, sự tan hoang của sườn núi là câu trả lời hùng hồn nhất cho sự phủ nhận của sứ quán Tàu. Tôi đã không thể lập hồ sơ đầy đủ về sự thiếu thốn, cực khổ của nông dân và du mục nơi vùng núi cao; hay phơi bày rõ sự kỳ thị đè nặng lên đời sống người dân trong các khu phố tồi tàn của Tây Tạng. Tôi không thể tự tay khai quật các nấm mồ tập thể, không được chứng kiến việc cưỡng bức phá thai đau lòng hay việc làm tuyệt sinh khiếp đảm. Tôi không có thì giờ đi tìm những trẻ sơ sinh bất toàn và xác thú vật chết mà người Tây Tạng cho biết là do hậu quả của phóng xạ nguyên tử. Và tôi cũng không thể vào tù để phỏng vấn tăng ni cùng thường dân Tây Tạng, những người mà dân chúng cho biết là vẫn bị Trung cộng giam cầm và tra tấn. Nhưng tôi đã thấy quân đội Trung cộng với sức mạnh uy hiếp khắp Tây Tạng, nhất là tại Lhassa, làm cho một quốc gia luôn luôn bị đặt trong tình trạng vây hãm, trong hoàn cảnh mà đức Đạt Lai Lạt Ma gọi là "cơn khủng hoảng trầm trọng nhất trong 2100 năm lịch sử của chúng tôi". Những bằng chứng tôi thu thập được tuy thế cũng đã quá đủ cho việc Liên Hiệp Quốc gửi một phái đoàn tìm

hiểu sự kiện vào Tây Tạng và chỉ định một ban điều tra, như họ đã làm cho A Phú Hãn và Iraq.

Có lẽ bằng cớ đáng tin nhất mà tôi thu thập được chính là sự can đảm của những người tôi tiếp xúc. Mỗi người như vậy đã phải chấp nhận rủi ro bị bắt bớ, giam cầm và có thể chết. Nhưng họ đã đặt phúc lợi của quốc gia lên hàng đầu, muốn thế giới biết chuyện gì đang xảy ra cho dân tộc họ.

"Nếu làm vậy mà mang lại điều hay cho dân Tây Tạng thì tôi không hối tiếc việc đã làm hôm nay hay những gì tôi đã nói với cô", Kelsang, một người mà tôi phỏng vấn gần chỗ tin là có căn cứ nguyên tử ở Nagchuka, nói vậy. "Tôi không sợ hậu quả, ngay dù đó là cái chết".

Một bác sĩ thẳng thắn nói về việc cưỡng bức phá thai và tuyệt sinh, bảo: "Cả khối dân Tây Tạng đang bị Trung cộng áp chế. Họ không có thực quyền, không nghề chuyên môn. Thành ra nếu thế giới không giúp họ, sẽ chỉ còn rất ít hy vọng".

Những ni cô trẻ từng bị Trung cộng tra tấn dã man, bảo tôi: "Chúng tôi không xá gì đến hình phạt mà chúng dành cho bọn tôi, ngay cả khi chúng giết bọn tội. Nếu làm vậy mà giúp được Tây Tạng, chúng tôi xin nhận".

Và Lobsang, vị sư già đã ở tù 22 năm, chịu tra tấn và phải qua cảnh ăn thịt người, nói: "Nếu tôi chết trong tù, ấy là cho Tây Tạng. Nếu tôi sống sót trong tù, ấy là cho Tây Tạng. Tôi không tiếc nếu tôi chết trên đường dẫn tới sự độc lập của Tây Tạng".

Không còn mấy ngày giờ cho Tây Tạng, một quốc gia từ chối không chịu bắt chẹt thế giới bằng không tặc, bắt cóc, bạo hành vô nghĩa làm thiệt mạng người vô tội, một quốc gia hơn 1200 năm sống trong thanh bình và không mơ ước gì hơn là sẽ được tự do tiếp tục sống trong thanh bình mà họ đã chọn.

LỜI CUỐI

Phim tài liệu *Tibet: a case to answer* được đài truyền hình số 4 của Anh chiếu ngày 9.11.1988 giữa sự tranh cãi sôi nổi. Đại sứ Trung cộng ở London phản đối kịch liệt việc truyền hình nhưng đài vẫn tiếp tục trình chiếu theo chương trình đã định. Tuy nhiên họ cho đại sứ cơ hội để trả lời về những cáo buộc nêu trong phim bằng cách xuất hiện trong chương trình *Right to reply* của đài. Tôi cũng sẵn sàng đối chất nhưng ông ta từ chối. Thay vào đó ông đọc một bản tuyên bố chỉ trích con số trong phim. Thí dụ, ông nói phim hoàn toàn sai khi cho diện tích Tây Tạng là 2.5 triệu cây số vuông, trong khi thực tế là 1.5 triệu. Dĩ nhiên ông ta đưa ra con số của vùng tự trị Tây Tạng mà người Tàu ghi, chứ không phải quốc gia Tây Tạng trước khi bị xâm chiếm. Đây là đòn phép Trung cộng thường dùng để làm rối trí những ai chưa quen với chi tiết lịch sử và tình trạng hiện thời của Tây Tạng. Rất ít người ngu như vậy.

Cuốn phim được quần chúng tán thưởng và được chiếu lại sau đó ngày 21.12.1988 rồi 17.7.1989, một việc chưa hề có trên truyền hình Anh. Sau lần phát hình đầu tiên, đài số 4 viết cho đại sứ Trung cộng, xin được xác nhận là chính quyền Trung cộng sẽ không có biện pháp trừng trị bất cứ ai xuất hiện trên phim. Cho tới ngày hôm nay, toà đại sứ vẫn nín thinh, không thèm trả lời thư của đài số 4.

Sau đó phim được chiếu ở 17 quốc gia trong đó có Mỹ, Úc, Canada và các nước Bắc Âu. Trong vài nước, như ở Canada, phim được chiếu trên ba đài khác nhau. Toà đại sứ Trung cộng ở nhiều nước tìm cách ngăn, không cho phim được phổ biến. Lúc báo chí làm to chuyện vì toà đại sứ chỉ trích phim sau khi trình chiếu, tất cả các đài truyền hình từ chối không chịu ngưng phát hình tài liệu đó. Ngược lại, họ cho nhân viên toà đại sứ cơ hội để tranh luận với tôi trên phim. Không đại sứ nào đến gặp tôi.

Trước khi phim được chiếu lần đầu, tôi đưa danh tính và chi tiết của những người trong phim cho hội Ân xá Quốc tế. Ban điều tra Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc lấy chứng cớ trên phim, nhất là của các ni cô, để trình cho Ủy ban Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc.

Sự bắt bớ vô cớ ngày càng tăng ở Tây Tạng. Nhiều nhà tù mới được xây để chứa thêm người bị bắt. Cho dù Trung cộng đã ký và chấp nhận quy ước chống việc dùng cực hình của Liên Hiệp Quốc vào năm 1966, vẫn có những báo cáo lén lút thoát ra ngoài, thuật lại cảnh nhà tù quân sự ở dưới đồi Chakpori, ngay cạnh điện Potala, ngoài việc bị đánh đập tàn tệ, tù Tây Tạng, nhất là các ni cô, còn bị lột trần, dìm vào nước đông lạnh, bị đánh với gậy điện lùa bò, treo ngược đầu cả giờ rồi sau đó thả cho chó đói.

Trung cộng vẫn phủ nhận việc họ vi phạm nhân quyền ở Tây Tạng, cũng như họ đã chối việc tàn sát chính dân họ ở Thiên An Môn. Nhưng Trung cộng đã tàn phá Tây Tạng hơn 40 năm qua, và ai đã phản đối? Quốc gia nào đã ngưng buôn bán với Trung cộng? Quốc gia nào đã đưa Trung cộng ra Hội đồng An ninh Liên Hiệp Quốc về vi phạm nhân quyền ở Tây Tạng? Sự im lặng thật nặng nề.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói: "Gió đang đổi chiều trong thế giới cộng sản", nhưng chúng ta còn làm ngơ giả điếc bao lâu nữa với sự diệt chủng đang tiếp tục ở Tây Tạng? Thế giới "văn minh" sẽ coi lợi ích kinh tế do thị trường Trung cộng mang lại trọng hơn chuyện tăng áp lực lên Trung cộng để chấm dứt việc tàn sát ở Tây Tạng chăng?

HẾT

---

* Sự áp bức và diệt chủng của Trung cộng tại Tây Tạng còn được trình bày trong những tác phẩm sau:

- *From Heaven Lake*. Virkram Seth. Chatto & Windus, 1983.
- *Inside the Treasure House*. Catriona Bass. Gollancz, 1990.
- *The Dalai Lama's Mission: Who will save Tibet?* Alex Shoumantoff. Vanity Fair, May 1991.

BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị.v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

PHÙ-TANG

Hỏi: 1.—Cháu sống ở Nhật đã được 4 năm, nơi mà mọi người đặt cho nó một mỹ-danh là "xứ Phù-tang" (nhưng làm việc muốn phù ...mang luôn, bác ạ!)

Cháu thực sự muốn hiểu "Phù-tang" này do người Việt hay người Tàu đặt ra để gọi nước Nhật? Có phải từ một điển-tích nào hay không?

2.—Cháu rất thích bài thơ *Đi chùa Hương* của Nguyễn Nhược Pháp, nhưng lâu quá, đã quên mất. Xin bác cho đăng lại bài thơ này. Cảm ơn bác rất nhiều.

Trần Trịnh
Nhật-bản

Đáp: 1.—Có hai cách giải-thích nguồn-gốc của "Phù tang."

Thứ nhất, phù-tang là phía mặt trời mọc. Nhật-bản nằm ở phía đông Trung-hoa nên người Trung-hoa gọi nước Nhật là Phù-tang tam đảo (thực ra, nước Nhật có bốn đảo lớn là Hokkaido, Honshu, Shikoku và Kyushu, nhưng người Trung-hoa xem hai đảo nhỏ Shikoku và Kyushu như một).

Theo cổ-ngữ Trung-hoa, *phù-tang* là tên gọi một loại cây thần, mọc tại các đảo lớn ở ngoài biển đông, hướng mặt trời mọc. Phù-tang tam đảo là ba đảo lớn có nhiều cây phù-tang mọc, chính là nước Nhật ngày nay.

2.—Bài thơ *Chùa Hương* của Nguyễn Nhược Pháp dài quá, không tiện đăng báo. Nếu thích lắm, cháu tìm xem trong cuốn *Thi-nhân Việt-nam hiện-đại* của Phạm Thanh (tập 1, trang 221).

HỘI CA CẦM

Hỏi: 1.—Xin bác cho biết xuất-xứ bài hát vui *Hội ca cầm*:

Là hội ca cầm,
Chúc cậu với mợ bình-an
Bình-an bình-an phú quí
Trên thì ô-tô, dưới thì ca-nô
Nằm thì nằm giường lèo
Đắp thì đắp nệm gấm
Chưn đi đôi giày Gia-định
Ngồi cái ghế phượng loan
Cậu bịt thêm cái răng vàng
Trên đầu cậu xịt dầu thơm dầu thơm...

2.—Cháu nghe nói nhạc cải-lương có nhiều điệu-thức khác nhau, là các điệu-thức nào hả bác?

Nguyễn Thị Thanh
Paris

Đáp: 1.—Bài hát cháu chép là bản mới. Bài nguyên-bản vốn theo thể Hành-vân, lời ca như sau:

Hội ca cầm
là hội ca cầm
Chúc cho cậu mợ được bình-an
Vinh huê phú quới
Phú-quới vinh-huê
Sống bá-niên trường thọ
Đông con cháu
Trên ô-tô, dưới thời ca-nô
Nằm giường ngà lại thêm nệm gấm
Đi đôi giày ma mị
Ngồi thời nệm loan
Bịt cái răng vàng
Đi cây dù xi-cu-la
Giống hình tiên nga
Ống píp hút thuốc xì-gà
Quần áo gấm-vóc lụa-là
Đầu chanh, dầu thơm
Nhà lầu thời bốn bên thành khoanh
Xem trong túi bóp phơi
xài rặc giấy xăng.

2.—Cải-lương có 5 điệu-thức khác nhau, cải-biên từ điệu-thức Trung-hoa.

Điệu-thức I: chịu ảnh-hưởng từ điệu *Chủy* (các bài *Ngũ điểm, Tạ*, Long hổ hội); thang-âm: hò, xự, xang, xê, cống; dứt bằng âm *hò*.

Điệu-thức II: tương-ứng điệu *Vũ* (các bài *Kim tiền, Mẫu tầm tử, Khốc hoàng thiên)*; thang-âm: Xừ, xang, xê, cống, líu; dứt bằng âm *xang*.

Điệu-thức III: tương-ứng điệu *Cung* (các bài *Tam pháp nhập môn, Cao-sơn, Long hổ, Bắc sơn trà)*; thang-âm: Xang, xê, liu, cống, ú; dứt bằng âm *xang*.

Điệu-thức IV: tương-ứng điệu *Thương* (các bài *Thu hổ, Khổng-minh tọa lầu)*; thang-âm: Xê, công, liu, ú, xáng; dứt bằng âm *xê*.

Điệu-thức V: tương-ứng điệu *Giốc*; thang-âm: cồng, liu, u, xang, xế; không dứt bằng chủ-âm, không thành bài bản mà chỉ đi ngang qua vài câu rồi bắt sang điệu-thức khác (thí dụ bài *Ủ liu ú xáng*). Điệu thức V của cải-lương trùng-hợp kỳ-diệu với hệ dân-ca cao-nguyên Trung-phần và dân-ca Mèo (như bài *Khống-mì-nhũa*).

THƠ QUANG DŨNG

Hỏi: Xin cho biết tác-giả và trọn bài thơ có các câu:

Em ơi, em ơi đêm dần vơi
Trông về phương ấy ngóng trông người
U hiển liêu trai về quá khứ
Tóc bạc vai gầy một kiếp trôi.

Trần Thị Hồng Vân
Hòa-lan

Đáp: Trong bốn câu thơ trên, hai câu đầu nằm trong đoạn 5 của bài thơ 5 đoạn, 20 câu nhan đề là *Cố quận* của Quang Dũng. Câu thứ ba *(U hiển liêu trai về quá-khứ)* là câu thứ ba của đoạn 4. Riêng câu chót *(Tóc bạc vai gầy một kiếp trôi)* ghép từ thơ người khác vào, không phải của Quang Dũng.

Trọn bài thơ như sau:

CỐ QUẬN

Trăng sáng vẫn vờn đôi bóng cau
Ngồi đây mà gửi nhớ phương nào
Gió mát lung-linh vầng bắc đẩu
Tiếng hè ếch nhái rộn bờ ao.

Ngồi đây năm năm miền ly-hương
Quê người đôi gót mải tha phương
Có những chiều chiều trăng đỉnh núi
Nhà ai chày gạo giã đêm sương.

Tịch-mịch sầu vơi bèo râm ran
Côn-trùng im-ỉm lối trăng tàn
Người ơi quê cũ đèn hoe ngọn
Tóc bạc trông chừng cảnh héo-hon.

Ngõ trúc quanh quanh sầu bóng lá
Trăng vàng rơi rắc nẻo nào xưa
Ngõ cũ không mong người trở lại
Mà mùi hoa mộc vẫn thơm đưa.

Đốt khói lên rồi hương viễn vông
Dòng xanh thoáng biến cảnh hư-không
U hiển liễu trai về quá khứ
Chuối vườn rủ lá đóm bay vòng.

Em ơi, em ơi đêm dần vơi
Trông về phương ấy ngóng trông người
Trăng có soi qua vầng tóc bạc
Nẻo về cố-quận nhớ thương ôi.

Quang Dũng

NHÂN DANH, ĐỊA DANH TRUNG-HOA

Hỏi: Đọc báo Anh, Pháp-ngữ hàng ngày, thấy các chữ phiên âm tên người, tên địa-lý của Trung-hoa, tôi cứ ngờ-ngợ đoán chừng. Đọc báo Việt ngữ, dịch lại tin của ngoại-quốc, vẫn để nguyên các tên ấy (như *Wuhan, Yenan, Ch'en Yi, Lin Piao*,..) khiến tôi đọc chữ Việt mà cũng như mù, không biết đâu là đâu, ai là ai.

Xin bác BC chú-thích hộ các tên dưới đây (xem phần trả lời). Xin cảm ơn bác.

Hà Văn Thiện
Montréal

Đáp: Âm Hán Việt của các nhân-danh, địa-danh ông hỏi như sau (những chữ phiên-âm tiếng Anh, theo *The Pinyin Chinese-English Dictionary* của Đại-học Bắc-kinh; BC sắp-xếp lại các địa-danh theo thứ-tự các tỉnh, cùng tự-trị và đặc khu:

a) 22 tỉnh:
- Anhui: An-huy
- Fujian: Phúc-kiến
- Gansu: Cam-túc (thủ-phủ là Lanzhou: Lan-châu)
- Guangdong: Quảng-đông (thủ-phủ là Guangzhou: Quảng-châu)
- Guizhou: Quí-châu (thủ-phủ là Guiyang: Quí-dương)
- Hainan: Hải-nam
- Hebei: Hà-bắc
- Heilongjiang: Hắc-long giang
- Henan: Hà nam
- Hunan: Hồ-nam (thủ-phủ là Changsha: Tràng-sa)
- Hupei: Hồ-bắc (thủ-phủ là Wuhan: Vũ-hán; gồm Vũ-xương, Hán-khẩu và Hán-dương)
- Jiangsu: Giang-tô (thủ-phủ là Nanjing: Nam-kinh)
- Jiangxi: Giang-tây
- Jilin: Cát-lâm
- Liaoning: Liêu-ninh
- Qinghai: Thanh-hải
- Shaanxi: Thiểm-tây (thủ-phủ là Xian: Tây-an)
- Shandong: Sơn-đông (thủ-phủ là Jinan: Tế-nam)
- Shanxi: Sơn-tây
- Sichuan: Tứ-xuyên (thủ-phủ là Chengdu: Thành-đô)
- Yunnan: Vân-nam (thủ-phủ là Kunming: Côn-minh)
- Zhejiang: Triết-giang (thủ-phủ là Hangzhou: Hàng-châu)

b) 5 vùng tự-trị:
- Guangxi Zhuang: Quảng-tây
- Nei Monggol: Nội Mông (Nội Mông-cổ)
- Ningxia Hui: Ninh-hạ
- Xizang: Tây-tạng
- Xinjiang Uygur: Tân-cương

c) 3 đặc khu:
- Beijing: Bắc-kinh
- Shanghai: Thượng hải
- Tientsin: Thiên-tân.

Ngoài ra, các địa danh nổi tiếng của Trung Hoa:
- Chongqing: Trùng-khánh
- Dalian: Đại-liên
- Guilin: Quế-lâm
- Huangbu: Hoàng-phố
- Luda: Lữ-đại (Lữ-thuận và Đại-liên)
- Qingdao: Thanh-đảo
- Suzhou: Tô-châu
- Yanan: Diên-an

Cùng một số nhân-vật Trung-hoa:
- Deng Xiaoing: Đặng Tiểu-bình (viết như vầy mới đúng)
- Han Nianlong: Hàn Niệm-long
- Hu Ping: Hồ Bình
- Hu Yaobang: Hồ Diệu-bang
- Hua Guofeng: Hoa Quốc-phong
- Huang Hua: Hoàng Hoa
- Ji Penfei: Cơ Bằng-phi
- Jiang Qing: Giang Thanh
- Jian Zemin: Giang Trạch-dân
- Li Peng: Lý Bằng
- Li Xiannian: Lý Tiên-niệm
- Lin Biao: Lâm Bưu
- Liu Shaoqi: Lưu Thiếu-kỳ
- Liu Zhenhua: Lưu Chấn-hoa
- Mao Zedong: Mao Trạch-đông
- Qian Qichian: Tiền Kỳ-sâm
- Qiao Shi: Kiều Thạch
- Wang Dongxinh: Uông Đông Hưng
- Wang Hongwen: Vương Hồng-văn
- Wen Jiabao: Ôn Gia-bảo
- Yang Shangkun: Dương Thượng-côn
- Yao Wenyuan: Diêu Văn Nguyên
- Ye Jianying: Diệp Kiếm-anh
- Zhang Chunqiao: Trương Xuân Kiều
- Zhao Ziyang: Triệu Tử-dương
- Zhou Enlai: Chu Ân-lai
- Zhou De: Chu Đức
- Zou Jiahua: Châu Gia-hoa

---

gôm

Bài *Nói chuyện sách* của Võ Đình trên *Làng Văn* số 94, trang 52, cột 1, dòng 3, xin sửa lại là *"cuối thế-kỷ XIX"* thay vì *"XIV"*. Xin tạ lỗi cùng tác-giả và quí độc-giả.

diễn đàn

NHÂN ĐỌC BÀI DIỄN VĂN CỦA ÔNG NGUYỄN CAO KỲ

Ngày thứ bảy 15.6 vừa qua, nhân ghé qua thành phố San Jose, Ca, tôi tình cờ đọc được bài diễn văn của ông Nguyễn Cao Kỳ trên tờ *Thời báo*.

Nhớ lại những lời tuyên bố trong quá khứ của ông Kỳ, người ta có thể nói rằng: Lại thêm một chuyện "ruồi bu"! Nhưng nếu đọc kỹ bài diễn văn này, nhìn lại bối cảnh đưa tới buổi nói chuyện của ông ngày 7.5.1992 tại câu lạc bộ của một căn cứ không quân Mỹ ở bắc Cali, chúng ta không thể coi ông Kỳ là một kẻ bốc đồng nữa.

Không thể, bởi vì nội dung của bài diễn văn chứa đựng nhiều chủ đích đã được sắp xếp, nghiên cứu tỉ mỉ. Do vậy phải tin rằng bài diễn văn đã được cố vấn, chỉ đạo bởi một vài đầu óc khác.

Trước 1975, khi còn quyền lực trong tay, tiền bạc đầy tủ két, ông Kỳ thừa khả năng để "chè nước" hậu hĩ cho vài quân sư cỡ Vũ Tài Lục, nên quân sư và lãnh đạo như bóng với hình. Ngày nay ở đất người, quân sư phải làm nghề thầy bói kiếm sống, ông lãnh đạo thì vỡ nợ, lang thang nay đây mai đó, có còn ai đoái hoài tới nữa. Nhưng có lẽ cũng bởi quá tin vào tử vi, bói toán, vào những lời vàng ngọc của quân sư ngày trước, ông Kỳ đã tìm mọi phương cách để cất cánh cho hậu vận mới của mình.

Lần này ông lần mò đến những quân sư ở tận Hà Nội, những vị quân sư không tin vào bói toán mà chỉ tin vào khoa học duy vật biện chứng. Biện chứng ấy là: có công thì được thưởng. Công thành thì được làm đại sứ lưu động đi xin viện trợ; công bại thì cũng có cơ hội để làm giàu. Ông Kỳ đang đánh một ván bài, nếu không lời nhiều thì cũng kiếm được chút đỉnh vốn. Và như thế, có thể nói đây là bài diễn văn cuối cùng trong cuộc đời và sự nghiệp của ông Kỳ. Vì lẽ ông sẽ vĩnh viễn không bao giờ còn cơ hội để đánh bài nữa.

Vào những tháng đầu năm 1965, khi được "quan thầy" đặt để vào chức vị với danh xưng rất "cao kỳ": Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương, ông Kỳ đã đệ trình lên quan "toàn quyền" (chữ của ông Kỳ) Hoa kỳ một chương trình cách mạng xã hội được gọi là "xã hội mới". Chỉ một thời gian ngắn sau đó, phụ tá của Mc George Bundy (toà Bạch Ốc) đã tiết lộ là nội dung của chương trình này được đánh cắp từ kế hoạch của Edward Landsdale. Việc làm trong quá khứ này của ông Kỳ giải thích cho lý đoán của tôi về bài diễn văn của ông ta trong hiện tại. Nhưng lý đoán trên chỉ nói tới một khía cạnh thôi. Biết đâu trong những ngày lưu vong sa cơ thất thế, ông đã gậm nhấm, suy ngẫm qua những ly rượu mạnh đốt cháy tim gan, tâm tư ông đã bùng vỡ một "ý thức mới": tinh thần "giác ngộ cách mạng"?

* *Nguyễn Cao Kỳ và tinh thần "giác ngộ cách mạng":*

Cộng sản sau khi chiếm được miền Nam, họ đã ý thức rằng, miền Nam là "miếng ăn" khó nuốt. Khó nuốt không phải vì có hơn một triệu quân nhân, công chức là những kẻ thù trực tiếp, mà bởi vài chục triệu dân miền Nam vốn quen thuộc với sự tự do, phê bình chỉ trích chính quyền, biểu tình đấu tranh cho dân chủ... Vì không thể mong đợi một tập thể như vậy nghe theo lời tuyên truyền chủ nghĩa Mác-lê là đỉnh cao trí tuệ loài người, Hà Nội chỉ cố làm sao cho đa số nghĩ một cách giản đơn rằng: Hồ Chí Minh là anh hùng dân tộc, hành động xâm lăng miền Nam là một việc làm có chính nghĩa nhằm giải phóng dân tộc. Nhưng đâu dễ dầu gì lừa bịp được người dân miền Nam. Bởi vì sự thật rành rành ra đó.

Ở miền Bắc, sự thể lại khác hẳn. Sống dưới chế độ bạo trị hơn ba mươi năm, kỷ luật sắt máu, đói khổ về vật chất, tinh thần bị nhồi sọ, đa số người dân dù không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản, nhưng vẫn quen xem Hồ Chí Minh là anh hùng dân tộc, chiến thắng miền Nam là một "khải hoàn môn". Đảng cần vin vào đó để khoe khoang với thế giới và để trấn an, lừa bịp dân chúng. Nhưng tự khoe mãi cũng nhàm, bây giờ đảng phải tìm một người làm giùm cái công việc "nâng cấp" họ, một "kẻ thù đầu sỏ" dễ mua chuộc, dễ làm tay sai. Họ đã tìm ra Nguyễn Cao Kỳ. Và như thế, nội dung bài diễn văn phải đáp ứng đúng chủ ý của cộng sản. Chủ ý ấy là phải nói làm sao cho có tình, có lý. Nói chừng mực. Nói đúng cách. Nói trong cái "tư thế" của một kẻ lãnh đạo thua chạy nhưng đã giác ngộ.

Chừng mực ở chỗ, khi nói về việc Nga và Tàu đổ súng đạn, nhân lực vào cho CS Bắc Việt, Nguyễn Cao Kỳ tuyên bố: *"Đó là sự trợ giúp tận tình và khéo léo của hai cường quốc đàn anh"*. Tận tình, khéo léo ở chỗ, *"luôn luôn chính quyền và người lãnh đạo miền Bắc được đẩy ra đứng hàng đầu, dưới ánh đèn rực rỡ của sân khấu quốc tế"*. Và có tình có lý là *"Hồ Chí Minh đã tạo được một uy tín khá to tát trên chính trường quốc tế"*. Chỉ cần một thời gian ngắn sau khi cướp chính quyền, thì theo Kỳ *"lãnh đạo miền*

Bắc đã tự nhiên trở thành một thực thể chính trị tại VN", rằng *"chính quyền miền Bắc là một thứ đàn anh, so với chính quyền miền Nam, chỉ là một đứa em sanh sau đẻ muôn với nhiều yếu kém và mặc cảm"*.

Sau khi nói có "tình" rồi, Nguyễn Cao Kỳ dùng "lý" để hạ thủ lãnh đạo miền Nam bằng *"Bảo Đại là gắn liền với thực dân, phong kiến"*, *"Ngô Đình Diệm độc tài gia đình trị sút kém so với độc tài đảng trị tại miền Bắc"*. Còn đối với chế độ Thiệu Kỳ ra sao thì Nguyễn Cao Kỳ khỏi cần nói ra, vì hơn một nửa bài diễn văn, đã tự xưng tội mình là kẻ tay sai không hơn không kém, được lãnh đạo dưới quyền của quan "toàn quyền" đại sứ Hoa kỳ.

Nói chừng mực, có tình có lý, nói đúng cách, NCK đã thực hiện trọn vẹn mục tiêu của Hà Nội. Tới đây, chúng ta có thể mượn lời phê của CS: Kỳ đã là người thực sự "giác ngộ quyền lợi cách mạng".

Giác ngộ quyền lợi cách mạng, theo cộng sản, là một chuyển biến tư tưởng, một hành vi cụ thể nương theo sự chói sáng trái tim, linh hồn của đảng. Hành vi ấy có thể là viết, là lập lại, là nói trước công chúng, là đọc một bài diễn văn... Cái nào cũng tốt thôi.

Giác ngộ cách mạng, vì là một chuyển biến tư tưởng, còn mang tính biện chứng lịch sử khách quan. Biện chứng lịch sử về sự giác ngộ cách mạng là một nối kết giữa quá khứ và hiện tại, giữa nhân và quả, giữa bản chất và hiện tượng; giác ngộ đi từ thấp lên cao.

* *Nguyễn Cao Kỳ và biện chứng lịch sử về sự giác ngộ cách mạng:*

Lúc còn là sĩ quan cấp thấp trong binh chủng Không quân, Kỳ từng được cựu tướng Đỗ Mậu cho tiền để tiêu xài (xem *VN máu lửa quê hương tôi*), hoạn lộ của Kỳ còn chưa hanh thông. Nhưng sau khi tổng thống Diệm bị lật đổ, như một số người khác, NCK lên như diều gặp gió. Trước khi nắm chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương, Kỳ có lái tàu bay khu trục ra tới Vinh, thả một vài trái bom, bắn vài loạt rocket rồi trở về an toàn. Có phá hủy được gì của miền Bắc không, thiệt hại nhân mạng ra sao, tôi không rõ; chỉ biết sau đó ông trở thành hình ảnh của một "người hùng". Từ đó nấc thang quyền lực của ông đi đôi với chiếc áo bay và khăn quàng cổ màu tím chuyển theo một hướng rất trái cựa: chính trị. Vì trái cựa nên ông Kỳ đã sẵn sàng bắn giết các chiến hữu của mình, mục đích là để chứng minh cho Mỹ thấy mình là con người thép, và cũng để củng cố chức vị. Điều đó đã bộc lộ rõ trong toan tính sẵn sàng dùng phi cơ để tấn công vào đoàn quân của tướng Lâm Văn Phát ở gần Tân Sơn Nhất trong cuộc chính biến tháng 9.1964. May mắn cuộc thảm sát đã không xảy ra, vì tướng Phát nhượng bộ, rút lui.

Về sau NCK củng cố được quyền lực, nhưng đó là quyền lực bấp bênh vì yếu kém và bất tài, đến nỗi McNamara và tướng Earle G. Wheer đã xác nhận điều này và "tiên đoán" Kỳ phải sụp đổ. Nhưng NCK vẫn cố tạo cho mình một ảo tưởng rằng Kỳ được tổng thống Johnson ủng hộ. Để làm sáng tỏ ảo tưởng này, NCK đã tạo nên "thành tích" to lớn nhất là dẹp tan "phong trào tranh đấu" cho dân chủ và quyền tự quyết dân tộc tại vùng I chiến thuật năm 1966 bằng các hành động bá đạo, tàn ác dẫn tới hậu quả là sự đổ máu oan uổng của quân và dân sư đoàn 1.

Hành động bá đạo đầu tiên là Kỳ cho thiết lập một đài phát thanh "đen", với danh xưng "tiếng nói phong trào tranh đấu", rỉ rả tuyên truyền cho CS. Mục tiêu của Kỳ là làm cho dư luận tin rằng phong trào tranh đấu của quân dân vùng I là CS. Do vậy, ngày 3.4.1966, NCK tuyên bố CS đã hoàn toàn kiểm soát phong trào và ra lệnh đem quân đội đến *giải phóng* Đà Nẵng!

Hành động bạo ngược và gây chia rẽ quốc gia này đã bị chống đối bởi các tướng cố vấn và chỉ huy phía Mỹ là Lewis Walt, Wallace B. Greene Jr., phía Việt là tướng tư lệnh vùng Nguyễn Văn Chuân, tướng tư lệnh Không quân Phan Xuân Nhuận. Những vị này cho rằng tranh đấu là một vấn đề chính trị, cần phải giải quyết bằng chính trị. Nhưng NCK bất chấp. Để thuyết phục đại sứ Mỹ cho phép hành động, Kỳ đã nói với Cabot Lodge: "Chúng tôi chờ đợi quá lâu rồi. Giờ phải thật cứng rắn... Cái bọn thiểu số, địa phương và giáo phái này là một tập đoàn quỷ sứ" (1). Để gia tăng niềm tin của ông đại sứ, Kỳ đưa thượng tọa Thích Trí Quang ra như một biểu tượng nổi bật nhất của Phật giáo và nói: "Chúng ta đang đối đầu với một tên CS nằm vùng muốn chiếm chính quyền, đòi Hoa kỳ triệt thoái để dâng đất nước này cho cộng sản Hà Nội". (2)

Với những lời tuyên bố như thế, Kỳ đã khoác cho mình vẻ diều hâu số một dưới mắt ngài đại sứ. Ông đại sứ gật đầu cho Kỳ sử dụng 10 phi cơ C-130, 10 xe tăng M-41 để chuyển vận 4000 binh sĩ — lẽ ra để đánh Việt cộng — đổ bộ xuống Đà Nẵng để tấn công quân đội và dân chúng vùng I. Gặp phản ứng mạnh mẽ của tướng Chuân, Kỳ chột dạ án binh bất động. Trong khi đại diện ba phía các tướng lãnh Việt Mỹ, lãnh đạo Phật giáo ở miền Trung nỗ lực tìm kiếm giải pháp, thì NCK âm ỉ nuôi dưỡng lòng thù hận, chuẩn bị cho một cuộc tấn công thứ hai. Trong kế hoạch đó, NCK đã thuyết phục đại sứ Mỹ cho thay thế những tướng chỉ huy vùng có cảm tình với dân chúng. Tướng Đính thay thế tướng Chuân. Trước đó tướng Thi đã bị hạ bệ. Nhưng đối với tướng Tôn Thất Đính, NCK nghi vẫn còn dính líu huyết thống với "tập đoàn thiểu số và địa phương quỷ sứ" này, nên đã rỉ tai với Cabot Lodge: "Lời nói và việc làm của Đính rất nguy hiểm, nguyên cớ tạo nên mối bất ổn". (3). Cuối cùng tướng Huỳnh Văn Cao được thay thế theo ý nguyện của Kỳ. Nhưng tướng Cao rồi cũng chống hành động quân phiệt của Kỳ.

Ngày 15.6.66, Kỳ quyết định tấn công quân đội quốc gia ở vùng I chiến thuật với quân số lên tới hai

phần ba sư đoàn, có cả vũ khí hạng nặng. Một đoàn quân trong phong trào tranh đấu dưới sự chỉ huy của đại tá Đàm Quang Yêu ở Hội An cương quyết chận đứng đoàn quân của Kỳ. Kỳ ra lệnh cho bắn rocket vào đoàn quân của đại tá Yêu. Rủi ro thay, phi công của Kỳ đã bắn lầm làm chết 9 thủy quân lục chiến Mỹ và một số dân lành ở Hội An.

Trong suốt một tuần lễ giao tranh, đoàn quân của Kỳ cuối cùng đã chiến thắng quân dân Đà Nẵng, với hậu quả một số binh sĩ quốc gia hy sinh và thương tích.

Thừa thắng, Kỳ tấn công Huế bằng hai tiểu đoàn thủy quân lục chiến, một số quân lấy từ tiểu đoàn 7 kỵ binh, 400 cảnh sát dã chiến, dưới sự chỉ huy của đại tá Loan. Ngày 19.6.66, Kỳ chiếm đóng Huế, bắt hàng ngàn sinh viên học sinh bỏ tù. Một số khác cùng đường thoát thân bằng cách lên núi theo Mặt trận Giải phóng. Hậu quả của chiến thắng này là Kỳ giúp gia tăng quân số cho Việt cộng.

Hậu quả chính trị đau thương do NCK tạo ra là sự chia rẽ quốc gia thành thế lưỡng cực: một bên chống cộng, thân Mỹ; bên khác chống cộng nhưng cố duy trì quyền quốc gia tự quyết. Hình ảnh bạo tàn của NCK ở miền Trung đã tạo thời cơ cho Hà Nội. Và để chuẩn bị cho sự rảnh tay của các tên đao phủ thủ, cộng sản Bắc Việt đã dàn xếp cho tướng VC Nguyễn Chí Thanh, người Thừa Thiên phải chết dưới bom B52 của Mỹ (như trước đây Kỳ đã lo ngại Thi-Chuân-Đính), trước khi ra lệnh chôn sống hàng ngàn người dân Huế trong Tết Mậu Thân 1968.

W.W. Rostow, một chuyên gia hàng đầu, cố vấn cho hai chính phủ từ Kennedy đến Johnson, đã so sánh phe tranh đấu như là thành phần Karenski (nhóm đa số có tinh thần quốc gia trong cách mạng Nga 1917 với nhóm thiểu số cộng sản Lenin). Giá trị chủ quan của sự so sánh này, chứng minh hành động của Kỳ đã gián tiếp tạo điều kiện giúp Hà Nội chiếm trọn miền Nam 9 năm sau đó. Đó cũng là biện chứng lịch sử về tính "giác ngộ cách mạng" giữa NCK và cộng sản Hà Nội. Cả hai đều mang tính ô nhục và tội ác, chỉ khác nhau ở mức độ.

Chủ đích sau cùng trong bài diễn văn của NCK là, sau khi đã xưng tội làm tay sai với cử tọa, xin người Việt thôi đừng đòi lật đổ chế độ CS nữa, hãy để cho VC từ từ thay đổi và chuyển tiếp chính quyền (?). Xin Mỹ thôi hãy quên đi nỗi nhục nhã bại trận mà đem "phương tiện dồi dào, ảnh hưởng to tát" của mình để giúp VC thực hiện tự do, dân chủ!

Luận về tội trạng NCK thế nào cho đúng, chắc chắn cộng đồng sẽ làm. Riêng tôi viết bài này để trình bày với dư luận hải ngoại về con người toàn diện của Kỳ theo chủ quan, mặc dầu sự kiện đưa ra là sự thực lịch sử.

Nghĩ rằng, tôi cũng như quí vị, chúng ta chống cộng không phải vì Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, chính quyền "tay sai" của Mỹ do Kỳ lãnh đạo. Chúng ta chống cộng vì chế độ bạo tàn ấy là một tập thể sát nhân, đi ngược lại quyền lợi dân tộc, đất nước. Chúng ta không mong lật đổ CS chỉ để tái tạo một chế độ mang tính địa phương, bè đảng hay tôn giáo. Đất nước VN cần một chế độ dân chủ đích thực, với sự đồng thuận, hoà hợp của toàn dân. Nhưng chính NCK, một nhân vật từng lãnh đạo miền Nam, đã chống lại nguyện vọng chính đáng này.

Cách đây hơn 2 năm (tháng 8.1989), trong nỗ lực vận động cho CS Hà Nội, Đoàn Văn Toại đã bị bắn trọng thương. Tờ *Văn Nghệ Tiền Phong* đã loan tin này với lời bình luận, đại ý: Tin Toại bị bắn thì →

cũng giống như tin một con chó bị xe cán. Lần này, nếu Kỳ bị trừng trị thì không riêng gì tờ VNTP, mà cả tập thể dân chúng hải ngoại cũng như đồng bào trong nước, không những chỉ đồng ý đó là cái tin "xe cán chó" mà còn buột miệng: "Đáng kiếp nhà nó!"

Lê Nguyên Văn
CA, Hoa kỳ

NHỮNG CON NGỰA KÉO ĐẢNG

Vào khoảng 1940-1941 gì đó, tôi được anh bạn cùng lớp cho mượn cuốn *Tư bản giẫy chết* do đảng cộng sản Đông Dương phổ biến lén lút. Trong cuốn này đảng cộng sản quốc tế nêu lên những tệ trạng xấu xa, những cách biệt bất công của một xã hội tự do tư bản và kết luận rằng chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới mang lại cơm áo và san bằng mọi bất công trong xã hội cũng như xác quyết rằng tư bản đang sửa soạn cáo cáo chung.

Đến nay Tư bản vẫn còn đứng vững trong khi đó Cộng sản đang giẫy chết. Cộng sản đã chết từ đầu, chết từ bộ óc, trái tim, chỉ còn tứ chi hiện đang giẫy dụa. Đó là Trung Hoa, Việt Nam, Bắc Hàn và Cuba.

Điều này cả thế giới đều biết ngoại trừ những con ngựa bịt mắt cố gắng kéo cỗ xe Cộng sản đã 99% tan rã ra khỏi chỗ sa lầy, trong khi gã đánh xe ra công hò hét để lấy lòng bọn chủ nhân đang cố gắng vơ vét hưởng thụ nốt giây phút cuối cùng.

Tội nghiệp thay những con ngựa bị bịt mắt như Dương Thu Hương, Bùi Tín chỉ nhìn thấy cái "thiên đường mù" mờ mịt ở phía trước mà chẳng thấy gì ở chung quanh. Tai chỉ nghe tiếng gã xà ích và bọn chủ nhân độc ác thôi thúc.

Thú thực, trước đây tôi ít đọc sách báo Cộng sản, ngoại trừ các sách khảo cứu về địa dư, lịch sử. Nhưng gần đây, thấy báo chí Việt ngữ ồn ào tranh luận về văn nghệ phản kháng và giao lưu văn hoá, tôi mua thử vài cuốn về đọc xem sao. Đọc một cuốn thấy viết tạm được. Đọc cuốn thứ hai thấy tức mình. Không phải tức vì mình bị chửi mà tức vì mình đã phí tiền và thì giờ để mua và đọc mấy cuốn sách tuyên truyền của Cộng sản viết trên một hình thức tinh vi hơn.

Báo chí hải ngoại đã vạch rõ biết bao nhiêu điều vô lý vu khống người quốc gia hay đề cao đạo đức tác phong, cái hay cái tốt của cộng sạn mà các tác giả ăn lương đảng đã viết trong các cuốn sách, bạch thư, tự bạch, v.v.

Điều đáng chú ý là chính Bùi Tín cũng như Dương Thu Hương tuy vạch ra những xấu xa của các cán bộ nhưng lại cho rằng: Đảng không bao giờ sai lầm và họ không từ bỏ Đảng. Cán bộ tuy có hủ hoá, tham nhũng, hống hách và sai lầm nhưng Đảng vẫn sáng suốt.

Tôi tự hỏi, họ là những con ngựa bị bịt mắt hay cố tình tự bịt mắt. Theo sự hiểu biết của một người bình thường thì thông thường, đảng là do các đảng viên bầu bán từ phân, chi bộ rồi lên đến huyện, tỉnh, xứ và trung ương. Nhưng đảng Cộng sản thì có một đường lối khác biệt, đi từ trên xuống dưới. Bí thư tỉnh chỉ định bí thư huyện, và cứ như thế đi xuống thôn, xã; quan liêu và phong kiến còn hơn thời quân chủ nữa. Còn đảng viên dù có được phép bầu ủy viên thì cũng phải được bí thư phê chuẩn mới xong, như vậy còn gì là dân chủ!

Đảng chỉ là hư danh, là con ngoáo ộp do bọn lãnh đạo đặt ra. Bọn này bày ra phương án, sách lược, kế hoạch rồi mượn tiếng đảng bắt đàn em và dân chúng thi hành. Đúng hay sai, nhân dân gánh chịu không được phép kêu ca, oán thán.

Bùi Tín, Dương Thu Hương lẽ nào không biết những sai lầm, những thủ đoạn dã man của bọn cộng sản đầu sỏ từ mấy chục năm qua, như:

- Tiêu diệt các đảng phái quốc gia không cùng chính kiến;
- Vô ơn bạc nghĩa, loại trừ các cán bộ, chiến sĩ tiểu tư sản đã từng giúp họ từ thuở còn trong bóng tối;
- Thi hành chính sách đấu tố dã man để tịch thu ruộng đất của dân;
- Tàn sát đồng bào vụ Tết Mậu Thân;
- Cưỡng chiếm miền Nam, đưa hàng triệu người vào tù không xét xử...

Nói theo từ ngữ của họ: tội của cộng sản lấy hết lá tre lá trúc trên rừng cũng không đủ chép, lấy hết nước biển Đông cũng không đủ rửa sạch.

Trong thời gian cầm quyền, Cộng sản đã giết hại hàng triệu sinh linh vô tội bằng cách này hay cách khác, phá hủy gần như toàn bộ tài nguyên của xứ sở. Nhưng điều quan trọng hơn cả là giềng mối xã hội và đạo lý cổ truyền của dân tộc đã gần như hoàn toàn phá sản. Cộng sản gây căm thù giai cấp, khiến vợ không tin chồng, con không tin cha mẹ. Mọi người đối xử với nhau bằng sự lừa gạt, dối trá, chỉ chăm chăm chuyện ích kỷ hại nhân.

Các căn bệnh trầm kha này đã ăn sâu vào xương tủy thì dù cho Cộng sản có hoàn toàn sụp đổ, chúng ta cũng mất hàng chục năm mới khôi phục được niềm tin và lành mạnh hoá xã hội. Tội này ai chịu? Cán bộ hay Đảng? Cán bộ sai lầm mà Đảng vẫn dung túng, vậy Đảng có sáng suốt hay không? Vậy Đảng là ai và ai là Đảng?

Bùi Tín và Dương Thu Hương không dốt đến nỗi không hiểu điều này. Tôi hoàn toàn đồng ý với quan niệm: nếu kẹt ở lại miền Bắc sau hiệp định Genève 1954, ai ai dù muốn dù không cũng phải hợp tác với chế độ để sống còn. Nhưng tôi cũng không tin rằng những người theo Cộng sản lại hoàn toàn mù quáng đến nỗi không biết đâu là thực, đâu là giả và đâu là chính đạo.

Cho nên họ Dương, họ Bùi cũng như những ai quyết tâm bào chữa cho cái đảng đang giẫy chết đó, lại càng chứng tỏ họ không hề đứng về phía nhân dân hay lẽ phải.

(.....)

Hoàng Hưng
Illinois, Mỹ

điểm sách

HỒ CHÍ MINH, TỘI PHẠM NHƠN QUYỀN VN

Nhận-định của Nguyễn Ngọc Huy và Trần Minh Xuân, Mekong tị-nạn xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1992.

Sách dày 120 trang giá 8 mỹ-kim, liên-lạc: Mekong Tị-nạn, P.O. Box 612101, San Jose, CA 95161, USA.

ĐI TÌM TÁC GIẢ VÀ DỤNG Ý CHÁNH TRỊ TRONG "LỤC SÚC TRANH CÔNG"

Cổ văn Việt-nam, Nguyễn Ngọc Huy và Trần Minh Xuân hiệu-đính, chú-thích và nhận-định, Mekong Tị-nạn xuất-bản tại Hoa-kỳ.

Sách dày 120 trang giá 8 mỹ-kim, liên-lạc địa-chỉ trên.

THUYỀN-NHÂN VÀ BẠO-LỰC

Nhận-định của Nguyễn Văn Canh và Trần Minh Xuân, Mekong Tị-nạn xuất-bản.

Sách dày 232 trang giá 12 Mỹ-kim, liên-lạc địa-chỉ trên.

THƠ HÀN MẶC TỬ HAY NHỮNG BÀI TÌNH-CA BI-THIẾT

Nhận-định của Huy Phong và Yến Anh, Mekong Tị-nạn xuất-bản tại Hoa-kỳ.

Sách dày 280 trang giá 10 mỹ-kim, liên-lạc địa-chỉ trên.

THIÊN-TÀI NGUYỄN BỈNH KHIÊM VÀ MẶT THẬT SẤM TRẠNG-TRÌNH

Nhận-định của Huy Phong và Yến Anh, Mekong Tị-nạn xuất-bản tại Hoa-kỳ.

Sách dày 256 trang giá 10 mỹ-kim, liên-lạc địa-chỉ trên.

NHÂN-LOẠI MỚI

Nhận-định của Nguyễn Thùy và Trần Minh Xuân, Mekong tị-nạn xuất-bản tại Hoa-kỳ.

Sách dày 318 trang giá 14 mỹ-kim, liên-lạc địa-chỉ trên.

CÁNH ĐỒNG CHO EM

Tập truyện ngắn của Hoàng Mai Đạt, Thư Hương xuất-bản năm 1992 tại Hoa-kỳ.

Sách gồm 13 truyện ngắn xã-hội, góp nhặt những mảnh vỡ của cuộc đời, chân thật và đôi khi trần-trụi.

Sách dày 250 trang giá 12 mỹ-kim, liên-lạc: Thư Hương, 2056 Pawnee Way, Stockton, CA 95209, USA.

ĐÁ & HOA

Thơ Song Hồ, bìa và ảnh Văn Vũ, minh-họa của Nam Thanh, Hướng Dương xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1992.

Song Hồ bắt đầu làm thơ từ năm 1949, cộng-tác với các báo *Tia sáng, Giang-sơn* (Hà-nội), *Đời mới, Nguồn sống mới* (Sài-gòn), viết bình-luận cho đài phát-thanh Sài-gòn và trông coi tờ *Hình-ảnh mới*.

Đá và hoa là tập thơ thư tư của ông, sau các cuốn *Hai cánh hoa tim* (1960), *Thơ Song Hồ* (1963), *Đám cháy trên địa-cầu* (chưa in, bị thiếu-nhi khăn quàng đỏ đốt năm 1975).

Thơ Song Hồ là những vần thương xót quê hương, bằng cung cách riêng. Thơ như tiếng kêu tử biệt, cốt phô bày cõi tâm hơn là lựa lời óng chuốt. Thơ trôi nổi theo thời cuộc, không có tham vọng hòa nhập, đổi thay thời cuộc.

Sách dày 240 trang, giá 12 mỹ-kim, liên-lạc: Đàm T. Nguyên, 8408-B Bellaire Blvd., Houston, TX 77036, USA.

DỌN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC (I)

Tập tham-luận chính-trị của Nguyễn Hữu Nghĩa, phần lớn đã đăng rải-rác trên *Làng Văn* và các báo tại hải-ngoại từ 1986 tới 1992. Tập I bàn về các vấn-đề: du-lịch Việt-nam, bài học Liên-sô, văn-nghệ cởi trói trong nước, trường-hợp Dương Thu Hương - Bùi Tín, nhận-định bản sơ-thảo sửa-đổi hiến-pháp của CSVN, v.v.

Sách dày 368 trang in đẹp, giá 18 mỹ-kim (20 gia-kim), liên-lạc: Làng Văn.
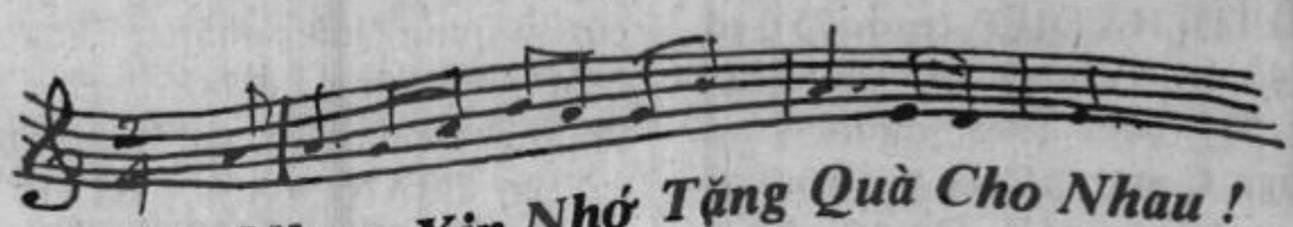
Yêu Nhau, Xin Nhớ Tặng Quà Cho Nhau !

GIÁNG-SINH, NĂM MỚI, TẾT NGUYÊN ĐÁN,
TẶNG QUÀ GÌ THANH-LỊCH, TRANG-NHÃ NHẤT,
DÙNG ĐƯỢC TRỌN NĂM, GIỮ ĐƯỢC TRỌN ĐỜI?

— MỘT NĂM (12 SỐ) BÁO

làng văn

nhắn tin tị-nạn

(lệ-phí: 10 mỹ kim; miễn-phí cho đồng-bào tại các trại)

NGÔ KỶ, trước 75 ở thị-xã Tam-kỳ, Quảng-nam, con ông Ngô Diêm, hiệu buôn Ngọc Anh, và ông **VŨ HOÀNG (HOÀNG VŨ)** xin liên lạc với anh em cô cậu là **Nam-sơn hiệp HÀ HOÀNG TUẤN, Boat No: BD 5554/186, AS No 346023 Galang I, PuskopalArmabal, P.O. Box 7 Tanjung Pinang 29112, Indonesia.**

PHẠM NHẬT QUỞN và chị là **NGÔ THỊ ĐỨC**, hiện ở đâu, xin liên-lạc **NGUYỄN VĂN LẤM**, 238 San Carlos St., San Francisco, CA 94110, USA, ĐT: (415) 647-1308.

Tìm em **NGUYỄN THỊ NGỌC VINH**, trước ở 154 Trần Nguyên Hãn, Nha-trang, vượt biển năm 1980 cùng anh Quyền và hai em Toàn, Tú, nay ở đây, xin liên-lạc về **NGUYỄN ĐỨC CẨN, PST 10226, House B7/24, Thai Red Cross Society, P.O. Box 1302 Bangkok 10501, Thailand.**

TÔ THỊ HÀ DIỆP, trước 75 ở số 236/43 Lý Trần Quán, Tân-định, sang Mỹ năm 1975, định-cư tại Orange County, Cali, xin liên-lạc với vị hôn-phu là **ĐOÀN VĂN HIỀN**, vừa ra trại cải-tạo, tha-thiết muốn biết ý của Hà Diệp, dù sao cũng cho anh một vài chữ để biết tin nhau. Xin thư về nhà cũ ở Lý Trần Quán, nhờ chuyển cho Hiền.

Anh **LÊ VĂN HIỀN**, trước ở trại tị-nạn bên Phi, định-cư tại Brisbane, Queensland, Úc-đại-lợi năm 1980, xin liên-lạc **NGUYỄN BẠCH VÂN ANH**, 2765 Islington Ave., Apt.# 1007, Toronto, Ontario M9V 5C2, Canada.

LÂM HỮU QUỚI, con ông Lâm Văn Chót ở Châu-đốc, trước ở Panat Nikhom, đi định cư năm 1989, xin liên lạc **NGUYỄN VĂN THA**, PST 7512, House 83-B7, Sikiew Camp, P.O. Box 1302, Thai Red Cross Society, Bangkok 10501, Thailand.

NGUYỄN MẠNH TUẤN trước ở Đà-nẵng, đi năm 1975, cùng mẹ là Trịnh Thị Kim Cúc và các em Tú, Hùng, Mai, định-cư tại Montréal, Gia-nã-đại, xin liên-lạc bạn cũ là **VÕ HỮU TÌNH**, 119 Oak St., Red Deer, Alberta T4P 1S2, Canada.

NGUYỄN KHÁNH ĐỨC, tức Hậu, trước 75 làm RMK & BRJ cùng Đỗ Văn Liêm, sau làm thợ máy cho Aslask Barger và Transporytinc tại Đà-nẵng, cuối cùng làm chủ đồn-điền cà-phê tại cây số 65, Lâm-đồng, vượt biên qua Thái-lan năm 1978, định-cư tại Gia-nã-đại. **NGUYỄN MINH KHẢI**, trước 75 làm RMK; BRJ tại Đà-nẵng và Vũng-tàu, hiện định cư tại Gia-nã-đại. Xin hai bạn Đức và Khải liên lạc gấp với **ĐỖ VĂN LIÊM**, No 91114, VRD 738/89, Hut 8A, Section 10, Whitehead Detention Centre, Shatin, Hongkong.

NGUYỄN HẢI HẬU, cựu học-sinh Võ Tánh (Nha-trang) năm 55-61, cựu sinh-viên Luật cư-trú tại Đại-học-xá Minh Mạng (62-66), cựu sĩ-quan Quân-pháp tại Tòa Án Mặt Trận vùng 4 (67-75), nghe nói định-cư tại Bắc Âu, xin liên-lạc bạn cũ là **TRẦN VĂN CHÍNH** và **VƯƠNG ĐĂNG TƯỜNG** mới sang Mỹ, Địa-chỉ: c/o Nguyễn Đình Cường, 11245 Jerry Place, Cerritos, CA 90701. USA.

Tìm bạn **DƯƠNG THỊ KIM LAN**, trước ở cư-xá Hỏa-xa Lý Thái Tổ, sau dời về Lê Văn Duyệt, du-học tại Kyoto, Nhật-bản năm 1972, nay ở đâu, xin liên-lạc về **TRỊNH GIA MỸ**, 7540 Katella Ave., Stanton, CA 90680, USA — quí bạn nào biết, xin vui lòng mách giúp, đa tạ.

Tìm bạn là **Bác-sĩ NGUYỄN TRỌNG THỦY**, trước học Trung-học Hồ Ngọc Cẩn, cư-ngụ tại đường Lê Quang Định, sau dọn sang Pháp ở 7 rue de Champs Elysée, 94250 Gentilly, nay ở đâu xin cho **TRẦN THANH TỊNH** (tên cũ **NGUYỄN THANH TỊNH**) biết, địa-chỉ: R.R. No 1, Dunrobin, Ontario K0A 1T0, Canada.

TRẦN THỊ THU THỦY, trước ở Nguyễn Trãi, quận 5, dạy học ở quận 8, đã được bảo-lãnh đi Toronto, Canada, liên-lạc gấp với **HOÀNG THIỆN LƯƠNG**, MC: 360891, ID: 24191, Camp Sungei Besi, MRCS/TMS, P.O. Box 12468-50778, Kuala Lumpur, Malaysia.

Các cậu TOÀN, HOẠT, CƯỜNG, trước 75 ở tiệm vàng Hải Khoát, đường Phan Đình Phùng, chợ Vườn Chuối, sang Mỹ ở đâu, xin liên-lạc cháu **HOÀNG QUỐC CƯƠNG**, con ông Hoàng Đạo Quang, trước 75 ở Phú-nhuận, nay ở Boat No PA 1018 / 43 Galang II, P.O. Box 19, Tangjung Pinang, Riau 29101, Indonesia.

NGUYỄN VĂN KHÁI, con ông Nguyễn Văn Oánh (Tiêu), tìm bác là **NGUYỄN VĂN TIẾU** (Nguyễn Văn Quý), sống ở Úc. Xin liên-lạc về: Nguyễn Văn Khái, L/M 2761/31 AO7498, Block 16, Flat 15, Pillar Point Refugee Centre, Tuen Mun, Hongkong; hoặc Nguyễn Văn Oánh (Tiêu) khu Vĩnh-thông, Thị-trấn Mạo-khê, huyện Đông-triều, tỉnh Quảng-ninh, Việt-nam.

Chú **NGUYỄN DIỆU TUYẾN**, con là Nguyễn Văn Ngọc, trước 1945 ở xóm Đông sáng, xã Nhượng-bạn, Cẩm-xuyên, Hà-tĩnh, vào Nam năm 1945, vượt biên năm 80 từ Phan-rí, định cư tại Hoa-kỳ; xin liên-lạc: **LÊ XUÂN HUỆ**, VRD 9/89, No 30040, Hut 17A Whitehead Centre, Sectin 8, Shatin, Hongkong.

thư đi tin lại

● Nguyên Hương phụ-trách

Thi sĩ PHAN THỊNH, Monterey — Anh trả lời cho người bạn Mỹ *"VN không có Ngày Mẹ (Mother Day)"* là sai đến 50% rồi đấy. Khoảng 30 năm nay, cả Công giáo lẫn Phật giáo miền Nam đều có khuynh hướng chọn ngày lễ Vu lan làm Ngày Mẹ. Chế độ CS dĩ nhiên không chấp nhận, nhưng tại hải-ngoại *Vu-lan ngày mẹ* đã gần trở thành tập-tục.

Đọc thư anh kể chuyện mỗi ngày chơi *bonsai*, đêm về thắp nến hâm rượu sa-kê, nghe nhạc *kitaro* và dịch thơ hài-cú, cuối tuần đưa các cháu đi nghe hòa nhạc,.. thấy cuộc đời có vẻ nhẹ nhàng quá mà... tủi thân.

Đang đọc các bài thơ ngắn của anh. Hay tin anh nhập viện mổ mắt, chúc anh chóng bình phục. Thân.

Bà HOÀNG KIM, Montreal — Nếu cho đến nay vẫn chưa nhận được số 94, xin bà cho biết để gửi bù. Kính.

NGUYÊN BẠCH VÂN ANH, Toronto — Tòa soạn *Làng Văn* nằm ngay tại Toronto, tất cả việc bài vở, ấn-loát đều nằm tại đây, văn phòng ở các nước chỉ lo việc hành chánh địa phương thôi. Lần sau, các mẫu nhắn tin, chi-phiếu các thứ, cháu gửi thẳng về tòa soạn, tiện hơn.

Anh KHÓA, Montreal — Thực ra, trong những ngày về làng, mọi người đều đã họp, giải quyết xong các chuyện chung (trừ các ông Việt Quang và Vi-Vi say sưa đấu trí với các quân cờ, và anh Khóa ôm cứng tờ báo mới đọc ngấu nghiến, không hay biết là cả làng đã họp và giải quyết xong các vấn đề!)

Anh Khóa vững lòng sôi kinh nấu sử cho tới ngày bảng... giấy đề tên.

Về truyện, anh cứ tiếp tục mở thêm nhiều hướng mới, chưa cần phải đóng khung ở một lối viết, một đề tài nào. Bếp Mập thường khen anh bén nhạy và dõng-dạc. Thân.

Anh VŨ ĐÌNH KH., BC — Anh gửi cho một bản in để đọc trước (nếu không có máy in tốt, gửi đĩa cũng được, viết bằng chương trình nào, tòa soạn vẫn đọc và in được). Đọc xong sẽ trả lời cho anh sau.

Trường hợp anh kể trong thư, có phần ngờ oan cho người ta đấy. Việc báo chí, xuất bản của các hội đoàn rất nhiêu khê, không giản dị như anh tưởng đâu. Làng Văn phát hành rộng, nhưng vẫn luôn luôn kẹt vốn. NH mà được ông thần Lotto gõ cửa, số sách in hàng tháng phải tăng lên gấp 30 lần, mới đáp ứng đúng nhu cầu của người làng. Mong tin anh.

VIỆT PHƯƠNG, TX — Bếp Mập vô ý gửi cái chi phiếu về hộp thư cũ của em ở Arlington, có cách gì lấy được không? Hay chờ bưu điện phát hoàn, sẽ gửi lần thứ hai?

Thi sĩ HUỲNH LIỄU NGẠN, Cali — Đã xem ảnh của anh, trông như tài tử phim chưởng Đài Loan (trông khi bút hiệu mềm như bở liễu!) Đã nhận được bài thơ, cảm ơn anh.

GS VŨ NGỌC ĐĨNH, Cali — Trước kia *Làng Văn* cũng có mục "cười", vì thiếu người phụ trách nên không sưu tập được những nụ cười sâu sắc và ý nhị nên phải bỏ. Nếu thầy giúp được, tòa soạn xin hoan hô. Kính.

Nhà văn NGUYÊN TƯ, Úc — Bài viết ấy tự nó đã là câu trả lời đầy đủ, cho thấy tư cách của cả người viết lẫn ông chủ báo. Chính anh (và nhiều bạn văn khác) đọc và cũng nhận thấy như vậy, NH không cần phải "động thủ." Bếp vẫn giữ sự chừng mực và vô tư của một người phê bình, không vì phản ứng vô lại ấy mà đổi giọng đâu, xin anh yên tâm.

Về *Hoa nắng trên cao* và *Cát lở*, anh cứ gửi tiếp mỗi tựa 50 cuốn (nhớ đừng lên giá, vì đã in vào thư-mục làng). Sẽ viết thư khác nói về vụ sách, thư trước chắc lạc rồi. Kính.

Bà LÊ CHI MAI, CA — Có dịp sẽ nói về thơ Đường. Cảm ơn bà về số tem gửi báo sang các trại. Còn đọc được tiếng Việt là quí rồi. Không viết chữ Việt thường thì ngượng tay, cạn ý lúc đầu, viết lại vài hôm đâu lại vào đấy, chả lo. Kính.

Ông NGUYỄN THẾ HÀ — Xin ông theo dõi cột bài nhận được. Đa tạ.

NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG, Nhật Bản — Cô nhận được báo tháng 6 nhanh như thế, trong khi mua báo đường thủy, là do sự bưu-điện Gia Nã Đại chuyển nhầm bằng máy bay. Trường hợp này thỉnh thoảng vẫn xảy ra. Tòa soạn không thích lắm, vì số báo chuyển nhầm này tới sớm hơn số báo kỳ trước đi đường thủy, khiến nhiều độc giả tưởng bị mất báo, viết thư trách.

Ông PHẠM VĂN DUYỆT, Thái Lan — Ông viết *"đọc Làng Văn học được lắm điều hay mà ở quê nhà hoàn toàn dốt nát"* làm NH đâm lo, tự nhủ càng phải cẩn trọng hơn nữa. Cảm ơn ông về các bài thơ. Kính.

PHƯƠNG THẢO, Thái Lan — Anh cho biết, nguyện vọng của anh là *"trước khi bị tống xuất về Việt Nam, hi vọng được xem tác phẩm của mình trên báo."* Tình hình bây giờ thay đổi nhiều rồi. Xin quí anh đừng dột lòng chiến đấu, dù ở Thái Lan hay Việt Nam. Trận tuyến kéo

dài từ bên này bờ đại dương về đến quê nhà. Đi (định cư) với về (bị cưỡng bách hồi hương) chỉ là thay đổi điều kiện chiến đấu, từ dễ dàng tới khó khăn hơn, vậy thôi. Nếu anh không kịp đăng bài trên *Làng Văn* hải ngoại, cũng sẽ có ngày đăng bài trên *Làng Văn* quốc nội. Khi chế độ cộng sản cáo chung, tòa soạn *Làng Văn* sẽ dời về Sài Gòn. Kính.

TỪ NGUYÊN, Oslo — Tiếc vì thời gian công tác ngắn quá, không kịp thăm lại Oslo. Bạn hỏi "bài sẽ đăng" bao giờ đăng, NH áy náy quá chừng. NH còn khoảng 500 bài thơ và 100 cái truyện ngắn đã "đậu thanh lọc", đang "nằm ở trại chuyển tiếp chờ chuyến bay." Bài nào cũng hay, tên tuổi nào cũng dễ thương, NH muốn dồn đăng hết một lần để đền ơn đáp nghĩa mà đất làng chật hẹp, thật khổ tâm!

Bài đăng sớm hay muộn, còn tùy vào cơ duyên. Thường những bài trội hẳn lên, hoặc hợp với chủ đề (tháng tư, Vu lan, Trung thu, Giáng sinh, Tết, v.v.) thường được ưu tiên.

Mong có dịp gặp Từ Nguyên.

EM BÉ BAY, Đức — Đầu óc trong sáng của Em Bé mà lâu lâu còn phải vẩn đục bụi trần vì đám "cởi trói" trong nước và đám "cởi... trần" đạo đức bên này, thì người trần mất thịt như NH làm sao tránh khỏi bất bình. Thôi thì chuyện gì nằm trong bổn phận công dân, mình làm, nhức đầu váng óc vẫn phải làm (ai cũng né hết thì bao giờ mới xong việc?) Chúc Em Bé... bay giỏi. Tháng 6 gặp nhau kể chuyện nắng mưa. Thân.

DOÃN THỊ NGỌC THANH, Úc — Đã sửa lại: 1 năm máy bay và 30 mỹ kim tem tị nạn (kỳ trước tòa soạn ghi nhầm là 2 năm đường thủy và 15 mỹ kim tem tị nạn), báo hại cô em chở báo "xốn xang." Xin lỗi nghe.

Sang năm hi vọng có dịp kéo cả làng sang nhà Thanh thăm ông ngoại các cháu và... ăn phở. Thân.

Ông TRẦN HOÀNG, Montreal — Từ số 1 tới 65, thêm các số 67, 68, 69, gửi đi Mỹ, giá tổng cộng là 255 mỹ kim (306 gia-kim), tòa soạn bao cước phí. Kính.

DIỆU HƯƠNG, GA — Từ Nữu Ước "vù" về Toronto chỉ mất có 8 giờ xe đò thôi, thích giang hồ vặt thì sang đây vài ngày chơi. Sẽ gom góp các bài hát DH cần, gửi sang. Dân chúng Cali dồn về Georgia, cốt tị nạn... động đất đó. Dù sao Georgia cũng còn ấm hơn các tiểu bang miền Bắc, lại có Diệu Hương săn sóc tinh thần nữa, chạy về đó là phải. Thân.

SĨ LIÊM, Paris — Quên chuyện cũ đi. Sự chật vật của Liêm trong mấy năm đã là một cái giá phải trả. Gắng ổn định lại đời sống, di dưỡng tinh thần, làm lại từ đầu và trở lại với văn chương. Thân.

Anh PHẠM XUÂN THÀNH, Ottawa — Anh gửi cho xem bản thảo, NH sẽ trả lời anh sau về chuyện in. Chúc anh chóng an cư lạc nghiệp trên đất mới. Kính.

Ông HOÀI CHÂU, Anh Quốc — Độc giả cư ngụ tại Anh quốc và Hoa kỳ có thể ký chi phiếu cá nhân (anh kim, mỹ kim) cho tòa soạn được, vì giữa ba nước có hợp đồng về các loại tín phiếu; riêng các nước khác, phải gửi bằng mỹ kim hay gia kim. Đã đọc xong các bài thơ chua. Chua lắm! Ông bạn họ Trần đọc được, chắc sẽ kiềng ông ra. Cũng hay. Kính.

Bà MUỐI MÈ, Na Uy.— Cũng mong bước tới Na Uy, gia nhập đảng Gạo Lức Muối Mè ít lâu cho nó... nhẹ nhõm. Nghe tả cảnh bảy trái núi (thất sơn), thích lắm. Thế nào cũng có lúc mò tới thăm nhau. Thân.

Ông TÔ GIANG, BC — Đã gửi quà và "bằng cấp" sang. Sẽ có thư riêng về tập thơ. Kính.

HOÀNG DU THỤY, AB — Vừa thấy *Chỉ còn trong trí nhớ* (đã đăng trên *LV* 91) đăng lại trên một tờ báo ở Toronto, không biết do ý của Thụy hay người ta cầm nhầm? Việc phát hành sách ra sao? Bao giờ thì xong cuốn kế?

Ông HÀ PHƯỚC THẢO, Đức — Ông muốn in cuốn nào trước, xin gửi cho một bản, NH đọc qua rồi mới trả lời chính-xác được. Kính.

Anh chị NGUYỄN HỮU NHẬT, Oslo.— Hi vọng hội bạn Đọc Sách Báo Việt đã nhận được các gói sách. Bưu điện Gia Nã Đại làm việc "thong thả" hơn bưu điện nước bạn. Gửi tàu thủy bao giờ cũng chậm (mất 6 tuần), trong khi gửi máy bay, cước phí quá đắt (tương đương giá sách). Kính.

Thi sĩ NGUYỄN HUY PHƯỚC, NJ — Kỳ này tòa soạn gửi ông một gói báo, nhờ giới thiệu hộ cho các tiệm ở NJ. Tiệm nào muốn bán, ông thu hộ một cái danh thiếp của họ, gửi về làng. Từ đó về sau, tòa soạn sẽ giao dịch thẳng, đỡ vất vả cho "ông mai."

Sẽ gửi báo và hóa đơn cho độc giả của "ông mai." Kính.

NGUYỄN THỊ MỸ, Québec — Đọc thư, đoán tuổi bạn khoảng giữa 30 và 40, gọi NH là "NH" cũng được, có gì "sai trái" đâu mà phải kêu gọi tới "lòng từ bi hỉ xả" của NH, ghê thế!

Mười năm nay, bước hẳn vào nghiệp báo, ngày nào NH chẳng đọc mươi cái thư "của những người xa lạ." Trước lạ sau quen, *cùng một lứa bên trời lận đận, biết đến nhau lọ sẵn quen nhau!*

Mỹ muốn dọn về Toronto, trước hết, hãy sang Toronto xem cho biết sinh hoạt của thành phố này, để "cảm" thấy có dễ chịu với nó không.

Về pháp lý, không có gì trở ngại cả. Tỉnh bang nào cũng có các chương trình trợ giúp xã hội tương đối giống nhau. Mỹ cũng có thể xin đi học thêm Anh văn và học nghề.

Các trường dạy Việt ngữ cho trẻ Việt do cộng đồng VN tổ chức đều miễn phí. Tại các trường tiểu học công lập có trên 25 học sinh ghi tên

học tiếng Việt, nhà trường mướn thêm giáo viên người Việt tới dạy. Trong tương lai, môn Việt văn sẽ được công nhận như một tín chỉ cho các bậc trung học và đại học. Sách vẫn Việt ngữ còn in trong thư mục Làng Văn (số 92).

Xem lại địa chỉ, thấy Mỹ ở ngay tại thủ phủ Québec. Bạn *Làng Văn* ở đó đông lắm, sao Mỹ lại than thở não nề vậy?

Ông HÀ HOÀNG TUẤN, Nam Dương — Đã nhắn tin giúp ông. Gắng đọc lắm mới đoán ra địa chỉ của ông, không chắc đúng! Lần sau nhớ viết cẩn thận cho. Đa tạ.

Nhà văn NGÔ DU TRUNG, TX — Cảm ơn anh đã cho hay *Khúc ruột ở xa* đã "về nhà chồng." Truyện mới đang đọc. Thân.

Ông HOÀNG GIA THÀNH, Thái Lan — NH cũng biết là báo chí Việt ngữ bị ngăn vào trại Sikiew. Vẫn tìm đủ mọi cách để gửi, mong tới tay ông. Nhận được báo, xin cho biết ngay để gửi tiếp. Kính.

Ông TÙY ANH, Đức — Đã nhận các bài thơ, cảm ơn sự cộng tác quí báu của ông. Kính.

HOÀNG TIỂU-DUNG, Hamilton — Cháu nghĩ, gọi bằng "cô" cho thân hơn "bác", thì cứ gọi như vậy cũng được. Năm nay cháu mới 15 mà đã là độc-giả dài hạn từ lâu, cô mừng cho tương lai của nền Việt ngữ tại hải-ngoại (và cũng là tương lai của tờ báo nữa!). Cái trái cháu vẽ trong tranh thuộc loại bí *(cucurbit, gourd),* bảo bạn cháu như vậy.

Tên thật của cháu nghe hiền thục hơn cái bút hiệu định chọn, nhưng muốn lấy "Tiểu Dung" cũng chả sao. Thích viết văn, cứ viết, tại sao không? Cầm sáng-tác của các cháu trên tay, cô cảm thấy ấm lòng lắm. Mong.

MỸ VÂN, BC — Đã nhận được loạt bài cho Xóm Măng, cảm ơn Mỹ Vân. Phen này thì Em Bé Bay sẽ mừng lắm, vì có người tiếp sức. Cảm ơn luôn về lời chúc "công tác thành công." Thân.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Xuân Vũ, Phạm Long, Nguyễn Tư (2), Ngô Nguyên Dũng (2), Ngô Du Trung, Lê Hùng Tâm, Tăng Quyền Vinh, Nguyễn Thế Hà (2), Phan Thịnh (3), Tô Giang, Hà Kỳ Lam, Song Thao, Đỗ Kim Khánh (2).

Thơ: Phạm Xuân Hy, Trần Hoài Ngọc (2), Hoài Việt (2), Phạm Văn Thanh (4), Hoàng Việt Thi (7), Thạc Viên (3), Cao Mạnh Kim (2), Nguyễn Minh Chanh, Vạn Giả, Đỗ Kim Khánh (2), Nguyên Khanh (4), Hà Huyền Chi (4), Nam Sơn Hiệp (4), Nguyễn thị Khánh Hoà, Phan Thịnh (2), Tuy Hoà (3), TT Mây Trên Ngàn (2), Nguyễn Huy Phước (4), Việt Tâm, Vân Nương (3), Minh Tuấn (2), Phạm Xuân Thành, Lê Thụy Vi (2), Cao Tiêu, Đỗ Đức Tuấn (2), Nguyễn H. Quang, Việt Phương (2), Tùy Anh (2), Huỳnh Liễu Ngạn, Dương Ly Hương, Việt Cường, Nguyễn Thế Hà (24), Trần Vấn Lệ (10).

Tranh: Ba Bui, Vũ Thái Hoà.

Nhạc: Vũ Thái Hoà.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Cô Ngân (ST), Những đám cháy không màu (NND), Tha hương (NDT), Nỗi buồn thế kỷ (NĐH), Người bạn trong bão lốc cuộc đời (TG), Những thuở giao thời (PL), Chúg quà cho mẹ, Nơi khu trại minor (NT).

Thơ: Thơ chúa Trịnh Sâm (PXH), Ru con (VC), Trời cao (HLN), Một đời nhớ Huế (TA), Vàng lá vô thường, Sắc không (VP), Trạo ca (CT), Như yêu một dòng sông, Đêm mùa hạ (LTV), Chân đau từng bước (PXT), Hạ tím, Phố nhớ (TTMTN), Vào thu, Tái ngộ, Bên dòng Dordogne (VN), Gọi đò, Ngẫu hứng (PT), Đêm, Quên, Trái héo (HHC), Tưởng niệm (VG), Lục bát rau thơm, Người (NK), Dụ ngôn, Con đường về (HVT), Nhớ về quê mẹ (HV), Giọt sương, Kẻ trước người sau (TVL), Vàng ngón tay, Đêm vàng hạ trắng (NTH).

Tranh: Ba Bui, Vũ Thái Hoà.

BÁO BỊ TRẢ VỀ:

Trần Hữu Phước, Montréal (sai tên đường); Phan Đình Vinh, Sacramento (sai địa-chỉ).

Xin quí độc-giả trong vùng vui lòng nhắn quí vị có tên trên đây liên-lạc tòa-soạn để điều-chỉnh. Đa tạ.

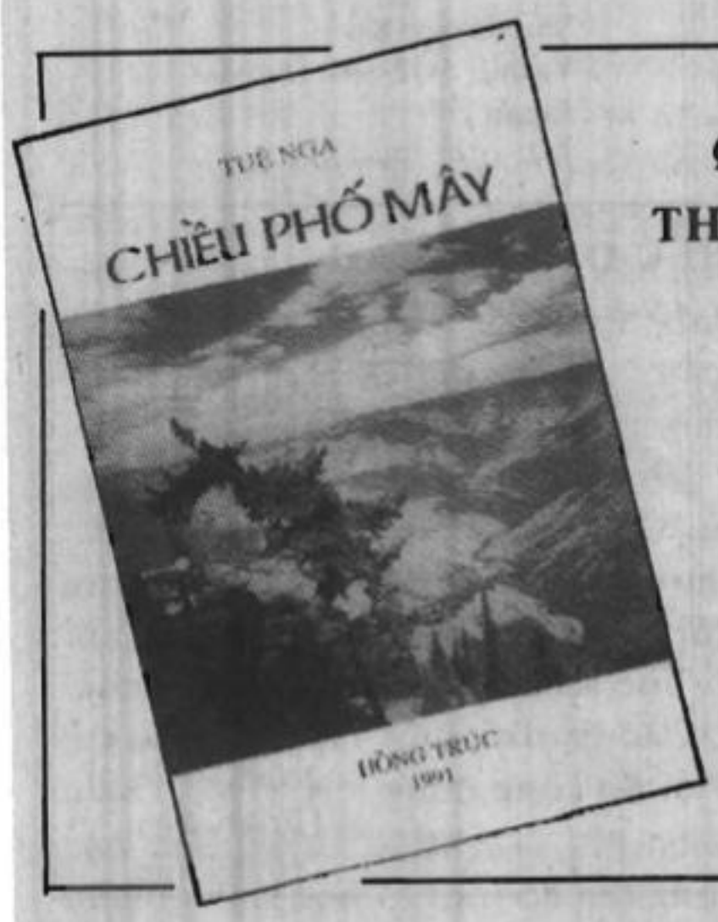

Quí bạn yêu thơ không thể thiếu:

THI-TẬP THỨ TƯ của TUỆ NGA

Giá 12 mỹ-kim.

Thư-từ giao-dịch xin liên-lạc:

NGỌC PHƯỢNG
1727 - 24th Ave.,
Oakland, CA 94601
USA

MUA BÁO DÀI HẠN
nhanh. rẻ . nhiều quyền-lợi khác

1.—Mua báo dài hạn:

Độc-giả mua báo dài hạn nhận được báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, bưu, chi-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại trả bằng gia-kim.

Độc-giả tại Hoa-kỳ trả bằng mỹ-kim.

Độc-giả ở các nước khác xin gửi bằng bưu-phiếu (mandat; postal money order mua tại bưu-điện, trả bằng gia-kim) hoặc ngân-phiếu quốc-tế (international money-order, trả bằng mỹ-kim). Muốn trả bằng chi-phiếu tiền địa-phương, xin đề tên người đại-diện *Làng Văn* tại địa-phương và gửi về địa-chỉ liên-hệ. Trong trường-hợp này, xin theo giá báo đã tính ra tiền địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN
(một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại.... 40 gia-kim, thêm $2.8 GST
Hoa-kỳ:.....đường bộ 45 mỹ-kim/máy bay 55 mỹ-kim
Các nước khác:.....đường thủy 45 mỹ-kim (hoặc 54 gia-kim)
máy bay: 75 mỹ-kim (hoặc 90 gia-kim)

Nếu trả bằng tiền địa-phương, gửi về các văn-phòng Làng Văn tại địa-phương, xin theo giá sau (số đầu là giá báo đường thủy, số sau là giá báo máy bay): Đức 80/130 đức mã; Hòa-lan 90/150 gulden; Nhật 7 000/12 000 yen; Pháp 270/450 quan; Úc 65/110 úc kim.

Quí vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên khoảng từ 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) tới 8 tuần (đường thuỷ, bộ) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu không nhận được báo, xin cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả dài hạn sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu nhãn địa-chỉ ngoài phong bì gửi báo, xin quí vị cắt nhãn này để dành, khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, gia-hạn báo, mua sách, đổi địa-chỉ, v.v.) xin gửi kèm để tránh nhầm-lẫn. Mã-số này gồm hai nhóm số: nhóm số thứ nhất là mã-số độc-giả, không bao giờ thay-đổi; nhóm số thứ hai là hạn báo của quí vị. Thí-dụ: 4536-100. Quí Độc-giả mới, hoặc độc-giả cũ vừa tái hạn, xin vui lòng kiểm-soát nhóm số này và **thông-báo ngay** cho tòa-soạn mọi sự sai sót, nếu có.

2.—Đổi địa-chỉ:

Mỗi khi đổi địa-chỉ, xin báo ngay cho tòa-soạn để tránh mất báo. Tòa-soạn không gửi bù các số bị trả về. Khi báo địa-chỉ mới, xin cho biết mã-số độc-giả, hoặc ít nhất, phải có địa-chỉ cũ.

3.—Mua báo cũ:

Giá báo cũ bằng giá báo hiện hành.

Bạn đọc muốn mua từ số 1, xin gửi tiền cho 8 năm báo. Tòa-soạn sẽ gửi một lúc từ số 1 cho tới số mới nhất, sau đó sẽ gửi hàng tháng cho đến khi hết hạn.

4.—Bài đăng báo:

Bài gửi cho *Làng Văn* xin đừng gửi cho báo khác và ngược lại. Ngoại trừ tin-tức và một số vấn-đề có tính-cách khẩn-cấp hay đấu-tranh, tòa-soạn không đăng bài trùng. Bài gửi đăng xin đánh máy, hoặc chép tay thật rõ-ràng. Bài không đăng không trả lại dù có kèm tem. Quí vị có bài đăng báo sẽ nhận được báo biếu, nhuận bút hay quà văn-nghệ, tùy mức độ đóng-góp.

5.—Quảng-cáo:

Có hai loại quảng-cáo trên *Làng Văn:* quảng-cáo quốc-tế (đi khắp nơi, kể cả Toronto) và quảng-cáo địa-phương (Toronto). Giá biểu áp-dụng chung cho quảng-cáo và chúc tụng cá nhân (chúc mừng, chia buồn, cáo-phó,..) trên ấn-bản quốc-tế như sau: 1 trang 200$; 1/2 trang 110$; 1/4 trang (tối-thiểu): 60$. Các cơ-sở ngoài Toronto, xin gửi chi-phiếu kèm theo mẫu quảng-cáo. Tòa-soạn sẽ gửi tặng tờ báo có đăng mẫu quảng-cáo hay chúc tụng.

6.—Bản quyền:

Tất cả bài vở, tranh ảnh, quảng-cáo đăng trên *Làng Văn* thuộc quyền sở-hữu của Langvan of Canada Inc. Quyền này đã được đăng bạ đương nhiên tại Thư-Viện Quốc-Gia Gia-nã-đại, Hội Bảo-Vệ Tác-Quyền Hoa-Kỳ và Tổ Chức Đăng-Bộ Tác-Quyền Quốc-Tế (ICPA). Muốn trích đăng, xin liên-lạc trước với tòa-soạn *Làng Văn* và phải được thỏa-thuận bằng thư.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, chữ lót, tên:.....

Địa-chỉ:.....

.....

.....

Mua.....năm, từ số.....kèm chi-phiếu.....

Chi-phiếu xin đề: "Làng Văn", địa-chỉ ở trang 1
(Dùng chi-phiếu: gửi thư thường. Tiền mặt: xin gửi bảo-đảm).

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

.....

.....

Xin ghi: "*Do*.....*tặng*"

Kèm theo đây là chi-phiếu:.....$, đề và gửi: "Làng Văn"

VĂN-PHÒNG "LÀNG VĂN" ĐỊA-PHƯƠNG:

VP "LÀNG VĂN" ÂU CHÂU:

Association Culturelle Loi 1901 · Làng Văn (Village Littéraire):
Bạch Thái Hà
7 B-1 rue de Rethondes
95100 Argenteuil, France
ĐT: 34-10-26-46

Đại-diện tại Đức-quốc:
Ngô Việt Dũng
Postfach 104122
4600 Dortmund 1
Germany
ĐT: 656-949

Đại-diện tại Hòa-lan:
Hồ Thị Chiến
Lijister 77
1628 Am-Hoorn-NH
Holland
ĐT: 02290-31666

Đại-diện tại Anh-quốc:
Hoài Châu
19 Abdale Rd.
London W12 7ER
England

VP "LÀNG VĂN" ÚC-CHÂU:

Phạm Quang Ngọc
P.O. Box 198
Lakemba, NSW 2195
Australia
ĐT: (02) 758-2331

VP LÀNG VĂN Á CHÂU:

Đỗ Thông Minh
T 140 Tokyo-To
Shinagawa-Ku
Yashio 5-12-69-115
Japan
ĐT: (03) 799-1763

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO
TRÊN ẤN-BẢN CANADA:

Bìa sau (hai màu):	300.00	gia-kim
Bìa trong (trước, hoặc sau):	200.00	gia-kim
Trang-trong:	120.00	gia-kim
Nửa trang:	80.00	gia-kim
1/3 trang:	60.00	gia-kim
1/4 trang:	40.00	gia-kim
1/8 trang:	25.00	gia-kim

ĐĂNG DÀI HẠN CÓ GIÁ ĐẶC-BIỆT

TRÊN ẤN BẢN QUỐC-TẾ (GỒM CẢ CANADA)

Nguyên trang trong:	200 mỹ-kim
Nửa trang:	110 mỹ-kim
1/4 trang (tối-thiểu):	60 mỹ-kim

Khi chung sức lại, người Gia-nã-đại chúng ta có thể đọ sức và thắng cả thế-giới

Để thành-công trên thế-giới hiện-đại, người Gia-nã-đại bắt buộc phải tranh-đua, vì công việc của chúng ta tuỳ-thuộc trực-tiếp vào đó. Tự chuẩn-bị bằng cách huấn-luyện sẽ giúp chúng ta tranh-đua và bảo-đảm cho sự thịnh-vượng mà chúng ta cần cho bản thân và con cái.

Chúng ta phải tự đầu-tư vào chính khả-năng của mình và làm thành một nước có thể nói... vâng, chúng tôi có thể làm được.

SWEEP RITE MANUFACTURING INC., REGINA

Mọi người đều biết, một công-ty nhỏ từ Regina không thể cạnh-tranh trên các thị-trường thế-giới. Mọi người, quả vậy, ngoại-trừ Les Hulicsko, giám-đốc của Sweep Rite Manufacuring Inc. Kỹ-thuật cao-cấp, sáng-kiến tân-kỳ và máy quét đường của ông của ông đang quét dọn khắp thế-giới, với tỉ-lệ xuất-cảng tới 75% tổng-số thương-vụ.

Vâng, chúng ta có thể. Chúng ta có bằng-chứng.

Người Gia-nã-đại thành-công hàng ngày. Nhiều cá-nhân và thương-nghiệp tiếp-tục thành-công... với phúc-lợi thực-tế cho những cá-nhân, cộng-đồng nơi họ sinh sống và cho nền kỹ-nghệ của Gia-nã-đại.

Hàng trăm công-ty Gia-nã-đại đang thành-công ngoại hạng trên trường quốc-tế. Họ đã tạo ra công ăn việc làm, giúp các nhân-tài phát-triển, giúp cơ-hội cho hàng ngàn người Gia-nã-đại và mở thị-trường trên thế-giới cho sản-phẩm của Gia-nã-đại.

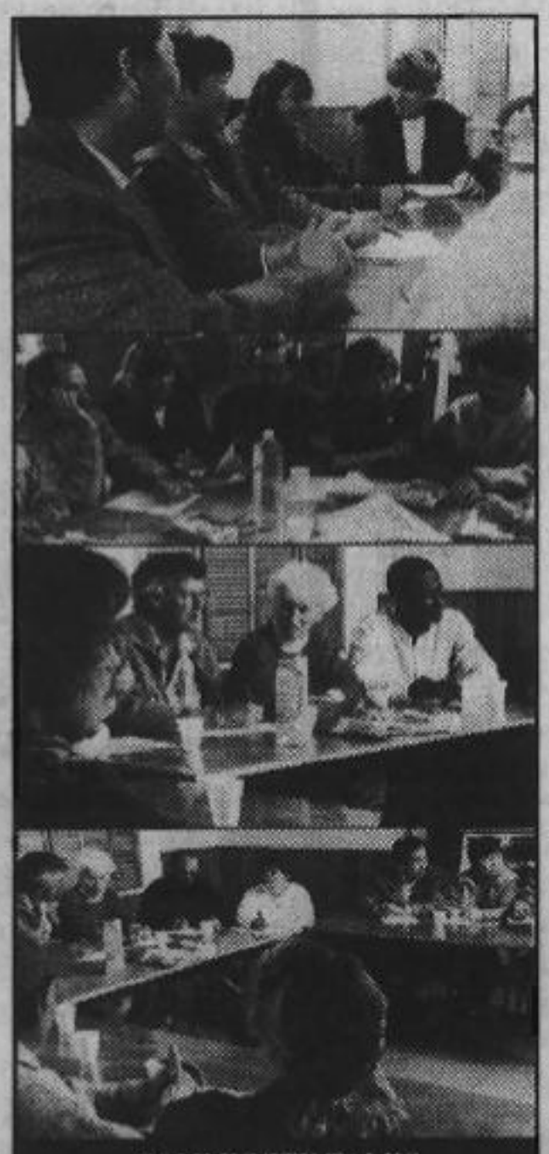

COMMUNITY TALKS

The Prosperity Initiative's Steering Group đang phát-triển kế-hoạch hành-động đồng tâm nhất-trí để trình-bày với người Gia-nã-đại trong tháng 9. Người Gia-nã-đại bảo chúng tôi rằng họ cần góp phần vào việc phát-triển kế-hoạch hành-động. Chúng tôi đã lắng nghe...

Qua hàng loạt các buổi nói chuyện công-cộng, hàng ngàn người trong 186 cộng-đồng trên toàn cõi Gia-nã-đại đã đóng-góp ý-kiến của họ. Họ nói về việc làm sao chỉnh-hướng các thử thách và cơ-hội đối-diện chúng ta trong các lãnh-vực tranh đua và học hỏi. Họ nói về việc làm sao giữ vững mức sống và đảm-bảo tương-lai kinh-tế. Họ kết-luận rằng tất cả chúng ta phải nhận lãnh vai-trò... và chính-phủ đang lắng nghe.

Vâng, chúng ta có thể. Chúng ta có khả-năng để xây-dựng sự thành-công của chúng ta.

Chúng ta có một lịch-sử chung sức làm việc với người khác, mang lại sự thành-công quốc-tế về duy-trì hòa-bình, thành-công về y-học và thám-hiểm không-gian. Giờ đây, với thương-nghiệp, lao-động, cai-trị, học-thuật và với các nhóm hoạt-động xã-hội, chúng ta có thể đạt tới sự phồn-thịnh trên trường cạnh-tranh quốc-tế. Nhưng, có một trở-ngại nguy-kịch: tiềm-lực chủ-yếu của Gia-nã-đại tùy-thuộc vào sự ràng-buộc của mỗi người dân.

ANITA LEGER, QUEBEC

"Tôi dọn về Québec, mang theo bằng giáo-học của Ontario. Trong nhiều năm, tôi không thể xin được việc dạy học, dù là giáo-viên dạy thế. Tôi biết rất khó xin được việc toàn thời, nếu tôi không thi lại, vì vậy tôi đã lấy bằng Quebec. Bây giờ tôi là giáo-viên toàn thời, lãnh lương cao hơn và nhận-thức rằng nếu bạn muốn có một tương-lai khá hơn, bạn phải sẵn-sàng để tái huấn-nghệ. Quả thật đáng công cho tôi."

Vâng, chúng ta có thể. Chúng ta có nhân-sự.

Đã đến lúc tập-trung năng-lực vào thử-thách kinh-tế quan-trọng nhất của chúng ta lúc này.. và chuẩn-bị cho sự phồn-vinh hơn nữa trong tương-lai

Vâng, chúng ta có thể!

Canada

tập thơ xinh đẹp phát-hành trong tháng:

Giá 8MK
(10 GK)

Đã phát-hành
khắp nơi

Hỏi tại
các nhà sách
hoặc
gửi chi-phiếu
về
Làng Văn

CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau-đớn báo tin cùng thân-bằng quyến-thuộc, Cha, Ông, Cụ của chúng tôi là:

Ông TRẦN MỘNG ĐẮC

đã tạ-thế tại Gatineau, Canada ngày 24 tháng 5 năm 1992 (nhằm ngày 22 tháng 4 năm Nhâm Thân), hưởng thọ 84 tuổi.

Trần Thị Hiền (quả-phụ Hoàng Đình Bảng và các con, các cháu (Canada)
Trần Thiệu Chi, vợ và các con (VN)
Trần Thị Nam, chồng và các con (VN)
Trần Thị Tuyết, chồng và các con (Canada)
Trần Thị Chi, vợ và các con (USA)
Trần Phụng Chi (Canada)
Trần Yến Chi (USA)
Trần Khánh Chi, chồng và các con (USA)
Trần Dung Chi (Canada)
Trần Đức Chi, vợ và các con (Canada)
Nguyễn Thị Mai Hương và chồng (USA)

Bộ Chữ Việt Nam

trên IBM PC & PS/1 & PS/2

Dùng tiếng Việt trong các software thông dụng trên thị trường (DOS & Windows):

Ami Pro	Pascal	Volkswriter
Corel Draw	PC-File	VP-Planner
Dbase III&IV	PC-Write	Windows Cardfiles
Designer	Pascal	Windows Notepad
Excel	Personal Editor	Windows Word
First Choice	Professional Write	Windows Write
Fortran	Prolog	Word
Foxbase	Q & A	WordPerfect
Framework	Quattro Pro	WordStar
PageMaker	Ventura Publisher	etc..

VNU Windows
VN Ventura
VN WordPerfect
$195

VN Labs
3700 Campus Drive, Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

LANG VAN is published monthly. Application to mail at Second class postage rates is pending at Lewiston, New York Postmaster, send address changes to P.O. Box 1185, Lewiston, NY 14092

Đã phát-hành khắp nơi:

Tập thơ thứ hai của Đắc Trung

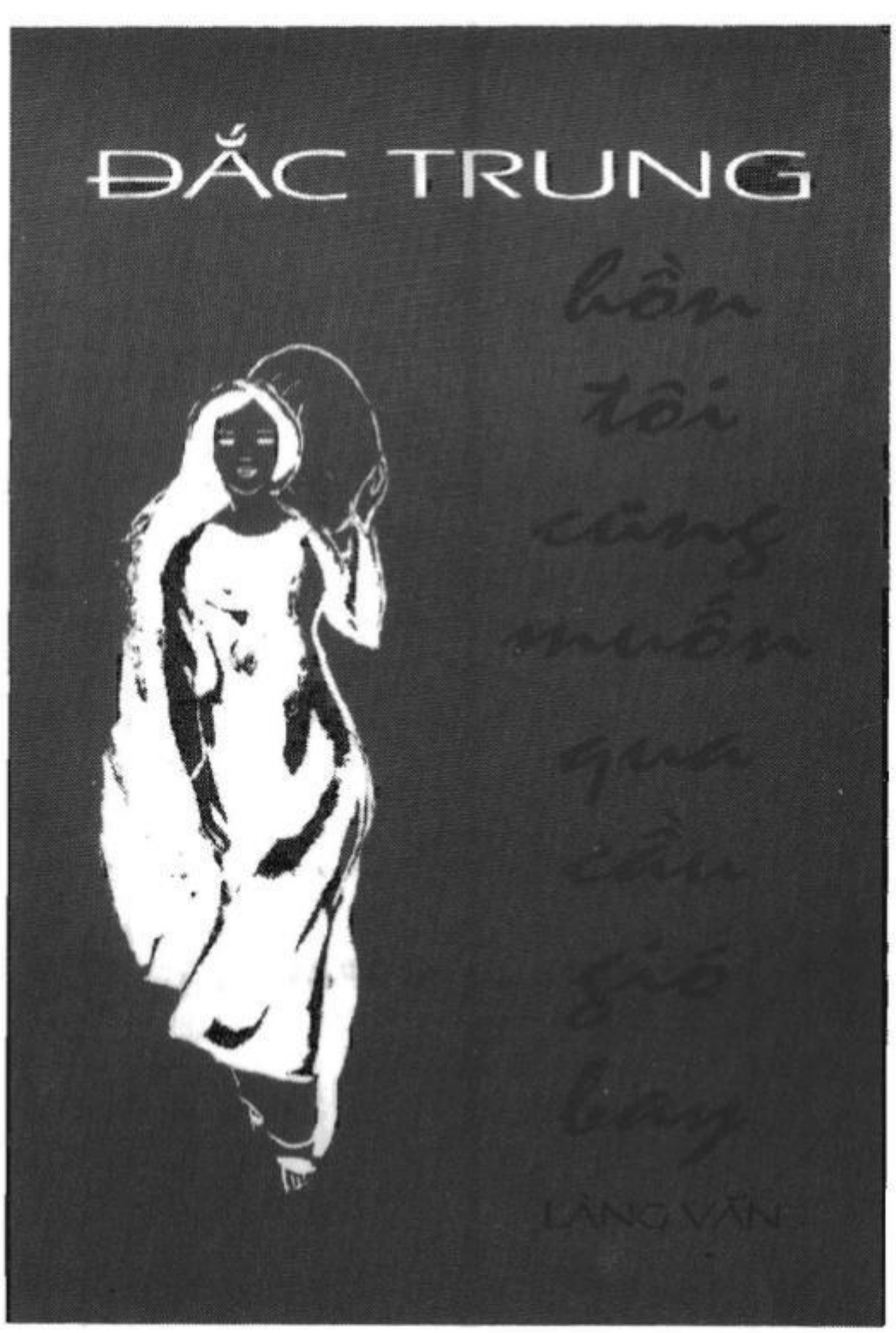

Giá 7 mỹ-kim (9 gia-kim)
Liên-lạc:

LÀNG VĂN
P.O. Box 310, Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9, Canada

Đã phát-hành khắp nơi:

Tập truyện thứ tư của Ngô Nguyên Dũng

NGÔ NGUYÊN DŨNG

tiếng núi

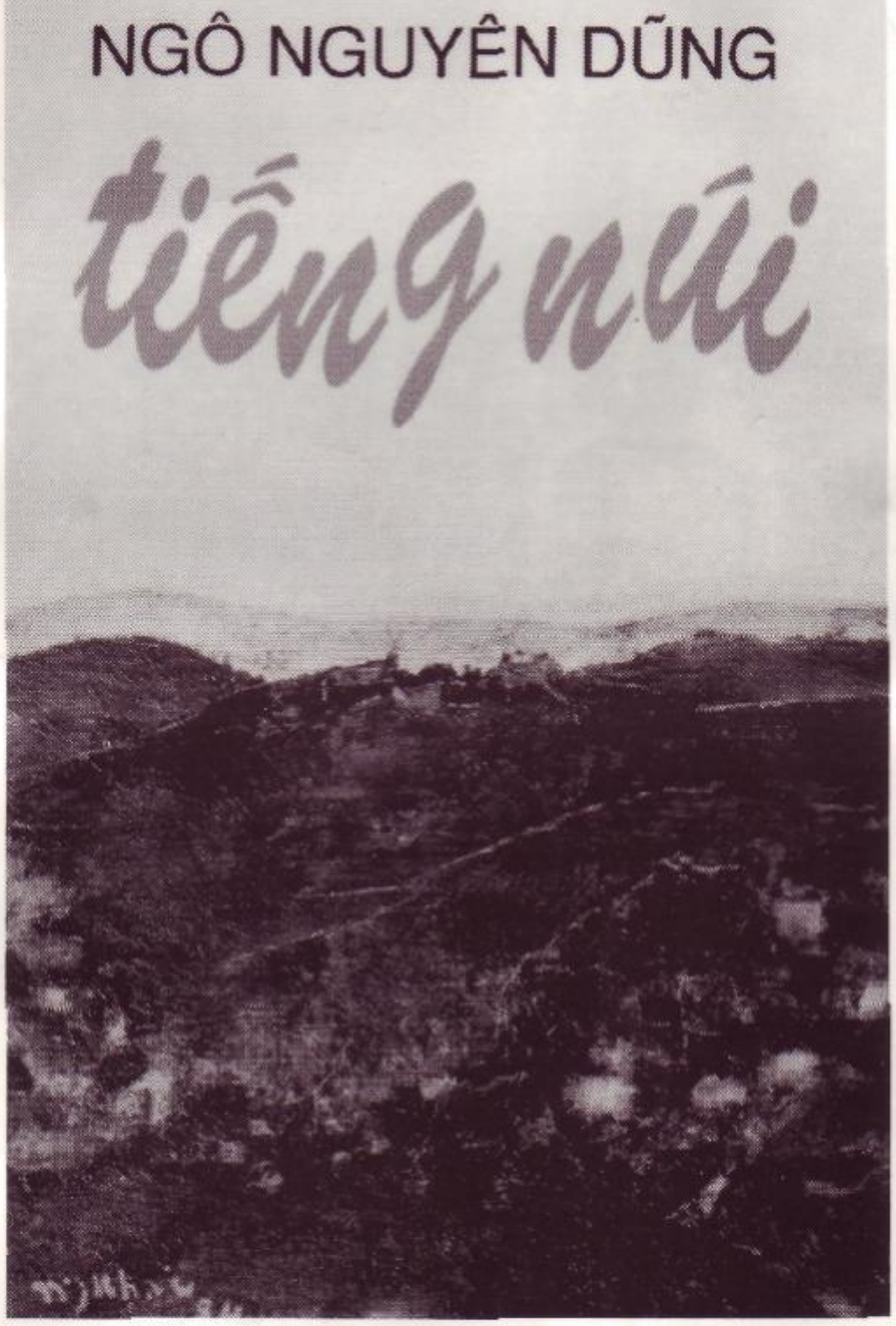

Giá 14 mỹ-kim - 17 gia-kim
(20 úc-kim - 110 quan Pháp)
Liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9 Canada